

LUẬT TỬ PHÂN
Quyển 3

VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC

LUẬT TỨ PHẦN

二分明尼戒法

PHẦN THỨ HAI

THUYẾT MINH GIỚI PHÁP TỖ-KHEO-NI

Quyển 3

Hán dịch:

Tam tạng Phật-đà Đa-xá và Trúc-phật-niệm

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh

Tỳ-kheo Thích Đức Thắng

Hiệu chính và chú thích:

Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng

BAN TU THƯ PHẬT HỌC

Pl. 2550 - 2006

PHỤ CHÚ

Phần thứ hai trong bản Hán gồm 8 chương. Bốn chương đầu, giới pháp tỳ-kheo-ni. Bốn chương sau gồm: 5. Kiền-độ thọ giới, 6. Kiền-độ thuyết giới, 7. Kiền-độ an cư, 8. Kiền-độ tự tứ, phần trên. Sự chia phần như vậy chỉ căn cứ theo hình thức. Bản dịch Việt tách giới pháp tỳ-kheo-ni thành một phần riêng biệt. Các chương còn lại đưa xuống phần thứ ba. Sự chia phần này, về hình thức, không cân đối; nhưng vì để tiện lợi cho việc nghiên cứu.

CHƯƠNG I BA-LA-DI¹

A - THÔNG GIỚI

I. BẮT TỊNH HẠNH*²

[714a7] Một thời, đức Phật ở tại giảng đường Lôu các,³ bên sông Di hầu, Tỳ-xá-ly. Bảy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này⁴ tập hợp các Tăng tỳ-kheo, nói:

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, tập hợp mười cú nghĩa: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng; 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ; 3. Khiến cho Tăng an lạc; 4. Khiến cho người chưa tín thì có tín; 5. Người đã có tín khiến Tăng trưởng; 6. Để điều phục người chưa được điều phục; 7. Người có tâm quý được an lạc; 8. Đoạn hữu lậu hiện tại; 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai; 10. Chánh pháp được cử trụ.”⁵”

¹ Bản Hán, quyển 22 (tr.714a1). *Ngũ phần 11* (tr.77b27): Phần II. Ni luật. *Tăng kỳ 36* (tr.514a25). *Thập tụng 42* (tr.302c15): Ni luật. *Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Bí-sô-ni tỳ-nại-da* (vt. *Căn bản ni*) 1 (tr.907a1). Pāli: *Bhikkhunīvibhaṅga*, Vin. iv. 206. Các bộ đều có 8 điều. Trong đó, 4 điều thuộc thông giới. Những học xứ, tuy duyên khởi từ tỳ-kheo, chung cho cả hai bộ. Duyên khởi, giới tướng, giải thích từ ngữ, của những học xứ này đại thể giống nhau. Xem Phần I, các điều liên hệ. Các thông giới sẽ được đánh dấu hoa thị (*).

² Thông giới. Các bộ trong Hán tạng đều có nguyên nhân kết, và giới văn của 4 thông giới. *Thập tụng* và Luật Pāli không có giới văn của 4 thông giới này.

³ Lôu các giảng đường 樓閣講堂. Ngôi nhà sàn dùng làm nhà hội. Trên kia, có chỗ (tr.577b13) dịch là Cao các giảng đường 高閣講堂.

⁴ Xem Phần I, Ch.i ba-la-di 1, do nguyên nhân Tu-đề-na, Phật kết giới cho tỳ-kheo. Nhân đó, kết giới luôn cho tỳ-kheo-ni. Có 4 ba-la-di là thông giới, chung cho cả hai bộ. Bốn điều riêng biệt cho tỳ-kheo-ni gọi là “bắt cộng giới.”

⁵ Xem cht. 38, Phần I, Ch.i ba-la-di 1.

Muốn nói giới nên nói như sau:¹

Tỳ-kheo-ni nào, hành pháp dâm dục, phạm bất tịnh hạnh, cho đến cùng với loài súc sanh, Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni: có tỳ-kheo-ni danh tự, tỳ-kheo-ni tương tự, tỳ-kheo-ni tự xưng, tỳ-kheo-ni thiện lai,² tỳ-kheo-ni khát cầu, tỳ-kheo-ni mặc áo cắt rọc, tỳ-kheo-ni phá kết sử, tỳ-kheo-ni thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu đúng cách. Tỳ-kheo-ni nói ở đây là tỳ-kheo-ni thọ đại giới, bạch tứ yết-ma như pháp, thành tựu như pháp, trụ trong pháp tỳ-kheo-ni. Đó gọi là nghĩa tỳ-kheo-ni.

Hành pháp dâm dục, phạm bất tịnh hạnh, cho đến cùng với loài súc sanh: đó là chỉ chỗ có thể hành dâm.

Ba-la-di: ví như người bị chặt đầu, không thể sống trở lại được. Tỳ-kheo-ni cũng như vậy, phạm ba-la-di rồi, không thành tỳ-kheo-ni được nữa, nên gọi là ba-la-di.

Thế nào gọi là *không được sống chung*? Không được sống chung với hai việc: cùng một yết-ma, cùng một thuyết giới. Tỳ-kheo-ni kia không được cùng sinh hoạt trong hai việc này. Cho nên gọi là không được sống chung.

Có ba đối tượng hành dâm thành ba-la-di. Loài người, phi nhân và súc sanh. Cùng hành dâm với ba đối tượng này thì phạm ba-la-di.

Lại nữa, hành dâm với ba đối tượng nam phạm ba-la-di: Nam loài người, nam phi nhân, súc sanh đực. [714b] Hành dâm với ba đối tượng này thì phạm ba-la-di.

¹ *Ngũ phần*, Ưu-ba-li hỏi Phật: “Thế Tôn đã kết giới cho tỳ-kheo... Được áp dụng cho một, hay cả hai bộ Tăng?” Phật đáp: Cho cả hai bộ... *tỳ-kheo-ni, cùng với các tỳ-kheo-ni đồng giới, phạm bất tịnh hạnh...*(xem Phần I, Ch.i ba-la-di 1).

² Thiện lai tỳ-kheo-ni 善來比丘尼. Pāli (Vin. iv. 214): *ehi bhikkhunī*. Trong các nguyên nhân đắc giới, không có trường hợp tỳ-kheo-ni thiện lai. Xem Phần III, Chương i. Thọ giới.

Hành dâm với ba đối tượng có hai hình,³ phạm ba-la-di: Loài người có hai hình, loài phi nhân có hai hình, súc sanh hai hình. Đối với ba đối tượng hai hình này cùng hành dâm, phạm ba-la-di.

Hành dâm với ba đối tượng huỳnh môn,⁴ phạm ba-la-di: Nhơn huỳnh môn, phi nhân huỳnh môn, súc sanh huỳnh môn. Đối với ba đối tượng này hành dâm phạm ba-la-di.

Tỳ-kheo-ni với tâm dâm dục, nắm nam căn của người đẽ vào ba chỗ đại, tiểu tiện, và miệng; vào thì phạm, không vào thì không phạm. Có ngăn cách với có ngăn cách; có ngăn cách với không ngăn cách; không ngăn cách với có ngăn cách; không ngăn cách với không ngăn cách; thấy đều phạm ba-la-di. Đối với phi nhân nam, súc sanh đực, nhị hình nam, huỳnh môn cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni với tâm dâm dục, nắm nam căn của nam tử đang ngủ, của người chết mà thân chưa hư hoại hay hư hoại một ít, mà đẽ vào ba chỗ, vào thì phạm; không vào thì không phạm. Có ngăn cách với có ngăn cách; có ngăn cách với không ngăn cách; không ngăn cách với có ngăn cách; không ngăn cách với không ngăn cách; đều ba-la-di. Phi nhân nam, súc sanh đực, nhị hình nơn nam, huỳnh môn cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni nào bị giặc bắt đem đến chỗ người nam, giặc cầm nam căn đẽ vào ba chỗ. Khi mới vào, (tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi thấy thọ lạc; khi lấy ra thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Khi mới vào, (tỳ-kheo-ni) thấy thọ lạc; đã vào rồi thấy thọ lạc; khi lấy ra không thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Khi mới vào thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, khi lấy ra thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Khi mới vào thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, lấy ra không thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Khi mới vào không thấy thọ lạc, vào rồi không thấy thọ lạc, lấy ra thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Khi vào, không thấy thọ lạc, vào rồi thấy thọ lạc, lấy ra không thấy thọ lạc, phạm ba-la-

³ Xem Phần I, Ch. i ba-la-di 1.

⁴ Xem Phần I, Ch. i ba-la-di 1.

đi. Khi mới vào không thấy thọ lạc, vào rồi thấy thọ lạc, lấy ra thấy thọ lạc, phạm ba-la-di. Trường hợp thứ sáu này,¹ có ngăn cách cho đến, không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên. Phi nhân nam, súc sanh đực, nhị hình nam, huỳnh môn, có ngăn cách cho đến, không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni bị giặc bắt đem đến chỗ nam tử đang ngủ, người chết thân chưa hư hoại hay hư hoại một ít, dùng nam căn của họ để vào ba chỗ. Khi mới để vào, (tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi, thọ lạc. Cho đến, mới để vào không thọ lạc, vào rồi không thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cũng như trên.

Có ngăn cách với không ngăn cách, cho đến không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên. Cho đến huỳnh môn cũng như trên, có ngăn cách với có ngăn cách, cho đến không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni nào bị giặc bắt, hành dâm nơi ba chỗ. Khi mới để vào, (tỳ-kheo-ni) cảm thấy thọ lạc; vào rồi thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cho đến khi mới để vào không thọ lạc, vào rồi không thọ lạc, lấy ra thọ lạc, cũng như trên. Có ngăn cách [714c] với có ngăn cách, cho đến không ngăn cách với không ngăn cách, cũng như trên.

Tỳ-kheo-ni nào, phương tiện muốn hành bất tịnh, làm thì phạm ba-la-di, không làm phạm châu-lan-giá.

Tỳ-kheo phương tiện chỉ bảo tỳ-kheo-ni phạm dâm, (tỳ-kheo-ni) làm theo, (tỳ-kheo dạy kia) phạm châu-lan-giá. (Tỳ-kheo-ni) không làm, (tỳ-kheo) phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni² chỉ bảo tỳ-kheo-ni phạm dâm, (tỳ-kheo-ni) làm theo, (tỳ-kheo-ni dạy kia) phạm châu-lan-giá. (Tỳ-kheo-ni) không làm, (tỳ-kheo-ni dạy kia) phạm đột-kiết-la. Dạy người khác, trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni; người ấy làm hay không làm, (tỳ-kheo-ni dạy) phạm đột-kiết-la.

¹ Đệ lục cú. Tổ hợp 3 giai đoạn hành dâm cùng với cảm thọ hay không cảm thọ lạc, thành 6 trường hợp phân biệt.

² Các bản Tống Nguyên Minh không có từ *ni*.

Tỳ-kheo, ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la diệt tẩn. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngủ không hay biết, không thọ lạc, tất cả không có dục tâm. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm lần đầu tiên khi chưa kết giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

II. BÁT DỮ THỦ*

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này³ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo rằng:

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

*Tỳ-kheo-ni nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị vua hay đại thần của vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng ‘Người là giặc, người ngu si, người không biết gì;’ tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.*⁴

III. ĐOẠN NHÂN MẠNG*

Một thời, đức Phật ở tại Tỳ-xá-ly, vì nhân duyên này⁵ tập hợp các Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo rằng:

Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng người, cầm dao

³ Nguyên nhân bởi tỳ-kheo Đản-ni-ca; xem Phần I, Ch.i ba-la-di 2.

⁴ Thông giới cho cả hai bộ. Xem Phần I, Ch.i ba-la-di 2.

⁵ Thông giới cho cả hai bộ, xem Phần I, Ch.i ba-la-di 3.

đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: ‘Này bạn, sống cuộc sống xấu ác này làm gì, thà chết còn hơn!’ Với tâm tư duy như vậy, bằng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

IV. ĐẠI VỌNG NGŨ*

Một thời, đức Phật ở trên nhà lầu các, bên sông Di hầu, Tỳ-xá-ly, vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo rằng:

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:¹

Tỳ-kheo-ni nào, thật không [715a1] sở tri mà tự xưng rằng: ‘Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy.’ Vào lúc khác, tỳ-kheo-ni ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: ‘Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ.’ Trừ tăng thượng mạn. Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung.

B - BÁT CỘNG GIỚI

V. MA XÚC²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có trưởng giả đại hào quý tên là Đại Thiện Lộc Lạc,³ tướng mạo đoan chánh. Thâu-la-nan-đà⁴ tỳ-kheo-ni nhan sắc

¹ Thông giới, xem Phần I, Ch.i ba-la-di 4.

² *Ngũ phân 11* (tr.78a3). *Tăng kỳ 36* (tr.515a17). *Thập tụng 42* (tr.302c16). *Căn bản ni 5* (tr.929a29). Pāli, Vin. iv. 211.

³ Đại Thiện Lộc Lạc 大善鹿樂. *Ngũ phân*: Thi-lị-bạt 尸利跋, cháu ngoại của bà Tỳ-xá-khu. *Thập tụng*: Lộc Tử cư sĩ nhi 鹿子居士兒, con trai ông Lộc Tử. Pāli:

cũng xinh đẹp. Ông trưởng giả Lộc Lạc đề ý Thâu-la-nan-đà, Thâu-la-nan-đà cũng đề ý trưởng giả Lộc Lạc.

Sau đó một thời gian, ông trưởng giả vì Thâu-la-nan-đà nên thỉnh các tỳ-kheo-ni và Thâu-la-nan-đà đến nhà dùng cơm. Đêm ấy, ông chuẩn bị đầy đủ các thức ăn, sáng sớm, đi báo giờ. Thâu-la-nan-đà biết trưởng giả vì mình nên thỉnh Tăng, bèn ở lại chùa không đi.

Đến giờ, các tỳ-kheo-ni khoác y, bưng bát, đến nhà ông trưởng giả. Đến nơi, các vị ngồi vào chỗ ngồi. Khi ấy, ông trưởng giả nhìn khắp ni chúng, không thấy Thâu-la-nan-đà, liền hỏi:

“Thâu-la-nan-đà ở đâu không thấy đến?”

Chư ni đáp:

“Cô ấy ở lại chùa, không đến.”

Ông trưởng giả vội vàng soát thức ăn xong, liền đến chùa, nơi Thâu-la-nan-đà ở. Thâu-la-nan-đà từ xa thấy ông trưởng giả đến, liền nằm trên giường.

Ông trưởng giả hỏi:

“A-di⁵ bệnh khổ thế nào?”

Thâu-la-nan-đà trả lời:

“Không có bệnh khổ chi cả. Chỉ có những điều tôi muốn mà ông không muốn thôi.”

Sālho Migāranattā, cháu của bà *Migāra*. *Từ phần* đọc là *Sādhu Migāraratta*.

⁴ Thâu-la-nan-đà 偷羅難陀. *Tăng kỳ*: Lại-tra tỳ-kheo-ni 賴吒比丘尼 dạy kinh cho một thiếu niên họ Thích. *Thập tụng*: Châu-na-nan-đà 周那難陀. Pāli: *Thullanandā*. Cf. Vin. iv. 212, bốn chị em xuất gia: *Nandā*, *Nandavatī*, *Sundarīnandā*, *Thullanandā*. Trong đó, chuyện xảy ra giữa *Thullanandā* và *Sālha*.

⁵ A-di 阿姨. Từ phiên âm, không phải nghĩa. Pāli: *ayye*, từ xưng hô đối với người trên.

Ông trưởng giả nói rằng: “Tôi muốn chứ chẳng phải không muốn.”

Bấy giờ, ông trưởng giả liền ôm choàng phía trước, đặt cô nằm xuống, sờ, mó, hôn hít. Sau đó, trưởng giả ngồi trở lại, hỏi:

“A-di cần thứ gì?”

Thâu-la-nan-đà nói:

“Tôi muốn được táo chua.”

Ông trưởng giả nói:

“Muốn có thứ ấy, sáng mai tôi sẽ đem đến.”

Bấy giờ, có cô sa-di-ni nhỏ giữ phòng, thấy sự việc như vậy. Chư ni thọ thực về, cô kể lại đầy đủ.

Chúng tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rằng: “Sao cô lại làm việc như vậy với ông trưởng giả?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên Phật. Đức Phật liền vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, **[715b]** chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà, sao lại cùng với ông trưởng giả làm việc như vậy?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo:

“Kẻ ngu si tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đàn này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này.

Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, cùng người nam có tâm nhiễm ô, thân xúc chạm nhau từ nách trở xuống, từ đầu

gối trở lên;¹ hoặc sờ mó, hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc vuốt lên, hoặc vuốt xuống, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắn, hoặc bóp;² tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung. Vì thân xúc chạm nhau vậy.³

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tâm nhiễm ô:⁴ tâm nhiễm đấm nhau.

Người nam có tâm nhiễm ô: cũng như vậy.

Từ nách trở xuống: phần thân bên dưới nách.

Từ đầu gối trở lên: phần thân bên trên đầu gối.

Thân: là từ ngón chân cho đến tóc trên đầu.

Thân xúc chạm nhau: hai thân hoặc sờ mó, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc vuốt ngược, hoặc vuốt xuôi, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc bóp, hoặc nắn.⁵

¹ *Ngũ phần, Thập tụng*: từ chân tóc trở xuống, từ đầu gối trở lên. *Tăng kỳ*: từ bờ vai (giải thích: từ vú) trở xuống, từ đầu gối trở lên (giải thích: đến rốn). *Căn bản*: từ con mắt trở xuống, từ đầu gối trở lên. Pāli: *adhakkhakam ubbhajānumaṇḍalam*, từ xương cổ (xương đòn gánh) trở xuống, từ đầu gối trở lên.

² *Ngũ phần, Tăng kỳ*, không có chi tiết này.

³ Pāli: *ubbhajānumaṇḍalikā ti*, “vì xúc chạm từ đầu gối trở lên.” Các bộ khác, trừ Tù phần và Pāli, không có yếu tố này.

⁴ *Ngũ phần*: dục thanh biến tâm 欲盛變心. Xem cht. Phần I, Ch. ii tăng-già-bà-thi-sa 2. *Thập tụng*: lậu tâm 漏心. Pāli: *avassutā*, bị rò rỉ (lậu tiết bởi dục); giải thích: ham muốn dục lạc (*sārattā*), mơ tưởng dục lạc (*apekkavatī*), tâm bị hệ lụy (*paṭibaddhacittā*).

⁵ Hán: tróc ma 捉摩, khiên 牽, thôi 推, nghịch ma 逆摩, thuận ma 順摩, cử 舉, hạ 下, tróc 捉, nại 捺. Pāli, 5 động tác: *adhakkhakam ubbhajānumaṇḍalam āmasanam vā parāmasanam vā gahanam chupanam vā paṭipīlanam vā sādīyeyyāti*, “... thuận tình cho vuốt ngược, vuốt xuôi, ôm ghì, sờ mó hay ép sát, từ xương cổ trở xuống và từ đầu gối trở lên...” Xem thêm, Phần I, Ch. ii tăng-già-bà-thi-sa 2 & cht. 22-27.

- *Sờ mó*:⁶ dùng tay vuốt ve phía trước hay phía sau thân.
- *Kéo*: là kéo ra phía trước.
- *Đẩy*: là xô ra.
- *Vuốt ngược*: từ dưới rờ lên.
- *Vuốt xuôi*: từ trên rờ xuống.
- *Nâng*: là ẩm lên.
- *Đề xuống*: ẩm đề xuống, ngồi hay đứng.
- *Nắm*: nắm phía trước, phía sau, nơi bắp vế, nơi ngực.
- *Nấn bóp*:⁷ nấn phía trước, phía sau, nơi bắp vế, nơi ngực.⁸

Nam tử, tưởng là nam tử; nam tử dùng tay sờ thân cô ni, hai thân xúc chạm nhau, với dục tâm nhiễm đắm, thọ lạc bởi xúc chạm, (tỳ-kheo-ni) phạm ba-la-di. Nam tử, tưởng là nam tử, nam tử dùng tay xoa thân cô ni, động thân với dục tâm nhiễm đắm, thọ lạc bởi xúc chạm, phạm ba-la-di. Cho đến nấn, bóp cũng như vậy.

Là nam tử mà nghi, phạm thâu-lan-giá. Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm y, anh lạc, đồ trang sức của người kia, với dục tâm nhiễm đắm, thọ lạc bởi xúc chạm, phạm thâu-lan-giá.

Hoặc nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm y phục, anh lạc, đồ trang sức của người kia, với tâm dục nhiễm đắm, không thọ lạc; khi xúc chạm, phạm thâu-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ, anh lạc, y nơi thân mình mà xúc chạm thân của cô ni. Ni với dục tâm nhiễm đắm, thọ lạc bởi sự xúc chạm, phạm thâu-lan-giá.

Hoặc là nam khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ, anh lạc, y phục nơi thân mình mà xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, nhưng không thọ lạc khi xúc chạm, phạm thâu-lan-giá.

⁶ Tróc ma 捉摩.

⁷ Nại 捺, lấy ngón tay đè, ấn xuống.

⁸ Cf. Pāli:

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm trang cụ, anh lạc, y phục nơi thân nam, với dục tâm nhiễm trước, động [715c] thân, không thọ lạc khi xúc chạm, phạm thâm-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Ni dùng thân xúc chạm trang cụ, anh lạc, y phục nơi thân nam, với dục tâm nhiễm trước, không động thân, thọ lạc khi xúc chạm, phạm thâm-lan-giá.

Hoặc là nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ, anh lạc, y nơi thân mình mà xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, động thân, không thọ lạc khi xúc chạm, phạm thâm-lan-giá.

Nam, khởi tưởng nam. Nam dùng trang cụ, anh lạc, y phục nơi thân mình mà xúc chạm thân cô ni. Ni có dục tâm nhiễm trước, thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, phạm thâm-lan-giá. Hoặc là nam, khởi tưởng nam, thân xúc chạm nhau. Ni có dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, động thân, phạm thâm-lan-giá.

Nam, khởi tưởng nam, thân xúc chạm nhau. Ni có dục tâm nhiễm trước, thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, phạm thâm-lan-giá.

Cũng vậy, từ vuốt ve cho đến sờ nắn, tất cả đều phạm thâm-lan-giá.

Nghi là nam, phạm đột-kiết-la.

Nam khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân của mình xúc chạm y phục, trang sức, anh lạc nơi thân của người nam. Ni với dục tâm nhiễm trước, khi xúc chạm thọ lạc, đột-kiết-la.

Nam khởi tưởng nam. Ni dùng y nơi thân của mình xúc chạm y phục, trang sức bằng anh lạc của người nam, với dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân của mình xúc chạm y phục, trang cụ, anh lạc nơi thân của người nam, với dục tâm nhiễm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, động thân, đột-kiết-la.

Nam, khởi tưởng nam. Ni dùng y phục nơi thân của mình xúc chạm y phục, trang cụ, anh lạc nơi thân của người nam, với dục tâm nhiễm trước thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, đột-kiết-la.

Nam, khởi tướng nam. Ni dùng y phục nơi thân của mình xúc chạm phục, trang cụ, anh lạc nơi thân của người nam, với dục tâm nhiệm trước, không thọ lạc khi xúc chạm, không động thân, đột-kiết-la.

Nam, khởi tướng nam. Ni dùng y phục nơi thân của mình xúc chạm y phục, trang cụ, anh lạc nơi thân của người nam, với dục tâm nhiệm trước, thọ lạc khi xúc chạm, động thân, đột-kiết-la.

Cũng vậy, cho đến nắm, đẩy, tất cả đều đột-kiết-la. Đó là nam mà nghi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni cùng với nam tử, hai thân xúc chạm nhau; mỗi xúc chạm là phạm một ba-la-di. Tùy theo sự xúc chạm nhiều hay ít, tất cả đều phạm ba-la-di.

Nếu là nam của loài trời, nam của a-tu-la, cho đến giống đực của súc sanh có thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau, đều phạm châu-lan-giá. Với súc sanh không thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau, đột-kiết-la.

Nếu cùng với người nữ, hai thân xúc chạm nhau, đột-kiết-la.

Nếu cùng với hạng hai hình, hai thân xúc chạm nhau châu-lan-giá.

Nếu người nam đánh lễ, mà nắm bàn chân; nếu ni có cảm giác thọ lạc khi xúc, không động thân, đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo-ni với dục tâm mà xúc chạm y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, dép, cho đến tự xúc chạm thân của chính mình, tất cả đều đột-kiết-la.

Nam loài người tướng là nam loài người, ba-la-di. Nghi là nam loài người, châu-lan-giá. Nam loài người, tướng nam loài phi nhân, châu-lan-giá. Nam loài phi nhân, khởi tướng là nam loài người, châu-lan-giá. Nam loài phi nhân [716a1] mà sinh nghi, châu-lan-giá. Tỳ-kheo, tăng-già-bà-thi-sa.¹ Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

¹ Xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 2, “Ma xúc giới.”

Sự không phạm: Nếu khi đưa hay nhận vật gì, xúc chạm thân; hoặc khi giỡn chơi mà xúc chạm; hoặc khi để cứu giải mà có sự xúc chạm. Tất cả nếu không có tâm dục. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

VI. BÁT SỰ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ, có ông trưởng giả tên là Sa-lâu Lộc Lạc,³ tướng mạo đẹp đẽ. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đa cũng có nhan sắc xinh đẹp. Trưởng giả Lộc Lạc để tâm nơi Thâu-la-nan-đa, Thâu-la-nan-đa cũng để tâm nơi Lộc Lạc.

Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đa, với dục tâm, bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đa: “Sao cô với dục tâm bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đa:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đa, sao cô với dục tâm

² Pāli, bát cộng giới thứ tư.

³ Sa-lâu Lộc Lạc 沙樓鹿樂. Cùng nhân vật như trên, Đại Thiện Lộc Lạc, nhưng âm nghĩa có khác. Pāli: Sālha Migāranatta; Hán đọc là Sādhu Migāraratta.

bằng lòng để cho trưởng giả nắm tay, nắm áo, cùng vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói, cùng đi, hai thân dựa nhau, cùng hẹn hò?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Thâu-la nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo:

“Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, biết người nam có tâm nhiễm ô, bằng lòng để cho nắm tay, nắm áo, vào chỗ vắng, cùng đứng, cùng nói,¹ cùng đi, thân dựa kề nhau, hẹn nhau. Tỳ-kheo-ni ấy là ba-la-di, không được sống chung. Vì phạm tám sự vậy.²

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tâm nhiễm ô: tâm có nhiễm trước.

Người nam có tâm nhiễm ô: cũng có nhiễm trước.

Nắm tay: nắm bàn tay cho đến cổ tay.³

Nắm áo: nắm lấy áo trên thân.

Vào chỗ vắng: [716b] xa chỗ không thấy, không nghe.

Cùng đứng chỗ vắng: đứng chỗ người không thấy, không nghe.

Cùng nói: cũng ở chỗ người không thấy không nghe.

Cùng đi: cũng ở chỗ không thấy nghe.

¹ *Tăng kỳ*: “cùng đứng nói chuyện trong tầm tay với.”

² Pāli: *aṭṭhavatthukā*, “vì phạm tám sự.” *Tăng kỳ*, không có câu này. *Thập tụng*: “Biểu lộ tướng tham trước bằng tám việc này.” *Căn bản ni*: “Cùng nhau lãnh thọ tám việc như vậy.”

³ *Ngũ phần*: nắm tay, nắm từ cùi chỏ về trước.

Thân dựa nhau: thân này nương vào thân kia.

Hẹn nhau: hẹn đến chỗ có thể hành dâm.⁴

Tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô bằng lòng cho nam tử có tâm nhiễm ô nắm tay, phạm thân-lan-giá. Nắm áo, thân-lan-giá. Vào chỗ vắng cùng đứng, chỗ vắng cùng nói, chỗ vắng cùng đi, lấy đó làm sự vui thích, để thân nương dựa nhau. Mỗi mỗi đều phạm thân-lan-giá.

Phạm trong bảy sự này, nếu không phát lồ sám hối, tội chưa trừ, mà phạm đến việc thứ tám thì phạm ba-la-di.⁵

Với con của trời, con của rồng, con của a-tu-la, con của dạ-xoa, ngựa quý, súc sanh có thể biến hình, phạm bảy sự, mỗi mỗi đều đột-kiết-la; phạm đến sự thứ tám thì thân-lan-giá. Với súc sanh không thể biến hình, phạm đến việc thứ tám, đột-kiết-la.

Cùng người nữ có tâm nhiễm ô, phạm việc thứ tám, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, tùy theo chỗ giới.⁶ Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

⁴ Tám sự, theo *Ngũ phần* (tr.716a28): nắm tay, nắm áo, cùng đi, cùng đứng, cùng nói, cùng ngồi một chỗ, thân thể cọ sát nhau. *Thập tụng* (tr.303c20): cho nắm tay; cho nắm áo; cùng đứng; cùng nói; cùng hẹn; vào chỗ khuất; chờ đàn ông đến; trao thân như nữ bạch y. *Căn bản ni* (tr.930c13): 1. trạo cừ; 2. đùa giỡn; 3. cười cợt; 4. chỉ định chỗ; 5. hẹn giờ; 6. ước tín hiệu; 7. đi đến chỗ đàn ông; 8. cùng ở chỗ có thể hành sự. Pāli: *hatthaggaṇaṇaṃ*, cho nắm tay, *saṅghāṭikaṇṇaggaṇaṇaṃ*, cho nắm vật áo tăng-già-lê, *santiṭṭheyya* (...*purissa hatthapāse*), đứng (trong tâm tay với của đàn ông), *sallapeyya* (...*purissa hatthapāse*), nói chuyện (trong tâm tay với...), *saṅketam vā gaccheyya*, đi đến chỗ hẹn, *purissa vā abbhāgamaṇaṃ*, cho đàn ông đến gần, *channaṃ vā anupaviseyya*, đi theo vào chỗ khuất, *kāyaṃ vā tadatthāya upasaṃhareyya*, trao thân cho mục đích ấy.

⁵ *Ngũ phần* (tr.78b20): mỗi việc riêng biệt, phạm thân-lan-giá. Phạm bảy việc, dù đã sám hối tùy mỗi việc; khi phạm đến việc thứ tám, dù cả tám việc, ba-la-di.

⁶ Tùy trường hợp: hoặc tăng-già-bà-thi-sa, hoặc ba-dật-đề.

Sự không phạm: Nếu khi có cái cần trao hay nhận, khi ấy tay chạm nhau; hoặc vui giỡn. Hoặc để giải cứu nên phải nắm áo. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp vào chỗ vắng cùng chung một chỗ. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp vào chỗ vắng cùng đứng. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp, vào chỗ vắng cùng nói. Hoặc có sự dâng cúng, hoặc lễ bái, hoặc sám hối, hoặc thọ pháp, vào chỗ vắng cùng đi.¹ Hoặc bị người đánh; hoặc có giặc đến; hoặc có voi đến, ác thú đến; hay gặp phải gai nhọn, nên xoay mình để tránh; hoặc đến cầu giáo thọ, hoặc nghe pháp, hoặc thọ thỉnh, hoặc đến trong chùa; hoặc cùng hẹn nơi không thể làm việc ác. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

VII. PHÚ TÀNG TRỌNG TỘI²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ. Bấy giờ, có em gái của tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà,³ tên là Đê-xá-nan-đà⁴ cũng xuất gia, mà phạm pháp ba-la-di. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, biết mà nghĩ rằng: “Đê-xá-nan-đà là em của ta, nay phạm pháp ba-la-di, chính ta muốn nói với người, nhưng sợ em ta mang tiếng xấu. Nếu em ta mang tiếng xấu thì đối với ta đâu tốt lành gì.” Bèn im lặng không nói. Sau đó một thời gian, tỳ-kheo-ni Đê-xá-nan-đà [716c] bỏ đạo. Các tỳ-kheo-ni biết, hỏi Thâu-la-nan-đà rằng:

¹ Giống nhau câu trên; chỉ khác: cùng chung chỗ, cùng đứng, cùng nói, cùng đi.

² *Ngũ phần* (tr.79a1), ba-la-di thứ tám. Pāli, bất cộng giới thứ hai.

³ Xem cht. 18 trước.

⁴ Đê-xá-nan-đà 坻舍難陀. Pāli: Sundarīnandā; xem cht. 18 trước. *Thập tụng*: hai chị em, tỳ-kheo-ni Di-đa-la 彌多羅 phạm giới dâm; em gái là tỳ-kheo-ni Di-đê-lê 彌帝隸, thanh tịnh, biết nhưng giấu tội cho chị.

“Cô có biết em của cô thôi tu hay không?”

Thâu-la-nan-đà nói:

“Em của tôi làm như vậy là đúng chứ không phải không đúng.”

Các tỳ-kheo-ni hỏi:

“Làm như vậy là đúng, nghĩa là sao?”

Thâu-la-nan-đà cho biết: “Trước đây tôi biết em tôi làm việc như vậy, như vậy.”

Các tỳ-kheo-ni nói: “Nếu trước đây cô có biết, tại sao cô không nói với các tỳ-kheo-ni?”

Thâu-la-nan-đà nói: “Đề-xá là em của tôi, phạm pháp ba-la-di, chính tôi muốn nói với người khác. Nhưng sợ em tôi mang tiếng xấu. Nếu em tôi mang tiếng xấu thì xấu lây tới tôi. Do đó tôi không nói với ai.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách Thâu-la-nan-đà: “Sao cô che giấu trọng tội của Đề-xá?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà, sao cô che giấu trọng tội của tỳ-kheo-ni Đề-xá?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu.

Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người khác phạm ba-la-di, không tự mình cử tội, không bạch với Tăng, không nói cho người biết. Thời gian khác, tỳ-kheo-ni kia, hoặc thôi tu, hoặc bị diệt tận, hoặc chúng Tăng ngăn,¹ hoặc theo ngoại đạo. Sau đó lại nói rằng: “Tôi trước đây đã biết cô ấy có tội như vậy, như vậy.” Tỳ-kheo-ni ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung. Vì che giấu trọng tội.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni chế giới như vậy. Có người phạm ba-la-di ở trong thành, ra ngoài thôn xóm để sống; có người phạm ba-la-di nơi thôn xóm vào trong thành để ở. Các tỳ-kheo-ni không biết họ có phạm ba-la-di hay không, sau mới biết là họ có phạm ba-la-di. Do đó nói mình đã phạm ba-la-di, hoặc nghi. Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi, nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết tỳ-kheo-ni phạm ba-la-di, không tự mình [717a1] phát lồ,² không nói cho mọi người, không bạch với đại chúng. Thời gian khác, tỳ-kheo-ni kia, hoặc qua đời,³ hoặc bị chúng cử tội, hoặc thôi tu, hoặc theo ngoại đạo,⁴ sau đó mới nói rằng: “Tôi trước đây đã biết cô ấy có tội như vậy, như vậy.” Tỳ-kheo-ni này là kẻ ba-la-di,

¹ Tăng giá 僧遮; giới vẫn lần sau không có.

² Bất tự phát lồ 不自發露, trên kia: bất tự cử 不自舉. Pāli: *nevattanā paṭicodeyya*, chính mình đã không buộc tội.

³ Giới vẫn trên kia không có. Pāli: *sā thitā vā assa cutā vā*, cô ấy vẫn tồn tại, hay đã chết; giải thích: *thitā* (trụ, hay tồn tại), nghĩa là vẫn nguyên giới tính (*sallīge thitā vuccati*). Cf. *Ngũ phân*: nhục tại, nhục từ, nhục viễn hành, nhục bị tấn, nhục bãi đạo, nhục hình biến 若在若死若遠行若被擯若罷道若形變. *Thập tụng*: nhục trụ 若住, giải thích: trụ trong pháp bạch y (hoàn tục).

⁴ Có sự bất nhất trong bản dịch Hán, hai đoạn văn trong hai lần kết giới không đồng nhất.- *Ngũ phân*, thêm các yếu tố: *nhục tại* 若在, vẫn còn đó; *nhục viễn hành* 若遠行, đi xa; và *nhục hình biến* 若形變, thay đổi giới tính (khi đó mất giới tỳ-kheo-ni).

không được sống chung. Vì che giấu trọng tội.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Biết: là nói tôi biết phạm tội như vậy, như vậy.

Tăng: cùng một yết-ma, cùng một thuyết giới.

Đại chúng: hoặc bốn người, hay hơn bốn người.⁵

Thôi tu: ra khỏi pháp này.

Diệt tận: Tăng trao cho pháp bạch tứ yết-ma đuổi đi.

Ngăn:⁶ Khi trong chúng quyết đoán tội trạng, ngăn chặn không cho nhập chúng.

Ngoại đạo: thọ giáo của ngoại đạo.

Trọng tội: tám ba-la-di. Trong tám pháp này phạm bất cứ pháp nào. Tỳ-kheo-ni kia biết tỳ-kheo-ni này phạm ba-la-di trước bữa ăn, sau bữa ăn mới nói, phạm thâm-lan-giá. Sau bữa ăn biết, đầu đêm nói, phạm thâm-lan-giá.

Đầu đêm biết giữa đêm nói, phạm thâm-lan-giá. Giữa đêm biết, sau đêm nói, phạm thâm-lan-giá. Sau đêm biết không nói, đến tướng sáng xuất hiện phạm ba-la-di. Trừ tám pháp ba-la-di, che giấu các tội khác không nói, tùy theo tội phạm mà xử lý. Tự che giấu trọng tội phạm thâm-lan-giá.

Che giấu tội người khác trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu không biết, hoặc nói với người, hoặc không có người để nói, ý muốn nói mà chưa nói, tướng sáng xuất hiện; nói sẽ bị mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không nói, thì không phạm.

⁵ Đại chúng, nhóm người, đông nhưng không thành Tăng. Pāli: *gana*.

⁶ Từ ngữ được giải thích không có trong giới văn lần hai; có trong lần đầu.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

VIII. TÙY THUẬN BỊ XỬ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cù-sư-la, tại Câu-thiểm-di.

Bấy giờ, Tôn giả Xiển-đà tỳ-kheo bị Tăng cử tội,² đúng pháp đúng luật đúng lời Phật dạy mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung.

Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni tên là Úy-thứ,³ tới lui phục vụ tỳ-kheo Xiển-đà. Các tỳ-kheo-ni nói:

“Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùy, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, cô đừng nên thuận tùng.”

Úy-thứ trả lời:

“Thưa các đại tỷ, Xiển-đà là anh của tôi. Nay không cúng dường thì đợi đến khi nào.” Rồi vẫn như cũ, Úy-thứ không chịu chấm dứt tùy thuận.

[717b] Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Úy-thứ rằng: “Tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như

¹ *Ngũ phần*, ba-la-di thứ 7. Pāli, bắt cộng giới thứ ba.

² Cf. Phần I, Ch.ii Tăng-già-bà-thi-sa 13.- *Ngũ phần*: Xiển-đà bị Tăng tác yết-ma bất kiến tội (ngoan cố không chịu nhận tội, bị Tăng xá trí). *Tăng kỳ*: bất kiến tội cử yết-ma 不見罪舉羯磨. *Thập tụng*: Ca-luru-la Đề-xá 迦留羅提舍 bị Tăng tác yết-ma bất kiến tẩn 不見擯. Pāli: Tỳ-kheo Ariṭṭha bị Tăng xá trí (*samaggena saṅghena ukkhitta*). Cf. Phần I, Ch.v Ba-dật-đề 68; Pāli, Pāc. 69.

³ Úy-thứ 尉次. *Ngũ phần*: Xiển-đà có em gái là tỳ-kheo-ni Uu-ta 優蹉. *Tăng kỳ*: Xiển-đà có mẹ 闍陀母 là tỳ-kheo-ni bênh vực chống lại Tăng. *Thập tụng*: Tỳ-kheo Ca-luru-la Đề-xá 迦留羅提舍 bị Tăng tác yết-ma bất kiến tẩn 不見擯 (bị xá trí, vì không nhận tội); có 7 cô em gái đều là tỳ-kheo-ni tùy thuận chống lại Tăng.

lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, tại sao nay cô vẫn cố ý thuận tùng như vậy?”

Các tỳ-kheo-ni thưa với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo đến bạch Phật.

Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Úy-thứ rằng:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, tại sao cô thuận tùng?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật nói với các tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp bạch tứ yết-ma ha trách, nên quở trách như vậy:

Trong ni chúng, nên sai một vị có khả năng, hoặc thượng tọa, hoặc thứ tọa, hoặc người tụng luật hay không tụng luật được, mà có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Úy-thứ này đã biết tỳ-kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp như luật, như lời Phật dạy mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; nhưng cô thuận tùng tỳ-kheo Xiển-đà. Các tỳ-kheo-ni nói với cô rằng: ‘Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; cô không được thuận tùng.’ Nhưng cô vẫn cố ý thuận tùng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Úy-thứ pháp ha trách, để bỏ việc này. Nói rằng: ‘Đại tỳ, tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; cô chớ tùy thuận.’ Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Úy-thứ đã biết tỳ-

kheo Xiển-đà bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, mà cô vẫn thuận tùng tỳ-kheo Xiển-đà. Các tỳ-kheo-ni nói với cô rằng: ‘Tỳ-kheo Xiển-đà đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng; cô không được tùy thuận.’ Nhưng cô vẫn cố ý tùy thuận. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Uý-thứ [717c] pháp ha trách để bỏ việc này. Nói rằng: ‘Tỳ-kheo Xiển-đà bị tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, cô chớ tùy thuận.’ Các đại tỳ, ai chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Uý-thứ pháp ha trách cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo-ni Uý-thứ pháp ha trách để bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Nên tác pháp ha trách tỳ-kheo-ni Uý-thứ như vậy. Tăng đã trao cho pháp bạch tứ yết-ma rồi, nên bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

“Nếu có Tỳ-kheo-ni nào thuận tùng tỳ-kheo bị Tăng cử tội như vậy thì Tăng cũng trao cho pháp bạch tứ yết-ma ha trách như vậy. Từ nay trở đi, Ta vì Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đã biết tỳ-kheo bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, nhưng không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa tác pháp ở chung,¹ mà thuận theo, thì các tỳ-kheo-ni nên nói với cô rằng: ‘Đại tỳ, tỳ-kheo

¹ *Ngũ phần*: bất cộng trú, bất cộng sự, bất cộng ngữ.

này đã bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung, cô không nên thuận theo.”

Khi tỳ-kheo-ni can gián tỳ-kheo-ni kia như vậy mà cô ấy kiên trì không bỏ việc này. Tỳ-kheo-ni nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, không bỏ, tỳ-kheo-ni kia phạm ba-la-di, không được sống chung. Vì tùy thuận bị cử.¹

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: như trên.

Cử tội: bị Tăng cử tội, bạch tứ yết-ma.

Pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Không thuận theo: không thuận theo pháp trị tội.

Không sám hối: chưa chịu sám hối tội phạm cho thanh tịnh.

Tăng chưa tác pháp cho ở chung: Tăng chưa tác pháp yết-ma giải tội.

Tùy thuận: có hai thứ; một là pháp, hai là y thực.

- *Pháp tùy thuận*: dạy tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, dạy học vấn, tụng kinh.

- *Y thực*: cung cấp ăn uống, y phục, giường nằm, tọa cụ thuốc chữa bệnh.

Tỳ-kheo-ni đã biết tỳ-kheo bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, nhưng không tùy thuận, không sám hối, [718a] Tăng chưa tác pháp cho ở chung mà thuận theo. Các tỳ-kheo-ni nên nói: “Tỳ-kheo này đã bị Tăng cử tội như pháp, như luật, như lời Phật

¹ Pāli: *ukkhittānuvattikā*, đi theo người bị Tăng xử trí. Pāli, như *Tứ phần*. Các bộ khác không có câu này.

dạy, nhưng không thuận theo, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho ở chung; cô đừng thuận theo. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội mà thành trọng tội.”

Nếu cô ấy nghe lời thì tốt; bằng không, nên tác bạch. Tác bạch rồi, nên nói: “Cô nên biết, tôi đã bạch xong, còn tác pháp yết-ma. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội mà thành trọng tội.”

Nếu cô ấy nghe lời thì tốt. Bằng không nghe, nên tác pháp yết-ma lần thứ nhất. Tác pháp yết-ma lần thứ nhất rồi, nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch và tác yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội mà thành trọng tội.”

Nếu cô ấy nghe lời thì tốt. Bằng không, nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, cũng phải nói: “Cô nên biết, tôi đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải cử tội mà thành trọng tội.”

Nếu nghe theo lời thì tốt. Bằng không, tác pháp yết-ma lần thứ ba xong, phạm ba-la-di.

Sau khi tác bạch và yết ma lần thứ hai, yết-ma xong mà bỏ, phạm ba thân-lan-giá. Sau khi tác bạch và yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai thân-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một thân-lan-giá. Nếu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, tùy thuận tỳ-kheo bị cử tất cả đều phạm đột-kiết-la.²

Nếu khi Tăng tác pháp ha trách tỳ-kheo-ni mà có tỳ-kheo khuyến khích: “Cô đừng bỏ!” Sau khi Tăng tác pháp ha trách xong, tỳ-kheo ấy phạm thân-lan-giá. Nếu Tăng không tác pháp ha trách, tỳ-kheo ấy phạm đột-kiết-la.

² *Thập tụng*: đối với tỳ-kheo bị Tăng xả trí, Tăng tỳ-kheo-ni tác yết-ma không cung kính: tỳ-kheo sẽ không lễ bái, không cúng dường, không nói chuyện với tỳ-kheo ấy.

Nếu, tỳ-kheo-ni xúi: “Đừng bỏ!” Sau khi Tăng tác pháp ha trách xong, tỳ-kheo-ni ấy phạm thâu-lan-giá. Tăng không tác pháp ha trách, Tỳ-kheo-ni ấy phạm đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người khác bảo: “Đừng bỏ!” Tăng đã ha trách hay chưa quở trách, thấy đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, tùy cử thì phạm đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi bắt đầu can gián liền bỏ; phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, khác với pháp, khác với tỳ-ni, khác với lời Phật dạy; tất cả trước khi

chưa tác pháp ha trách. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

CHƯƠNG II

TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA¹

I. MAI MỐI*

[718b2] Một thời, đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bấy giờ, Thế Tôn vì nhân duyên này² tập hợp Tăng tỳ-kheo, nói với các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

*Tỳ-kheo-ni nào làm mai mối, đem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam; hoặc để thành việc vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát. Tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.*³

II. VÔ CĂN BÁNG*

Một thời, đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bấy giờ, Thế Tôn vì nhân duyên này⁴ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các

¹ *Tứ phần, Ngũ phần*: 17 điều, trong đó, 7 thông giới. *Tăng kỳ*: 19 điều, 6 thông giới. *Căn bản*: 20 điều. *Thập tụng*, Pāli, 17 điều, trong đó 7 thông giới, đều không có giới văn của các thông giới.

² Thông giới, duyên khởi, xem Phần I, Chương ii Tăng-già-bà-thi-sa 5.

³ Hán: phạm sơ pháp ung xả tăng-già-bà-thi-sa 犯初法應捨 僧伽婆尸沙. *Ngũ phần*: sơ phạm tăng-già-bà-thi-sa khả hối quá 初犯僧伽婆尸沙可悔過. *Tăng kỳ*: thị pháp sơ tội tăng-già-bà-thi-sa 是法初罪僧伽婆尸沙. *Thập tụng*: thị pháp sơ phạm tăng-già-bà-thi-sa khả hối quá 是法初犯僧伽婆尸沙可悔過. Vin. i. 224: *ayam bhikkhunī paṭhamāpattikaṃ dhammaṃ āpannā nissāranīyaṃ saṅghādisesam*, “tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần thứ nhất, tăng-già-bà-thi-sa, cần phải bị xử lý.” Nghĩa là, ngay khi vi phạm lần đầu, tức thành tăng-già-bà-thi-sa với hình phạt là bị cách ly với Tăng mà không kinh qua sự khuyến cáo (*asama-nubhāsānāya*).

⁴ Duyên khởi, xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 8.

tỳ-kheo: “Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn, không hoan hỷ,⁵ vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị kia. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo-ni này nói rằng: ‘Tôi vì thù hận nên nói như vậy.’ Tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

III. GIẢ CĂN BẢNG*

Một thời, đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này⁶ tập hợp Tăng tỳ-kheo bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, dựa vào tiểu tiết trong phần sự khác, đối với tỳ-kheo-ni không phải là ba-la-di mà vu khống bằng pháp ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, tỳ-kheo-ni này tự nói rằng: ‘tôi vì thù hận nên nói như vậy.’ Tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

IV. TỐ TỤNG⁷

⁵ Nên thêm văn: “đối với tỳ-kheo-ni không phạm ba-la-di mà (vu khống).” Xem giới văn trong thông giới tỳ-kheo.

⁶ Duyên khởi, xem Phần I, Ch.ii Tăng-già-bà-thi-sa 9.

⁷ *Ngũ phần*, tăng-già-bà-thi-sa 7. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 4. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 7. Pāli, biệt giới 1.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni sống ở nơi a-lan-nhã. Nơi đó, có một cư sĩ cất tinh xá, cúng dường cho Tăng tỳ-kheo-ni ở.

Sau đó một thời gian, có việc xấu xảy ra cho tỳ-kheo-ni nơi trú xứ a-lan-nhã. Các tỳ-kheo-ni bỏ tịnh xá này đi. Khi cư sĩ qua đời, người con của cư sĩ đến cày đất nơi tịnh xá. Các [718c] tỳ-kheo-ni thấy vậy, nói:

“Đất này của chúng Tăng, ông chớ cày.”

Con của cư sĩ trả lời:

“Đúng vậy! Khi cha tôi còn sinh tiền, làm tịnh xá này cúng cho Tăng tỳ-kheo-ni. Tăng Tỳ-kheo-ni bỏ đi. Cha tôi qua đời. Nay tôi cày để trồng trọt, chớ để bỏ đất không hay sao?”

Con của cư sĩ nói như vậy rồi cứ tiếp tục cày. Tỳ-kheo-ni đến quan đoán sự thừa kiện.

Bấy giờ, các quan đoán sự liền kêu con của cư sĩ đến. Y theo pháp luật quyết đoán, tịch thu tài sản của con cư sĩ nhập vào nhà quan.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni kia: “Tỳ-kheo-ni sao lại đến nhà quan thừa kiện con của cư sĩ, khiến cho nhà quan tịch thu tài sản của họ?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni kia:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại đến cửa quan kiện thưa?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười

cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, thừa kiện người, hoặc cư sĩ, con cư sĩ, hoặc kẻ tôi tớ, người làm thuê, hoặc ngày, hoặc đêm, hay trong một niệm, trong cái búng ngón tay, hay trong chốc lát; tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

Thế Tôn, vì tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ, có người vợ nhỏ¹ của vua Ba-tu-nặc nước Câu-tát-la, làm một tinh xá cúng cho tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni kia nhận rồi ở một thời gian, sau đó bỏ đi du hành trong nhân gian. Vợ nhỏ của vua, nghe tỳ-kheo-ni bỏ tịnh xá, du hành trong nhân gian, vội đem tịnh xá này chuyển cúng cho nữ phạm-chí. Tỳ-kheo-ni kia nghe nghĩ rằng: “Ta vừa đi vắng, đã vội đem tịnh xá của ta cúng cho người khác.” Tỳ-kheo-ni liền trở về lại tịnh xá, nói với nữ phạm-chí:

“Cô dọn đi! Tại sao ở tịnh xá của tôi?”

Nữ phạm-chí kia nói:

“Tịnh xá này vốn là của cô thật! Thí chủ đã xây cất cho cô, nhưng cô bỏ đi du hành trong nhân gian, thí chủ đó đã đem cúng cho tôi rồi. Bây giờ tôi không thể bỏ đi.”

Tỳ-kheo-ni kia giận, xô kéo, bảo nữ phạm-chí ra.

[719a1]Bấy giờ, nữ Phạm-chí đến quan đoán sự thừa. Các quan đoán sự kêu tỳ-kheo-ni đến. Tỳ-kheo-ni nghi, không dám đến, tự nghĩ: “Thế Tôn chế giới, không được đến cửa quan kiện tụng.”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, nếu có quan kêu thì phải đến.”

Tỳ-kheo-ni liền đến chỗ quan đoán sự. Các quan đoán sự hỏi:

“A-di! Sự việc ấy thế nào? Cứ nói rõ ràng.”

¹ Tiểu phụ.

Tỳ-kheo-ni kia trả lời:

“Tất cả đất đai đều thuộc về nhà vua. Gia sự thuộc về cư sĩ. Phòng xá thuộc thí chủ. Giường ghé, ngựa cụ cũng vậy. Sữa sang phòng xá làm chỗ cơ ngơi cho chúng Tăng được nhiều phước. Tại sao vậy? Do thí chủ cúng, tôi được cư trú.”

Các quan đoán sự vặn nói: “Như A-di nói, ‘Tất cả đất đai đều thuộc về nhà vua. Gia sự thuộc về cư sĩ. Phòng xá thuộc thí chủ. Giường ghé, ngựa cụ cũng vậy. Sữa sang phòng xá làm chỗ cơ ngơi cho chúng Tăng được nhiều phước. Tại sao vậy? Do thí chủ cúng, tôi được cư trú.’ Nay tịnh xá này nên giao cho nữ Phạm-chí ở.”

Các Tỳ-kheo đến bạch với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này không khéo nói. Quan đoán sự cũng không khéo giải quyết. Tại sao vậy? Lần thí trước là như pháp, lần thí sau là phi pháp.”

Vua Ba-tư-nặc nghe Tỳ-kheo-ni nói như vậy, các quan đoán sự giải quyết như vậy, đức Thế Tôn giảng như vậy. Nhà vua phạt, tịch thu tất cả tài sản nhập của quan đoán sự vào nhà công khổ.

Các tỳ-kheo nghe, đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: Từ nay trở đi, nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đến quan thừa kiện nhau² cư sĩ, con cư sĩ, kẻ tôi tớ, người làm thuê,³ hoặc ngày hoặc đêm, hay trong khoảnh khắc, trong cái búng ngón tay, hay trong chốc lát,⁴ tỳ-kheo-ni này phạm pháp lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

² Hán: tương ngôn 相言. *Ngũ phần*: ngôn nhân 言人. *Tăng kỳ*: tranh tụng tương ngôn 諍訟相言. *Thập tụng*: thị thế ngôn nhân 恃勢言人. Pāli: *ussaya-ādika*, kiện cáo.

³ Pāli, thêm: *antamaso samaṇaparibbājakenāpi*, cho đến sa-môn du sĩ (xuất gia ngoại đạo). *Tăng kỳ*: hoặc người tục, hoặc xuất gia.

⁴ “Hoặc ngày, hoặc đêm..” *Tăng kỳ*: hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc chốc lát. Các bộ khác không có các chi tiết thời gian này.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Thưa kiện nhau: đến cửa quan cùng nhau tranh cãi ngay, gian.

Cư sĩ: là người không xuất gia.

Con: là do cư sĩ sanh ra.

Tôi tớ: hoặc thuê mướn hay do trong nhà sanh ra.

Người làm thuê: trả tiền bảo họ làm.

Nữ Phạm-chí:¹ kẻ nữ xuất gia ngoài pháp này.

Nếu tỳ-kheo-ni kiện thưa người khác, hoặc cư sĩ, hoặc con cư sĩ, hoặc tôi tớ, hoặc người làm thuê, hoặc ngày đêm, hoặc trong khoảng khắc, hay trong cái búng ngón tay, hoặc trong chốc lát. Như nữ Phạm-chí đến cửa quan trình bày sự việc này. Quan đoán sự hạ thủ [719b] phê án, ni phạm tăng-già-bà-thi-sa. Chỉ nói miệng mà không ghi thành danh tự, ni phạm đầu-lan-giá.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị kêu; hoặc có việc cần đến tâu; hoặc bị cường lực bắt đi, hoặc bị trói dẫn đến, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; tuy miệng nói mà không báo cáo với quan thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

V. ĐỘ NỮ TẶC²**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Thế Tôn ở trên lầu các bên sông Di hầu tại Tỳ-xá-ly. Bảy giờ, những người phụ nữ dòng Ly-xa ra ngoài dạo chơi. Trong

¹ Phiên âm (không phải dịch nghĩa) từ tương đương Pāli: *paribbājikā*, nữ xuất gia (ngoại đạo).

² *Ngũ phần*, tăng-già-bà-thi-sa 5. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 8. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 8. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 10. Pāli, biệt giới 2.

đám đông đó có nữ tặc trà trộn cùng đi; đợi lúc vui đùa, trộm lấy của cải rồi tẩu thoát.

Bấy giờ, các phụ nữ sai người đến báo cáo với Ly-xa, “Ồ đây có bọn tặc nữ lấy của cải của chúng tôi đào thoát, yêu cầu vì chúng tôi tầm nã.” Các Ly-xa sai người tầm nã, nếu bắt được thì giết liền.

Bấy giờ, tặc nữ nghe tin bị người tầm nã, nếu bắt được thì giết liền, nên liền bỏ Tỳ-xá-ly trốn thoát đến thành Vương-xá, vào trong Tăng-già-lam nơi ni chúng ở, thưa với các ni rằng:

“Con có tín tâm, muốn xuất gia.”

Chư ni nghe vậy, liền độ cho xuất gia, thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, các Ly-xa nghe tặc nữ trốn thoát đến thành Vương-xá, liền đến báo cáo với Bình-sa vương nước Ma-kiệt:

“Có tặc nữ lấy của cải của phụ nữ tôi trốn thoát đến đây, yêu cầu vua vì tôi tầm nã cho.”

Bình-sa vương liền ra lệnh cho tả hữu tra xét để bắt. Các quan tả hữu tâu với nhà vua:

“Có một tặc nữ đang ở trong Tăng-già-lam của ni, xuất gia học đạo.”

Khi Bình-sa vương nghe, có một tặc nữ đến đây, và tỳ-kheo-ni đã độ cho xuất gia học đạo, liền gọi tín sứ cho Ly-xa, nói rằng:

“Tôi nghe có một nữ tặc đang ở trong Tăng-già-lam của ni, nhưng đã xuất gia học đạo. Tôi không thể nói được.”

Bấy giờ, các Ly-xa cùng nhau cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn. Họ đều là tặc nữ. Bên ngoài tự xưng, tôi biết chánh pháp. Tại sao tặc nữ có tội đáng chết, mọi người đều biết, mà họ cho xuất gia thọ giới cụ túc. Như vậy có gì là chánh pháp?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni kia: “Tại sao cô độ tặc nữ xuất gia hành đạo?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. **[719c]** Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni kia:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao biết là tặc nữ mà độ cho xuất gia thọ giới cụ túc?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nữ tặc phạm tội đáng chết, mọi người đều biết, mà độ cho xuất gia, thọ giới cụ túc; tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy.

Có người làm giặc trong thành rồi ra ngoài thôn. Ngoài thôn làm giặc rồi vào trong thành. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni không biết họ là giặc hay không phải giặc, tội đáng chết hay không đáng chết, người biết hay không biết. Sau mới biết họ là giặc phạm tội đáng chết, có người biết, nên nói là phạm tăng-già-bà-thi-sa, hoặc nghi. Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đã biết là nữ tặc, tội đáng chết, mọi người đều biết,¹ mà không hỏi đại thần của vua, không hỏi dòng họ,² lại độ cho xuất gia thọ giới cụ túc; tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

¹ Pāli: *coriṃ vajjhaṃ viditaṃ*.

² Pāli, Vin. 226, “Chưa được phép của vua, của Tăng (*saṅgha*), của cộng đồng (*gaṇa*), của hội đoàn (*seṇi*), trừ phi hợp pháp (*kappā*).” *Tăng kỳ*: chủ chùa cho. *Ngũ phần*: chủ chùa cho, trừ trước đó đã xuất gia. *Thập tụng*: vua và chúng sát-lợi chưa hùy án tử.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tặc (cướp):¹ trộm năm tiền hoặc trên năm tiền.

Đáng chết: tức bị xử vào tội chết.

Nhiều người biết:² vua biết, đại thần biết, nhân dân biết.

Vua: không nương vào người để có ăn.

Đại thần: nhận địa vị quan trọng của nhà vua, giúp quản lý việc nước.

Dòng họ:³ Xá-di, Câu-ly-di-ninh, Bạt-kỳ, Mãn-la, Tô-ma.

Tỳ-kheo-ni kia biết tặc nữ, tội đáng chết, nhiều người biết, không hỏi⁴ đại thần của vua, họ hàng liền độ cho học đạo, ba phen yết-ma xong, Hòa-thượng ni phạm tăng-già-bà-thi-sa; hai phen yết-ma xong, phạm ba thâm-lan-giá; yết-ma lần đầu xong, phạm hai thâm-lan-giá; bạch xong, phạm một thâm-lan-giá; nếu bạch chưa xong, phạm đột-khiết-la. Trước khi chưa bạch, nếu có cạo tóc, hoặc cho xuất gia, cho thọ giới, tập hợp chúng Tăng, tất cả đều phạm đột-khiết-la, đủ chúng cũng phạm đột-khiết-la.

Tỳ-kheo, phạm đột-khiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, [720a1] sa-di-ni, đột-khiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết; hoặc có tâu với vua, đại thần, họ hàng. Hoặc tội đáng chết, vua cho xuất gia. Hoặc có tội, (quan tha) cho xuất gia; trong trường hợp giam cầm rồi phóng thích cho đi xuất gia. Hoặc cầu cứu khiến được thoát khỏi. Thấy đều không phạm.

¹ Pāli: *corī*, nữ tặc. Phân biệt ăn trộm (*adinnadāna*: bắt dử thù, lấy trộm vật dưới 5 māsaka), và trộm cướp (*cora*), trộm vật có giá trên 5 māsaka.

² Pāli: *viditā: aññehi manussehi ñātā hoti, esā vajjhā' ti*, tội chết đã được công bố, mọi người đều biết “Người này đáng bị giết.”

³ Pāli, chi tiết: (được hứa khả bởi) Tăng tức tỳ-kheo-ni Tăng (*saṅgho nāma bhikkhunisāṅgho vuccati*); bởi cộng đồng (*gaṇo*: chúng hay chúng hội); bởi hội đoàn (*pūgo*: đoàn thể), tập đoàn (*seṇi*); và chưa được miễn tội (*aññatra kappā*)

⁴ Không hỏi: không xin phép. Pāli: *apaloketabbo*, chưa được sự hứa khả (của...).

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

VI. TỰ Ý GIẢI TỘI⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, tỳ-kheo-ni Uỷ-thứ⁶ bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà cô ấy không thuận theo, có tội mà không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho cộng trú, mà tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà không bạch với ni Tăng, ni Tăng không sai khiến, vội tự ý ra ngoài giới tác pháp yết-ma giải tội cho Uỷ-thứ.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rằng: “Tại sao, ni Tăng như pháp, như luật, như lời Phật dạy, cử tội tỳ-kheo-ni Uỷ-thứ, mà cô không thuận theo, có tội không sám hối, Tăng chưa tác pháp cộng trú, ni Tăng không sai khiến, mà cô vội tự ý ra ngoài cương giới, giải tội cho cô ấy?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà, tại sao, ni Tăng như pháp, như luật, như lời Phật dạy cử tội tỳ-kheo-ni Uỷ-thứ, cô ấy không thuận theo, có tội không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho phép cộng trú, ni Tăng

⁵ *Ngũ phần*, tăng-già-bà-thi-sa 6. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 8. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 10. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 12. Pāli, biệt giới 4.

⁶ Xem Ch. i ba-la-di 8. *Thập tụng* 43 (tr.310b19): tỳ-kheo-ni Xiển-đề 闍提, em gái của Xa-nặc, tính ngang ngược, bị các tỳ-kheo-ni tác yết-ma bắt kiến tần (bị xử trí vì ngoan cố không nhận tội). Mẹ là tỳ-kheo-ni Ưu-bà-hòa 憂婆和, vốn là người đoán sự của Tăng, tự ý ra ngoài giới tác pháp giải tội. Pāli, Vin. iv. 231: tỳ-kheo-ni Caṇḍakālī bị các tỳ-kheo xử trí vì không nhận tội (*āpattiyā adassane ukkhipi*). Tỳ-kheo-ni Thullanandā tự ý tập hợp tỳ-kheo-ni giải tội cho Caṇḍakālī.

không sai khiến, mà cô vội tự ý ra ngoài cương giới tác pháp yết-ma giải tội cho cô ấy?”

Đức Thế Tôn bảo các tỳ-kheo: “Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa *cho đến câu* chánh pháp cử trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết tỳ-kheo-ni kia bị Tăng cử tội,¹ như pháp, như luật, như lời Phật dạy, mà không thuận theo, chưa sám hối, Tăng chưa tác pháp yết-ma cho phép ở chung; vì thân ái,² không hỏi Tăng, Tăng không sai bảo, ra ngoài giới tác yết-ma giải tội; tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: [720b]nghĩa như trước.

Tăng: nghĩa cũng như trước.

Cử tội: Tăng bạch tứ yết-ma để cử.

Pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Không thuận theo: không tuân hành theo pháp trị tội do Phật chế.

Chưa sám hối: có tội mà không hướng đến người nói lên sự ăn năn.

Chưa tác pháp cho phép ở chung: bị Tăng cử tội, chưa được giải tội.

Vì thân ái nhau nên không hỏi Tăng, Tăng không sai khiến, ra ngoài giới tác yết-ma giải tội, ba phen yết-ma xong, tăng-già-bà-thi-sa; bạch nhị yết-ma xong, ba thâu-lan-giá; bạch nhất yết-ma xong, hai thâu-lan-giá; bạch xong, một thâu-lan-giá; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, tập chúng, đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

¹ Pāli: *saṅghena ukkhittam*, bị Tăng xử trí.

² Vì ái cố 為愛故. Các bộ không có chi tiết này.

Sự không phạm: Có bạch với chúng Tăng, hoặc được Tăng sai khiến; hoặc phạm như hạ ý sám bốn tội. Hoặc Tăng vì giận hờn nên không giải tội cho người kia, thì giải mà không phạm. Hoặc trước đó Tăng tác pháp yết-ma rồi, Tăng này di chuyển, hoặc chết, đi xa, thôi tu, hay bị giặc bắt dẫn đi, hoặc bị nước cuốn trôi; bấy giờ giải tội cho, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

VII. ĐỘC HÀNH³

a. Duyên khởi

1. Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni một mình vén cao y lội qua sông, từ bờ bên này đến bờ bên kia. Tỳ-kheo-ni này lại có nhan sắc xinh đẹp.

Bấy giờ, có một kẻ giặc để ý, chờ cô ni kia lội qua sông xong, liền ôm lấy và quấy rối. Các cư sĩ thấy, cùng nhau cơ hiềm rằng: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, hành pháp bất tịnh. Bên ngoài tự xưng, tôi biết chánh pháp. Một mình vén y cao, lội qua sông như dân nữ không khác. Như vậy có gì là chánh pháp?”

2. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Sai-ma có nhiều đệ tử. Cách Tăng-già-lam không xa, có một thôn xóm quen biết. Vì việc cần, nên bỏ chúng, một mình vào thôn. Các cư sĩ thấy, bảo nhau: “Tỳ-kheo-ni Sai-ma này một mình đi vào thôn là muốn kiếm đàn ông.”

3. Tỳ-kheo-ni kia một mình nghỉ đêm lại nơi thôn, không trở về. Các cư sĩ lại nói: “Sở dĩ cô ni ngủ lại thôn một mình, chính là cần đàn ông.”

4. Bấy giờ, có nhóm sáu tỳ-kheo-ni và Thâu-la-nan-đà cùng số đồng tỳ-kheo-ni trên con đường giữa Câu-tát-la và Khoáng-dã. Nhóm sáu

³ Pāli, Tăng tàn biệt giới 3. *Ngũ phần*: tăng-già-bà-thi-sa 6. *Tăng kỳ*: 9. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 6, phân thành 4 khoản nhỏ cho 4 sự kiện. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 6, 7, 8, 9 (gồm 4 điều).

tỳ-kheo-ni và [720c] tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thường một mình đi sau chót. Các tỳ-kheo-ni thấy vậy, nói:

“Này các cô, sao các cô không đi chung với chúng tôi, mà cứ đi sau?
“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni trả lời:

“Các cô cứ đi theo đường của các cô. Chuyện gì các cô can dự đến việc của chúng tôi?”

Ni chúng liền nói:

“Các cô không nghe đức Phật kết giới, phải đi chung với bạn đồng hành, hay sao?”

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni và Thâu-la-nan-đà trả lời:

“Các cô không biết tôi chẳng?”

Chư ni nói:

“Không biết.”

Thâu-la-nan-đà nói:

“Sở dĩ chúng tôi đi sau là muốn gặp đàn ông!”

Các tỳ-kheo-ni nghe thế, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách những tỳ-kheo-ni kia rằng: “Sao tỳ-kheo-ni lại vén cao y một mình lội qua sông? Vào trong thôn một mình? Ngủ lại đêm một mình? Cùng với bạn đi mà lại một mình đi sau?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo dùng vô số phương tiện quở trách những tỳ-kheo-ni kia rằng:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao tỳ-kheo-ni lại vén cao y một mình lội qua sông? Một mình đi vào thôn xóm? Một mình ngủ lại đêm? Cùng với bạn đi sau một mình?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách những tỳ-kheo-ni kia rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, lội qua nước một mình, vào xóm một mình, ngủ đêm một mình, đi sau một mình;¹ tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nước: nước sông, một mình không nên lội qua.

1. Tỳ-kheo-ni kia nên tìm tỳ-kheo-ni cùng lội. Tỳ-kheo-ni nên từ từ vén y khi xuống nước, đợi bạn. Tỳ-kheo-ni đi trước vội vàng lội xuống nước, khiến cho bạn không đi kịp, tăng-già-bà-thi-sa. Khi xuống nước, tùy theo mức nước sâu cạn mà vén y lên, đợi bạn đi sau. Nếu vội vàng xuống nước, không đợi bạn đi sau, phạm *thâu-lan-giá*. Đến bờ bên kia, từ từ xổ y xuống, đợi bạn đi sau; nếu vội vàng đi, không từ từ xổ y xuống; lên bờ không đợi bạn đi sau, phạm *thâu-lan-giá*.

2. Tỳ-kheo-ni kia nên tìm một tỳ-kheo-ni cùng đi vào xóm. Nếu tỳ-kheo-ni một mình đi vào xóm, tùy theo chỗ đến, phạm *tăng-già-bà-thi-sa*. Nếu đi qua vùng [721a] đồng trống một mình, quá một khoảng cách, đánh một tiếng trống không nghe, phạm *tăng-già-bà-thi-sa*. Một mình, đi chưa đến nơi xóm, phạm *thâu-lan-giá*. Dưới tầm không nghe một tiếng trống, phạm *thâu-lan-giá*. Một mình đi vào trong xóm, cùng một cương giới, phạm *đột-kiết-la*. Tìm phương tiện muốn đi mà không đi; hoặc kết bạn muốn đi mà không đi; tất cả đều phạm *đột-kiết-la*.

3. Tỳ-kheo-ni kia cùng ngủ, nên nằm trong tầm tay duỗi ra đụng nhau. Tỳ-kheo-ni kia ngủ một mình, khi hông chạm đất, phạm *tăng-*

¹ Bốn độc, bốn trường hợp tỳ-kheo-ni không được phép đơn độc: độc độ, độc vắng, độc túc, độc lưu.

già-bà-thi-sa. Mỗi lần nghiêng mình qua lại, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tỳ-kheo-ni cùng ở trong xóm, khi nằm ngủ, phải nằm trong tầm duỗi cánh tay đụng nhau. Nếu duỗi cánh tay không đụng nhau, mỗi lần nghiêng mình là phạm một tăng-già-bà-thi-sa.

4. Tỳ-kheo-ni kia cùng đi trên một đường, không được cách xa (đồng bạn) ngoài tầm thấy nghe. Nếu tỳ-kheo-ni cùng đi trên một đường mà ở ngoài tầm nghe và thấy (của đồng bạn), phạm tăng-già-bà-thi-sa. Ngoài chỗ thấy mà không ngoài tầm nghe, phạm đầu-đạt-lá. Cách chỗ nghe, không cách chỗ thấy, phạm đầu-đạt-lá.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm:

1. Hai tỳ-kheo-ni cùng lội qua nước, khi xuống nước, tùy theo mức nước sâu cạn mà từ từ vén y, đợi bạn đi sau; khi xuống nước không đi nhanh, đợi bạn, khi lên bờ từ từ xổ y, đợi bạn; hoặc vượt qua bằng thân túc, bằng xe cộ, hay bằng thuyền, bằng cầu. Hoặc tỳ-kheo-ni đồng hành qua đò, hay thô tu, đi sau, hoặc bị giặc dẫn đi, mạng nạn, phạm hạnh nạn, nạn ác thú. Hoặc bị cường lực bắt, bị trói dẫn đi. Hoặc bị nước cuốn trôi. Thủy đều không phạm.

2. Nếu, hai tỳ-kheo-ni vào xóm, mà khi đang ở trong xóm có một tỳ-kheo-ni đồng bạn qua đò, hoặc thô tu, hoặc đi xa, hoặc bị giặc dẫn đi, cho đến bị nước cuốn trôi, như trên, thì không phạm.

3. Nếu cùng hai tỳ-kheo-ni ngủ lại đêm, duỗi cánh tay ra phải đụng nhau; hoặc một tỳ-kheo-ni đi ra ngoài đại tiểu tiện, hoặc thọ kinh, tụng kinh; hoặc ưa ở chỗ vắng một mình khi đi kinh hành; hoặc vì tỳ-kheo-ni bị bệnh, nấu canh, cháo, cơm; hoặc qua đò, thô tu, đi xa, hoặc bị giặc dẫn đi, cho đến bị nước cuốn trôi cũng như trên, thì không phạm.

4. Hai tỳ-kheo-ni cùng đi không cách nhau chỗ thấy chỗ nghe thì không phạm; hoặc một tỳ-kheo-ni đi ra ngoài đại tiểu tiện, hoặc mạng chung, thô tu, hoặc bị giặc bắt dẫn đi, cho đến bị nước cuốn trôi, như trên, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng,

loạn tâm, thông não bức bách.¹

VIII. NHẬN CỦA NAM NHIỆM TÂM²

a. Duyên khởi

[721b9] Một thời, đức Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, giá lúa gạo tăng vọt, trở thành kham hiếm, khát thực khó được. Có tỳ-kheo-ni vào thành khát thực, mang bát về không. Cùng lúc ấy, tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà đến giờ, đắp y bung bát, vào thành khát thực, tuần tự đến nhà một người buôn, đứng im lặng. Tỳ-kheo-ni Đề-xá là người có nhan sắc xinh đẹp, nên người buôn thấy, liền để ý cô. Ông đến trước mặt cô và hỏi:

“A-di cần gì?”

Đề-xá trả lời:

“Tôi muốn khát thực.”

Nhà buôn bảo:

“Cô đưa bát đây.”

Đề-xá trao bát. Nhà buôn lấy com canh đựng đầy bát, rồi trao lại cho tỳ-kheo-ni Đề-xá.

Sau đó, thường xuyên Đề-xá cũng quán y bung bát đến đó, im lặng đứng. Nhà buôn cũng lại hỏi:

“A-di cần thứ gì?”

“Tôi cần khát thực.”

Nhà buôn cũng lại lấy bát đựng đầy com canh rồi trao lại cho Đề-xá.

Các tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi:

“Hiện nay ngũ cốc khan hiếm, khát thực khó được. Hầu hết chúng tôi mang bát vào thành khát thực, trở về bát không. Hằng ngày cô đi khát thực, khi trở về đều được đầy bát. Lý do nào cô được như vậy?”

¹ Bản Hán, hết quyển 22.

² Pāli, biệt giới 5. *Ngũ phần*: tăng-già-bà-thi-sa 8. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 11. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 4. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 4.

Đề-xá trả lời:

“Các cô khát, cũng có thể được vậy.”

Lại một ngày khác, tỳ-kheo-ni Đề-xá cũng quần y bùng bát đến nhà người buôn đó. Người kia từ xa trông thấy tỳ-kheo-ni đến, liền tự tính nhẩm: Từ trước đến nay ta đã cho cô ni này ăn, tính theo giá có thể đủ 500 tiền vàng, bằng với giá mua một người nữ. Vừa nghĩ như vậy xong, ông ta liền bước đến trước ôm cô tỳ-kheo-ni, muốn hành dâm. Tỳ-kheo-ni kia liền kêu la:

“Đừng làm vậy, đừng làm vậy!”

Người lân cận liền hỏi:

“Vừa rồi, sao cô la lớn thế?”

Đề-xá trả lời:

“Người này bắt tôi.”

Người kia hỏi:

“Sao ông bắt tỳ-kheo-ni?”

Đáp:

“Tôi trước sau cho tỳ-kheo-ni này ăn, tính ra giá trị bằng [721c] 500 tiền vàng. Đủ để mua một cô gái. Nếu tỳ-kheo-ni này không ham thích tôi, sao lại nhận đồ ăn của tôi.”

Người kia hỏi:

“Có thật vậy không cô?”

Cô trả lời:

“Có thật vậy.”

Người kia hỏi:

“Cô biết ý người ta cho cô ăn không?”

Đáp:

“Biết.”

Người kia nói:

“Cô đã biết rồi. Sao còn kêu la?”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe biết. Trong đó có người thiếu dục, tri túc, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà: “Tại sao tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô nhận thức ăn của người cho có tâm nhiễm ô?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà: “Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao đem tâm nhiễm ô thọ nhận thức ăn của người có tâm nhiễm ô?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, có tâm nhiễm ô,¹ đến người nam cũng có tâm nhiễm ô nhận, thứ có thể ăn, thức ăn và các vật khác. Tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni không biết người ấy có tâm nhiễm ô hay không, sau mới biết họ có tâm nhiễm ô, nên nói mình phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc nghi. Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.” Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, với tâm nhiễm ô, biết người nam có tâm nhiễm ô, mà đến người ấy nhận, thứ có thể ăn, thức ăn và các vật khác. Tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xử trí.

¹ *Tăng kỳ*: Tỳ-kheo-ni không có lậu tâm 無漏心. *Thập tụng*: tỳ-kheo-ni có lậu tâm, và người nam cũng vậy. Pāli: *bhikkunī avassutā avassutassa purisapuggalassa*, tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô, (nhận) của người nam có tâm nhiễm ô. Xem cht. 23, ba-la-di 5 (ma xúc giới).

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tâm nhiễm ô: tâm nhiễm trước dục.

Người nam có tâm nhiễm ô: nam tử có tâm nhiễm đắm trước dục.

Thứ có thể ăn: thức ăn bằng gốc (củ), thức ăn bằng cọng, thức ăn bằng lá, thức ăn bằng bông, thức ăn bằng trái, thức ăn bằng dầu, thức ăn bằng hồ ma, thức ăn bằng đường đen, thức ăn nát vụn.¹

Thứ ăn: cơm, lương khô, cơm khô, cá và thịt.²

Các vật khác: vàng, bạc, trân, bảo, ma-ni, chân châu, tỳ lưu ly, kha bối, bích ngọc, san hô, hoặc tiền sanh tượng kim.

Tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô, biết người nam có tâm nhiễm ô, [722a1] đến người đó nhận vật có thể ăn và thức ăn, cùng các vật dụng khác. Người (nam) kia đưa; (tỳ-kheo-ni) này nhận, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Người (nam) này đưa; (tỳ-kheo-ni) không nhận, thâm-lan-giá. Phương tiện muốn cho mà không cho, hoặc cùng hẹn, hoặc (tỳ-kheo-ni) ăn năn rồi trả lại; tất cả đều thâm-lan-giá.

Con trai của chư Thiên, con trai của A-tu-la, con trai Càn-thát-bà, con trai Dạ-xoa, con trai ngạ quỷ, súc sanh đực có thể biến hình; (tỳ-kheo-ni) đến nơi chúng mà nhận vật có thể ăn và thức ăn, cùng các vật khác; kẻ kia đưa, (tỳ-kheo-ni) này nhận, thâm-lan-giá. Với loài không thể biến hình, (tỳ-kheo-ni) phạm đột-kiết-la.

Đến nơi người nữ có tâm nhiễm nhận vật có thể ăn và thức ăn, cùng các vật khác, đột-kiết-la.

Tâm nhiễm ô tướng là tâm nhiễm ô, tăng-già-bà-thi-sa. Tâm nhiễm ô, thâm-lan-giá. Tâm không nhiễm ô, tướng là tâm nhiễm ô, thâm-lan-giá. Tâm không nhiễm ô, nghi, thâm-lan-giá.

¹ Đây chỉ loại thức ăn cứng như đà-ni, xem Phần I, cht. 227 Ch.v Ba-dật-đề 35. Pāli: *khādanīyaṃ*.

² Đây chỉ loại thức ăn mềm, hay chánh thực, hay bò-xà-ni; xem Phần I, cht. 180, Ch.v ba-dật-đề 35. Pāli: *bhojanīyaṃ*.

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: trước không biết, hoặc mình không có tâm nhiễm ô, người kia cũng không có tâm nhiễm ô, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

IX. TÁN TRỢ NI KHÁT THỰC BÁT CHÍNH³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, giá lúa gạo tăng vọt, khát cầu khó được, các tỳ-kheo-ni vào thành khát thực, mang bát không về. Tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà vào thành khát thực cũng mang bát không về.

Các tỳ-kheo-ni hỏi tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà rằng:

“Thường khi cô khát thực mang về đầy bát, tại sao nay mang bát không về, khát thực khó được chẳng?”

Đề-xá trả lời:

“Thật vậy.”

Chư ni hỏi:

“Tại sao vậy?”

Đề-xá nói:

“Này các cô, trước đây tôi thường đến nơi nhà người thương gia xin, nên dễ dàng được. Nay tôi không đến đó, nên xin khó được.”

Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, Thâu-la-nan-đà và mẹ của tỳ-kheo-ni Đề-xá nói với tỳ-kheo-ni Đề-xá rằng:

“Dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn cô tự mình không có tâm nhiễm ô thì, khi nhận được thức ăn cứ thanh tịnh mà nhận, có sao đâu?”

³ Pāli, biệt giới 8. Ngũ phần: tăng-già-bà-thi-sa 9. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 12. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 5. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 5.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, Thâu-la-nan-đà và mẹ của ni Đề-xá rằng: “Sao các cô nói với ni Đề-xá, ‘Dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn cô tự mình không có tâm nhiễm ô, khi nhận được thức ăn cứ thanh tịnh mà nhận, có sao đâu?’”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. **[722b]** Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, Thâu-la-nan-đà và mẹ của tỳ-kheo-ni Đề-xá.

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô nói với ni Đề-xá, ‘Dầu cho người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn cô tự mình không có tâm nhiễm ô, khi nhận được thức ăn, cứ thanh tịnh mà nhận, có sao đâu?’”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách lục quần, Thâu-la-nan-đà và mẹ của ni Đề-xá rồi, bảo các tỳ-kheo: “Những tỳ-kheo-ni này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào dạy tỳ-kheo-ni nói như vậy: ‘Đại tỷ, người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn cô tự mình không có tâm nhiễm ô, khi nhận được thức ăn, cứ thanh tịnh mà nhận.’ Tỳ-kheo-ni phạm pháp này lần đầu, tăng-già-bà-thi-sa, phải bị xả trí.¹

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

¹ Các bộ giống nhau. Riêng *Tăng kỳ* (tr.521c5): tỳ-kheo-ni (nói như vậy), sau ba lần được can gián mà không bỏ, tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni kia nói với tỳ-kheo-ni: “Đại tỷ, người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, can hệ gì đến cô? Miễn cô tự mình không có tâm nhiễm ô, khi nhận được thức ăn, cứ thanh tịnh mà nhận.” Nói rõ ràng, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng, phạm đầu-lan-giá. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc nói vui chơi, nói gắp vôi, nói một mình, nói trong mộng, hay muốn nói việc này nhằm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

X. PHÁ HÒA HIỆP TĂNG*

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bảy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này¹ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, ta vì Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Các tỳ-kheo-ni kia nên can gián tỳ-kheo ni này rằng: ‘đại tỷ chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt pháp hoại hòa hợp Tăng kiên trì không bỏ. Đại tỷ, [722c] nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc.’ Tỳ-kheo-ni ấy khi được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, tỳ-kheo-ni này phạm ba pháp tăng-già-

¹ Thông giới, duyên khởi, xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 10.

*bà-thi-sa, cần xả trí.*²

XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG*

Một thời, đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này³ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cừ trừ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, có bề đẳng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số. Các tỳ-kheo-ni bề đẳng ấy nói với các tỳ-kheo-ni rằng: ‘Đại tỷ, chớ can gián tỳ-kheo-ni ấy. Tỳ-kheo-ni ấy là tỳ-kheo-ni nói như pháp. Tỳ-kheo-ni ấy là tỳ-kheo-ni nói như luật. Những điều tỳ-kheo-ni ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi chấp nhận.’ Chúng tỳ-kheo-ni nên nói với tỳ-kheo-ni bề đẳng ấy rằng: ‘Đại tỷ chớ nói như vậy: ‘Tỳ-kheo-ni ấy là tỳ-kheo-ni nói như pháp. Tỳ-kheo-ni ấy là tỳ-kheo-ni nói như luật. Những điều tỳ-kheo-ni ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ-kheo-ni ấy nói là chúng tôi chấp nhận.’ Tại sao vậy? Những điều tỳ-kheo-ni ấy nói là phi pháp, là phi luật. Đại tỷ, chớ phá hoại hòa hợp Tăng. Các cô nên hoan hỷ hòa hợp Tăng. Đại tỷ cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích an lạc.’ Các tỳ-kheo-ni bề đẳng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì

² Hán: phạm tam pháp ung xả tăng-già-bà-thi-sa 犯三法應捨 僧伽婆尸沙. *Ngũ phần*: tam gián phạm tăng-già-bà-thi-sa khả hối quá 三諫犯僧伽婆尸沙可悔過. Pāli, không có giới văn cho thông giới này. Tham khảo biệt giới 7 (Vin. iv. 236): *yāvataṭṭhikaṃ dhammaṃ āpannā nissaraṇīyaṃ saṅghādisesaṃ*, phạm pháp này, (được can gián) cho đến lần thứ ba, tăng-già-bà-thi-sa cần xả trí.

³ Thông giới, duyên khởi, xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 11.

tốt. Nếu không bỏ, tỳ-kheo-ni này phạm ba pháp tăng-già-bà-thi-sa, cần xử trí.

XII. Ô THA GIA*

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này¹ tập hợp Tăng tỳ-kheo bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nương tựa nơi làng xóm hoặc nơi thành ấp mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe; [723a1] hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. Tỳ-kheo-ni này nên can gián tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỳ, cô làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe; hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. Đại tỳ, cô làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lìa xóm làng này, không nên ở nơi đây nữa.’

Tỳ-kheo-ni ấy nói với tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỳ, các tỳ-kheo-ni có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi có người không bị đuổi.’

Các Tỳ-kheo-ni nên trả lời tỳ-kheo-ni ấy rằng: ‘Đại tỳ, cô chớ nói: ‘Các tỳ-kheo-ni có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi.’ Tại sao vậy? Các tỳ-kheo-ni không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh, tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy, có người bị đuổi, có người không bị đuổi; mà vì đại tỳ là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người mọi

¹ Thông giới, duyên khởi, xem Phần I, Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 12.

người đều thấy đều nghe.’ Khi các tỳ-kheo-ni này can gián mà tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ, các tỳ-kheo-ni này nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; không bỏ, tỳ-kheo-ni này phạm ba pháp, tăng-già-bà-thi-sa, cần xử trí.

XIII. ÁC TÁNH BÁT THỌ GIÁN NGŨ^{*}

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sur-la, tại Câu-thiêm-di. Bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhân duyên này¹ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào có tánh ngoan cố, không nghe lời người khuyên, đã được các tỳ-kheo-ni khuyên can như pháp về những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: ‘Các đại tỳ, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt, hoặc xấu; tôi cũng không nói với các đại tỳ điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại tỳ hãy thôi, chớ can gián tôi.’ Các tỳ-kheo-ni này nên can gián tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỳ, cô chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại tỳ, hãy tự thân nhận lời can gián. Đại tỳ như pháp can gián các tỳ-kheo-ni. Các tỳ-kheo-ni cũng sẽ như pháp can gián đại tỳ. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích lần lượt can gián lẫn nhau, lần lượt chỉ bảo cho nhau, lần lượt phát lồ với nhau.’ Khi tỳ-kheo-ni này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ, các tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, [723b] bỏ thì tốt; không bỏ, tỳ-kheo-ni này phạm ba pháp, tăng-già-bà-thi-sa, cần xử trí.

XIV. TƯƠNG THÂN TƯƠNG TRỢ ÁC HÀNH²

¹ Thông giới, duyên khởi, xem Phần I Ch. ii Tăng-già-bà-thi-sa 13.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo-ni, một tên là Tô-ma, một tên là Bà-phả-di,³ cùng sống gần gũi với nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, hổ tương cùng che giấu tội lỗi cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni nói rằng:

“Đại tỳ, hai vị chớ nên gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn vang, lần lượt cùng che giấu tội lỗi cho nhau. Hai vị, nếu không gần gũi ăn ở với nhau, làm các việc xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che giấu tội lỗi cho nhau, thì ở trong Phật pháp mới có tăng ích, sống an lạc.”

Nhưng họ vẫn cố chấp, không chịu cải hối.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, cơ hiềm tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di: “Tại sao hai cô cùng nhau gần gũi, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt cùng che giấu tội lỗi cho nhau? Các tỳ-kheo-ni đã khuyên rằng, ‘Đại tỳ, hai vị chớ nên gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt cùng che giấu tội lỗi cho nhau. Hai vị, nếu không gần gũi ăn ở với nhau, làm các việc xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che giấu tội lỗi cho nhau, thì ở trong Phật pháp mới có tăng ích, sống an lạc.’ Nhưng các vị vẫn cố chấp không chịu cải hối!”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp các tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều

² Pāli, biệt giới 9. *Ngũ phần*: tăng-già-bà-thi-sa 15. *Tăng kỳ*: tăng-già-bà-thi-sa 17. *Thập tụng*: tăng-già-bà-thi-sa 16. *Căn bản*: tăng-già-bà-thi-sa 15.

³ Tô-ma, Bà-phả-di. *Ngũ phần*: Tu-huru-ma 修休摩, Bà-phả 婆頗 *Tăng kỳ*: Chân Đàn 真檀, Uất-đa-la 鬱多羅. *Thập tụng*: Đạt-ma 達摩, Đàm-di 曇彌. *Căn bản*: Khả Ái 可愛, Tùy Ái 隨愛.

không nên làm. Tại sao hai cô cùng nhau gần gũi, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt cùng che giấu tội lỗi cho nhau? Các tỳ-kheo-ni đã khuyên rằng, ‘Đại tỳ, hai cô chớ nên gần gũi nhau, cùng làm điều xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che giấu tội lỗi cho nhau. Nếu, hai cô không gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn vang, cùng nhau che giấu tội lỗi nhau thì ở trong Phật pháp có tăng ích, sống an lạc.’ Nhưng cả hai vẫn cố chấp không chịu cải hối. Thế là sao?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo: “Cho phép Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di pháp can gián cho bỏ việc này, bằng bạch tứ yết-ma.”

Nên can gián như vậy: trong ni chúng, sai một vị có thể tác pháp yết-ma, theo sự việc trên [723c] tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di này sống gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, hổ tương che giấu tội lỗi cho nhau. Các tỳ-kheo-ni khác đã can gián rằng: ‘Đại tỳ, hai cô chớ nên sống gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp; đừng hổ tương che giấu tội lỗi cho nhau. Nếu, hai cô không cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm xấu, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc.’ Nhưng họ vẫn cố chấp không chịu cải hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di pháp can gián cho bỏ việc này, nói: ‘Đại tỳ, hai cô chớ nên sống gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp; đừng hổ tương che giấu tội lỗi cho nhau. Nếu, hai cô không cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm xấu, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc.’ Đây là lời tác bạch.”

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di này cùng nhau gần gũi cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt cùng nhau che giấu tội lỗi. Các tỳ-kheo-ni khác đã nói: ‘Đại tỳ, hai cô chớ nên sống gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp; đừng

hỗ tương che giấu tội lỗi cho nhau. Nếu, hai cô không cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm xấu, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc.’ Nhưng họ vẫn cố chấp không chịu cái hỏi. Nay, Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phã-di pháp can gián cho bỏ việc này, nói: ‘Đại tỳ, hai cô chớ nên sống gần gũi nhau, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp; đừng hỗ tương che giấu tội lỗi cho nhau. Nếu, hai cô không cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm xấu, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc.’ Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phã-di pháp can gián cho bỏ việc này, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phã-di pháp can gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp nhận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Tăng tác pháp can gián bạch tứ yết-ma rồi, các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo, đến bạch lên đức Phật. Đức Phật dạy:

Nếu có Tỳ-kheo-ni nào như các tỳ-kheo-ni này thì Tăng tỳ-kheo-ni cũng sẽ trao cho pháp ha trách can gián bạch bằng tứ yết-ma như vậy. “Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, gần gũi sống chung, [724a1] cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, lần lượt che giấu tội lỗi cho nhau. Các tỳ-kheo-ni này nên can gián tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỳ, các cô chớ gần gũi sống chung, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng nhau che tội. Nếu các cô không gần gũi sống chung thì trong Phật pháp được tăng ích, sống an lạc.’ Khi tỳ-kheo-ni này can gián, tỳ-kheo-ni kia, kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni này nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, tỳ-

kheo-ni kia phạm ba pháp, tăng-già-bà-thi-sa, cần xả trí.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Gần gũi: thường cùng nhau vui đùa, thường cùng nhau giỡn cợt, thường cùng nhau nói chuyện.

Hành vi xấu: tự mình trồng bông, trồng cây, chỉ bảo người trồng. Tự mình tưới nước, chỉ bảo người tưới. Tự mình hái hoa, chỉ bảo người hái hoa. Tự mình làm tràng hoa, chỉ bảo người làm. Tự mình dùng chỉ khâu, chỉ bảo người khâu. Tự mình mang đi, chỉ bảo người mang đi. Tự mình cầm tràng hoa đi, chỉ bảo người cầm đi. Tự mình lấy chỉ khâu cầm đi, chỉ bảo người lấy chỉ khâu cầm đi. Hoặc ở trong thôn cùng người, cùng nam tử đứng ngồi chung chạ, ăn uống chung một đồ đựng, nói cười, vui đùa, tự mình ca múa hát xướng, hoặc người khác làm mình xướng họa, hoặc nói lối, hoặc đánh trống, thổi ống tiêu, làm tiếng kêu của con chim tước, hay các loài chim, hoặc nhảy, hoặc đi khắp khiêng, hoặc thổi địch, hoặc tự uốn éo thân hình, hoặc thọ nhận sự ngắm nghĩa giỡn chơi...¹

Tiếng xấu: tức lời nói xấu đồn khắp bốn phương, không chỗ nào không nghe.

Tội: che giấu các tội khác, trừ tám pháp ba-la-di.

Nếu tỳ-kheo-ni cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng nhau che tội lỗi. Các tỳ-kheo-ni khác nên can gián tỳ-kheo-ni này: “Các đại tỳ! Các cô chớ nên cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng nhau che tội cho nhau. Nếu, các cô không cùng nhau gần gũi cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp được tăng ích, sống an lạc.

Các cô nên chấm dứt việc này, đừng để cho Tăng phải quả trách can gián mà phạm tội trọng.” Nếu họ nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác bạch. Tác bạch rồi nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch

¹ Xem Phần I, Ch. ii. Tăng già-bà-thi-sa 12.

rồi, còn các pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách can gián mà phạm trọng tội.” Nếu nghe theo lời thì tốt, bằng không nghe theo lời thì nên tác pháp sơ yết-ma. Tác pháp sơ yết-ma rồi, nên nói lại: “Này cô, tôi đã tác bạch và sơ yết-ma rồi, còn [724b] hai yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách can gián, mà phạm trọng tội.” Nếu nghe theo lời thì tốt, bằng không nghe theo thì tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, lại nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch và yết-ma hai lần rồi, còn lại một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách can gián mà phạm trọng tội.”

Nếu họ nghe theo thời tốt, bằng không nghe theo, yết-ma lần thứ ba xong, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tác bạch, hai yết-ma xong rồi mới bỏ, phạm ba thân-lan-giá. Bạch xong, một yết-ma rồi mới bỏ phạm hai thân-lan-giá. Bạch xong rồi bỏ, phạm một thân-lan-giá. Chưa bạch xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch cùng nhau gần gũi, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn đãi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo tùy theo đó mà phạm. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới bắt đầu nói liền bỏ; hoặc tác pháp ha trách phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy bảo mà ha trách, hoặc hoàn toàn không ha trách can gián. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

XV. TÁN TRỢ ÁC HÀNH¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, hai tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di bị Tăng

¹ Pāli, biệt giới 10. *Ngũ phần:* tăng-già-bà-thi-sa 15. *Tăng kỳ:* tăng-già-bà-thi-sa 18. *Thập tụng:* tăng-già-bà-thi-sa 17. *Căn bản:* tăng-già-bà-thi-sa 16.

quở trách can gián rồi, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bảo họ rằng: “Hai cô nên cùng sống với nhau. Tại sao vậy? Vì tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng sống với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Tăng đã trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di pháp quở trách can gián rồi, tại sao các cô bảo họ: ‘Các cô nên cùng ở với nhau. Tại sao vậy? Vì tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng ở với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn.

Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách lục quần và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Tăng đã vì tỳ-kheo-ni Tô-ma và [724c] Bà-phả-di tác pháp quở trách can gián, tại sao các cô lại bảo họ: ‘Các cô nên cùng ở với nhau. Tại sao vậy? Vì tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng ở với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo:

Cho phép Tăng tỳ-kheo-ni trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà pháp quở trách bằng bạch tứ yết-ma. Nên can gián như vậy: Trong ni chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này, Tăng đã trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di pháp can gián quở trách mà họ lại bảo rằng: ‘Các cô nên cùng sống với nhau. Tại sao vậy? Vì tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng sống với nhau, gần gũi

nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’ Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà pháp quả trách, cho bỏ việc này, nói: ‘Các cô đừng nói như vậy: ‘Các cô đừng sống riêng, nên sống chung.’ Cũng đừng nói: ‘Tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng sống với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’” Nhưng chỉ có hai tỳ-kheo-ni này cùng nhau gần gũi, làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau chứ không có cô nào nữa. Nếu, tỳ-kheo-ni không gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp thì ở trong Phật pháp mới có tăng ích, sống an lạc. Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này, Tăng đã trao cho tỳ-kheo-ni Tô-ma và Bà-phả-di phép can gián, mà họ lại bảo: ‘Các cô nên cùng sống với nhau. Tại sao vậy? Vì tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng sống với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’ Nay Tăng trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà pháp quả trách cho bỏ việc này, bảo: ‘Các cô đừng nói như vậy: ‘Các cô đừng sống riêng, nên sống chung.’ Cũng đừng nói: ‘Tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni khác cùng sống với nhau, gần gũi nhau, cùng làm hành vi xấu, [725a1] tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Chúng Tăng vì thù hận nên bảo các cô sống riêng.’ Nhưng chỉ có hai tỳ-kheo-ni này cùng nhau gần gũi, làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau chứ không có cô nào nữa. Nếu tỳ-kheo-ni không gần gũi nhau, cùng làm hạnh ác, tiếng xấu đồn khắp, thì ở trong Phật pháp có Tăng ích, sống an lạc.’

“Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng vì nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà tác pháp quả trách can gián cho

bỏ việc này thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần đầu.” (yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà khiến cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Tăng đã vì nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà tác pháp can gián quả trách bằng pháp bạch tứ yết-ma rồi, các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

“Nếu có tỳ-kheo-ni nào như vậy, Tăng cũng sẽ tác pháp ha trách cho bỏ việc ấy bằng bạch tứ yết-ma như vậy.

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cử trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, khi Tăng tỳ-kheo-ni vì họ tác pháp quả trách, mà tỳ-kheo-ni khác dạy họ như vậy: ‘Các cô đừng sống riêng, nên sống chung với nhau. Tôi cũng thấy có các tỳ-kheo-ni khác không sống riêng; cùng sống với nhau, cùng làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che giấu tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng các cô nên bảo các cô sống riêng.’ Các tỳ-kheo-ni nên can gián tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỷ, cô đừng bảo các tỳ-kheo-ni khác rằng:

‘Các cô đừng sống riêng. Tôi cũng thấy có các tỳ-kheo-ni sống với nhau làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che giấu tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng các cô nên bảo các cô sống riêng.’ Nay chỉ có hai tỳ-kheo-ni này, cùng sống với nhau, cùng làm các hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che giấu tội cho nhau, chớ không có cô nào nữa. Nếu các tỳ-kheo-ni này sống riêng thì ở trong Phật pháp mới tăng ích, sống an lạc.’ Khi các tỳ-kheo-ni này can gián tỳ-kheo-ni kia, kiên trì không bỏ, thì các tỳ-kheo-ni nên ba lần can gián, khiến cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; không bỏ, tỳ-kheo-ni này phạm ba pháp, tăng-già-bà-thi-sa, cần xả trí.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: cũng như trước.

Khi Tỳ-kheo-ni nào bị Tăng tác pháp ha trách, các tỳ-kheo-ni khác bảo: [725b] “Các cô đừng ở riêng, nên ở chung. Tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni cùng nhau gằn gủi, cùng nhau làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng các cô nên bảo các cô ở riêng.” Tỳ-kheo-ni này nên can gián tỳ-kheo-ni kia: “Đại tỳ! Cô đừng bảo các tỳ-kheo-ni rằng: ‘Các cô đừng ở riêng nên ở chung. Tôi cũng thấy các tỳ-kheo-ni cùng nhau gằn gủi, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp che tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng các cô nên bảo các cô ở riêng.’ Nay, chỉ có hai tỳ-kheo-ni này chớ không có cô nào nữa. Các cô cùng nhau gằn gủi, cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, che tội cho nhau. Nếu tỳ-kheo-ni này ở riêng thì có tăng ích, sống an lạc trong Phật pháp. Nay, các cô nên bỏ việc này, đừng để tăng phải quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo thì tốt, bằng không nên tác bạch. Tác bạch rồi nên nói: “Đại tỳ, tôi đã tác bạch rồi. Còn có các yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này.”

Nếu nghe lời thì tốt; bằng không, nên tác pháp yết-ma lần thứ nhất. Tác pháp yết-ma lần thứ nhất rồi, nên nói: “Tôi đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, lại phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo lời thì tốt; bằng không, tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác pháp yết-ma lần thứ hai xong, nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch yết-ma lần thứ hai rồi, chỉ còn một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo lời thì tốt; bằng không, tác bạch yết-ma lần thứ ba xong, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tác yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba thân-lan-giá. Yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ phạm hai thân-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một thân-lan-giá. Bạch chưa xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, dạy rằng: “Các cô đừng ở riêng. Tôi cũng thấy tỳ-kheo-ni khác cùng ở chung,

cùng làm hành vi xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che tội cho nhau. Tăng vì không bằng lòng các cô nên bảo các cô ở riêng.” Tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Nếu có Tỳ-kheo-ni nào như vậy, khi Tăng trao pháp can gián. Có tỳ-kheo bảo: “Đừng bỏ!” Đã quở trách, phạm thâu-lan-giá; không quở trách, phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni bảo: “Đừng bỏ!” Khi quở trách, phạm thâu-lan-giá; chưa quở trách, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, [725c] đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ; hoặc tác pháp quở trách phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, phi pháp phi luật, phi Phật dạy bảo mà quở trách; tất cả không thành quở trách. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

XVI. DỌA BỎ ĐẠO¹

a. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, chỉ vì một việc nhỏ mà giận hờn, bất mãn, liền nói như vậy: “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ có sa-môn Thích tử mà còn có sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn mà nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có Sa-môn Thích tử, mà còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’?”

¹ Pāli, biệt giới 7. *Ngũ phần:* tăng-già-bà-thi-sa 17. *Tăng kỳ:* tăng-già-bà-thi-sa 19. *Thập tụng:* tăng-già-bà-thi-sa 14. *Căn bản:* tăng-già-bà-thi-sa 13.

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Tại sao các cô chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn, nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử, mà còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni pháp ha trách cho bỏ việc này, bằng bạch tứ yết-ma. Nên quở trách như vậy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này, chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất [726a1] mãn, bèn nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có Sa-môn Thích tử, mà còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’ Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni pháp quở trách, bỏ việc này, nên nói: ‘Này cô! Chớ nên vì một việc nhỏ giận hờn bất mãn mà nói ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ có sa-môn Thích tử, mà còn có sa-môn bà-la-môn khác cũng tu phạm hạnh. Chúng tôi có thể đến đó tu phạm hạnh.’” Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn, bèn nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử, mà còn có các sa-môn của bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’ Nay Tăng trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni này pháp ha trách cho bỏ việc ấy. Nói rằng, ‘Đại tỳ, chớ nên vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn mà nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ

riêng có Sa-môn Thích tử, mà còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.” Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng tác pháp ha trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, cho bỏ việc này, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận trao cho nhóm sáu tỳ-kheo-ni pháp ha trách, cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Tăng tác pháp ha trách đối với nhóm sáu tỳ-kheo-ni cho bỏ việc này, bằng bạch tứ yết-ma như vậy rồi, bạch lại các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo-ni nào như vậy, Tăng cũng sẽ trao cho pháp ha trách bằng bạch tứ yết-ma như vậy.

“Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cử trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn, bèn nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử mà thôi, còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’ Các tỳ-kheo-ni nên can gián tỳ-kheo-ni kia rằng: ‘Đại tỳ, đừng chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn, bèn vội nói: ‘Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử mà thôi, còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’’ Các tỳ-kheo-ni khi can gián mà tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ; các tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián,[726b] bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tỳ-kheo-ni phạm ba pháp tăng-già-bà-thi-sa, cần xả trí.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ, giận hờn bất mãn bèn vội nói: ‘Tôi bỏ Phậ, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử mà thôi, còn có các sa-môn bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh.’ Tỳ-kheo-ni này can gián tỳ-kheo-ni kia: “Đại tử! Cô đừng vì một việc nhỏ giận hờn bất mãn, vội nói: ‘Tôi bỏ Phậ, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử mà thôi, còn có các sa-môn bà-la-môn khác cũng tu phạm hạnh, chúng tôi có thể đến đó tu phạm hạnh.’ Cô nên bỏ việc này đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không, nên tác bạch. Tác bạch rồi, nên nói: “Tôi đã bạch rồi, còn các pháp yết-ma nữa, cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo thì tốt; bằng không, nên tác pháp yết-ma thứ nhất. Tác pháp yết-ma lần thứ nhất rồi, nên nói: “Tôi đã tác bạch và tác yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe lời thì tốt; bằng không, nên tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, cũng nên nói: “Tôi đã tác bạch và tác hai pháp yết-ma rồi, còn một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, lại phạm trọng tội.”

Nếu nghe lời thì tốt; bằng không, tác yết-ma lần thứ ba xong, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Tác pháp yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba thân-lan-giá. Tác yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai thân-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một thân-lan-giá. Bạch chưa xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, vì một việc nhỏ giận hờn, không vui, bèn vội nói: “Tôi bỏ Phậ, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Không phải chỉ riêng có sa-môn Thích tử mà thôi, còn có các sa-môn của bà-la-môn khác tu phạm hạnh. Chúng tôi cũng có thể đến đó tu phạm hạnh;” tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo-ni nào như vậy, khi Tăng tác pháp ha trách; có tỳ-kheo bảo: “Đừng bỏ!” Nếu Tăng đã tác pháp ha trách thì tỳ-kheo ấy phạm thân-lan-giá, chưa ha trách phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni bảo: “Đừng phạm!” [726c] trước khi Tăng đã tác pháp ha trách, tỳ-kheo-

ni ấy phạm thâm-lan-giá, chưa ha trách, phạm đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni dạy người khác bảo: “Đừng bỏ!” Tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ. Hoặc phi pháp biệt chúng quở trách, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng quở trách. Phi luật, phi Phật dạy bảo quở trách. Hoặc hoàn toàn không tác pháp ha trách. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

XVII. VU TĂNG THIÊN VỊ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cù-sur-la, tại Câu-thiệm-di. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni tên Hắc,² ưa gây gỗ. Vì không khéo ghi nhớ tránh sự,³ sau đó bèn giận hờn nói: “Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bắt mình.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni Hắc: “Tại sao cô ưa gây gỗ; khi không khéo ghi nhớ tránh sự, bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bắt mình.’?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo,

¹ Pāli, biệt giới 8. *Ngũ phần:* tăng-già-bà-thi-sa 16. *Tăng kỳ:* tăng-già-bà-thi-sa 15. *Thập tụng:* tăng-già-bà-thi-sa 15. *Căn bản:* tăng-già-bà-thi-sa 14.

² Hắc 黑, Pāli: Caṇḍakālī. *Ngũ phần:* mẹ của Xiên-đà, có biệt danh là Chiên-trà Tu-ma-na 旃荼修摩那. *Thập tụng:* tỳ-kheo-ni Ca-la 迦羅比丘尼. *Căn bản:* Thổ-lan-nan-dà 吐羅難陀.

³ Bất thiện ức tri tránh sự. Nghĩa là, bị đuổi lý, mỗi khi có sự gây gỗ. Pāli: *adhikaraṇe paccākatā*, bị cự tuyệt trong khi có tránh sự. Giải thích: *paccākatā nāma parājītā vuccati*, bị cự tuyệt, nghĩa là bị thua.

quở trách tỳ-kheo-ni Hắc: “Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao cô ưa gây gỗ; khi không khéo ghi nhớ tránh sự, bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo: “Từ nay trở đi, cho phép Tăng vì tỳ-kheo-ni Hắc tác pháp ha trách cho bỏ việc này, bằng bạch tứ yết-ma. Theo sự việc trên tác bạch:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Hắc này ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận nay Tăng trao cho tỳ-kheo-ni (Hắc)... pháp ha trách cho bỏ việc này. Nói rằng, ‘Đại tỳ! Cô đừng ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ [727a1] Chính nơi cô có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Đây là lời tác bạch:

“Đại tỳ Tăng nghe cho! Tỳ-kheo-ni Hắc này ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Nay Tăng trao cho tỳ-kheo-ni (Hắc)... pháp ha trách cho bỏ việc này. ‘Này cô! Cô đừng ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Chính nơi cô có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Các đại tỳ nào chấp nhận Tăng trao cho tỳ-kheo-ni pháp quở trách cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã đồng ý trao cho tỳ-kheo-ni Hắc pháp quở trách cho bỏ việc này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Tăng trao cho tỳ-kheo-ni Hắc pháp quở trách, bằng pháp bạch tứ yết-

ma rồi, bạch với các tỳ-kheo, các tỳ-kheo vì nhân duyên này bạch lên đức Phật, đức Phật dạy: “Nếu có Tỳ-kheo-ni nào như thế này, Tăng tỳ-kheo ni cũng sẽ trao cho pháp bạch tứ yết-ma ha trách như vậy.

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.” Muốn nói giới nên nói như sau:

Tỳ-kheo-ni nào, ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Các tỳ-kheo-ni nên can gián tỳ-kheo-ni kia: ‘Này cô! Cô đừng ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn nói: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’ Chính nơi cô có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh.’

Khi các tỳ-kheo-ni can gián mà tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ, các tỳ-kheo-ni nên ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, tỳ-kheo-ni ấy phạm ba pháp, tăng-già-bà-thi-sa, cần xử trí.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Gây gỗ:¹ có bốn loại: ngôn tránh, mịch tránh, phạm tránh, và sự tránh.

Tăng: đồng nhất yết-ma, đồng nhất thuyết giới.

Tỳ-kheo-ni ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ, gây gỗ xong lại giận hờn nói: Tăng có ái, có nhuế, có bố, có si. Các tỳ-kheo-ni nên can gián tỳ-kheo-ni kia: “Đại tỷ! Cô chớ nên ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó bèn giận hờn, nói ‘Tăng có thiên vị, [727b] có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh.’ Mà sự thật, Tăng không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Này cô, nên bỏ việc này, đừng để tăng phải quả trách mà phạm trọng tội.”

Cô ấy nghe theo thì tốt. Bằng không, nên tác bạch. Tác bạch xong,

¹ Hán: đấu tránh 鬥諍. Pāli: *adhikaraṇa*, tránh sự, có 4.

nên nói: “Tôi đã tác bạch xong, còn các pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quả trách, mà phạm trọng tội.”

Cô ấy nghe theo thì tốt. Bằng không, nên tác pháp yết-ma lần thứ nhất. Yết-ma lần thứ nhất xong, nên nói: “Tôi đã tác yết-ma lần thứ nhất rồi, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để tăng phải quả trách, mà phạm trọng tội.”

Nếu cô ấy nghe theo thì tốt. Bằng không, nên tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, cũng phải nói: “Tôi đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn lại một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quả trách, mà phạm trọng tội.”

Cô ấy nghe theo thì tốt. Bằng không, tác yết-ma lần thứ ba xong, phạm tăng-già-bà-thi-sa. Yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba thân-lan-giá. Yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai thân-lan-giá. Bạch xong mà bỏ, phạm một thân-lan-giá. Bạch chưa xong mà bỏ, phạm đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ tránh sự, sau đó lại giận hờn, nói: ‘Tăng có ái, có nhuế, có bố, có si,’ tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo-ni ưa đấu tranh, khi Tăng trao cho pháp yết-ma ha trách, tỳ-kheo bảo: “Đừng bỏ!” Nếu Tăng đã tác pháp quả trách, (tỳ-kheo ấy) phạm thân-lan-giá; chưa quả trách, phạm đột-kiết-la. Nếu tỳ-kheo-ni bảo: “Đừng bỏ!” Tăng ha trách rồi, (tỳ-kheo-ni ấy) phạm thân-lan-giá; không ha trách, phạm đột-kiết-la. Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, dạy người khác bảo: “Đừng bỏ!” Tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: khi mới nói liền bỏ. Hoặc quả trách phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hiệp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy bảo. Hoặc tất cả không tác pháp quả trách thì không phạm.

Người không phạm: người phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

CHƯƠNG III
NI-TÁT-KỶ BA-DẬT-ĐỀ¹

A - THÔNG GIỚI²

[727c] Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn đem những nhân duyên này³ tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

ĐIỀU 1

*Tỳ-kheo-ni nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, cất chứa y dư trong mười ngày không tịnh thì được phép chứa. Nếu quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*⁴*

ĐIỀU 2

*Tỳ-kheo-ni nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, lìa một trong năm y ngủ đêm chỗ khác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Trừ Tăng yết-ma.*⁵*

ĐIỀU 3

Tỳ-kheo-ni nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, nếu được vải phi thời, cần thì nhận. Nhận xong nhanh chóng may thành y. Đủ thì tốt; không đủ thì được phép chứa một tháng. Vì chờ

¹ Ngũ phần 12: tr.83a13. Tăng kỳ 37: tr.524b04. Thập tụng 43: tr.313b05. Pāli, Vin.iv. 243.

² Tír phần: 30 điều, 18 thông giới. Duyên khởi, giới tướng, và các giải thích, xem các điều liên hệ trong Phần I, Ch. iv Ni-tát-kỳ ba-dật-đề.- Những điều thuộc thông giới có đánh dấu hoa thị (*). - Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng: 30 điều. Căn bản: 33 điều. Pāli, 30 điều, 18 thông giới.

³ Duyên khởi các thông giới, như tỳ-kheo.

⁴ Phần I, Ch. iv Ni-tát-kỳ 1.

⁵ nt. ni-tát-kỳ 2.

*cho đủ vậy. Nếu chứa quá hạn, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*⁶*

ĐIỀU 4

*Tỳ-kheo-ni nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.*⁷*

ĐIỀU 5

*Tỳ-kheo-ni nào, y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con thân quyến đem cho nhiều y, yêu cầu tùy ý nhận, tỳ-kheo-ni ấy nên biết đủ để nhận y. Nếu nhận quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*⁸*

ĐIỀU 6

*Tỳ-kheo-ni nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ vì tỳ-kheo-ni để dành tiền sắm y, nghĩ rằng: ‘mua y như thế cho tỳ-kheo-ni có tên như thế.’ Tỳ-kheo-ni ấy trước không được yêu cầu tùy ý mà đến nhà cư sĩ, nói như vậy: ‘Lành thay cư sĩ, nên vì tôi để dành số tiền thì sắm y như vậy, như vậy cho tôi.’ Vì muốn đẹp, nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*⁹*

ĐIỀU 7

Tỳ-kheo-ni nào, nếu có hai nhà cư sĩ, hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho tỳ-kheo-ni, nói rằng, ‘Chúng ta để dành tiền sắm y như thế cho Tỳ-kheo-ni có tên như thế.’ Tỳ-kheo-ni ấy, trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến hai nhà cư sĩ, nói như vậy: ‘Lành thay cư sĩ, đã để dành tiền sắm y như thế như thế cho tôi, hãy chung lại làm thành một y.’ Vì muốn

⁶ nt. ni-tát-kỳ 3.

⁷ nt. ni-tát-kỳ 6.

⁸ nt. ni-tát-kỳ 7.

⁹ nt. ni-tát-kỳ 8.

*đẹp, nếu nhận được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 8

[728a1] Tỳ-kheo-ni nào, hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc bà-la-môn, hoặc cư sĩ hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền sắm y đến tỳ-kheo-ni, bảo rằng: ‘Hãy mang số tiền sắm y như thế cho tỳ-kheo-ni có tên như thế.’ Người sứ ấy đến chỗ tỳ-kheo-ni nói rằng: ‘A-di, nay tiền sắm y này được gửi đến cô. Cô hãy nhận.’ Tỳ-kheo-ni ấy nên nói với sứ giả rằng: ‘Tôi không được phép nhận tiền may y này. Khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh, tôi sẽ nhận.’ Người sứ này có thể hỏi tỳ-kheo-ni rằng: ‘A-di có người chấp sự không?’ Tỳ-kheo-ni cần y nên nói: ‘Có’, và chỉ một tịnh nhân Tăng-già-lam, hay một ưu-bà-di, nói rằng: ‘Đó là người chấp sự của tỳ-kheo-ni, thường chấp sự cho tỳ-kheo-ni.’ Bây giờ, sứ giả đi đến chỗ người chấp sự trao số tiền sắm y, rồi trở lại chỗ tỳ-kheo-ni, nói như vậy: ‘A-di, tôi đã trao tiền sắm y cho người chấp sự mà cô đã chỉ. A-di, khi nào cần hãy đến người ấy, sẽ được y.’

*Tỳ-kheo-ni khi cần y, đi đến chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, hoặc ba lần, khiến cho nhớ lại, bằng cách nói rằng: ‘Tôi cần y.’ Hoặc hai lần, hoặc ba lần như vậy, khiến cho nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt; bằng không, thì lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, đứng im lặng trước người ấy. Nếu lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu đứng im lặng trước người ấy mà được y thì tốt. Bằng không được y, mà cố cầu quá thời hạn ấy, nếu được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Nếu không được y, tự mình hoặc sai người đến chỗ, người xuất tiền sắm y, nói rằng: ‘Ngài trước kia đã sai sứ mang tiền sắm y cho tỳ-kheo-ni tên như vậy. Nhưng cuối cùng tỳ-kheo-ni ấy không nhận được y. Ngài nên đến lấy lại tiền, đừng để mất.’ Như vậy là hợp thức.*²*

¹ nt. ni-tát-kỳ 9.

² nt. ni-tát-kỳ 10.

ĐIỀU 9

*Tỳ-kheo-ni nào, tự mình nhận lấy vàng bạc hoặc tiền hay chỉ bảo người nhận lấy, hoặc dùng miệng để nhận, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.^{*1}*

ĐIỀU 10

*Tỳ-kheo-ni nào, kinh doanh tài bảo dưới mọi hình thức, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.^{*2}*

ĐIỀU 11

*Tỳ-kheo-ni nào, kinh doanh mua bán dưới mọi hình thức, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.^{*3}*

ĐIỀU 12

Tỳ-kheo-ni nào, chứa bát trám dưới năm chỗ không chầy rĩ, mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

*Tỳ-kheo-ni kia nên đến trong Tăng để xả, lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ trao cho tỳ-kheo-ni này, nói rằng, ‘Cô hãy thọ trì bát này cho đến khi vỡ.’ Đó là điều hợp thức.^{*4}*

ĐIỀU 13

*[728b]Tỳ-kheo-ni nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải thân quyền dệt y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.^{*5}*

ĐIỀU 14

Tỳ-kheo-ni nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì tỳ-kheo-ni dệt y. Tỳ-kheo-ni này, trước chưa được yêu cầu tùy ý liền đến chỗ thợ dệt nói rằng: ‘Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho tôi thật hết sức khéo, khiến cho rộng, dài, bền chắc, tề chỉnh,

¹ nt. ni tát-kỳ 18.

² nt. ni tát-kỳ 19.

³ nt. ni tát-kỳ 20.

⁴ nt. ni tát-kỳ 22.

⁵ nt. ni tát-kỳ 23.

*đẹp, tôi sẽ trả công cho ít nhiều.’ Tỳ-kheo-ni ấy trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn, nếu được y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 15

*Tỳ-kheo-ni nào, trước đã cho y cho tỳ-kheo-ni rồi, sau vì giận hờn, tự mình đoạt lại, hoặc bảo người đoạt lại, nói rằng: ‘Hãy trả y lại cho tôi. Tôi không cho cô.’ Nếu tỳ-kheo-ni kia trả y lại, tỳ-kheo-ni này nhận lấy y, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 16

*Tỳ-kheo-ni nào, còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ, nếu nhận được y cấp thí, tỳ-kheo-ni biết đó là y cấp thí thì nên thọ. thọ rồi, chỉ chứa cho đến thời của y. Nếu chứa quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 18

Tỳ-kheo-ni nào, biết vật của Tăng mà xoay về cho mình, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.^{4,5}*

B - BÁT CỘNG GIỚI

ĐIỀU 19. Cần vật này lại đòi vật kia ⁶

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, [728c] tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà có đàn-việt. Sáng sớm, cô đắp y mang bát đến nhà người đàn-việt, nói:

“Tôi cần bơ⁷.”

¹ nt. Ni-tát-kỳ 24.

² nt. Ni-tát-kỳ 25.

³ nt. Ni-tát-kỳ 28.

⁴ nt. Ni-tát-kỳ 30.

⁵ Bản Hán, hết quyển 23.

⁶ Pāli, Niss. 4, Vin.iv 248; Cf. Niss. 5, Vin.iv 249. *Ngũ phần*: điều 18. *Thập tụng*: điều 25.

Người đàn-việt nói: “Được!”

Và liền mua bơ về cho.

Lúc mua bơ đem về cô ni lại nói: “Tôi không cần bơ mà cần dầu.”

Đàn-việt nói: “Cũng được!”

Đàn-việt liền đến nhà bán bơ nói: “Tôi không cần bơ mà cần dầu.”

Nhà buôn nói rằng:

“Tôi phải bày ra phép mua bơ để nhận bơ của ông. Rồi bày ra phép mua dầu để lấy dầu cho ông.”

Vì vậy, người đàn-việt cơ hiem nói rằng:

“Tỳ-kheo-ni không biết nhàm chán, không biết đủ, không biết hồ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Cần dầu lại đòi bơ, cần bơ lại đòi dầu. Như vậy có gì là chánh pháp? Nếu cần bơ cứ nói cần bơ, cần dầu cứ nói cần dầu. Nếu cần cái gì thì cứ nói cái đó chứ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hồ thẹn, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rằng: “Sao cô cần bơ lại đòi dầu, cần dầu lại đòi bơ?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao cô cần bơ lại đòi dầu, cần dầu lại đòi bơ?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

⁷ Hán: tô 酥. Pāli, Thullanandā bình, cần thực tô tức bơ lỏng (*sappina*).

Tỳ-kheo-ni nào, cần vật này lại đòi vật kia,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Cần vật này lại đòi vật kia: xin bơ rồi lại xin dầu; đòi dầu rồi lại đòi bơ. Hoặc cầu vật khác cũng như vậy. *Tỳ-kheo-ni* muốn vật này lại đòi vật kia, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho ni Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, kính lễ dưới chân Tăng rồi, đầu gối bên hữu chাম đất, chấp tay bạch:

“Đại tỳ Tăng xin nghe cho! Tôi tỳ-kheo-ni tên là..., cần vật này lại xin vật kia, phạm xả [729a1] đọa, nay xả cho Tăng.”

Xả rồi nên sám hối. Người nhận sám phải tác bạch trước khi nhận. Văn bạch:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là..., đòi vật này rồi lại đòi vật khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo-ni này. Đây là lời tác bạch.”

Tác bạch rồi, khi nhận sự sám hối của đương sự nên nói:

“Cô nên tự trách tâm mình.”

Đương sự trả lời: ***“Xin vâng.”***

Tỳ-kheo-ni Tăng nên hoàn lại vật xả của *tỳ-kheo-ni* này liền, bằng pháp bạch nhị yết-ma, theo điển tiến như vậy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là..., đòi vật này rồi lại đòi vật khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu

¹ *Ngũ phần*: “... xin được vật này rồi, không dùng. Lại xin vật khác.” *Thập tụng*: “... đã xin được cái này rồi, lại xin thêm cái khác.”

thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem vật xả của tỳ-kheo-ni này hoàn lại cho tỳ-kheo-ni có tên... Đây là lời tác bạch.”

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này có tên là..., đòi vật này rồi lại đòi vật khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Tăng đem vật xả này trả lại cho tỳ-kheo-ni có tên... Các đại tỳ nào đồng ý Tăng trả lại vật xả cho tỳ-kheo-ni có tên... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.”

“Tăng đã chấp thuận trả lại vật xả cho Tỳ-kheo-ni tên là... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Vật xả rồi không trả lại, phạm đột-kiết-la. Nếu khi trả lại, có người bảo ‘đừng trả,’ người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu không trả lại mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai gởi cho người,² hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc đem đốt, hoặc làm phi vật dụng, hoặc dùng thường xuyên,³ tất cả phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu cần bơ nói bơ, cần dầu nói dầu; cần vật gì nói vật ấy; hoặc từ nơi bà con mà yêu cầu, từ nơi người xuất gia mà yêu cầu, hoặc mình vì người khác, người khác vì mình mà yêu cầu, hay không đòi mà được, thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 20. Lạm dụng vật Tăng⁴

a. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo-ni thuyết giới giữa đất trống, có một cư sĩ thấy hỏi:

² Pāli (Cf. Vin.iv 243): *vissajjati*, đem gởi tặng (cho người khác).

³ Vì muốn cho hư nhanh.

⁴ *Ngũ phần*, điều 25; *Thập tụng*: điều 26. Pāli, nissaggi 6 & 8.

“Thưa A-di, tại sao thuyết giới nơi đất trống? Không có nhà thuyết giới hay sao?”

Chư ni trả lời: “Không.”

Cư sĩ thưa: “Nếu có cung cấp phương tiện, có thể cất nhà thuyết giới được không?”

Chư ni nói: “Được.”

Cư sĩ liền cung cấp vật dụng để xây nhà thuyết giới.

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni bèn khởi lên ý nghĩ: “Chúng ta gặp ngày thuyết giới [729b] có thể tìm chỗ ngồi để thuyết giới đâu cũng được, chứ y phục khó có thể có được đầy đủ năm y. Nay ta nên đem vật này đổi lấy y, cùng chia cho nhau thì hơn.” Họ liền đem đổi lấy y chia cho nhau.

Sau đó, các tỳ-kheo-ni vẫn thuyết giới nơi đất trống, cư sĩ thấy hỏi: “Tại sao các cô vẫn thuyết giới nơi đất trống? Không có nhà thuyết giới sao?”

Chư ni nói: “Không có.”

Cư sĩ hỏi: “Trước đây, tôi đã cúng vật liệu để cất nhà thuyết giới rồi. Các cô đem làm gì?”

Các tỳ-kheo-ni nói: “Chúng tôi nghĩ, đến ngày thuyết giới chúng tôi tìm chỗ ngồi thuyết đâu cũng được. Còn y phục, khó có đủ năm y, nên chúng tôi đem vật liệu đổi lấy y. Chúng tôi đã đem vật liệu đi đổi lấy y, rồi chia cho nhau.”

Cư sĩ cơ hiềm nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, thọ nhận không nhằm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Đem vật liệu tôi cúng để cất nhà thuyết giới đổi lấy y chia cho nhau. Làm như tôi không biết y phục khó có đủ năm y. Đức Phật dạy, phước điền thứ nhất là xây cất phòng xá cúng dường cho tứ phương Tăng gia mà!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni kia: “Sao cư sĩ cúng vật liệu để cất nhà thuyết giới, các cô lại đem đổi lấy y chia cho nhau?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni kia:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các tỳ-kheo-ni, sao cư sĩ cúng vật liệu để xây cất nhà thuyết giới, các cô lại đem đổi lấy y chia cho nhau?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni kia rồi bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết vật được đàn-việt cúng Tăng để làm việc này, đem làm việc kia,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Dùng vật thí cho Tăng mà làm việc khác: vật thí để làm nhà thuyết giới lại đem may y; vật thí may y lại đem làm nhà thuyết giới; vật cúng chỗ này đem dùng chỗ khác.

Vật của Tăng, vật vì Tăng, vật thuộc Tăng:

- *Vật của tăng*: vật đã hứa cho Tăng.
- *Vật vì Tăng*: vật vì [729c]Tăng làm mà chưa hứa cho Tăng.
- *Vật thuộc Tăng*: vật đã hứa cho Tăng, đã xả cho Tăng.

Tỳ-kheo-ni biết đàn-việt cúng cho Tăng để làm việc này, đem dùng vào việc khác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

¹ Cf. *Ngũ phần*, ni-tát-kỳ 25: “...vì Tăng... xin từ một cư sĩ mà dùng vào việc khác.” *Thập tụng*, ni-tát-kỳ 26: “...vì Tăng, xin để làm việc này, đem dùng vào việc khác...” Pāli: vật chỉ định cho Tăng (*saṅghikena saññācikenā*) cho việc này mà dùng vào việc khác.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả, phạm đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ dép, kính lễ sát chân Thượng tọa, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay thưa:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tôi, tỳ-kheo-ni tên là..., đem vật cúng cho Tăng để làm việc này, dùng vào việc khác, phạm xả đọa, nay xả cho tăng.”

Xả rồi phải sám hối. Người thọ sám phải tác bạch trước, sau đó mới thọ. Văn bạch như sau:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là..., vật cúng cho Tăng để làm việc này lại đem dùng vào việc khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay tôi nhận sự sám hối của tỳ-kheo-ni có tên... Đây là lời tác bạch.”

Bạch như vậy rồi, sau đó mới nhận sự sám hối. Khi nhận sự sám hối nên nói với người kia:

“Cô hãy tự trách tâm mình.”

Người kia thưa: **“Xin vâng.”**

Tăng nên trả lại y cho tỳ-kheo-ni này liền, bằng pháp bạch nhị yết-ma như vậy: Trong tăng nên sai một vị có thể tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là..., đem vật cúng cho Tăng để làm việc này lại dùng vào việc khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại y cho tỳ-kheo-ni có tên... này. Đây là lời tác bạch.”

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni có tên... này đem vật cúng cho Tăng để làm việc này lại dùng vào việc khác, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng trả y lại cho tỳ-kheo-ni có tên... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.”

“Tăng đã chấp thuận trả y lại cho tỳ-kheo-ni có tên... này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Y đã được xả giữa Tăng rồi, Tăng không trả y lại phạm đột-kiết-la. Khi trả y lại có người bảo ‘đừng trả!’ người ấy phạm đột-kiết-la. Nếu nhận để làm năm y, hoặc chuyển làm tịnh thí, hoặc dùng vào việc khác, hoặc sai cho người, hoặc cố ý làm cho hư hoại, hoặc đem đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo đột-kiết-la. Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc hỏi chủ rồi dùng; tùy theo sự phân phối mà dùng; hoặc khi cúng, người chủ nói: ‘Tùy ý cứ xử dụng;’ thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi [730a1] chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 21. Lạm dụng vật tự mình xin cho Tăng¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni An Ân² muốn đến nước Xá-vệ. Vị tỳ-kheo-ni cựu trú nghe tin tỳ-kheo-ni An Ân sẽ đến, bèn đi từ nhà này đến nhà khác khát cầu và nhận được một số tài vật ẩm thực, rất nhiều.

Đến kỳ hạn, tỳ-kheo-ni An Ân không đến. Các cựu trú tỳ-kheo-ni cùng nhau bàn tính: “Tỳ-kheo-ni An Ân hẹn cùng chúng ta đến nước Xá-vệ. Nhưng cô ấy lại không đến. Y phục của tỳ-kheo-ni rất khó kiếm. Nhưng cần phải đủ năm y. Chúng ta có thể lấy các tài vật này đổi lấy y, cùng chia cho nhau.” Rồi họ đổi lấy năm y và chia nhau.

¹ Cf. Pāli, Niss. 7.

² An Ân 安隱; nơi khác, phiên âm Sai-ma. Xem trước, Tăng-già-bà-thi-sa 7.

Sau đó, tỳ-kheo-ni An Ân đến nước Xá-vệ. Sáng ngày hôm sau, đến giờ, quần y mang bát vào thành khát thực, các cư sĩ thấy, hỏi:

“Này A-di, cô cần gì?”

Cô đáp: “Tôi khát thực.”

Lại hỏi: “Chúng Tăng không có thức ăn sao?”

An Ân trả lời: “Không có.”

Sau đó mấy ngày, cư sĩ đến chỗ các cựu trú tỳ-kheo-ni hỏi:

“Trước đây chúng tôi đều có xuất tài vật cung cấp để làm thức ăn cho tỳ-kheo-ni An Ân. Các cô có làm thức ăn không?”

Trả lời: “Không.”

Lại hỏi: “Vì sao không làm?”

Các cô đáp: “Trước đây tỳ-kheo-ni An Ân hẹn với chúng tôi sẽ đến nước Xá-vệ. Nhưng rồi cô An Ân không đến. Do đó chúng tôi nghĩ rằng: ‘Tỳ-kheo-ni An Ân hẹn cùng chúng ta đến nước Xá-vệ. Nhưng cô ấy lại không đến. Y phục của tỳ-kheo-ni rất khó kiếm. Nhưng cần phải đủ năm y. Chúng ta có thể lấy các tài vật này đổi lấy y, cùng chia cho nhau.’ Rồi chúng tôi đổi y, chia nhau.”

Các cư sĩ đều cơ hiềm, nói: “Các tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng mà trước đây chúng tôi vì tỳ-kheo-ni An Ân cúng tài vật để làm thức ăn, sau đó họ đem đổi lấy y chia cho nhau. Như vậy có gì là chánh pháp? Chúng tôi đâu phải không biết y phục của tỳ-kheo-ni khó kiếm cho đủ năm y. Nhưng chúng tôi sở dĩ cung cấp, chính là để làm thức ăn cho tỳ-kheo-ni An Ân từ xa đến.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách các tỳ-kheo-ni kia: “Tại sao cư sĩ cung cấp tài vật để sắm thức ăn cho tỳ-kheo-ni An Ân mà các cô lại đem đổi lấy y chia cho nhau?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này [730b] tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách các tỳ-kheo-ni kia:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm.

Các tỳ-kheo-ni, sao cư sĩ cung cấp tài vật để làm thức ăn cho tỳ-kheo-ni An Ân mà các cô lại đem đổi lấy y chia cho nhau?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni kia là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vật được bố thí cho việc khác do tự mình xin, xoay dùng việc khác cho Tăng,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Vật được bố thí cho việc khác: vật xin để làm thức ăn mà đem đổi lấy may y; vì xin để may mà đem đổi làm thức ăn; hoặc vì các việc khác nên xin mà đem làm các việc khác nữa.

Tự mình xin: chính mình đi khát cầu.

Tăng vật:² như trước đã giải.

Tỳ-kheo-ni tự mình nhân danh chúng Tăng đi khát cầu rồi đem dùng vào việc khác, phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, như giới trước, rồi sám hối cũng như giới trước.

¹ *Ngũ phần*, ni-tát-kỳ 28: “... tự mình vì mình... xin từ *hiều* cư sĩ...” *Thập tụng*, ni-tát-kỳ 28: “vì số đông (tập thể) 多人 mà xin cho việc này lại dùng vào việc khác.” Pāli, nissaggi 8: vật chỉ định cho đại chúng (*mahājanikena saññācikena*), không phải Tăng, phân biệt với điều 7.

² Thích từ không có trong giới văn.

Tăng nên trả y xả này lại cho tỳ-kheo-ni kia bằng pháp bạch nhị yết-ma, cũng như giới trước. Nếu không trả lại, đem làm năm y, cho đến làm phi y hay mặc thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trước.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nói với cư sĩ rồi mới dùng, hoặc khi cư sĩ cung cấp vật có nói: “Tuỳ ý xử dụng”, như vậy không phạm.

Người không phạm: người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

ĐIỀU 22. Lạm dụng vật dụng đàn-việt³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà⁴ ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni An Ân có một cư sĩ kia là đàn-việt. Đến giờ, cô khoác y, bung bát, đến nhà đàn-việt, trái chỗ ngồi rồi ngồi lên.

Bấy giờ, cư sĩ thưa thăm hỏi: “Cô có được an lạc không?”

Tỳ-kheo-ni An Ân nói: “Không được an lạc.”

Cư sĩ hỏi: “Vì sao không được an lạc?”

An Ân nói: “Chỗ ồn ào nên không được an lạc.”

Cư sĩ hỏi: “Cô không có phòng riêng hay sao?”

An ân nói: “Không có.”

Cư sĩ nói: “Tôi cúng phương tiện, cô có thể cất được không?”

An Ân nói: “Được.”

Cư sĩ liền cung cấp phương tiện cho. Tỳ-kheo-ni kia liền nghĩ: “Ta mà xây cất phòng xá lại thêm lắm chuyện. Trong khi y phục của tỳ-

³ Pāli, Niss. 7.

⁴ Bà-già-bà 婆伽婆, trong bản Hán, tức Thế Tôn. Pāli: *bhagavā*.

kheo-ni khó kiếm đủ năm y. Nay ta [730c] nên đem phương tiện xây cất phòng xá này đổi lấy y.” Rồi cô đi đổi lấy y.

Sau đó một thời gian, tỳ-kheo-ni An Ân khoác y, bưng bát, đến nhà cư sĩ, ngồi nơi chỗ ngồi.

Cư sĩ chào hỏi: “Thưa A-di, nếp sống được an lạc chăng?”

Đáp: “Nếp sống không được an lạc.”

Cư sĩ hỏi: “Tại sao không an lạc?”

Cô ni nói: “Vì chỗ ở ồn ào nên không được an lạc.”

Cư sĩ lại hỏi: “Su cô không có phòng riêng hay sao?”

Cô ni nói: “Không có.”

Cư sĩ vặn hỏi:

“Trước kia tôi đã đưa cô tiền để cô làm nhà, mà cô không làm hả?”

Cô ni nói: “Tôi không làm.”

Lại hỏi: “Vì sao không làm?”

Trả lời: “Tôi tự nghĩ, ta mà đem đồ này đi xây cất phòng xá lại thêm lắm chuyện. Trong khi y phục của tỳ-kheo-ni khó kiếm đủ năm y. Nay ta nên đem phương tiện xây cất phòng xá này đổi lấy y.”

Cư sĩ cơ hiem nói:

“Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tôi cho tiền làm nhà, lại đem đi đổi lấy y. Tôi há không biết y phục tỳ-kheo-ni khó khăn lắm mới có đủ năm y. Nhưng chúng tôi nghe đức Thế Tôn dạy, phước điền đứng vào hàng thứ nhất là xây cất phòng xá cúng dường cho tứ phương Tăng.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách An Ân rằng: “Đàn-việt cho vật dụng để xây cất phòng xá, sao cô lại đem đổi lấy y?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni An Ân:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Đàn-việt cho vật dụng để xây cất phòng xá, sao cô lại đem đổi lấy y?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni An Ấn là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vật dụng đàn-việt cúng cho để làm việc này, xoay làm việc khác,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Vật thí cho việc khác: cúng để xây phòng xá lại đem (đổi) may y; cúng để may y lại đem (đổi) xây phòng xá; cúng làm các việc này lại đem làm các việc kia; phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng như trước. [731a1] Cách xả, sám hối cũng như trước. Tăng phải trả lại y xả này bằng pháp bạch nhị yết-ma, cũng như trước. Nếu không trả lại thọ làm năm y, cho đến làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la, Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hỏi đàn-việt, tùy theo ý của đàn-việt xử dụng, hoặc khi cúng đàn-việt nói: “Cứ xử dụng theo ý muốn”; hoặc người bà con nói: “Cứ dùng như ý muốn, tôi sẽ nói với thí chủ cho”, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

¹ *Ngũ phần*, ni-tát-kỳ 27: “... tự mình (vì cá nhân)... xin từ một cư sĩ...”

ĐIỀU 23. Lạm dụng vật đàn việt cúng cho Tăng²**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà³ ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo-ni cần làm phòng xá nên đi khắp trong nhân gian cầu xin thứ này vật kia. Kết quả thu được số tài vật rất nhiều.

Sau đó các tỳ-kheo-ni lại tự nghĩ: “Nếu ta dùng vật liệu này xây cất phòng xá thì thêm nhiều chuyện. Trong khi đó y phục của tỳ-kheo-ni rất khó có đủ năm y. Nay ta có thể dùng tài vật này để đổi lấy y chia cho nhau.” Nghĩ như vậy xong, họ liền đổi lấy y cùng chia.

Sau đó một thời gian các cư sĩ hỏi:

“Trước đây chúng tôi cúng tài vật để xây phòng xá. Cuối cùng có xây cất hay không?”

Các cô ni nói: “Không xây cất.”

Các cư sĩ hỏi: “Tại sao không xây cất?”

Các cô trả lời: “Chúng tôi tự nghĩ, cất phòng xá thì thêm chuyện. Trong khi đó y phục của tỳ-kheo-ni khó đủ được năm y. Nên chúng tôi đem tài vật đó đổi lấy y và chia cho nhau. Nghĩ xong, chúng tôi liền đổi lấy y chia cho nhau.”

Khi ấy các cư sĩ nghe, đều cơ hiềm nói:

“Các tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là chánh pháp? Dem tiền chúng tôi cúng để cất phòng xá, đổi lấy y chia cho nhau. Đâu phải chúng tôi không biết y phục của tỳ-kheo-ni khó đủ năm y! Nhưng chúng tôi nghe đức Thế Tôn dạy, phước điền đệ nhất hơn hết là xây cất phòng xá cúng dường cho tứ phương Tăng.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách tỳ-kheo-ni kia: “Sao các cô

² Pāli, cf. Niss. 7

³ Xem cht. 10 điều 22.

đem tiền cho để làm nhà đi đôi lấy y chia nhau?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. [731b] Sao các cô đem tiền cho để làm nhà đi đôi lấy y chia nhau?”

Dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni kia là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vật đàn việt cúng để làm việc này do tự mình đã tìm cầu cho Tăng, xoay dùng qua việc khác,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Vật cúng để làm việc này: cúng làm phòng Tăng đem may y, cúng may y đem làm phòng Tăng, cúng làm các việc này đem làm các việc kia.

Tự mình tìm cầu: tự mình đích thân đến các nơi xin.

Vật vì Tăng: tức là vật của Tăng, như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni đem vật của thí chủ cúng cho Tăng, làm việc khác, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

¹ Phân biệt điều 23 này (vì tập thể) với điều 20 (vì Tăng). *Ngũ phân*, ni-tát-kỳ 26: “... tự mình vì Tăng... xin từ *nhiều* cư sĩ mà dùng vào việc khác (cho Tăng)” Pāli, nissaggi 9: vật chỉ định cho đại chúng, do cá nhân xin.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng. Phương thức xả, xả rồi phải sám hối, như trên đã nói.

Tăng nên trả y xả kia lại bằng bạch nhị yết-ma cũng như trước đã nói. Nếu không trả lại, thọ làm năm y, cho đến làm phi y, hay mặc thường xuyên, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu hỏi người chủ, xử dụng theo ý nguyện của họ, hoặc khi cúng họ nói: “Cứ xử dụng theo ý muốn”, hoặc người bà con nói: “Cứ xử dụng theo ý chư Tăng, tôi sẽ nói lại với chủ cho”, như vậy thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 24. Chứa bát dư²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bây giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni thọ trì bát có màu sắc tốt; còn cái cũ thì cất đi. Họ chứa nhiều bát mà không rửa, không vá. Số bát chứa để như vậy rất nhiều. Các cư sĩ đến thăm chùa, thấy vậy, cơ hiềm nói: “Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy làm gì có chánh pháp? Chứa nhiều bát, cái nào màu sắc tốt thì dùng, cái nào cũ thì bỏ bừa bãi nơi đất; giống như cửa hàng bán đồ gốm.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô cất chứa nhiều bát, cái tốt dùng, cái cũ không rửa, không tu bổ, bỏ bừa bãi dưới đất?”

² Cf. Pāli, Niss. 1, Vin. iv 243. *Ngũ phần:* điều 30; *Tăng kỳ:* điều 14, cf. điều 21; *Thập tụng:* điều 19; *Căn bản:* điều 20.

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp [731c] Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô thọ trì bát có màu mới tốt, còn những cái cũ không rửa, không vá, bỏ bừa bãi dưới đất?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chứa bát dư,¹ ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni kia ngày nào nhận được bát, ngay trong ngày hôm ấy nên thọ trì một bát, còn bao nhiêu cái khác nên tịnh thí, hoặc sai cho người khác. Nếu tỳ-kheo-ni chứa bát dư, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng. Pháp xả, pháp sám hối, sau khi xả như trên.

Tăng nên trả lại chiếc bát xả này bằng bạch nhị yết-ma, như trước. Nếu không trả lại (...) *cho đến câu*: dùng như phi bát, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trước.

¹ Súc trường bát 畜長鉢. *Ngũ phần*: đa tích tụ bát, chất chứa nhiều bát. *Tăng kỳ*: điều 14: "... chứa bát dư..."; điều 21: "...bát dư được phép chứa 10 ngày..." *Thập tụng*: "chứa bát dư cho đến một đêm." *Căn bản*: "được chứa bát dư qua một đêm." Pāli: *pattasannicayaṃ*, tích chứa bát. Giải thích, Vin. iv. 243: *nissaggiyo hotīi saha aruṇuggamanā nissaggiyo hoti*, (cắt chứa qua một đêm), khi mặt trời mọc, phạm ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trong ngày nhận được bát liền thọ trì một bát, còn những cái kia tịnh thí; hoặc sai cho người;¹ hoặc tưởng bị cướp, tưởng bị mất, tưởng bị vỡ, tưởng bị nước cuốn mà không tịnh thí, không sai cho người thì không phạm.

Nếu bát bị cướp, bát bị mất, bát bị vỡ, bát bị cuốn trôi, hoặc tự lấy dùng, hoặc người khác cho dùng thì không phạm. Hoặc người được gởi bát qua đò, hoặc đi xa, hoặc thô tu, hoặc bị cướp bắt dẫn đi, hoặc gặp ác thú, hoặc bị nước cuốn trôi không tác tịnh thí, không sai cho người thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 25. Đồ dùng có màu sắc²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni cất chứa nhiều đồ dùng với màu sắc tốt đẹp; những cái xấu vất bỏ bừa bãi dưới đất không sửa chữa, không rửa, không sắp xếp.

Lúc ấy có số đông cư sĩ đến chùa thăm, nhìn thấy, cơ hiềm nói rằng: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này, thọ nhận không biết nhàm chán, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Chứa nhiều đồ dùng, bỏ bừa bãi dưới đất như cửa hàng bán đồ gốm.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục [732a1] tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, cố tâm quý, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô chứa nhiều đồ dùng, bỏ bừa bãi dưới đất?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên

¹ Pāli, *vissajjati*, xem cht. 4, ni-tát-kỳ 19 trước.

² *Ngũ phần:* điều 29.

đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô chứa nhiều đồ dùng, bỏ bừa bãi dưới đất?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các Tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chứa nhiều đồ dùng³ có màu sắc đẹp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni ngày nào nhận được đồ dùng, trong ngày nhận được nên thọ trì ngay, được tính vào mười sáu thứ cần dùng. Ngoài ra nên tịnh thí hoặc sai cho người. Mười sáu thứ là: chõ lớn, nắp chõ, bát lớn, thìa lớn, hũ nhỏ, nắp hũ, bát nhỏ, thìa, bình nước uống, nắp bình, bát lớn chứa nước uống, thìa nhỏ, bình đựng nước rửa, nắp bình, bát uống nước, ly uống nước. Tỳ-kheo-ni nào, chứa nhiều đồ dùng, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ này phải xả giữa Tăng, như trước. Xả rồi phải sám hối. Pháp sám hối cũng như trước.

Tăng phải trả lại vật xả này bằng pháp bạch nhị yết-ma, như trước. Nếu Tăng không trả lại, *cho đến*, thường xuyên dùng, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trên.

³ Hán: súc đa khí 畜多器. *Ngũ phần*: tàng tích khí vật 藏積器物; giải thích (tr.85a25): “*Khi vật*, chỉ đồ dụng nhu yếu sinh hoạt (tư sinh khí vật 資生器物). Chỉ cho phép chứa bình đựng sữa, dầu, mật, hương được, tương lạc. Mỗi thứ một cái.”

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngày nào nhận được đồ dùng thọ trì được tính vào mười sáu thứ cần dùng như trên, ngoài ra tịnh thí hay sai cho người; hoặc tưởng bị cướp, tưởng bị mất, tưởng bị phá vỡ, tưởng bị cuốn trôi mà không tác tịnh, không sai cho người. Thấy đều không phạm. Nếu đồ bị cướp, bị mất, bị vỡ, bị nước cuốn trôi, hoặc cần lấy để dùng, hoặc người khác cho sử dụng, hoặc tỳ-kheo-ni gởi đồ bị quá vãng, hoặc thôi tu, hoặc đi xa, hoặc giấc bắt dẫn đi, hoặc bị nạn ác thú, nước trôi nên không tác tịnh, không sai cho người. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 26. Hứa cho tỳ-kheo-ni y bệnh ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, [732b] các tỳ-kheo-ni đến ngày nguyệt kỳ, y và ngoạ cụ bị làm bẩn.²

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn cho phép quán y ngăn nguyệt kỳ.³ Nếu bị tuột, cho phép làm dây đai.

Nguyệt thủy vẫn từ hai bên tiết ra, làm bẩn y, Phật lại cho phép may bệnh y mặc chồng lên, bên ngoài mặc niết-bàn-tăng.

Khi đến nhà bạch y, họ mời ngồi, cô ni nên nói: “Tôi có bệnh.” Nếu họ nói: ‘Cứ ngồi, không sao.’ Tỳ-kheo-ni nên vén niết-bàn-tăng, rồi lấy y bệnh che thân mà ngồi.

¹ Pāli, Pāc. 47. *Căn bản:* ba-dật-đề, điều 143 & 144.

² Cf. *Ngũ phần*, ni-tát-kỳ 22, tr.84a26.

³ Già nguyệt kỳ y 遮月期衣. *Ngũ phần:* già nguyệt thủy y 遮月水衣. Pāli: *āvasathacīvara:* y nghi nhà, giải thích (Vin.iv 303): để tỳ-kheo-ni dùng khi có kinh (*utuniyo bhikkhuniyo paribhuñjantu*).

Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na thường tự nói mình không có dục tướng, và bảo tất cả các tỳ-kheo-ni khác rằng: “Khi nào có nguyệt kỳ thì đến tôi lấy y này mà dùng.”

Các cô đáp: “Được.”

Các tỳ-kheo-ni thường trông vào y đó nên không may y khác. Sau đó tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na lại có nguyệt kỳ. Đồng thời tỳ-kheo-ni khác cũng có nguyệt kỳ. Các tỳ-kheo-ni khác sai người đến tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na nói:

“Trước đây cô hứa cho tôi bệnh y, nay xin được nhận.”

Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na nói: “Nay tôi cũng có nguyệt kỳ, không thể cho được.” Tỳ-kheo-ni hiềm trách:

“Trước đây cô bảo tôi, khi có nguyệt kỳ đến cô lấy bệnh y. Tôi tin tưởng mượn được nên không sắm bệnh y. Nay tôi nhờ người đến hỏi, tại sao không đưa?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na: “Cô đã hứa cho tỳ-kheo-ni kia mượn bệnh y, nên không sắm. Nay sai người đến lấy, sao cô lại không đưa?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch chư Tăng tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na, Cô đã hứa cho tỳ-kheo-ni kia mượn bệnh y, nên không sắm. Nay sai người đến lấy, sao cô lại không đưa?”

Dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na rồi, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Chiên-đàn-thâu-na này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hứa cho tỳ-kheo-ni khác y bệnh,¹ sau không cho,² ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

[732c] *Tỳ-kheo-ni*: nghĩa như trước.

Y bệnh: khi nguyệt thủy xuất, mặc để ngăn thân trong, bên ngoài mặc niết-bàn-tăng.

Y: Có mười loại như trước đã giải.

Tỳ-kheo-ni hứa cho y bệnh mà không trao, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ngoài y bệnh, hứa cho các y khác mà không cho, mắc đột-kiết-la. Ngoài y, hứa cho các vật dụng khác mà không cho đều mắc đột-kiết-la.

Nếu tỳ-kheo-ni hứa cho y bệnh cho tỳ-kheo-ni rồi sau không cho, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, như trên. Xả rồi phải sám hối cũng như trên. Tăng nên trả vật xả này lại liền cũng như trước. Nếu không trả lại, thọ làm năm y, *cho đến câu* thường xuyên dùng, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo(?)³ đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hứa cho y bệnh rồi cho. Nếu không có y bệnh; hoặc y bệnh đang được may, giặt, nhuộm, đập, cắt nơi bảo đảm không tìm được; không phạm.

Hoặc tỳ-kheo-ni kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc bị diệt tận, hoặc đáng diệt tận, hoặc do nhân duyên này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn, nên hứa cho y bệnh mà không cho thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

¹ Hán: bệnh y 病衣.

² *Ngũ phần*: "... bảo tỳ-kheo-ni khác hãy dùng già nguyệt thủy y, mình không dùng; nhưng lâm thời lại dùng trước..." Pāli, Pāc. 47: *anissajjitvā paribhuñjeyya*, không xả mà tiếp tục dùng; giải thích: "Đã sử dụng qua hai hoặc ba ngày, đến ngày thứ tư, đem giặt rồi dùng mà không xả cho các tỳ-kheo-ni khác..."

³ Y theo bản Hán. Có lẽ người chép theo quán tính.

ĐIỀU 27. Y phi thời¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng y phi thời thọ làm thời y.²

Các tỳ-kheo-ni thấy, nói: “Đức Thế Tôn cho phép tỳ-kheo-ni được chứa năm y, y này là y của ai?”

Nhóm sáu tỳ-kheo-ni nói: “Thời y của chúng tôi đó.”

Chư ni hỏi: “Này các cô, hiện tại là thời, hay là phi thời đối với y?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Sao các cô dùng phi thời y thọ làm thời y?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều phi pháp, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô dùng phi thời y thọ làm thời y?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người [733a1] đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.”

¹ Pāli, Niss. 2, Vin. iv 245. *Ngũ phần*: điều 19. *Thập tụng*: điều 20, điều 21.

² *Ngũ phần*, điều 19: Vì vậy, tỳ-kheo-ni khách không thể được y. Pāli, Niss.2: Sau an cư, cư sĩ cúng cho các tỳ-kheo-ni y phi thời (*akālacīvarā*) cho các tỳ-kheo-ni có y rách. Tỳ-kheo-ni Thullanandā nói đó là thời y (*kālacīvaran ti*), bèn đem phân phối trong Tăng; do đó, các tỳ-kheo-ni có y rách không nhận được y mới.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

***Tỳ-kheo-ni nào, dùng y phi thời, sử dụng làm y đúng thời,³
ni-tát-kỳ ba-dật-đề.***

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Thời y: y đúng thời, an cư xong không thọ y ca-thi-na, trong vòng một tháng, có thọ y ca-thi-na trong vòng năm tháng.

Y phi thời: ngoài thời gian nói trên, được y mà cất chứa.

Y: có mười loại như trước.

Nếu tỳ-kheo-ni dùng y phi thời này sử dụng làm y đúng thời, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, như trên. Xả rồi phải sám hối, như trên.

Tăng nên trả lại y vật đã xả bằng pháp bạch nhị yết-ma, cũng như trước. Nếu không trả lại, thọ làm năm y... *cho đến câu*: thường xuyên dùng, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Y phi thời sử dụng làm y phi thời; y đúng thời sử dụng làm y đúng thời thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 28. ĐỐI Y RỒI ĐOẠT LẠI⁴

³ *Thập tụng*, điều 20: "... lấy thời y làm phi thời y rồi phân chia." (thời y chỉ chia cho cụ trụ tỳ-kheo-ni tại trú xứ an cư; phi thời y, chia cả cụ và khách). Điều 21, ngược lại: "... lấy y phi thời y làm thời y rồi phân chia..." (để khỏi phải chia cho khách ni). Pāli: *akālacīvaram kālacīvaran ti adiṭṭhahitvā bhājāpeyya*, như *Thập tụng*.

⁴ Pāli, Niss.3, Vin. iv. 246. *Ngũ phần*: điều 20. *Tăng kỳ*: điều 24. *Thập tụng*: điều 22. *Căn bản*: điều 17.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cùng với tỳ-kheo-ni khác đổi y. Sau vì giận hờn đoạt lấy lại, nói: “Trả y lại cho tôi. Tôi không đổi cho cô. Y của cô thuộc về cô. Y của tôi thuộc về tôi. Cô tự lấy y của cô. Tôi tự lấy y của tôi.”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Sao cô cùng với tỳ-kheo-ni đổi y, sau vì giận hờn đoạt lấy lại và nói, ‘Trả y lại cho tôi. Tôi không đổi cho cô. Y của cô thuộc về cô. Y của tôi thuộc về tôi. Cô tự lấy y của cô. Tôi tự lấy y của tôi.’?”

Khi ấy các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, sao cô cùng với tỳ-kheo-ni khác đổi y, sau vì giận hờn đoạt lấy lại?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni [733b] Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng với tỳ-kheo-ni khác trao đổi y, sau giận hờn đoạt lấy lại, hoặc bảo người đoạt lấy, nói: ‘Cô trả y tôi lại. Tôi không đổi cho cô. Y cô thuộc về cô. Y tôi trả lại tôi’; ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Y: có mười loại, như trước.

Trao đổi: dùng y đổi y; dùng y đổi phi y; dùng phi y đổi y; hoặc dùng phi y đổi phi y. Hoặc dùng kim, dao, chỉ, tạp vật đổi lẫn nhau; cho đến dùng một viên thuốc để đổi.

Tỳ-kheo-ni cùng với tỳ-kheo-ni khác trao đổi y, sau vì giận hờn đoạt lại, hoặc bảo người đoạt, lấy đem cất, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Đoạt mà không lấy đem cất, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni kia được y đem treo trên cây, trên tường, trên rào, trên trụ cột, trên cọc ngà voi, trên giá móc y, trên giường dây, giường gỗ, trên nệm lớn, nệm nhỏ, hoặc trải trên đất, nếu lấy khỏi chỗ, ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Lấy không khỏi chỗ, đột-kiết-la. Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, như trước. Xả rồi phải sám hối như trước.

Tăng phải trả lại y kia bằng bạch nhị yết-ma cũng như trước. Nếu không trả lại, thọ làm năm y, *cho đến* dùng mặc mãi, tất cả đều phạm đột-kiết-la, cũng như trên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Dùng lời hòa nhã, khuyên dụ nói: “Này cô, tôi hối hận. Cô trả lại y của tôi.” Cô kia biết có sự hối hận, trả lại y. Hoặc có tỳ-kheo-ni khác nói:

“Tỳ-kheo-ni này muốn đổi lại. Cô nên trả y lại cho cô ấy.”

Hoặc cô kia mượn mặc một cách không đạo lý, cho nên phải đòi lại. Hoặc dự biết sẽ bị mất, hoặc sợ hư hoại, hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc diệt tẩn, hoặc đáng bị diệt tẩn, hoặc sự việc này sẽ đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn, đoạt lại mà không đem cất. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 29. Xin y nặng ¹

¹ Pāli, Nis. 11.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trên giảng đường Cao các¹, bên sông Di hầu tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, người Lê-xa² ở Tỳ-xá-ly có nhân duyên cần nhận tài vật từ một cư sĩ nọ. Khi ấy có tỳ-kheo-ni tên là Ca-la thường lui tới nhà cư sĩ này, xem như là một đàn-việt.

Lê-xa nói với Ca-la rằng:

“A-di, tôi muốn đến [733c] sư cô nhờ chút việc về tài vật.”

Ca-la nói: “Có thể được.”

Rồi cô giúp làm xong việc ấy. Lê-xa được tài vật vui vẻ, hỏi rằng:

“Sư cô cần vật gì, bảo cho tôi biết.”

Ca-la nói: “Thôi, như thế đã là cúng dường cho tôi rồi.”

Lê-xa lại hỏi: “Sư cô cần gì, xin cứ nói.”

Ca-la nói: “Thôi, nói làm gì. Giả sử tôi có cần gì đi nữa, thì ông cũng không thể cho.”

Cư sĩ lại nói: “Sư cô cứ nói cần cái gì, tôi sẽ cúng cho.”

Tỳ-kheo-ni Ca-la liền chỉ một chiếc y trị giá một ngàn trương điệp và nói: “Tôi cần tấm y như vậy.”

Bấy giờ, các cư sĩ cùng nhau cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại yêu sách y trị giá một ngàn trương điệp? Giả sử đàn-việt có cho, thì mình cũng phải biết vừa đủ.”

Cư sĩ liền đem y trao cho Ca-la, lại nói: “Vừa rồi nếu tôi tự thu xếp công việc thì đâu có phải mất chiếc y này!”

Bấy giờ, lại có tỳ-kheo-ni Bạt-đà ca-tỳ-la cũng đến nhà bà con, an tọa nơi chỗ ngồi. Các cư sĩ hỏi: “A-di cần thứ gì?”

Cô ni nói: “Thôi, như thế cũng là cúng dường cho tôi rồi.”

¹ Cao các giảng đường 高閣講堂. Những chỗ khác, hoặc nói là *Trùng các giảng đường*; hoặc nói là *Lâu các giảng đường*.

² Lê-xa, hoặc phiên âm Ly-xa. Pāli: Licchavī.

Người cư sĩ lại nói: “Cần thứ gì xin cứ nói.”

Cô ni nói: “Thôi, nói làm gì. Giả sử tôi có cần gì đi nữa, thì ông cũng không thể cho.”

Cư sĩ nói: “Tôi sẽ cho chứ không phải không cho. Nhưng cứ nói muốn cần cái gì.”

Khi ấy, cô ni chỉ tấm y (vải) trị giá một ngàn trương điệp và nói: “Tôi cần tấm y đây.”

Bấy giờ, các cư sĩ cùng nhau cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại yêu sách y trị giá một ngàn trương điệp? Giả sử đàn-việt có cho, thì mình cũng phải biết vừa đủ.”

Cư sĩ đưa tấm y (vải) rồi, nói:

“Tỳ-kheo-ni dùng chiếc y quý giá này để làm gì?”

Bấy giờ các tỳ-kheo-ni nghe những việc này, trong đó có vị thiếu dục tri túc sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Bạt-đà ca-tỳ-la rằng: “Sao tỳ-kheo-ni lại đến nơi cư sĩ đòi hỏi chiếc y trị giá một ngàn trương điệp?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni Ca-la và Bạt-đà ca-tỳ-la:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lại đến cư sĩ đòi hỏi chiếc y trị giá một ngàn trương điệp?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách bảo các tỳ-kheo:

“Hai Tỳ-kheo-ni Ca-la và Bạt-đà ca-tỳ-la này [734a1] là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cử trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xin y nặng,¹ tối đa bằng giá bốn lớp trang điệp;² nếu quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Y nặng (y dày): y chống lạnh.

Y: có mùi loại như trên.

Khi tỳ-kheo-ni mong cầu y dày, nhiều nhất là 16 điều. Nếu tỳ-kheo-ni mong cầu y dày, trị giá quá 4 trang điệp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, như trên. Xả y rồi phải sám hối, cũng như trên.

Tăng phải trả y lại cho tỳ-kheo-ni kia bằng pháp bạch nhị yết-ma, như trước. Nếu Tăng không trả lại, hoặc thọ làm năm y, cho đến thường xuyên dùng, tất cả đều phạm đột-kiết-la, như trên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đòi hỏi y bằng bốn trang điệp, hoặc ít hơn; hoặc xin nơi người xuất gia; hoặc người kia vì mình xin, mình vì người kia xin; hoặc không xin mà được. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 30. Xin y nhẹ³

¹ Trọng y 重衣 (y dày), trái với khinh y (y nhẹ) được nói ở điều sau. Pāli, Niss.11, Vin.iv. 255): *garupāvuraṇa*, giải thích: *yaṃ kiñci sītakāle pāvuraṇam*, loại áo choàng ngoài vào mùa lạnh.

² Trang điệp 張疊. *Ngũ phần* (điều 23): "... y nặng với giá tiền lớn (tứ đại tiền 四大錢). *Tăng kỳ* (điều 19): "...mua y nặng quá 4 yết-li-sa-bàn 羯利沙槃..." *Thập tụng* (điều 29): "...xin y nặng, nên xin y với giá 4 tiền, không được quá..." Pāli, ibid., *catukamsaparamam*, 4 tiền đồng. *Kaṃsa*, tiền đúc bằng đồng thau hay đồng la. 1 *kaṃsa* bằng 4 *kahāpaṇa*. Không có ý kiến thống nhất về giá trị các đơn vị tiền tệ này.

³ Pāli, Niss. 12.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, một người Lê-xa ở Tỳ-xá-ly có nhân duyên cần lấy tài vật từ một cư sĩ nọ. Tỳ-kheo-ni tên là Ca-la thường tới lui nhà này, xem như một đàn-việt. Lê-xa nói với tỳ-kheo-ni Ca-la:

“A-di, cô có thể vì tôi thu xếp chuyện tài vật này được không?”

Cô ni trả lời: “Được.”

Sau khi thu xếp tài vật xong, nhận được tài vật rồi, Lê-xa vui vẻ nói:

“A-di, cô cần thứ gì?”

Cô ni nói: “Thôi, như thế là cúng dường tôi rồi!”

Lê-xa lại nói: “Cần gì, sư cô cứ nói.”

Cô ni nói: “Thôi, giả sử tôi có cần đi nữa, ông cũng không thể cho.”

Lê-xa lại nói: “Tôi sẽ cho chứ không phải không cho. Cô cứ nói.”

Cô ni liền chỉ nơi chiếc y nhẹ (mỏng) trị giá năm trăm trương điệp nói: “Tôi cần tấm y (vải) như vậy.”

Cư sĩ đều cơ hiềm, nói:

“Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại đòi y mỏng với giá năm trăm trương điệp? Dù đàn-việt có cúng cũng phải biết đủ chứ!”

Lê-xa đem chiếc y trao cho cô ni và nói như vậy:

“Vừa rồi, nếu tôi tự thu xếp công việc thì đâu có mất chiếc y này!”

Bấy giờ, [734b] lại có tỳ-kheo-ni Bạt-đà Ca-tỳ-la cũng đến nhà bà con, an tọa nơi chỗ ngồi. Các cư sĩ hỏi:

“A-di cần thứ gì?”

Cô ni nói: “Thôi, như thế cũng là cúng dường cho tôi rồi.”

Người cư sĩ lại nói: “Cần thứ gì xin cứ nói.”

Cô ni nói: “Thôi, nói làm gì. Giả sử tôi có cần gì đi nữa, thì ông cũng không thể cho.”

Cư sĩ nói: “Tôi sẽ cho chứ không phải không cho. Nhưng cứ nói muốn cần cái gì.”

Cô ni liền chỉ nơi chiếc y mỏng, trị giá năm trăm trương điệp và nói: “Tôi cần chiếc y này.”

Cư sĩ kia cơ hiềm nói: “Tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại đòi y mỏng với giá năm trăm trương điệp? Dù đàn-việt có cúng cũng phải biết đủ chứ!”

Cư sĩ đem chiếc y trao và nói rằng:

“Tỳ-kheo-ni này dùng chiếc y quý giá này để làm gì?”

Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu đức tri túc sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách hai tỳ-kheo-ni Ca-la và Bạt-đà ca-tỳ-la rằng: ‘Sao các cô lại đến cư sĩ đòi chiếc y mỏng trị giá năm trăm trương điệp?’

Bấy giờ các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Ca-la và Bạt-đà ca-tỳ-la rằng:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao hai cô lại đến cư sĩ đòi chiếc y mỏng trị giá năm trăm trương điệp?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách bảo các tỳ-kheo: “Hai tỳ-kheo-ni Ca-la và Bạt-đà ca-tỳ-la này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, muốn xin y nhẹ (mỏng),¹ giá tối đa là hai

¹ Kinh y 輕衣, y (vải) nhẹ hay mỏng; trái với trọng y, xem trên. Pāli, Pāc. 12, Vin. iv 256: *lahupāraṇaṃ*, áo choàng nhẹ mặc trong mùa nóng (*uṇhakāle pāvuraṇaṃ*).

trương điệp rười,¹ nếu quá, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Y nhẹ (mỏng): y chống nóng.

Y: có mùi loại như trên.

Nếu tỳ-kheo-ni xin y mỏng, nhiều nhất là mười điều. Nếu tỳ-kheo-ni xin y mỏng quá 2,5 trương điệp, ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, như trên. Xả rồi phải sám hối cũng như trên.

Tăng phải trả y xả này lại cho vị kia bằng pháp bạch nhị yết-ma, như trước. Nếu Tăng không trả lại, thọ làm năm y, ... cho đến làm phi y, hay dùng mặc mãi, tất cả đều phạm [734c] đột-kiết-la, như trên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đột-kiết-la, như vậy gọi là phạm.

Sự không phạm: Xin y mỏng với mức 2,5 trương điệp, hoặc dưới 2,5 trương điệp; hoặc đến người xuất gia xin; hoặc mình vì người xin, người vì mình xin, hay không xin mà được. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

¹ Trương điệp, xem cht. 37 trên. *Ngũ phần* (điều 24): "... y nhẹ, giá 2 tiền lớn rười..." *Tăng kỳ* (điều 20): "... y nhẹ, ... quá 2 yết-lị-sa-bàn rười..." *Thập tụng*: "... y nhẹ... 2 tiền rười..."

CHƯƠNG IV BA-DẬT-ĐỀ

A - THÔNG GIỚI¹

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-luật, Thích-súy-sầu, nước Ca-duy-la-vê. Bảy giờ, đức Thế Tôn dùng những nhân duyên này (như Tăng) tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo:

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

ĐIỀU 1

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý nói dối, ba-dật-đề.^{*2}

ĐIỀU 2

Tỳ-kheo-ni nào, nói lời mạ nhục, ba-dật-đề.^{*3}

ĐIỀU 3

Tỳ-kheo-ni nào, nói lời hai lưỡi (ly gián), ba-dật-đề.^{*4}

ĐIỀU 4

Tỳ-kheo-ni nào, ngủ đêm chung phòng với người nam, ba-dật-đề.^{*5}

ĐIỀU 5

¹ *Từ phần*: 178 điều, có 69 thông giới, là những điều học chung cho cả hai bộ. Duyên khởi, từ các tỳ-kheo. Xem Phần I ch. vi.- Những điều thuộc thông giới có đánh dấu hoa thị (*). – *Ngũ phần*: 210 ba-dật-đề 波逸提. *Tăng kỳ*: 140 ba-dạ-đề 波夜提. *Thập tụng*: 178 ba-dạ-đề 波夜提. *Căn bản ni*: 180 ba-dật-đề-ca 波逸底迦. Pāli, *pācittiyā*, 166 điều; trong đó, 70 điều thuộc thông giới không có giới văn.

² Xem Phần I, Ch. v. Ba-dật-đề 1. Văn cú có vài điểm bất đồng về hình thức; do hành văn của bản Hán.

³ nt. ba-dật-đề 2.

⁴ nt. ba-dật-đề 3

⁵ nt. ba-dật-đề 4

*Tỳ-kheo-ni nào, ngủ đêm chung phòng với người nữ chưa thọ đại giới, quá ba đêm, ba-dật-đề.*⁶*

ĐIỀU 6

*Tỳ-kheo-ni nào, cùng tụng pháp với người chưa thọ giới, ba-dật-đề.*⁷*

ĐIỀU 7

*Tỳ-kheo-ni nào, biết người khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ đại giới, ba-dật-đề, trừ tăng yết-ma.*⁸*

ĐIỀU 8

*Tỳ-kheo-ni nào, đối với người chưa thọ đại giới, mà tự nói rằng chứng ngộ pháp thượng nhân rằng: ‘Tôi biết điều ấy, tôi thấy điều ấy,’ dù là sự thật, ba-dật-đề.*⁹*

ĐIỀU 9

*Tỳ-kheo-ni nào, nói pháp cho người nam quá năm, sáu lời, ba-dật-đề. Trừ có mặt người nữ có trí.*¹⁰*

ĐIỀU 10

*Tỳ-kheo-ni nào, tự tay đào đất hay bảo người đào, ba-dật-đề.*¹¹*

ĐIỀU 11

*Tỳ-kheo-ni nào, phá hoại mầm sống cây cỏ, ba-dật-đề.*¹²*

⁶ nt. ba-dật-đề 5

⁷ nt. ba-dật-đề 6

⁸ nt. ba-dật-đề 7

⁹ nt. ba-dật-đề 8

¹⁰ nt. ba-dật-đề 9

¹¹ nt. ba-dật-đề 10

¹² nt. ba-dật-đề 11

ĐIỀU 12

*Tỳ-kheo-ni nào, cố ý nói quanh và gây phiền vị khác, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 13

*Tỳ-kheo-ni nào, chê bai và nói xấu (tri sự Tăng) ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 14

*Tỳ-kheo-ni nào, mang giường nằm, ghé ngò, hoặc ngọa cụ, nệm ngò của Tăng [735a] bày ra giữa đất trống, hoặc sai người bày; khi bỏ đi không tự mình dọn cất, không bảo người dọn cất, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 15

*Tỳ-kheo-ni nào, ở trong Tăng phòng, tự mình hoặc bảo người, trải ngọa cụ của Tăng để ngò, hoặc nằm; khi đi không tự mình dọn cất, ba-dật-đề.*⁴*

ĐIỀU 16

*Tỳ-kheo-ni nào, đã biết đó là chỗ nghỉ của tỳ-kheo-ni khác, mình đến sau cố chen vào giữa trải ngọa cụ để ngủ nghỉ, với ý nghĩ rằng: ‘người kia nếu hiềm chận thì sẽ tự tránh đi chỗ khác’; hành động vì nhân duyên ấy chứ không gì khác, chẳng phải oai nghi, ba-dật-đề.*⁵*

ĐIỀU 17

*Tỳ-kheo-ni nào, giận hờn, không ưa tỳ-kheo-ni khác, tự mình lôi kéo họ ra khỏi Tăng phòng, hay bảo người khác lôi ra, ba-dật-đề.*⁶*

¹ nt. ba-dật-đề 12

² nt. ba-dật-đề 13.

³ nt. ba-dật-đề 14.

⁴ nt. ba-dật-đề 15.

⁵ nt. ba-dật-đề 16.

⁶ nt. ba-dật-đề 17.

ĐIỀU 18

*Tỳ-kheo-ni nào, ở trên tầng gác, nằm hay ngồi trên giường, ghé bằng chân ráp bị sút ra, ba-dật-đề.*⁷*

ĐIỀU 19

*Tỳ-kheo-ni nào, biết nước có trùng, mà tự mình dùng hoặc báo người tưới lên bùn hoặc cỏ, ba-dật-đề.*⁸*

ĐIỀU 20

*Tỳ-kheo-ni nào, làm phòng xá lớn, cánh cửa, khung cửa sổ, và các đồ trang trí khác, chỉ bảo người thợ tranh, ngang bằng hai, ba lớp. Nếu quá, ba-dật-đề.*⁹*

ĐIỀU 21

*Tỳ-kheo-ni nào, tại trú xứ chỉ cúng một bữa ăn, tỳ-kheo-ni không bệnh nên ăn một bữa, nếu thọ nhận quá, ba-dật-đề.*¹⁰*

ĐIỀU 22

*Tỳ-kheo-ni nào, ăn chúng riêng, ba-dật-đề. Trừ các trường hợp khác là khi bệnh, thời gian may y, thời gian thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi sa-môn thí thực. Đó là các trường hợp khác.*¹¹*

ĐIỀU 23

Tỳ-kheo-ni nào, đến nhà đàn-việt, được ân cần cúng thức ăn, bánh, bột. Tỳ-kheo-ni cần thì nhận hai ba bát, mang về trong chùa, nên chia cho các tỳ-kheo-ni khác cùng ăn. Nếu tỳ-

⁷ nt. ba-dật-đề 18.

⁸ nt. ba-dật-đề 19.

⁹ nt. ba-dật-đề 20.

¹⁰ nt. ba-dật-đề 31.

¹¹ nt. ba-dật-đề 33.

*kheo-ni không bệnh, nhận quá ba bát đem về trong chùa, không chia cho các tỳ-kheo-ni khác ăn, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 24

*Tỳ-kheo-ni nào, ăn phi thời, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 25

*Tỳ-kheo-ni nào, ăn thức ăn thừa cách đêm, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 26

*Tỳ-kheo-ni nào, thức ăn và thuốc không được (người khác) trao cho mà đưa vào miệng, trừ nước và [735b] tắm, ba-dật-đề.*⁴*

ĐIỀU 27

*Tỳ-kheo-ni nào, trước đã nhận lời mời rồi, nhưng trước hay sau bữa ăn đi đến nhà người khác mà không dẫn lại tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là khi bệnh, thời gian may y, thời gian thí y. Đó là trường hợp đặc biệt.*⁵*

ĐIỀU 28

*Tỳ-kheo-ni nào, trong nhà có ăn, có vật quý mà cố ngồi nán, ba-dật-đề.*⁶*

ĐIỀU 29

*Tỳ-kheo-ni nào, trong nhà có ăn, có vật quý mà ngồi chỗ khuất, ba-dật-đề.*⁷*

¹ nt. ba-dật-đề 34.

² nt. ba-dật-đề 37.

³ nt. ba-dật-đề 38.

⁴ nt. ba-dật-đề 39.

⁵ nt. ba-dật-đề 42.

⁶ nt. ba-dật-đề 43.

⁷ nt. ba-dật-đề 44.

ĐIỀU 30

*Tỳ-kheo-ni nào, một mình ngồi với người nam tại chỗ trống, ba-dật-đề.*⁸*

ĐIỀU 31

*Tỳ-kheo-ni nào, nói với tỳ-kheo-ni khác như vậy: ‘Đại tỳ, hãy cùng tôi vào xóm, tôi sẽ cung cấp thức ăn cho cô.’ Tỳ-kheo-ni kia cuối cùng không bảo ai cho tỳ-kheo-ni này thức ăn, lại nói như vậy: ‘Đại tỳ hãy đi chỗ khác, tôi không thích nói chuyện hay ngồi cùng chỗ với cô. Tôi thích ngồi một mình, nói chuyện một mình.’ Chỉ với mục đích ấy chứ không gì khác, là cố tình đuổi đi, ba-dật-đề.*⁹*

ĐIỀU 32

*Tỳ-kheo-ni nào, được thỉnh cầu thọ nhận thuốc bốn tháng, tỳ-kheo-ni không bệnh nên thọ. Nếu quá hạn mà nhận, ba-dật-đề. Trừ trường hợp thỉnh thường xuyên, thỉnh tiếp tục, thỉnh chia phần, thỉnh suốt đời.*¹⁰*

ĐIỀU 33

*Tỳ-kheo-ni nào, đi xem quân trận, ba-dật-đề. Trừ có nhân duyên hợp thời.*¹¹*

ĐIỀU 34

*Tỳ-kheo-ni nào, có nhân duyên được phép đến trong quân trại, ngủ lại hai, ba đêm; nếu quá, ba-dật-đề.*¹²*

ĐIỀU 35

Tỳ-kheo-ni nào, ngủ trong quân trại hai, ba đêm, hoặc khi

⁸ nt. ba-dật-đề 45.

⁹ nt. ba-dật-đề 46.

¹⁰ nt. ba-dật-đề 47.

¹¹ nt. ba-dật-đề 48.

¹² nt. ba-dật-đề 49.

xem quân đội diễn tập, hoặc xem thế lực quân đội, quân voi, quân ngựa, ba-dật-đề.^{*1}

ĐIỀU 36

Tỳ-kheo-ni nào, uống rượu, ba-dật-đề.^{*2}

ĐIỀU 37

Tỳ-kheo-ni nào, đùa giỡn trong nước, ba-dật-đề.^{*3}

ĐIỀU 38

Tỳ-kheo-ni nào, dùng ngón tay thọc lét tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề.^{*4}

ĐIỀU 39

Tỳ-kheo-ni nào, không nhận lời can gián, ba-dật-đề.^{*5}

ĐIỀU 40

Tỳ-kheo-ni nào, dọa nạt tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề.^{*6}

ĐIỀU 41

[735c]Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng tắm một lần, tỳ-kheo-ni không bệnh nên thọ trì. Nếu quá, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt là thời gian nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi gió lớn và mưa, khi đi xa về. Đó là trường hợp đặc biệt.^{*7}

ĐIỀU 42

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà cố ý nhóm lửa nơi đất trống để sưởi ấm, hoặc bảo người nhóm, ba-dật-đề. Trừ trường

¹ nt. ba-dật-đề 50.

² nt. ba-dật-đề 51.

³ nt. ba-dật-đề 52.

⁴ nt. ba-dật-đề 53.

⁵ nt. ba-dật-đề 54.

⁶ nt. ba-dật-đề 55.

⁷ nt. ba-dật-đề 56.

*hợp đặc biệt.*⁸*

ĐIỀU 43

Tỳ-kheo-ni nào, giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ-kheo-ni khác; tự mình giấu, hoặc bảo người giấu, dù chỉ giỡn chơi, ba-dật-đề.^{9, 10}*

ĐIỀU 44

*Tỳ-kheo-ni nào, đã tịnh thí y cho tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, về sau không hỏi chủ mà lấy lại dùng, ba-dật-đề.*¹¹*

ĐIỀU 45

*Tỳ-kheo-ni nào, nhận được y mới nên dùng một trong ba màu xanh, đen, mộc lan để làm cho hoại sắc. Nếu tỳ-kheo-ni nhận được y mới không dùng ba màu hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan để làm cho hoại sắc mà mặc nguyên y mới, ba-dật-đề.*¹²*

ĐIỀU 46

*Tỳ-kheo-ni nào, cố ý giết chết mạng sống loài vật, ba-dật-đề.*¹³*

ĐIỀU 47

*Tỳ-kheo-ni nào, biết nước có trùng mà vẫn uống, ba-dật-đề.*¹⁴*

⁸ nt. ba-dật-đề 57.

⁹ nt. ba-dật-đề 58.

¹⁰ Bản Hán, hết quyển 24.

¹¹ nt. ba-dật-đề 59.

¹² nt. ba-dật-đề 60.

¹³ nt. ba-dật-đề 61.

¹⁴ nt. ba-dật-đề 62.

ĐIỀU 48

*Tỳ-kheo-ni nào, cố ý quấy rầy tỳ-kheo-ni khác, khiến cho không vui dù chỉ trong chỗ lát, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 49

*Tỳ-kheo-ni nào, biết tỳ-kheo-ni khác phạm thô tội mà che giấu, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 50

*Tỳ-kheo-ni nào, biết việc tranh cãi đã như pháp sám hối rồi, sau đó lại khơi dậy, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 51

*Tỳ-kheo-ni nào, biết là giặc cướp mà làm bạn cùng đi một đường, dù chỉ trong khoảng một xóm,[736a] ba-dật-đề.*⁴*

ĐIỀU 52

*Tỳ-kheo-ni nào nói như vậy: ‘Tôi biết theo pháp mà Phật dạy, sự hành dâm dục không phải là pháp chương đạo.’ Các tỳ-kheo-ni kia nên can gián tỳ-kheo-ni này rằng: ‘Đại tỷ, chớ nói như vậy, đừng xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt, đức Thế Tôn không nói như vậy! Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói rằng dâm dục là pháp chương đạo, phạm dâm là pháp chương đạo.’ Khi được các tỳ-kheo-ni kia can gián, mà tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ. Các tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Nếu đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, không bỏ, ba-dật-đề.*⁵*

¹ nt. ba-dật-đề 63.

² nt. ba-dật-đề 64.

³ nt. ba-dật-đề 66.

⁴ nt. ba-dật-đề 67.

⁵ nt. ba-dật-đề 68.

ĐIỀU 53

*Tỳ-kheo-ni nào, biết người nói như vậy mà chưa được tác pháp (giải), có tà kiến như thế mà không bỏ, lại nuôi chứa, cùng chung yết-ma, cùng chung chỗ ở, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 54

*Tỳ-kheo-ni nào, biết sa-di-ni nói như vậy: ‘Tôi biết theo pháp Phật dạy, sự hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo.’ Các tỳ-kheo-ni kia can gián sa-di-ni này rằng: ‘Người chó nói như vậy, đừng xuyên tạc đức Thế Tôn, xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy.’ Đây sa-di-ni, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói rằng: ‘Dâm dục là pháp chướng đạo, phạm dâm dục là pháp chướng đạo.’ Khi được các tỳ-kheo-ni kia can gián, sa-di-ni này kiên trì không bỏ, các tỳ-kheo-ni kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, không bỏ thì các tỳ-kheo-ni kia nên nói với sa-di-ni này rằng: ‘Từ nay trở đi cô không phải là đệ tử của Phật, không được đi theo các tỳ-kheo-ni khác. Như các sa-di-ni khác, được phép cùng với tỳ-kheo-ni ngủ hai đêm, nhưng nay người không có sự kiện ấy, người hãy đi ra khỏi chỗ này, không được sống ở đây nữa!’ Nếu tỳ-kheo-ni biết sa-di-ni đã bị đuổi như vậy, mà đem về nuôi, cùng chung ngủ nghỉ, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 55

*Tỳ-kheo-ni nào, khi được can gián như pháp, lại nói rằng: ‘Nay tôi không học điều giới này, cho đến khi nào tôi nạn vấn người trì giới có trí tuệ, ba-dật-đề. Nếu vì sự hiểu biết thì nên nạn vấn.*³*

¹ nt. ba-dật-đề 69.

² nt. ba-dật-đề 70.

³ nt. ba-dật-đề 71.

ĐIỀU 56

*Tỳ-kheo-ni nào, khi tụng giới nói như vậy: ‘Đại tỳ, tụng những giới vụn vặt này có ích lợi gì? Khi tụng các giới này chỉ khiến cho người tu phiền muộn, xấu hổ, hoài nghi.’ Vì khinh chê giới, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 57

*[736b] Tỳ-kheo-ni nào, khi nghe tụng giới, nói như vậy: ‘Đại tỳ, nay tôi mới biết giới này rút từ giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.’ Các tỳ-kheo-ni khác biết tỳ-kheo-ni này đã từng ngồi dự tụng giới, hoặc hai, hoặc ba lần, hưởng nữa là nhiều lần. Tỳ-kheo-ni này không phải do vì không biết, không hiểu, mà hối tội. Nếu có phạm tội, nên như pháp xử trị, rồi cộng thêm tội không biết pháp, bảo rằng: ‘Đại tỳ, thật không lợi ích gì cho cô, không có sở đắc tốt đẹp nào cho cô, vì trong khi tụng giới cô không dụng tâm, không nhất niệm, không lắng nghe pháp. Vì ấy, vì vô tri, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 58

*Tỳ-kheo-ni nào, sau khi đã cùng chung yết-ma rồi, sau đó lại nói như vậy: ‘Các tỳ-kheo-ni theo chỗ quen biết riêng, lấy vật của chúng Tăng cho’, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 59

*Tỳ-kheo-ni nào, khi Tăng đoán sự chưa xong, không gửi dục mà đứng dậy đi ra, ba-dật-đề.*⁴*

¹ nt. ba-dật-đề 72.

² nt. ba-dật-đề 73.

³ nt. ba-dật-đề 74.

⁴ nt. ba-dật-đề 75.

ĐIỀU 60

*Tỳ-kheo-ni nào, đã gửi dục rồi, sau đó tỏ sự bất bình, ba-dật-đề.*¹*

ĐIỀU 61

*Tỳ-kheo-ni nào, sau khi nghe những lời tranh cãi của các tỳ-kheo-ni, nghe ở đây rồi đem nói cho người kia, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 62

*Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn không hoan hỷ, đánh tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 63

*Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn không hoan hỷ, dùng tay (nhá) đánh tỳ-kheo ni khác, ba-dật-đề.*⁴*

ĐIỀU 64

*Tỳ-kheo-ni nào, vì giận hờn không hoan hỷ, vu khống (tỳ-kheo-ni khác) bằng pháp tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ, ba-dật-đề.*⁵*

ĐIỀU 65

*Tỳ-kheo-ni nào, khi nhà vua sát-lợi quán đảnh chưa ra khỏi cung, vật báu chưa thu cất, mà vào cung vua, bước qua khỏi ngạch cửa, ba-dật-đề.*⁶*

ĐIỀU 66

Tỳ-kheo-ni nào, tự mình cầm lấy vật báu, hay đồ trang sức bằng vật báu, hoặc bảo người khác cầm nắm, ba-dật-đề. Trừ

¹ nt. ba-dật-đề 76.

² nt. ba-dật-đề 77.

³ nt. ba-dật-đề 78.

⁴ nt. ba-dật-đề 79.

⁵ nt. ba-dật-đề 80.

⁶ nt. ba-dật-đề 81.

*trong Tăng-già-lam, hay nơi ký túc (nghỉ đêm). Nếu ở trong Tăng-già-lam hoặc nơi ký túc (nghỉ đêm) mà tự mình cầm nắm hay bảo người cầm vật báu, hay đồ trang sức bằng vật báu, nên nghĩ như vậy: ‘Nếu người chủ nhận ra sẽ hoàn lại’; vì nhân duyên như vậy chứ không chi khác.*¹*

ĐIỀU 67

*Tỳ-kheo-ni nào, vào xóm làng phi thời mà không báo cho tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề.*²*

ĐIỀU 68

*Tỳ-kheo-ni nào, làm giường dây, giường gỗ, chân chỉ nên cao bằng tám ngón tay của Như lai, [736c] trừ lỗ mộng để rập trở lên. Nếu quá, phải hớt bỏ, ba-dật-đề.*³*

ĐIỀU 69

*Tỳ-kheo-ni nào, dùng bông dâu-la miên độn làm giường dây, giường cây, ngọa cụ, tọa cụ, ba-dật-đề.*⁴*

B - BÁT CỘNG GIỚI

ĐIỀU 70. Ăn tỏi⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Ba-già-bà ở trên giảng đường Cao các, bên sông Di hầu, tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, tại một vùng đất nọ có khu vườn trồng tỏi. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đi ngang qua cách vườn tỏi không xa. Người chủ vườn hỏi: “A-di, cần tỏi không?”

Cô nói: “Cần.”

¹ nt. ba-dật-đề 82.

² nt. ba-dật-đề 83.

³ nt. ba-dật-đề 84.

⁴ nt. ba-dật-đề 85.

⁵ Pāli, Pāc. 1, Vin. iv. 258. *Ngũ phần*: điều 69; *Tăng kỳ*: điều 80; *Thập tụng*: điều 72; *Căn bản ni*: điều 73.

Người chủ vườn liền đem tỏi cho cô. Tỳ-kheo-ni nhận được tỏi rồi, về sau thường xuyên, cô cũng lại đi cách vườn tỏi không xa. Mỗi lần thấy cô, người chủ vườn đều hỏi: “A-di lại cần tỏi nữa phải không?”

Cô nói: “Cần. Có tỏi tôi ăn được cơm.”

Chủ vườn đem tỏi cúng dường và ra lệnh cho người giữ vườn rằng, “Từ nay, hằng ngày cấp cho tỳ-kheo-ni mỗi vị năm củ tỏi.”

Sau đó người chủ vườn để người giữ vườn ở nhà, còn mình thì đem tỏi vào Tỳ-xá-ly bán.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà về đến trong Tăng-già-lam nói với các tỳ-kheo-ni rằng: “Các cô biết không, nơi vườn tỏi tại chỗ nọ có đàn-việt tên nọ hằng ngày cấp cho tỳ-kheo-ni mỗi người năm củ tỏi. Các cô có thể đến đó nhận.”

Bấy giờ, Thâu-la-nan-đà dẫn sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, đến nơi vườn tỏi, hỏi người giữ vườn: “Chủ vườn ở đâu?”

Người giữ vườn trả lời: “Chủ vườn chở tỏi vào Tỳ-xá-ly để bán. Các cô hỏi có chuyện gì?”

Thâu-la-nan-đà nói: “Chủ vườn hứa cung cấp cho tỳ-kheo-ni hằng ngày mỗi vị năm củ tỏi. Nay chúng tôi đến nhận.”

Người giữ vườn nói: “Chờ chủ vườn về chứ tôi không dám tự quyền. Tôi chỉ coi nó mà thôi.”

Tỳ-kheo-ni nói: “Chủ vườn thì cúng mà tôi tớ không chịu đưa.”

Thâu-la-nan-đà liền bảo sa-di-ni nhờ tỏi, kiểm số và phân phối: đây là phần của Thượng tọa, đây là phần của thứ tọa, đây là phần của Hòa thượng A-xà-lê, đây là phần của đồng Hòa thượng đồng A-xà-lê, đây là phần của bà con quen biết, đây là phần ăn ngày nay, đây là phần ăn ngày mai, đây là phần ngày mốt. Tức thời, vườn tỏi bị nhổ sạch. Chủ vườn khi về thấy vườn tỏi sạch trơn, hỏi người giữ vườn:

“Tỏi đâu hết?”

Người giữ vườn báo cáo: “Trước đây do chủ sùng đạo nên hằng ngày cung cấp cho tỳ-kheo-ni mỗi người năm củ tỏi. Vừa rồi có sa-di-ni, thức-xoa-ma-na đến hỏi tôi: ‘Hôm nay chủ vườn có ở nhà không?’

Tôi nói, ‘Chủ vườn vào Tỳ-xá-ly bán tôi. Các cô hỏi có việc gì?’ Các cô ni nói: ‘Chủ vườn hứa hằng ngày cấp cho tỳ-kheo-ni mỗi vị năm củ tỏi, nay [737a] chúng tôi đến nhận.’ Tôi nói: ‘Chờ chủ về. Tôi chỉ biết coi ngó thôi chứ không trợn quyền.’ Tỳ-kheo-ni nói: ‘Chủ vườn cho, đây tớ không chịu đưa.’ Các cô nói như vậy rồi bảo sa-di-ni nhổ tỏi, đếm và phân phối: Đây là phần của Thượng tọa, đây là phần của thứ tọa, Đây là phần của Hòa thượng, đây là phần của A-xà-lê, đây là phần của đồng Hòa thượng, đây là phần của đồng A-xà-lê, đây là phần của bà con quen biết, đây là phần ăn ngày nay, đây là phần ăn ngày mai, đây là phần ăn ngày mốt. Tất cả đều có phần ăn, cho nên vườn tỏi bị nhổ hết.”

Người chủ vườn liền cơ hiềm, nói:

“Tỳ-kheo-ni này không có tầm quý. Thọ nhận không nhằm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Dầu đàn-việt có cho, còn phải biết đủ, huống là không có chủ ở nhà, mà nhổ hết tỏi của người ta!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Sao các cô nhổ hết tỏi của người ta ăn và mang đi hết không để lại một củ nào?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Không có chủ, sao lại nhổ hết tỏi của người ta?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, kể cho các tỳ-kheo nghe:

“Xưa kia, có một bà-la-môn 120 tuổi, hình thể ốm gầy. Vợ của người bà-la-môn này xinh đẹp không ai sánh kịp, sanh nhiều con trai con gái. Người bà-la-môn này luyện ái vợ và các con, không bao giờ muốn xả ly. Do sự luyện ái thắm thiết này nên sau khi mạng chung ông sanh trong loài chim nhận, lông trên mình đều toàn bằng vàng.

Do nhân duyên tu phước đời trước nên tự biết túc mạng của mình, nhận suy nghĩ: “Bằng mọi phương tiện ta phải giúp đỡ sự sống cho những đứa con của ta, để chúng nó khỏi nghèo khổ.” Hằng ngày con chim nhận bay đến nhà cũ của mình, cho rơi xuống một chiếc lông bằng vàng rồi bay đi, những đứa con lượm được lông chim bằng vàng lại suy nghĩ: “Do nhân duyên nào mà con nhận chúa này hằng ngày bay đến làm rơi xuống một cái lông bằng vàng cho ta rồi bay đi? Chúng ta hãy chờ khi nó đến, rình bắt, nhổ hết lông vàng của nó.” Rồi chúng bắt và lấy lông vàng. Nhổ lấy rồi, nó mọc lại bằng lông trắng.” Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

[737b] “Người Bà-la-môn thuở ấy, sau khi chết đầu thai thành con nhận, đầu phải ai khác, mà là người chủ vườn. Người vợ xinh đẹp của ông ta sanh nhiều con tức là Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà. Con trai con gái của vợ chồng người bà-la-môn chính là thức-xoa-ma-na, sa-di-ni... ấy vậy. Do bởi tham ái nên khiến cho lông chim bằng vàng hết, lông trắng sanh. Nay lại do tham ái nên nhổ hết tòi, phải bần cùng.”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, rồi bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào ăn tòi, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, ăn tòi sống, tòi chín, tòi vụn, mỗi miếng phạm một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh thể nào đó phải dùng bánh gói tòi mà ăn để chữa; hoặc các thứ thuốc khác trị không hết phải dùng tòi để trị; hay dùng tòi để trị bệnh ghẻ nhọt. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 71. Cạo lông ba chỗ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cạo lông ba chỗ, đến nhà đàn-việt, an tọa nơi chỗ ngồi, trước người phụ nữ, không tự khéo che thân, hình thể bị lộ. Thấy vậy, các bà này nói: “Sur cô đi tắm với chúng tôi!”

Cô ni trả lời: “Thôi, đủ rồi. Như vậy là đã cúng dường rồi.”

Các bà lại nói: “Thì cô cứ đi tắm với chúng tôi!”

Cô ni đáp: “Tôi không cần tắm.”

Bấy giờ, các phụ nữ bèn cưỡng bức lột y của cô ra. Thấy cô ni cạo lông, các bà nói: “A-di, người đời vì vấn đề dâm dục mà cạo lông, chứ A-di cạo lông để làm gì?”

Thâu-la-nan-đà nói: “Từ khi tôi còn ở thế tục đã quen làm việc này chứ chẳng phải mới bây giờ.”

Các phụ nữ cư sĩ cơ hiềm, nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, quen làm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại cạo lông ba chỗ như dâm nữ, tặc nữ?” Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Thâu-la-nan-đà: “Sao lại cạo lông ba chỗ?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo [737c] đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà: “Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Thâu-la-nan-đà, tại sao lại cạo lông ba chỗ?”

¹ Pāli, Pāc. 2. *Ngũ phần*: điều 74, cf. điều 180; *Thập tụng*: điều 73; *Căn bản ni*: điều 74.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cạo lông ba chỗ,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Lông ba chỗ: chỗ đại, tiểu tiện và dưới nách.

Tỳ-kheo-ni nào cạo lông ba chỗ, mỗi lần động dao là phạm ba-dật-đề. Nếu nhỏ bằng nhíp hay đốt, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thể nào đó; hay bị ghê cần cạo để thoa thuốc; hoặc bị cường lực bắt buộc. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 72. Tẩy tịnh quá phần³

² Pāli: *sambāde lomam saṃhārapeyya*, bản dịch Anh (Horner) hiểu là “đưỡng lông chỗ kín (let the hair of the body grow); do động từ *saṃharāpeti* được hiểu là sưu tập (to cause to collect, PTS). Nhưng Luật số Pāli (iv. 920) nói: *kattariyā vā saṅḍasakena vā khurena vā yena kenaci ekapayogena vā nānāpayogena vā ekam vā bahūni vā saṃharāpentiyā*, “...hoặc bằng dao nhỏ, hoặc bằng nhíp nhỏ, hoặc bằng dao cạo, bất cứ bằng một hay nhiều phương tiện khác nhau nào... một hay nhiều (sợi lông)” Theo đây, *saṃharāpeti* nên được hiểu là “cạo” như trong các bản Hán. *Ngũ phần*, điều 74: “cạo lông dưới nách và chỗ kín”; điều 180: “đốt lông chỗ kín.”

³ Pāli, Pāc. 5. *Ngũ phần*: điều 72; *Thập tụng*: điều 74; *Căn bản ni*: điều 75.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vê, Thích-súy-sầu. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề¹ đến chỗ đức Thế Tôn, đầu diện đánh lễ sát chân Ngài rồi đứng qua một bên, bạch Phật: “Thế Tôn, thân người nữ hôi hám, bất tịnh.”

Thưa như vậy rồi, bà lễ sát chân Phật, nhiễu ba vòng và cáo lui.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, bảo các tỳ-kheo: “Từ nay trở đi ta cho phép các tỳ-kheo-ni dùng nước tác tịnh.”²

Thâu-la-nan-đà nghe đức Phật cho phép tác tịnh rồi liền dùng nước để tác tịnh. Khi tác tịnh, dục tâm khởi, đưa ngón tay vào sâu bên trong thủy đạo, bị móng tay làm tổn thương, máu chảy ra, làm bẩn y và ngọa cụ. Các tỳ-kheo-ni thấy, hỏi rằng: “Cô bị bệnh khổ gì vậy?”

Thâu-la-nan-đà nói rõ nhân duyên.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Tại sao khi cô dùng nước tác tịnh lại đưa ngón tay vào sâu theo đường thủy đạo, khiến cho móng tay làm thương tổn chảy máu, làm bẩn y và ngọa cụ?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách [738a] tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao khi dùng nước tác tịnh, cô lại khởi dục tâm, đưa ngón tay vào sâu bên trong, khiến cho móng tay gây thương tổn, chảy máu ra làm bẩn y và ngọa cụ?”

¹ Ma-ha Ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提; chỗ khác gọi là Đại Ái Đạo.

² Tác tịnh 作淨. *Căn bản ni*: tẩy tịnh 洗淨. Pāli: *udaka-suddhikam*, rửa sạch bằng nước.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Thâu-la-nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo: “Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng nước tác tịnh, nên sử dụng hai ngón tay, mỗi ngón một đốt, nếu quá ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tác tịnh: dùng nước rửa bên trong âm hộ.

Tỳ-kheo-ni dùng nước rửa bên trong nên dùng hai ngón tay, mỗi ngón một đốt, nếu quá ba-dật-đề.

Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chỉ sử dụng hai ngón tay, mỗi ngón một đốt hay dưới một đốt; hoặc có bệnh thể nào đó; hay bên trong có cỏ, có trùng cần kéo ra ngoài. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 73. Hồ giao³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni dục tâm hưng hỷ, nhan sắc tiêu tụy, thân thể gầy còm. Khi họ vào trong vương cung của vua Ba-tư-nặc, các phụ nữ trong cung thấy vậy hỏi:

“A-di có bệnh hoạn gì?”

Lục quần ni nói: “Tôi không có bệnh hoạn, chỉ vì bệnh sắc.”

³ Pāli, Pāc. 4. *Ngũ phần*: điều 71. *Thập tụng*: điều 85. *Căn bản ni*: điều 93.

Phụ nữ hỏi tiếp: “Bệnh sắc nào?”

Cô ni nói: “Dục tâm của tôi hừng hẫy.”

Các phụ nữ nói: “Chúng tôi ở trong cung, lúc nào cũng có đàn ông. Khi không có đàn ông, thì dùng hồ giao¹ làm nam căn, để vào trong nữ căn, vừa được thích ý, lại không phải là hành dâm. Các cô có thể làm như vậy, vừa được thích ý, không phạm hành dâm.”

Khi ấy hai trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni làm nam căn như vậy, cùng làm việc dâm dục. Tỳ-kheo-ni khác thấy, tưởng là cùng đàn ông hành dâm. Khi đứng dậy mới biết chẳng phải đàn ông.

Các tỳ-kheo-ni nghe biết, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại dùng hồ giao làm nam căn để cùng nhau hành dâm?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo [738b] đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao lại dùng hồ giao làm nam căn để cùng nhau hành dâm?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hồ giao làm nam căn, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

¹ Hồ giao 胡膠; nhựa, hay cao su. *Căn bản ni*: thọ giao 樹膠.

Làm nam căn: dùng các vật để làm như hồ giao, com nhão, bột, sáp ong.

Tỳ-kheo-ni nào dùng các vật này làm nam căn để vào nữ căn, tất cả đều phạm ba-dật-đề. Nếu không cọ xát vào nữ căn, phạm đột-kiết-la.

Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải căn bệnh thể nào đó, phải dùng cục thuốc hình tròn hay viên thuốc đặt vào để chữa; hoặc y ngăn chặn nguyệt thủy; hoặc bị cưỡng lực bắt ép làm. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 74. Cùng võ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vì dục tâm hừng hẫy, nhan sắc tiêu tụy, hình thể ốm gầy. Vào trong cung của vua Ba-tư-nặc, các phụ nữ trong cung thấy vậy hỏi:

“A-di bệnh gì?”

Chư ni nói: “Chỉ vì không thoả mãn.”

Các phụ nữ hỏi: “Không thoả mãn cái gì?”

Chư ni nói: “Dục tâm của chúng tôi hừng hực”

Các phụ nữ nói: “Chúng tôi ở trong cung, thường có đàn ông. Lúc không có đàn ông thì dùng hồ giao tạp vật làm nam căn để vào nữ căn, vừa thoả mãn được lòng dâm, mà không gọi là hành dâm. Sao chư tôn không làm như vậy?”

Các tỳ-kheo-ni trả lời: “Này các chị, đức Thế Tôn chế giới không được làm như vậy.”

Các phụ nữ lại nói:

² Pāli, Pāc. 3. *Ngũ phần*: điều 71. *Thập tụng*: điều 75. *Căn bản ni*: điều 76.

“Này các cô, chúng tôi ở trong cung, khi có đàn ông thì thôi; lúc không có đàn ông thì cùng nhau vỗ, vừa được khoái lạc mà không gọi là hành dâm. Các cô vì sao không làm như vậy?”

Bấy giờ, hai trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni cùng nhau vỗ. Các tỳ-kheo-ni khác thấy, tưởng là [738c] cùng đàn ông hành dâm. Lúc đứng dậy mới biết không phải đàn ông.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Sao các cô cùng nhau vỗ.”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các cô cùng nhau vỗ.”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Những tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng vỗ cho nhau, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Vỗ: lấy bàn tay hay gót chân đập vào, hoặc nữ căn với nữ căn vỗ nhau.

Tỳ-kheo-ni cùng vỗ với nhau, người vỗ phạm đột-kiết-la, người thọ nhận vỗ phạm ba-dật-đề. Nếu hai nữ căn cùng nhau vỗ, cả hai đều phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thể nào đó, hoặc tới lui, đi đứng, hoặc quét đất vướng phải chừ không cố tâm, hay khi tắm rửa đụng phải thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 75. Hầu quạt nước tỳ-kheo đang ăn¹

a. Duyên khởi

Một thời đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một trưởng giả cùng vợ xuất gia hành đạo. Đến giờ, ông vào thôn khát thực, được thức ăn rồi, đem đến trong Tăng-già-lam của ni ngồi ăn. Người vợ cũ, hiện là tỳ-kheo-ni, đem nước đến, đứng phía trước lấy quạt quạt. Tỳ-kheo bảo rằng:

“Đứng tránh ra một chút, chừ tôi xấu hổ với người ta. Đứng đứng trước mặt tôi!”

Tỳ-kheo-ni nói: “Đại đức, sao lại xấu hổ với tôi?”

Vị tỳ-kheo lại nói:

“Sao không tránh nhanh đi? Tôi xấu hổ với tỳ-kheo-ni.”

Tỳ-kheo-ni nói:

“Tôi đứng trước mặt, nói xấu hổ. Vậy trước kia làm việc như vậy sao không xấu hổ?”

Bà vợ là tỳ-kheo-ni nói xong nổi giận, lấy cán quạt đánh, lấy nước rót trên đầu tỳ-kheo, rồi bỏ đi vào phòng.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách [739a1] tỳ-kheo-ni này: “Sao cô lại sân si đánh tỳ-kheo?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni này:

¹ Pāli, Pāc. 6. *Ngũ phần*: điều 143. *Tăng kỳ*: điều 79. *Thập tụng*: điều 77.

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại đánh tỳ-kheo?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni này, rồi bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, khi tỳ-kheo ăn, cung cấp nước, cầm quạt quạt,² ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có các tỳ-kheo-ni nghi không dám chăm sóc tỳ-kheo bệnh, không có người cung cấp nước, cũng không dám hỏi. Đức Phật dạy:

“Cho phép các tỳ-kheo-ni nuôi các tỳ-kheo bệnh, không ai cung cấp nước được phép hỏi.”

Từ nay trở đi nên kết giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tỳ-kheo không bệnh, khi ăn cung cấp nước, đứng trước mặt cầm quạt quạt, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, tỳ-kheo không bệnh đang ăn, cung cấp nước, đứng trước mặt, cầm quạt quạt, phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chăm sóc tỳ-kheo bệnh, không ai cung cấp nước, hỏi, không phạm.

² *Ngũ phần*: “...cầm bình nước và quạt, đứng trước mặt...” *Tăng kỳ*: “... cung cấp nước và quạt...”

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 76. Xin ngũ cốc sống¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni đi xin lúa sống,² mè, gạo, đậu lớn, đậu nhỏ, đại mạch, tiểu mạch sống. Các cư sĩ thấy, cư hiem nói: “Các tỳ-kheo-ni này khát cầu không nhằm chán, không biết xấu hổ. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là chánh pháp? Sao lại xin các loại ngũ cốc sống như dâm nữ, tặc nữ?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiem trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô xin các loại ngũ cốc sống như vậy?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên [739b] đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô lại xin các loại ngũ cốc sống?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

¹ Pāli, Pāc. 7.

² Hán: sanh cốc 生穀. Pāli: *āmakadhaññam*, gạo sống (chưa nấu), được giải thích gồm luôn các thứ: *sāli* (gạo trắng), *vīhi* (thóc), *yavo* (đại mạch), *godhūmo* (tiểu mạch, hay lúa mì), *kaṅgu* (hạt kê), *varako* (các loại đậu), *kudrusako* (lúa mạch đen).

Tỳ-kheo-ni nào, xin³ ngũ cốc sống, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào xin lúa sống cho đến đại, tiểu mạch, tất cả đều phạm ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đến xin nơi người bà con, hay người xuất gia; mình vì người, người vì mình xin; hoặc không xin mà được. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 77. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi⁴

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ, cách tinh xá của tỳ-kheo-ni không xa có một vùng cỏ kết lũ⁵ tươi tốt, các cư sĩ thường đến đó ngồi nằm, vui chơi, ca hát, múa nhảy, hoặc có lúc than vãn. Những âm thanh này làm loạn động các tỳ-kheo-ni tọa thiền nên các tỳ-kheo-ni bực mình.

Sau khi cư sĩ đi, các cô dùng đồ bẩn như nước tiểu, phân, đem đổ lên trên cỏ. Sau đó, các cư sĩ trở lại nơi ấy để vui đùa thì bị làm bẩn cả người và y phục do bởi đồ bất tịnh, và vùng cỏ cũng bị chết khô dần. Do việc làm ấy, các cư sĩ đều cơ hiềm, nói: “Các tỳ-kheo-ni này thọ nhận không biết xấu hổ. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Vùng cỏ tươi tốt nơi chúng ta thường

³ Pāli: *viññatvā...bhajjitvā...koṭṭetvā...pacitvā*: (tự mình hay nhờ người) hỏi xin, rang, giã, nấu.

⁴ Pāli, Pāc. 9. *Ngũ phần*: điều 137. *Tăng kỳ*: điều 139. *Thập tụng*: điều 174. *Căn bản ni*: điều 79.

⁵ Kết lũ thảo 結縷草 (?). TNM: già lâu thảo 茄萋草, cỏ lau (?Thiền Chử). Pāli: *harita*, rau cỏ, các thứ xanh tươi; được giải thích là trồng để làm thức ăn cho con người.

đến ca múa vui chơi, các cô dùng đồ bất tịnh, đại tiểu tiện đổ trên đó làm bẩn cả người và y phục chúng ta, và vùng cỏ cũng bị hư hoại.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Chỗ các cư sĩ đến vui chơi, sao các cô đem đồ bất tịnh đại tiểu tiện đổ lên trên cỏ làm cho thân và y của họ bị bẩn mà khiến cho cỏ bị chết [739c] khô?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni này:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại đem vật bất tịnh như đại tiểu tiện đổ trên chỗ các cư sĩ thường đến vui đùa, làm cho họ bị làm bẩn cả thân và y phục?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni này rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đại tiểu tiện¹ trên cỏ tươi, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước

Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ xanh tươi, phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thế nào đó; hoặc đại tiểu

¹ *Căn bản ni*: đại tiểu tiện và khạc nhổ. Pāli: đổ nước tiểu, phân, rác rưởi, thức ăn thừa, trên cỏ xanh.

tiện nơi chỗ không có cỏ rồi nước chảy đến chỗ có cỏ; hoặc gió thổi, hoặc chim ngậm bay rót trên cỏ. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 78. ĐỒ ĐẠI TIỂU TIỆN NGOÀI TƯỜNG²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong núi Kỳ-xà-quật, La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, có một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng sớm đổ ra bên ngoài tường mà không xem trước. Cũng vào lúc đó có vị đại thần không tin ưa Tam bảo, sáng sớm cưỡi xe đi châu vua Bình-sa. Khi đi ngang qua bên ngoài tường của tịnh xá tỳ-kheo-ni, ông bị đồ bất tịnh đổ trên đầu, làm bẩn cả y phục. Vị đại thần ấy nói:

“Tôi sẽ đến quan đoán sự thừa kiện việc này!”³

Bấy giờ, có vị bà-la-môn chí tín biết xem tướng, hỏi:

“Đại thần muốn đi đâu?”

Đại thần nói: “Tỳ-kheo-ni dùng đồ đại tiện bất tịnh đổ làm ô nhục tôi. Tôi muốn đến quan đoán sự thừa kiện việc này.”

Vị bà-la-môn can, nói:

“Thôi, đừng nên đến kiện thưa làm gì. Lắm khi không được kiện mà lại mắc tội nữa.”⁴

Vị đại thần nghe theo lời can, không kiện, trở về. Vị bà-la-môn xem tướng kia liền đến tịnh xá tỳ-kheo-ni, hỏi:

“Tỳ-kheo-ni nào ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ngày đổ bên ngoài tường mà không xem trước như thế?”

Chư ni trả lời:

² Pāli, Pāc. 8. *Ngũ phần*: điều 135, 136. Tăng kỳ: *Thập tụng*: điều 78. *Căn bản*: điều 80.

³ Pāli: ông châm lửa, đòi đốt chùa.

⁴ Cư sĩ này nói: “Điềm tốt đấy!”

“Chúng tôi không biết. Nhưng tại sao [740a1] ông lại hỏi như vậy?”

Vị bà-la-môn nói rõ nhân duyên, và nói tiếp:

“Tôi đã can không cho đại thần đó thừa kiện. Vậy, từ nay các cô không nên đổ như vậy nữa.”

Chư ni tìm hiểu xem ai làm việc ấy. Liền biết một cô trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni đã đổ như vậy. Các tỳ-kheo-ni quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao cô ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ra đổ bên ngoài tường mà không xem trước?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ra đổ bên ngoài tường mà không xem trước?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người ban đầu phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, ban đêm đại tiểu tiện trong bô,¹ sáng ngày đem đổ bên ngoài tường mà không xem trước,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

¹ Pāli: đổ phân, nước tiểu, rác, com dư bên ngoài tường. Ngũ phần, điều 135: đổ phân, nước tiểu, ra ngoài tường dậu; điều 136: “liệng rác, thức ăn thừa”

² Nghĩa là, đứng bên trong tường mà liệng ra ngoài, không xem trước. Pāli: đổ hay sai người đổ (=ném hay liệng) qua tường hay phen dậu.

Tỳ-kheo-ni kia ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ngày phải xem ngoài tường thành trước, sau đó mới đi. Sau khi thức dậy, phải búng ngón tay hay tăng hắng. Nếu tỳ-kheo-ni ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ngày không xem trước bên ngoài tường mà đi, ba-dật-đề. Nếu ban đêm không búng ngón tay hay không tăng hắng mà đi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ban đêm đại tiểu tiện trong bô, sáng ngày xem ngoài thành rồi mới đi; hoặc ban đêm thì búng ngón tay hay tăng hắng; hoặc trước có gạch đá, gốc cây, có gai, nơi đi các đồ bất tịnh; hoặc có nước sâu, bờ sông, hay đồng rác thì đi, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 79. Đi xem nghe kỹ nhạc¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ. Bảy giờ, nhân dân trong nước có tiết hội, kỹ nhạc vui chơi. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni đến xem coi, các cư sĩ thấy, cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không [740b] biết xấu hổ, quen thói bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp, mà cùng nhau xem coi các trò vui chơi như dân nữ, tặc nữ không khác. Như vậy có gì là chánh pháp?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô cùng nhau đến xem nghe các trò vui chơi?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

¹ Pāli, Pāc. 10. *Căn bản ni*: 172-174.

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô lại đi xem nghe các trò vui chơi?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đi xem nghe kỹ nhạc,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Xem nghe: thưởng thức các trò vui chơi.

Tỳ-kheo-ni từ đường chính đến đường chính, từ đường chính đến đường phụ, từ đường phụ đến đường chính; từ chỗ cao đến chỗ thấp, từ chỗ thấp đến chỗ cao để xem nghe kỹ nhạc; nhìn thấy thì phạm ba-dật-đề; không thấy, phạm đột-kiết-la.

Khởi ý muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đi rồi nửa chừng trở lại, thấy đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có sự khải thỉnh; hoặc được kê; hoặc trên lộ trình phải qua ở một bên; hoặc chỗ tạm nghỉ đêm, hay bị cường lực dẫn đi, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

² Pāli: *naccam vā gītam vā vāditaṃ vā dassanāya gaccheyya*, đi xem múa, hát và tấu nhạc.

ĐIỀU 80. Nói chuyện với nam chỗ khuất¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vào trong xóm, cùng đứng và nói chuyện với đàn ông nơi chỗ vắng. Các cư sĩ thấy cơ hiem: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp, mà vào trong xóm cùng đứng và nói chuyện với đàn ông nơi chỗ vắng, không khác dâm nữ, tặc nữ. Như vậy có gì là chánh pháp?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, [740c] sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiem trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô vào trong xóm, cùng đứng và nói chuyện với đàn ông nơi chỗ vắng?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Việc các cô làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô vào trong xóm cùng đứng và nói chuyện với đàn ông nơi chỗ vắng?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vào bên trong xóm² cùng người nam đứng

¹ Pāli, Pāc. 12. *Căn bản ni*, điều 81-82.

² Pāli, Pāc. 12 không có chi tiết “trong xóm.” *Căn bản ni*, điều 81: “đứng với đàn ông ở chỗ khuất kín”, điều 82: “đứng với tỳ kheo ở chỗ khuất kín.”

*chỗ vắng và nói chuyện, ba-dật-đề.*³

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Xóm: nơi có nhà bạch y.

Chỗ vắng: chỗ không thấy, không nghe.

- *Chỗ không thấy*: do khói, mây, bụi, sương, bóng tối.

- *Chỗ không nghe*: ngoài tầm nghe được tiếng nói với giọng bình thường.

Tỳ-kheo-ni vào bên trong xóm, cùng nam tử đứng nơi chỗ vắng nói chuyện, ba-dật-đề. Nếu có đồng bạn mù mà không điếc, đột-kiết-la; điếc mà không mù, cũng đột-kiết-la. Đứng mà không nói, cũng phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có hai tỳ-kheo-ni làm bạn; có người quen biết làm bạn, có nhiều người nữ cùng đứng, không mù, không điếc, hoặc đi chứ không đứng, hoặc bệnh bị xỉu, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 81. ĐI VỚI NGƯỜI NAM VÀO CHỖ KHUẤT⁴

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-dà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni cùng đi với người nam vào chỗ khuất vắng. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh, bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sao tỳ-kheo-ni lại cùng đi với người nam vào chỗ khuất vắng, như đàn nữ, tặc nữ không khác!”

³ *Căn bản*, điều 83: “...đứng với đàn ông ở chỗ trống...”; điều 84: “...đứng với tỳ-kheo ở chỗ trống...”

⁴ Tham chiếu, Pāli, Pāc. 12; *Căn bản*: điều 81 & 82.

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, [741a1] sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô cùng đi với người nam vào chỗ khuất vắng?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao lại cùng người nam vào chỗ khuất vắng?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng đi với người nam¹ vào chỗ khuất vắng, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Chỗ khuất vắng: chỗ có cây, có vách, có rào, có vải hay các thứ khác ngăn che.

Tỳ-kheo-ni cùng người nam đi vào chỗ khuất vắng, phạm ba-dật-đề. Nếu có đồng bạn mù mà không điếc, đột-kiết-la. Điếc mà không mù, cũng phạm đột-kiết-la. Đứng lại,² cũng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu có hai tỳ-kheo-ni làm bạn, hoặc có người quen

¹ Hán: lập trụ 立住, đứng (chứ không phải đi). Phân biệt, điều 80: “cùng đứng”, điều 81 “cùng đi vào.”

² Phân biệt, điều 80: “cùng đứng”, ba-dật-đề.

biết làm bạn, hoặc có người nữ khác làm bạn, không mù, không điếc, hoặc đi chứ không đứng,¹ hoặc bị bệnh xiù, hoặc bị cường lực bắt dẫn đi, hoặc bị trói, hay mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 82. Thì thăm với nam mà không có đồng bạn²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, nơi đường hẻm bên trong xóm, cùng người nam đứng nói chuyện nơi chỗ vắng, hoặc bảo bạn đi cách xa, để một mình cùng người nam nói chuyện thì thăm. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, vì phạm phạm hạnh mà bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tỳ-kheo-ni sao lại đứng nói chuyện với người nam trong đường hẻm nơi chỗ vắng bên trong xóm; hoặc bảo bạn đi cách xa, để một mình cùng người nam nói chuyện thì thăm, như dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó [741b] có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô nói chuyện thì thăm với người nam trong đường hẻm, nơi chỗ vắng, bên trong xóm?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại nói

¹ Hán: hành bất trụ 行不住, giống như trong điều 80. Có lẽ nên đảo lại: *trụ bất hành*.

² Pāli, Pāc. 14. Cf. *Căn bản ni*, điều 83: “cùng đàn ông đứng chỗ trống”; điều 84: “cùng tỳ-kheo đứng chỗ trống.”; điều 86-87: “thì thăm với đàn ông”; điều 88-89: “thì thăm với tỳ-kheo.”

chuyện thì thầm với người nam nơi đường hẻm, chỗ vắng, bên trong xóm?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vào đường hẻm bên trong xóm, bảo bạn đi tránh xa, tại chỗ khuất vắng cùng nam tử đứng và nói chuyện thì thầm, ba-dật-đề.³

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Xóm: là chỗ nhà của bạch y.

Đường hẻm chỗ khuất vắng: chỗ khuất vắng đối với thấy và chỗ khuất vắng đối với nghe.

- *Chỗ khuất vắng đối với thấy*: do khói, mây, sương, bụi trần, bóng tối cho nên không thấy.

- *Chỗ khuất vắng đối với nghe*: khoảng cách không nghe được tiếng nói với giọng bình thường.

Nói chuyện thì thầm: kề miệng vào tai mà nói.

Tỳ-kheo-ni vào nơi đường hẻm, bên trong xóm, bảo bạn đến chỗ không thấy, không nghe, còn mình ở nơi chỗ vắng cùng nam tử đứng nói nhỏ với nhau, ba-dật-đề. (Bạn) đến chỗ không thấy mà có thể nghe, phạm đột-kiết-la. (Bạn) đến chỗ không nghe mà có thể thấy cũng phạm đột-kiết-la.

³ Cf. *Căn bản ni*, điều 86: “...nói thì thầm với đàn ông...”; điều 87: “... nghe đàn ông nói thì thầm...”; điều 88: “...nói thì thầm với tỳ-kheo...”; điều 89: “... nghe tỳ-kheo nói thì thầm...”

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có hai tỳ-kheo-ni làm bạn; hoặc có người nữ quen biết làm bạn; hay có người khác làm bạn; hoặc có bạn không mù, không điếc; hoặc bị bệnh xiu, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc có việc cần phải bảo bạn đi xa, hoặc bạn bị bệnh, hoặc vì bạn ấy thiếu oai nghi nên phải nói: “Cô đi nơi khác, tôi sẽ mang thức ăn đến cho cô”; hoặc bạn ấy phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc diệt tẩn, hay đáng diệt tẩn; hoặc do việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 83. ĐI KHÔNG NÓI VỚI CHỦ NHÀ¹

a. Duyên khởi

[741c] Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni, đến giờ, quán y bung bát đến nhà một cư sĩ. Vợ cư sĩ dọn một cái giường đơn,² mời tỳ-kheo-ni ngồi; rồi vào nhà trong. Tỳ-kheo-ni ngồi chốc lát, không nói với chủ nhà, đứng dậy bỏ đi. Cô vừa ra khỏi cửa, có một ma-nạp³ đến. Y vào nhà, nhìn xung quanh không có người, liền nghĩ: “Cái giường ngồi này có ích cho ta.” Nghĩ xong, ma-nạp liền lấy giường mang đi.⁴ Sau đó vợ cư sĩ trở ra, không thấy tỳ-kheo-ni, cũng không thấy giường đơn, liền nhắn hỏi tỳ-kheo-ni: “Cái giường đơn để đâu?”

¹ Pāli, Pāc. 15. *Căn bản ni*: điều 96.

² Độc tọa sàng 獨坐床. Tức cái đôn (ghế nhỏ) để ngồi. *Căn bản*: ngoại cụ 臥具. Pāli: *āsana*, vật để ngồi; được giải thích: để ngồi kết già. Có lẽ là tấm thảm hay một loại chiếu, đệm ngồi.

³ Ma-nạp 摩納. Thiếu niên, thanh niên hay một học sinh bà-la-môn. Pl., Skt. *mānava*.

⁴ Pāli (Vin.iv. 272): nữ tỳ ra lau nhà, thấy bèn xếp cất vào trong một cái chậu (*bhājantarikāya*).

Tỳ-kheo-ni trả lời: “Tôi không biết. Khi tôi vừa ra có một ma- nạp vào nhà bà. Có thể y lấy đi. Nên kiểm y mà tìm.”

Sau khi truy tìm, lấy lại được cái giường ngồi. Các cư sĩ cơ hiêm: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tại sao ngồi nơi giường ngồi của chủ nhà; rồi bỏ đi mà không nói, như dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách tỳ-kheo-ni này: “Tỳ-kheo-ni sao ngồi nơi giường ngồi của chủ, bỏ đi mà không nói?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni này: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao ngồi nơi tòa của người, khi đi không nói cho họ biết?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách tỳ-kheo-ni này rồi, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trông nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào,⁵ vào ngồi⁶ trong nhà bạch y, không nói với chủ nhà mà bỏ đi, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni vào ngồi trong nhà bạch y, rồi không nói với chủ mà bỏ đi; ra khỏi cửa ngõ, phạm ba-dật-đề. Một chân trong cửa ngõ, một chân ngoài cửa ngõ, phương tiện muốn đi mà không đi, cùng hẹn đi

⁵ Pāli, thêm yếu tố: trước giờ ăn trưa (*purebhattam*).

⁶ Pāli, thêm yếu tố: “ngồi trên chỗ ngồi”, giải thích: *āsanaṃ nāma pallāṅkassa okāso hoti*, chỗ ngồi là khoảng trống để ngồi kết già.

mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. [742a1] Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nói với chủ rồi mới đi; hoặc trên chỗ ngồi đó có người cùng ngồi; hoặc có dặn người ngồi gần rồi đi; hay người ngồi gần nói: “Cứ đi. Không can gì.” Hoặc ngồi trên đá, trên giường bằng gỗ, trên tường, trên cỏ trải ra, trên bụi đất;¹ hoặc nhà muốn sập, hay bị cháy, hoặc có rắn độc, thú dữ, trộm cướp, hay bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hay mạng nạn, phạm hạnh nạn; không nói với chủ mà đi. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 84. Ngồi trên giường không hỏi chủ nhà²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt. Bấy giờ trong thành La-duyệt có một đại thần không tin ưa Tam bảo. Vị đại thần có một cái giường ngồi cá nhân,³ không ai dám ngồi. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thường tới lui nhà này xem như một đàn-việt.

Thâu-la-nan-đà đến giờ khát thực, quán y mang bát đến đó, không hỏi ai mà lại ngồi trên giường ngồi cá nhân của vị đại thần. Vị đại thần thấy vậy, bèn nói: “Ai bảo tỳ-kheo-ni này ngồi trên giường cá nhân của tôi?”

Cô ni nói: “Không ai bảo cả. Tôi tự đến ngồi.”

Vị đại thần cơ hiểm nói: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tỳ-kheo-ni sao không hỏi chủ mà tự tiện ngồi trên giường ngồi của người ta, như dâm nữ, tặc nữ không khác?”

¹ Chi những vật ngồi mà cá nhân không tự tiện di chuyển.

² Pāli, Pāc. 16. *Ngũ phần*, điều 129. *Căn bản ni*: điều 96.

³ Độc tọa sàng 獨坐床; xem cht. 106 trên. Pāli, Pāc. *āsana*.

Vào lúc ấy Thâu-la-nan-đà có nguyệt thủy nên làm bản nệm giường, rồi lại bỏ đi. Vị đại thân thấy vậy, nổi giận nói: “Tỳ-kheo-ni này thật không biết xấu hổ. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng không hỏi chủ, tự ý ngồi trên giường của người ta, giống như dâm nữ, tặc nữ. Như vậy có gì là chánh pháp?”

Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Tỳ-kheo-ni sao không hỏi chủ mà vội ngồi trên giường của người ta?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư Tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, [742b] sao cô không nói với chủ mà vội ngồi trên giường của người?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào,¹ vào trong nhà bạch y, không hỏi chủ nhà, liền ngồi² trên giường, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni vào trong nhà bạch y, không hỏi chủ nhà mà vội ngồi trên giường, ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

¹ Tham chiếu, Pāli, Pāc. 16, thêm chi tiết: “sau bữa ăn trưa” (*pacchābhattam*).

² Pāli, nt.: “ngồi hoặc nằm.”

Sự không phạm: Nói với chủ rồi mới ngồi; hoặc có chỗ ngồi thường; hoặc là bà con, hoặc có người bà con nói: “Cô cứ ngồi, chớ ngại. Tôi sẽ nói với chủ cho.” Hoặc ngồi trên đá, trên giường cây, trên bụi đất, trên nệm cỏ, hoặc bị bệnh té xỉu xuống đất, hoặc bị cường lực bắt đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 85. Tự tiện trái chỗ ngồi nghỉ không hỏi chủ ³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vê. Bấy giờ, có số đông tỳ-kheo-ni trên đường đi đến nước Câu-tát-la, tới một thôn không có trú xứ,⁴ không nói với người chủ,⁵ tự tiện trái tọa cụ để ngủ.

Các cư sĩ thấy vậy, hỏi: “Ai sắp xếp cho các tỳ-kheo-ni nghỉ nơi đây?”

Các cô nói: “Không ai sắp xếp cả. Chúng tôi tự sắp xếp chỗ nơi để nghỉ mà thôi.”

Các cư sĩ cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tại sao tỳ-kheo-ni không nói với chủ lại tự tiện vào nhà người ta nghỉ ngơi, có khác gì dâm nữ, tặc nữ?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Tại sao tỳ-kheo-ni không nói với chủ mà tự tiện vào nhà người nằm ngồi?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni này:

³ Pāli, Pāc. 17. *Ngũ phần:* điều 164. *Thập tụng:* điều 105. *Căn bản:* điều 97.

⁴ Không có chùa hay tinh xá. Bản Hán có thể nhảy sót. Nên thêm: “vào một nhà nọ.” Tham chiếu Pāli: “đến xin nghỉ đêm tại nhà một người bà-la-môn.”

⁵ Pāli, chi tiết: chủ nhân đi vắng. Người vợ bảo chờ ông về.

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, [742c] chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni không nói với chủ nhà, vào nhà người tự tiện nằm ngồi, nghỉ ngơi?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni này rồi bảo chư tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y,¹ không hỏi chủ, tự tiện trải chỗ ngồi nghỉ ngơi, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Trải chỗ ngồi: hoặc trải bằng cỏ hay bằng lá cây, cho đến bằng da.

Tỳ-kheo-ni nào, vào nhà bạch y, không hỏi chủ, tự tiện trải ngọa cụ để ngủ, lưng chạm đất, mỗi lần trở mình là phạm một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nói với chủ rồi mới nghỉ; hoặc là nhà không người ở; hoặc là phước xá; hoặc là quen biết, hay là bà con nói: “Cô cứ nghỉ, tôi sẽ nói với chủ cho;” hoặc bị cưỡng lực bắt, hay bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 86. Cùng người nam trong nhà tối³

¹ Pāli, nt.: “đến nhà bạch y lúc phi thời (*vikāle kulāni upasamkamitvā*).” Giải thích: phi thời, chỉ thời gian từ sau khi mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc.

² Pāli: trải hay khiến người trải.

³ Pāli, Pāc. 11. *Ngũ phān*, điều 128.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni cùng người nam vào trong buồng tối.¹ Các cư sĩ thấy cơ hiềm, nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tại sao tỳ-kheo-ni lại cùng người nam vào trong buồng tối như dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô cùng người nam vào trong nhà tối?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, tại sao các cô cùng người nam vào trong nhà tối?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách [743a1] nhóm sáu tỳ-kheo-ni, rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng người nam vào trong nhà tối,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

¹ Âm thất 闇室. Pāli: *rattandhakāre appadīpe*, trong bóng tối ban đêm không đèn.

² Pāli, Pāc.11: “Một mình cùng người nam đứng hay nói chuyện trong đêm tối không đèn đuốc.”

Tối: là không có đèn, lửa, không có cửa sổ nơi tường, không có ánh sáng.

Tỳ-kheo-ni cùng nam tử vào trong nhà tối, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có đèn, lửa; tường có cửa sổ, ánh sáng; hoặc bị cường lực bắt dẫn vào, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.¹

ĐIỀU 87. Thuật lời nghe không rõ ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni Đề-xá Nan-đà là đệ tử của tỳ-kheo-ni Sám-ma. Thầy bảo cô lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim đem đến. Khi tỳ-kheo-ni Đề-xá nghe lời thầy dạy nhưng nghe không rõ, lại nói với các tỳ-kheo-ni khác rằng: “Thầy bảo tôi trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim.”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe nói như vậy, liền hỏi tỳ-kheo-ni Sám-ma: “Thật sự cô có bảo đệ tử của cô trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim hay không?”

Sám-ma nói: “Các cô, tôi làm sao có ý nghĩ đó, bảo đệ tử trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim? Tôi chỉ bảo, lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim đem đến đây, chứ tôi đâu có bảo trộm lấy!”

Bấy giờ có các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, [743b] hiềm trách tỳ-kheo-ni Đề-xá-nan-đà: “Sao cô không nghe rõ lời bảo của thầy mà lại đến nói

¹ Bản Hán, hết quyển 25.

² Pāli, Pāc. 18. *Ngũ phần*, điều 133. *Căn bản ni*, ba-dật-đề 92.

với các tỳ-kheo-ni rằng: ‘Thầy bảo tôi trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim.’?’”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Đề-xá-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao nghe không rõ lời thầy nói mà nói với các tỳ-kheo-ni rằng: ‘Thầy bảo tôi trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim.’?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Đề-xá-nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Đề-xá-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nghe không rõ lời mà đem nói với người, ba-dật-đề.³

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, nghe không rõ lời mà đem nói với các tỳ-kheo-ni rằng: “Thầy bảo tôi trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim”, nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sự thật là như vậy, như nói: “Cô đến trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim đem đến đây.” Đệ tử đến các tỳ-kheo-ni nói: “Thầy tôi bảo tôi trộm lấy y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim đem

³ *Căn bản ni*: “...không xét kỹ mà lại cất vắn...” Pāli: *dug-gahitena dūpadhāritena param ujjhāpeyya*, do không hiểu rõ, do hiểu nhầm, khiến người khác bị hiềm trách.

đến.” Hoặc nói đùa giỡn, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng hay muốn nói việc này nhằm nói việc khác. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 88. Thề thốt ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vì một việc nhỏ, hờn giận nhau, thề thốt, sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp, nói: “Nếu tôi có làm việc này thì tôi sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp. Nếu cô có làm việc này cô cũng sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô [743c] chỉ vì một việc nhỏ, giận dữ thề nguyện sẽ đọa ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp, nói: ‘nếu tôi có làm việc này thì tôi sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp. Nếu cô có làm việc này cô cũng sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp!’?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô chỉ vì một việc nhỏ giận hờn nhau, thề sẽ đọa ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp, mà nói: ‘Nếu tôi có làm việc này thì tôi sẽ đọa trong ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp; nếu cô có làm việc này cô sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp!’?”

¹ Pāli, Pāc. 19. *Ngũ phần*, điều 134. *Căn bản ni*: điều 91.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chỉ vì một nhân duyên nhỏ mà thề thốt sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp, nói: ‘Nếu tôi có làm việc này thì tôi sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp. Nếu cô có làm việc này cô cũng sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp’;² ba-dật-đề.³

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Đức Phật dạy, từ nay trở đi cho phép xưng “Nam mô Phật”, nói: “Nếu tôi có làm việc này thì ‘Nam mô Phật.’ Nếu cô có làm việc này thì cũng ‘Nam mô Phật.’”

Tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ mà thề thốt sẽ đọa ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp, mà nói: “Nếu tôi có làm việc này thì sẽ đọa trong ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp. Nếu cô có làm việc này cũng sẽ đọa vào ba đường dữ, không sanh trong Phật pháp.” Nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề; nói không rõ ràng phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nói: “Nam mô Phật”, hoặc nói đùa, nói nhanh vội, nói một mình, nói trong mộng hay muốn nói việc này nhằm nói việc khác, thì không phạm.

² *Ngũ phần*: “Tỳ-kheo-ni, tự thề thốt, nhưng thật sự nguyện rủa người khác...”

³ *Căn bản ni*: “...dem phạm hạnh ra mà thề thốt...” Pāli: *nira-yena brahmacariyena vā abhisapeyya*, nguyện rủa bằng địa ngục hay phạm hạnh.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 89. Đắm ngực khóc¹

a. Duyên khởi

[744a1] Một thời, đức Thế Tôn ở Câu-thiểm-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ca-la cãi cộ² với người khác, không khéo ghi nhớ tránh sự,³ lấy tay đắm vào ngực mà khóc la.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách tỳ-kheo-ni Ca-la: “Sao cô cãi lộn với người khác rồi lấy tay đắm vào ngực mà khóc la?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Ca-la:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni Ca-la, sao cô cãi lộn với người khác rồi lấy tay đắm vào ngực mà khóc la?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Ca-la rồi bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni Ca-la này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cùng tranh cãi, không khéo ghi nhớ tránh sự⁴, đắm ngực la khóc,⁵ ba-dật-đề.

¹ Pāli, Pāc. 20, Vin. iv.77. *Ngũ phần*, điều 132. *Căn bản ni*, điều 90.

² Đấu tránh 鬥諍. Pāli: *bhaṇḍitvā*, tranh luận.

³ Xem Ni luật, Tăng-già-bà-thi-sa 17.

⁴ Pāli: không có các chi tiết này.

⁵ *Căn bản ni*: “...vì giận hờn mà tự đắm ngực...” Pāli: *vadhītā vadhītā rodheyya*, tự đắm mình liên hồi, rồi khóc.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni cùng người khác tranh cãi: có bốn sự tranh cãi như trước đã nói.

Nếu *Tỳ-kheo-ni* cùng nhau tranh cãi, không khéo ghi nhớ các tránh sự, đắm ngực la khóc, mỗi lần đắm ngực là phạm một ba-dật-đê; rơi một giọt nước mắt, phạm một ba-dật-đê.¹

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thể nào đó; hoặc khi ăn bị nghẹn nên phải tụt đấm; hoặc vì đại tiểu tiện mà chảy nước mắt; hoặc nhân bởi gió, lạnh, nóng mà chảy nước mắt; hoặc do khói xông mà chảy nước mắt; hoặc nhân nghe pháp tâm sanh nhàm chán mong cầu xa lìa mà rơi nước mắt; hoặc nhỏ thuốc đau mắt nước mắt chảy. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 90. Hai người nằm chung giường²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở nước Bà-kỳ-đà.³ Bấy giờ có nhóm sáu *tỳ-kheo-ni*, hai người đồng nằm một giường. Các *tỳ-kheo-ni* thấy, tưởng là nằm chung với đàn ông. Khi họ đứng dậy, mới biết chẳng phải là đàn ông. Bấy giờ có một đại tướng, dũng kiện, nhiều trí, đủ các thuật, giỏi chiến đấu. Vừa cưới vợ chưa bao lâu thì được lệnh đi chinh phạt, ông bèn nghĩ: “Nay ta phải viễn chinh. Nên gọi vợ lại cho ai? Nếu [744b] gọi cho cư sĩ thì nhà có nhiều các đàn ông, không thể được.”

¹ Pāli: phải đủ cả hai yếu tố, tụt đấm và khóc. Tụt đấm mà không khóc, hay chỉ khóc mà không tụt đấm, phạm đột-kiết-la.

² Pāli, Pāc. 31. *Căn bản ni*: điều 100.

³ Bà-kỳ-đà 婆祇陀. Pāli, Phật tại Sāvattthi.

Trước đó, đại tướng có quen biết với tỳ-kheo-ni Bạt-đề Ca-tì-la,⁴ nên nghĩ: “Nay ta có thể đem vợ giao phó cho tỳ-kheo-ni Ca-tì-la trước khi xuất chinh.” Ông bèn đem vợ đến đó gửi.

Tỳ-kheo-ni Ca-tì-la nhận người vợ được gửi. Vì để trông nom, nên hai người cùng ngủ một giường. Thân thể tỳ-kheo-ni Ca-tì-la mềm mại, nên người đàn bà kia khi xúc chạm, sanh tâm nhiễm ái. Sau khi đại tướng chinh phạt xong trở về, đến đón vợ về nhà. Nhưng người vợ do luyến ái thân thể mềm mại của tỳ-kheo-ni nên trốn đại tướng, trở lại ở với cô ni.

Bấy giờ, đại tướng nghĩ rằng: “Ta muốn làm tốt lại hóa ra xấu. Tại sao vợ ta nay không yêu ta nữa mà lại luyến ái tỳ-kheo-ni, trốn ta đến ở với cô ni?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Bạt-đề Ca-tì-la: “Sao các cô, hai người cùng nằm một giường?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni và tỳ-kheo-ni Ca-tì-la:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô, hai người cùng nằm một giường?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách nhóm sáu ni và tỳ-kheo-ni Ca-tì-la rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu ni và tỳ-kheo-ni Ca-tì-la này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cử trừ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hai người nằm chung một giường, ba-dật-đề.

⁴ Bạt-đề Ca-tì-la 跋提迦毘羅. Pāli: Bhaddā Kāpilāni.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bảy giờ, có vị vì sự nghi, không dám cùng nằm một giường với tỳ-kheo-ni bệnh, cũng không dám thay nhau cùng ngồi, thay nhau cùng nằm. Đức Phật dạy:

“Cho phép cùng người bệnh đồng nằm một giường; cho phép luân phiên ngồi, luân phiên nằm.”

Từ nay trở đi nên kết giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà hai người cùng nằm một giường, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Giường: có năm loại như trước đã nói.

Tỳ-kheo-ni không bệnh, hai người đồng nằm một giường, mỗi khi hông dính chiếu trải trên giường, mỗi một lần phạm một ba-dật-đề; cứ mỗi lần trở mình phạm một ba-dật-đề.

[744c] Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cùng nằm một giường với người bệnh; hoặc luân phiên ngồi, luân phiên nằm; hay bị bệnh xiu; hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói hay vì mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 91. Chung nệm chăn¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở nước Bà-kỳ-đà. Bảy giờ, trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni, hai người nằm chung một nệm, chung một chăn. Các tỳ-kheo-ni thấy, tưởng nằm chung với đàn ông. Khi đứng dậy mới biết chẳng phải đàn ông.

¹ Pāli, Pāc. 32.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô hai người nằm chung một nệm, chung một chăn?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô hai người nằm chung một nệm, chung một chăn?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hai người nằm chung một nệm, chung một chăn, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có tỳ-kheo-ni kia chỉ có một đồ trải hoặc là bằng rom cỏ, hoặc bằng lá cây, các tỳ-kheo-ni nghi không dám cùng nằm, đức Phật dạy:

“Cho phép tỳ-kheo-ni dùng riêng đồ trải, ngọa cụ, chăn. Nếu khi lạnh mà chỉ có một cái chăn, cho phép cùng đắp, nhưng bên trong mỗi người phải mặc áo lót khi nằm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nằm cùng một nệm, cùng một chăn, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni hai người nằm cùng một nệm, cùng một chăn, tùy theo hông dính nơi giường, phạm ba-dật-đề; mỗi lần trở mình phạm một ba-dật-đề. Nếu cùng một nệm mà khác chăn, đột-kiết-la. Nếu cùng một chăn mà khác nệm, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, [745a1] sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chỉ có một đồ trái bằng cỏ, bằng lá, riêng mỗi người có đồ trái bằng dạ; hoặc khi trời lạnh nằm cùng một cái chăn, mỗi người đều mặc áo lót; hoặc bị bệnh xỉu; hoặc bị cường lực bắt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 92. Cố ý gây phiền¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni vì muốn quấy nhiễu người nên, hoặc (mình) ở trước với (người) đến sau, hoặc (mình) đến sau với (người) ở trước;² trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ.³

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô cố ý gây phiền phức, ở trước đến sau, đến sau ở trước; trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

¹ Pāli, Pāc. 33. *Thập tụng*: điều 100 & 101.

² Hán: tiên trụ hậu chí, hậu chí tiên trụ 先住後至後至先住, được hiểu: “với người ở trước mà mình đến sau, hoặc người đến sau mà mình ở trước...”. *Thập tụng*, điều 100: “Người ở trước quấy nhiễu người ở sau 先住惱後住者;” điều 101: “Người ở sau quấy nhiễu người ở trước 後住惱先住者.” Xem cht. 142 dưới. So sánh điều 173 sau.

³ *Thập tụng*: “... đầu hôm, khách tọa thiền..., cô ngủ. Giữa đêm, khách ngủ, cô tọa thiền, tụng kinh... khách mất ngủ...” Pāli, Vin.iv. 290: Thullanandā quấy nhiễu Bhaddā Kāpilāni bằng cách, ban đêm, đi tới, đi lui, đứng lên, ngồi xuống..., đọc kinh, bảo người đọc kinh...(phá không cho cô này ngủ, vì ghen tức).

“Tại sao các cô cố ý gây phiền phức, ở trước đến sau, đến sau ở trước; trước mặt tụng kinh vân nghĩa, giáo thọ?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cố ý gây phiền phức, ở trước đến sau, đến sau ở trước; trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ,¹ ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có tỳ-kheo-ni không biết ai ở trước hay chẳng phải ở trước, ai đến sau hay chẳng phải đến sau, sau đó mới biết nên trong số đó có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc là nghi. Phật dạy: “Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết ở trước đến sau, biết đến sau ở trước, vì cố ý gây phiền phức, trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni biết ở trước đến sau, đến sau ở trước, vì cố ý gây phiền phức, trước mặt tụng kinh, hỏi nghĩa, giáo thọ; nói rõ ràng, phạm ba-dật-đề; không rõ ràng, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là [745b] phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết; hoặc được cho phép; hoặc bà con, hoặc người bà con nói: “Su cô cứ giáo thọ. Tôi sẽ vì su cô nói cho.”

¹ Pāli, *bhikkhuniyā sañcicca aphāsum kareyya*, cố ý gây bất an cho tỳ-kheo-ni khác.

Hoặc người ở trước đến thọ kinh với người đến sau, hay người đến sau đến thọ tụng với người ở trước. Hoặc cả hai người đều đến người khác thọ. Hoặc người kia hỏi người này đáp. Hoặc cùng nhau tụng; hoặc nói vui đùa, nói gấp gáp, nói trong mộng; hay muốn nói việc này nhằm nói việc khác. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 93. Không chăm sóc ni sống chung bệnh²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà cùng sống chung với tỳ-kheo-ni khác bị bệnh mà không chăm sóc. Các tỳ-kheo-ni hỏi rằng, “Tỳ-kheo-ni cùng sống chung với cô bị bệnh, sao không chịu chăm sóc?” Thâu-la-nan-đà vẫn cố tình không chăm sóc. Do không chăm sóc nên cô ni kia qua đời.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Tại sao cô không chăm sóc tỳ-kheo-ni bị bệnh cùng sống chung với cô? Các Tỳ-kheo-ni có nhắc nhở khuyên bảo cô mà cô vẫn không nghe lời chăm sóc, để cho cô ấy chết.”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, tại sao tỳ-kheo-ni cùng sống chung với cô bị bệnh mà cô không chăm sóc? Các tỳ-kheo-ni nhắc nhở khuyên cô nên chăm sóc, cô vẫn không chăm sóc, để cho cô kia chết?”

² Pāli, Pāc. 34. *Ngũ phần*: điều 123; *Thập tụng*: điều 102. *Căn bản ni*: điều 99.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tỳ-kheo-ni cùng sống chung bị bệnh mà không chăm sóc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Cùng sống chung:¹ là hai tỳ-kheo-ni cùng sống và làm việc với nhau.

Tỳ-kheo-ni không chăm sóc tỳ-kheo-ni cùng sống chung bị bệnh phạm ba-dật-đề. Trừ người cùng sống chung bị bệnh ra, các tỳ-kheo-ni khác, hoặc Hòa thượng A-xà-lê, hoặc [745c] đồng Hòa thượng, hoặc đồng A-xà-lê, hoặc đệ tử, bà con quen biết bị bệnh mà không chăm sóc, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người cùng sống chung bị bệnh có chăm sóc; hoặc tự thân mình có bệnh không thể chăm sóc được. Hoặc do việc ấy đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 94. Đuổi ni an cư ra khỏi phòng²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà vào an cư, ban

¹ Đồng hoạt 同活. *Ngũ phần*: đồng học 同學. *Căn bản ni*: thân đệ tử, y chi đệ tử 親弟子依止弟子. Pāli: *sahajīvitam*, sống chung; giải thích: *saddhivihārinī*, cùng ở chung (một chỗ).

² Pāli, Pāc. 35. Cf. *Ngũ phần*: điều 136.

đầu cho phép tỳ-kheo-ni khác trải giường trong phòng. Nhưng khi an cư giữa chừng, vì giận hờn, kéo giường đuổi họ ra ngoài. Tỳ-kheo-ni bị đuổi xấu hổ, sợ mất đêm³ nên bỏ tu.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Tại sao vào an cư, ban đầu cô cho phép tỳ-kheo-ni khác bày giường trong phòng; an cư giữa chừng, vì giận hờn, cô kéo giường đuổi người ta ra khiến cho họ xấu hổ, phải bỏ tu?”

Khi ấy các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, sao vào an cư ban đầu cô cho phép tỳ-kheo-ni khác bày giường trong phòng; an cư giữa chừng, vì giận hờn, cô kéo giường đuổi họ ra, khiến cho họ xấu hổ bỏ tu?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà rồi, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đầu an cư,⁴ cho phép tỳ-kheo-ni khác bày giường trong phòng để an cư, sau vì giận hờn đuổi ra,⁵ ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Trong an cư: tức thọ an cư rồi.

³ Thất túc 失宿. Cũng nói là thất tuế 失歲, hay mất tuổi hạ; xem đoạn sau, tr.835a08.

⁴ Pāli, Pāc. 35, không có chi tiết an cư.

⁵ Pāli thêm chi tiết, “hoặc bảo đuổi ra.”

Giường: có năm loại như trước đã giải.

Tỳ-kheo-ni, an cư ban đầu cho phép tỳ-kheo-ni khác để giường trong phòng, sau giận hờn đuổi ra, tùy theo phương tiện, tùy theo mỗi lần (người bị đuổi) bước ra khỏi cửa, (người đuổi) phạm một ba-dật-đề. Nếu phương tiện đuổi nhiều người ra nhiều [746a1] cửa thì phạm nhiều ba-dật-đề. Nếu phương tiện đuổi nhiều người ra một cửa, phạm nhiều ba-dật-đề. Nếu phương tiện đuổi một người ra nhiều cửa, phạm nhiều ba-dật-đề. Nếu phương tiện đuổi một người ra một cửa, phạm một ba-dật-đề. Nếu quăng ném các y vật khác ra, phạm đột-kiết-la. Nếu đóng cửa không cho người ta vào, phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không do sân nhuế mà tùy theo cấp bậc Thượng tọa đuổi hạ tọa ra; người chưa thọ giới ngủ quá hai đêm; đến đêm thứ ba, đuổi ra; khiến người bệnh ra nơi đại tiểu tiện để tiện lợi; hoặc đối với kẻ phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bị cử tội, bị diệt tận, đáng bị diệt tận; hoặc do việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn... vì tất cả các việc trên nên đuổi ra, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 95. Du hành suốt ba mùa¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà, ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, trải qua ba mùa xuân, hạ và đông lúc nào cũng du hành trong nhân gian. Gặp những lúc mưa to gió lớn, nước sông tràn ngập, cuốn trôi y bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, và đập chết cỏ sống. Các cư sĩ thấy cơ hiểm “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, đoạn mạng sống của chúng sanh. Bên ngoài

¹ Pāli, Pāc. 39. *Ngũ phần*: điều 92; tham chiếu, điều 89: “không an cư...”, điều 90 “... không y chỉ chúng tỳ-kheo để an cư...” *Tăng kỳ*: điều 134; *Thập tụng*: điều 95. *Căn bản ni*: điều 101.

tự xưng, tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tỳ-kheo-ni sao lúc nào cũng đi du hành trong nhân gian, trải suốt ba mùa. Gặp lúc mưa lớn, nước sông tràn ngập, cuốn trôi vật dụng, lại đập chết cỏ sống, đoạn mạng chúng sanh?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lúc nào cũng du hành trong nhân gian, trải suốt ba mùa xuân, hạ, đông? Gặp lúc mưa lớn, nước sông tràn ngập, cuốn trôi y vật, lại đập chết cỏ sống; khiến các cư sĩ cơ hiem.”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao lúc nào cũng du hành trong nhân gian, suốt cả ba mùa xuân, hạ, đông. Gặp lúc mưa to, nước sông tràn ngập, cuốn trôi y vật, lại đập chết cỏ sống, [746b] khiến cho các cư sĩ cơ hiem?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, rồi bảo các tỳ-kheo: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, suốt cả xuân-hạ-đông đều du hành trong nhân gian, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có tỳ-kheo-ni vì việc Phật, việc Pháp, việc Tăng, việc tỳ-kheo-ni bệnh. Phật dạy: “Cho phép đi ra ngoài giới được thọ pháp bảy ngày.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, suốt cả xuân-hạ-đông, đều du hành trong nhân gian,¹ phạm ba-dật-đề, trừ nhân duyên khác.

¹ Pāli, Pāc. 39, Vin.iv. 296: *antovassam cārikam careyya*, du hành trong mùa mưa.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, trong suốt cả xuân hạ đông, đều du hành trong nhân gian, tùy theo mỗi lần vào bên trong cương giới của một thôn, mỗi mỗi phạm ba-dật-đề. Nếu nơi không có thôn, nơi không có cương giới, thì du hành trong khoảng mười lý,² phạm ba-dật-đề. Dưới một thôn hay dưới mười lý phạm đột-kiết-la. Trong khoảng một thôn, đi trong một cương giới, phạm đột-kiết-la.

Phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đi mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vì việc Phật, Pháp, Tăng, việc tỳ-kheo-ni bệnh, đi ra ngoài giới được thọ pháp bảy ngày. Hoặc bị cưỡng lực bắt hay bị trôi dấn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 96. An cư xong không đi³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có các cư sĩ ở Xá-vệ thỉnh tỳ-kheo-ni Sám-ma cùng nhau lập điều kiện: “Chúng tôi cúng dường chúng Tăng cho đến an cư xong.” Nhưng an cư xong, tỳ-kheo-ni Sám-ma vẫn ở, không đi. Các cư sĩ cơ hiềm: “Trước đây chúng tôi có giao ước, thỉnh tỳ-kheo-ni Sám-ma đến an cư, cùng cúng dường chúng Tăng cho đến an cư xong. Nay an cư xong, tỳ-kheo-ni Sám-ma ở không chịu đi!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni Sám-ma rằng:

² Pāli (Vin.iv. 297): “bên trong thôn có nhà sát nhau, đi đến mỗi thôn phạm một ba-dật-đề. Trong khoảng trống không nhà, đi qua nửa do-tuần, phạm một ba-dật-đề.”

³ Pāli, Pāc. 40; *Ngũ phần*: điều 94; *Tăng kỳ*: điều 135; *Thập tụng*: điều 96. *Căn bản*: điều 102.

“Các cư sĩ cùng nhau lập điều kiện thỉnh Sát-ma đến, [746c] cùng cúng dường chúng Tăng cho đến an cư xong. Nay an cư xong tại sao ở luôn không chịu đi?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni Sát-ma: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Cư sĩ cúng dường an cư. Nay an cư xong, sao cố ở lại không đi, khiến cho các cư sĩ cơ hiềm?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách tỳ-kheo-ni Sát-ma rồi, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hạ an cư xong không đi,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni an cư xong nên xuất hành, cho đến chỉ một đêm. Nếu Tỳ-kheo-ni nào, an cư rồi không xuất hành, ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: An cư rồi đi; nếu cư sĩ kia mời ở lại, nói: “Tôi sẽ cúng dường lại”; hoặc các nhà thay nhau mời thọ thực; hoặc bà con nam nữ mời thọ thực ngày ấy hay ngày mai; hoặc vì bệnh, không có bạn chăm sóc; hoặc bị nạn nước, nạn thú dữ, nạn giặc cướp, nạn nước tràn ngập; hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, gặp những nạn như vậy, hạ an cư xong không xuất hành, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

¹ *Ngũ phần*, điều 94: “...qua một đêm mà không đi...” Pāli: “Nếu không ra đi du hành năm hay sáu do-tuần...”

ĐIỀU 97. Du hành nơi biên giới mất an ninh¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nhân dân nơi biên giới² của vua Ba-tư-nặc làm phản nghịch. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni du hành đến nơi có nghi ngờ, có kinh sợ như thế. Bọn giặc thấy, nói: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này đều là người được vua Ba-tư-nặc cúng dường. Chúng ta hãy quấy nhiễu.” Các cư sĩ thấy, cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, đều phạm phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Tại sao du hành nhân gian nơi biên giới, đến chỗ có sự kinh sợ; giống như bọn dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, [747a1] trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô du hành trong nhân gian, đến nơi có sự khủng bố?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch Phật, đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô du hành trong nhân gian, đến nơi có sự khủng bố như vậy?” Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trông nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

¹ Pāli, Pāc. 38. *Ngũ phần*: điều 96; *Thập tụng*: điều 98. *Căn bản ni*: điều 103.

² *Căn bản ni 17* (tr.1003c05): Vua Vị Sinh Oán (A-xà-thế) chuẩn bị chinh phạt thành Quảng Nghiêm (thành Xá-vệ, nước Câu-tát-la). *Thập tụng 98* (tr.323b03): A-xà-thế đang đánh nhau với một tiểu quốc ở biên cảnh.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, du hành³ trong nhân gian đến biên giới⁴ nơi có nghi ngờ, kinh sợ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Biên giới: cách xa thành thị.

Có sự nghi: nghi có giặc cướp.

Kinh sợ: giặc cướp khủng bố.

Tỳ-kheo-ni nào du hành đến nơi biên giới, chỗ có sự khủng bố, tùy theo sự đi vào thôn, mỗi cương giới phạm một ba-dật-đề. Nơi trống vắng không thôn, đi mười lý phạm một ba-dật-đề; đi dưới một thôn hay dưới mười lý phạm đột-kiết-la. Nếu trong thôn, một cương giới, phạm một đột-kiết-la.

Phương tiện muốn đi, cùng hẹn đi mà không đi, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc bị kêu hay được mời, hoặc có việc cần đến, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc mình đến trước rồi sau mới có sự nghi khủng bố phát khởi. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 98. Du hành trong quốc giới không an ninh⁵

³ Pāli: *asatthā cārikam careyya*, du hành mà không vũ khí; nghĩa là không ai bảo vệ. *Ngũ phần*: xuất quốc cảnh... vô sở y hỗ 出國境... 無所依怙.

⁴ Pāli, Pāc. 38: ... *tiroraṭṭhe*, bên ngoài lãnh thổ. *Ngũ phần*: quốc cảnh 國境. *Thập tụng*: quốc giới biên 國界邊. Cf. *Căn bản ni*, điều 103: vương quốc trung 王國中.

⁵ Pāli, Pāc. 37. *Ngũ phần*: điều 95. *Thập tụng*: điều 97; Cf. điều 199. Tham chiếu *Căn bản ni*: điều 104.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhân dân bên trong quốc giới của vua Ba-tư-nặc nổi lên làm phản.¹ Bên trong quốc giới tại nơi có phản loạn ấy có sự nghi ngờ, kinh sợ, nhưng nhóm sáu tỳ-kheo-ni vẫn du hành. Bọn giặc thấy, nói: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này đều do nhà vua Ba-tư-nặc cung cấp cúng dường. Chúng ta nên quấy nhiễu.”

Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm, nói:

“Các tỳ-kheo-ni này không có hổ thẹn, thấy đều vi phạm phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Sao lại du hành đến chỗ [747b] có sự kinh sợ, bên trong quốc giới, giống như bọn tặc nữ, dâm nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại du hành trong nhân gian nơi có sự kinh sợ?”

Chư ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô lại du hành nhân gian bên trong quốc giới nơi có sự kinh sợ?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

¹ Quốc vương Ba-tư-nặc nước Kiêu (Câu)-tát-la đánh nhau với một tiểu quốc.

Tỳ-kheo-ni nào, du hành² nơi có sự nghi ngờ, kinh sợ bên trong quốc giới,³ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Bên trong quốc giới: có bốn mặt thành bao quanh.⁴

Có sự nghi ngờ: nghi có giặc cướp.

Nơi kinh sợ: chỗ có bọn giặc cướp.

Tỳ-kheo-ni nào du hành nhân gian nơi có sự nghi ngờ kinh sợ bên trong quốc giới, tùy theo mỗi lần vào thôn, đi mỗi cương giới, phạm một ba-dật-đề. Đi nơi trống vắng không có thôn, mười lý phạm một ba-dật-đề. Dưới một thôn hay dưới mười lý phạm độn-kiết-la. Đi trong thôn, một cương giới, phạm một độn-kiết-la.

Nếu phương tiện muốn đi mà không đi, cùng hẹn mà không đi, tất cả đều phạm độn-kiết-la.

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu có việc cần thưa; hoặc bị kêu, hay được mời; hoặc bị cưỡng lực bắt, hay bị trói; hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; hoặc đến đó trước, sự nghi ngờ có khủng bố xảy ra sau. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 99. Thân cận cư sĩ⁵

² Xem cht. 160 trước.

³ Pāli: *antoratthe*, bên trong lãnh thổ.

⁴ Đây hiểu là thành bang, tức quốc gia theo chế độ Nhà nước thành thị, mỗi thành thị là một quốc giới. Pāli, Vin.iv. 295: *yassa vijite viharati, tassa ratthe*, trong phạm vi mà người ấy đang sống, đó là trong quốc giới của nó.

⁵ Pāli, Pāc. 36.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà, ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ có tỳ-kheo-ni gần gũi sống chung¹ với cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Các tỳ-kheo-ni can gián: “Này cô, không nên gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra.² Nếu cô sống riêng [747c] thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.” Nhưng cô kia vẫn cố không ở riêng.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni kia: “Sao cô gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống chung, sống không tùy thuận?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni kia:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao cô ở chung cùng gần gũi với cư sĩ, con trai cư sĩ, làm hạnh không tùy thuận?”

Quở trách rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

Từ nay trở đi Ta cho phép Tăng vì tỳ-kheo-ni kia tác pháp ha trách cho bỏ việc này bằng pháp bạch tứ yết-ma. Khiến trách như vậy để bỏ việc này: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni có tên..., đã ở chung gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, làm hạnh không tùy thuận. Tỳ-kheo-ni khác can gián nói: ‘Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.’ Nhưng tỳ-kheo-ni kia vẫn như cũ không sống riêng ra. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận nay Tăng

¹ Thân cận cộng trú 親近共住. Pāli: *samsaṭṭhā vihareyya*, sống chung chạ.

² Biệt trú 別住. Pāli: *viviccāyye*, hãy xa lánh.

trao cho tỳ-kheo-ni kia pháp quả trách, khiến bỏ việc này, nói: ‘Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.’ Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là..., đã gần gũi sống chung với cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Các tỳ-kheo-ni khác can gián rằng, ‘Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.’ Nhưng tỳ-kheo-ni kia vẫn cố ý không thay đổi. Nay Tăng trao cho tỳ-kheo-ni tên... pháp quả trách cho bỏ việc này, nói: ‘Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, làm hạnh không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.’ Các đại tỳ nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo-ni tên là... pháp ha trách cho bỏ việc này thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.” [748a1] (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận trao cho Tỳ-kheo-ni tên... pháp ha trách cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Nên quả trách như vậy.

Chúng Tăng vì tỳ-kheo-ni kia tác pháp quả trách bằng bạch tứ yết-ma như vậy để bỏ việc này rồi, các tỳ-kheo-ni đến bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo-ni nào như vậy, Tăng cũng sẽ tác pháp bạch tứ yết-ma như vậy để bỏ việc này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, gần gũi sống chung với cư sĩ, con trai cư sĩ, sống hạnh không tùy thuận, tỳ-kheo-ni khác nên can gián tỳ-kheo-ni này rằng: ‘Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống hạnh không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp.’

Khi tỳ-kheo-ni kia can gián, tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni kia nên ba lần can gián cho bỏ việc này. Cho đến lần thứ ba can gián, bỏ thì tốt; không bỏ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Gần gũi: thường xuyên nói chuyện, thường xuyên cười giỡn, thường xuyên vui đùa với nhau.¹

Con trai cư sĩ: con trai của người chưa xuất gia.

Tỳ-kheo-ni kia gần gũi chung sống với cư sĩ, con trai cư sĩ kia, sống hạnh không tùy thuận, tỳ-kheo-ni nên can gián tỳ-kheo-ni kia: “Cô chớ gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, sống hạnh không tùy thuận. Cô hãy sống riêng ra. Nếu cô sống riêng thì mới có sự tăng ích sống an lạc ở trong Phật pháp. Nay cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu cô ấy nghe theo thì tốt. Bằng không, nên tác bạch. Tác bạch xong, nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch xong, còn các pháp yết-ma nữa.” Cô nên bỏ việc này đừng để Tăng phải quở trách mà phạm trọng tội.

Nếu nghe theo thì tốt. Bằng không, nên tác bạch yết-ma lần thứ nhất. Tác yết-ma lần thứ nhất xong nên nói: “Này cô, tôi đã tác bạch và tác yết-ma lần thứ nhất xong, còn hai pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo lời thì tốt. Bằng không, tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi nên nói: “Tôi đã tác yết-ma lần thứ hai xong, còn một pháp yết-ma nữa. Cô nên bỏ việc này, [748b] đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội.”

Nếu nghe theo lời thì tốt. Bằng không, tác yết-ma lần thứ ba xong, phạm ba-dật-đề. Tác yết-ma lần thứ hai xong mới bỏ, phạm ba độn-

¹ Pāli: *ananulomikena kāyikavācasikena samsaṭṭhā*, giao tiếp với nhau (thân cận) với thân và ngữ không chân chính (bất tùy thuận).

kiết-la. Tác yết-ma lần thứ nhất mới bỏ, phạm hai đột-kiết-la. Bạch xong mà bỏ, phạm một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, trước khi chưa bạch, gần gũi cư sĩ, con trai cư sĩ, làm hạnh không tùy thuận, tất cả đều phạm đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ; phi pháp biệt chúng ha trách, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy bảo. Hoặc hoàn toàn không tác pháp ha trách. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 100. Du lãm cung vua ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bây giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni đến cung vua xem coi nhà vẽ,³ vườn, rừng, hồ tắm. Các cư sĩ thấy cơ hiểm:

“Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, vi phạm phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng ta biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Đến cung vua xem coi nhà vẽ, vườn, rừng, hồ tắm, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiểm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại đi đến cung vua xem coi nhà vẽ, vườn, rừng, hồ tắm?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với tỳ-kheo. Tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

² Pāli, Pāc. 41.

³ Họa đường 畫堂. Pāli: *uyyāne cittāgare paṭibhānacittam*, tranh vẽ tuyệt tác (được chung bày) trong nhà trang trí họa trong lặc viên (của Vua).

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô đến cung vua xem coi nhà vẽ, vườn, rừng, hồ tắm?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đến cung vua,¹ xem coi nhà vẽ,² vườn, rừng,³ hồ tắm,⁴ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào đến cung vua, xem coi nhà vẽ, vườn, rừng, hồ tắm. Từ đường chính đến đường chính, [748c] từ đường chính đến chẳng phải đường chính, từ chẳng phải đường chính đến đường chính; từ cao đến thấp, từ thấp đến cao, đi đến mà thấy, ba-dật-đề; không thấy, đột-kiết-la.

Phương tiện muốn đi mà không đi; hẹn đi mà không đi; tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu vào trong cung vua để tâm việc gì; hoặc bị kêu hay được thỉnh; hoặc trên đường đi ngang qua đó; hoặc nơi nghỉ tạm lại đêm; hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn; hoặc vì việc Tăng, việc tháp đến xem cách vẽ để lấy kiêu. Thấy đều không phạm.

¹ Pāli: *rājāgaram*, lầu các của vua.

² Văn sức họa đường 文飾畫堂. Pal: *cittāgāram*, nhà được trang trí vẽ vờ.

³ Viên lâm 園林. Pāli: *ārāmaṃ vā uyyānam*, công viên và lạc viên.

⁴ Dục trì 浴池. Pāli: *pokkharaniṃ*, hồ sen.

Hoặc đến trong Tăng-già-lam giáo thọ, nghe pháp; hoặc được mời trên đường đi ngang qua đó; hoặc nơi nghỉ đêm, hoặc bị cưỡng lực bắt, hoặc bị trói dẫn đi, hoặc vì việc Tăng, việc tháp đến xem vườn rừng, hồ tắm để lấy kiêu. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 101. Lộ hình tắm sông¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo-ni lộ hình tắm nơi sông, hồ, lạch nước. Có dâm nữ, tặc nữ đến nói với các tỳ-kheo-ni rằng: “Các cô tuổi còn nhỏ, dưới nách chưa mọc lông mà lại xuất gia học đạo, tu phạm hạnh sao? Lúc tuổi còn trẻ trung ta có thể thọ hưởng ái dục. Khi già nua sẽ tu phạm hạnh. Như vậy cả hai đều được lợi!” Trong đó có vị tuổi còn nhỏ nghe nói như vậy sanh lòng không vui.

Bấy giờ, các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Ở truông mà tắm nơi sông, ao, hồ, lạch nước, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lộ hình tắm nơi sông, suối, ao, hồ, lạch nước?”

Các tỳ-kheo-ni thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, [749a1] làm việc không nên làm. Nay tỳ-kheo-ni, sao các cô lộ hình tắm nơi sông, suối, ao, hồ, lạch nước?”

¹ Pāli, Pāc. 21. *Ngũ phần:* điều 81. *Thập tụng:* 159.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, lộ hình tắm trong nước sông, nước suối, nước ngòi,² nước ao,³ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nên dùng bốn cách để che hình khi tắm: Nơi khúc quanh bờ sông của dòng nước; nơi có bóng cây che; hoặc là nước che khuất; hoặc dùng y che thân. Với ba cách che đầu, không được lấy và trao vật dụng cho nhau⁴. Dùng y che thân, được phép làm tất cả sự việc như pháp. Tỳ-kheo-ni nào lỏa hình tắm nơi sông, suối, ao, hồ, lạch nước mà nước thấm hết thân, ba-dật-đề; nước thấm không hết thân, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chỗ khúc quanh của bờ sông, chỗ có bóng cây che, nơi ngăn che bởi nước; hoặc dùng y ngăn che thân, hoặc bị cường lực bắt. Thủy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 102. Y tắm quá lượng⁵

² Trong bản: thâm thủy 深水, nước sâu. TNM: cừ thủy.

³ “...tắm trong...nước ao,” Pāli không có chi tiết này. *Thập tụng*: “Tắm khóa thân tại chỗ trống.”

⁴ Bất đắc tương thủ dữ khí vật 不得相取與器物. Bản Cung, không có chữ *bất*.

⁵ Pāli, Pāc. 22. *Thập tụng*: điều 128.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn cho phép tỳ-kheo-ni tắm y tắm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn cho phép tỳ-kheo-ni tắm y tắm, liền tắm nhiều y tắm vừa rộng vừa lớn. Tỳ-kheo-ni thấy hỏi:

“Đức Phật cho phép các tỳ-kheo-ni chứa năm y. Đây là y gì?”

Lục quần ni nói: “Đây là y tắm của chúng tôi.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Đức Thế Tôn cho phép chứa y tắm. Sao lại tắm nhiều y tắm vừa rộng vừa lớn?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên [749b] làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại tắm y tắm vừa rộng vừa lớn?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cử trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tắm y tắm phải tắm cho đúng lượng. Trong đây đúng lượng là, bề dài sáu¹ gang tay Phật, rộng hai gang rưỡi. Nếu quá,² ba-dật-đề.

¹ Pāli: dài 4 gang, rộng 2 gang. *Thập tụng* (tr.335a20): dài 5 gang, rộng 2 gang rưỡi.

² Pāli, thêm, “phải cắt bỏ (Pāli: *chedanakam*).”

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

*Y tấ*m: y dùng che thân khi tấ

Tỳ-kheo-ni nào sắ

Tỳ-kheo, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, Sa-di-ni, đ

Sự không phạm: Làm đúng lượng hay dưới mức quy đ

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 103. May y quá năm ngày³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một tỳ-kheo-ni muốn cắt may Tăng-già-lê.⁴ Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nói: “Cô em đem đến đây tôi may cho.” Cô ni liền đem vải y đến. Cô ni kia là người thông minh, nhiều người quen biết, khéo hay giáo hóa, nên tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà có ý nghĩ muốn cho tỳ-kheo-ni kia cúng dường mình lâu dài, nên cắt xong để đó, không chịu may.

Bấy giờ, tinh xá mà tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà ở bị phát hỏa, vải y bị cháy, gió thổi bay tứ tán. Cư sĩ thấy cơ hiem: “Tỳ-kheo-ni này không biết hộ thẹn. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Như vậy có gì là

³ Cf. Pāli, Pāc. 23. *Thập tụng*: điều 130. Tham chiếu, *Tăng kỳ*, ni-tát-kỳ 17.

⁴ Pāli: cô này may xấu, cần tháo ra để may lại. *Thập tụng*, điều 130: Thí-việt-sa 施越沙, đệ tử của Thâu-la-nan-đà, tháo y ra rồi lại không được.

chánh pháp? Tỳ-kheo-ni cắt y của người ta rồi, sao không may cho xong, để bị lửa cháy, gió thổi bay lung tung?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: “Sao cô cắt y của người ta rồi [749c] không may ngay để bị cháy, gió thổi bay tứ tung?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp của sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao tỳ-kheo-ni cắt y mà không may ngay để bị cháy, gió thổi bay tứ tán?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, may tăng-già-lê quá năm ngày, ba-dật-đề.

Khi đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy rồi, có tỳ-kheo-ni tìm cầu tăng-già-lê, xuất y ca-thi-na, sáu việc nạn khởi, sanh nghi, đức Phật dạy: “Có những việc như vậy thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

***Tỳ-kheo-ni nào, may tăng-già-lê¹ quá năm ngày, ba-dật-đề.
Trừ khi tìm cầu tăng-già-lê, xuất ca-thi-na y, sáu việc nạn
phát sinh.***

¹ Pāli: *cīvaraṃ visibbetvā ... neva sibbeyya*, “sau khi tháo y ra... không khâu lại...” Không xác định phải là tăng-già-lê.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo,¹ độn-kiết-la. Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tìm cầu tăng-già-lê; xuất y công đức; năm ngày may xong; sáu việc nạn khởi; hoặc khi may, khi liệu lý, hoặc không có dao, không có kim, không có chỉ, thiếu vải không đủ; hoặc người chủ của y phá giới, phá kiến, phá oai nghi; hoặc bị cử, hoặc diệt tận; hoặc đáng diệt tận; hoặc do việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không may thành thì quá năm ngày không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 104. Quá năm ngày không xem tăng-già-lê²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trên giảng đường Cao các, bên bờ sông Di hầu, tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, chúng Tăng nhận được nhiều sự cúng dường. Có tỳ-kheo-ni để tăng-già-lê trong phòng mà không trông coi, không hong phơi, bị trùng mối gặm, làm hoại sắc. Về sau, sự cúng dường chúng Tăng bị gián đoạn, vị tỳ-kheo-ni ấy không xem lại tăng-già-lê trước khi mang vào thôn, khi lấy dùng mới thấy tăng-già-lê bị trùng mối làm hoại sắc.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni này: “Tại sao để tăng-già-lê [750a1] trong phòng mà không trông coi, không hong phơi, để trùng mối gặm làm hoại sắc?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni này:

¹ Bản Hán bị cắt ngang và nhảy sót. Đây theo như các điều mà sắp lại.

² Pāli, Pāc 24. *Thập tụng*: điều 131.

“Cô làm điều sai quấy chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao để tăng-già-lê trong phòng mà không trông coi, không hong phơi, để trùng mồi làm hoại sắc?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, quá năm ngày không xem³ tăng-già-lê, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào để tăng-già-lê trong phòng, mỗi năm ngày phải đến xem, không xem ba-dật-đề. Ngoài tăng-già-lê, các y khác mỗi năm ngày không xem coi, đột-kiết-la. Ngoài các loại y ra, các vật dụng khác, mỗi năm ngày không xem coi, khiến cho mất, trùng mồi làm hoại sắc, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Để tăng-già-lê trong phòng mỗi năm ngày đến xem coi; hoặc cất nơi kiên cố; hoặc gởi cho người, người nhận cất nói: “Cô cứ yên tâm, tôi sẽ vì cô coi ngó cho”; hay vị kia vì sợ mất nên không nhất thiết mỗi năm ngày không xem coi, thầy không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.⁴

³ Ngũ nhật bất khán 五日不看; *Thập tụng*: ngũ dạ bất khán ngũ y 五夜不看五衣. Pāli: “quá năm ngày không khoác tăng-già-lê.”

⁴ Bản Hán, hết quyển 26.

ĐIỀU 105. Cản trở cúng y cho Tăng¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ [750b] tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà có người đàn-việt quen biết từ lâu; người ấy muốn dọn cơm và dâng y cho Tăng. Thâu-la-nan-đà nghe chuyện liền đến hỏi: ‘Tôi nghe ông muốn dọn cơm và dâng y cho Tăng, có đúng không?’ Người đàn-việt trả lời, ‘Đúng.’ Thâu-la-nan-đà nói: ‘Chúng Tăng công đức lớn, oai thần lớn, nhiều đàn-việt dâng cúng. Ông còn nhiều chỗ để cúng. Nay ông chỉ nên cúng cơm, khỏi phải dâng y.’

Người đàn-việt thuận theo lời nên không sắm y, trong đêm chỉ chuẩn bị thức ăn để cúng. Sáng sớm, người đàn-việt đến thỉnh ni Tăng thọ thực. Các tỳ-kheo-ni quân y bưng bát đến nhà thí chủ, ngồi yên nơi chỗ ngồi.

Bấy giờ, người đàn-việt quan sát các tỳ-kheo-ni, oai nghi rõ nét, pháp phục tề chỉnh, tự ăn năn, thốt lên lời: ‘Chúng Tăng tốt đẹp thế này, tại sao ngăn cản tôi không để cho tôi được dâng y cúng dường?’

Các tỳ-kheo-ni nghe nói như vậy, mới hỏi người đàn-việt: ‘Vì nhân duyên nào mà thốt lên những lời nói như vậy?’ Người đàn-việt trình bày đầy đủ nhân duyên.

Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà: ‘Tại sao cô ngăn cản việc cúng y cho chúng Tăng?’

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô ngăn cản việc cúng y cho chúng Tăng?”

¹ Pāli, Pāc. 26.

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cản trở việc cúng y cho chúng Tăng,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Chúng: cũng như trước.

Y: có mười loại như trước.

Tỳ-kheo-ni gây trở ngại việc cúng y cho chúng Tăng ba-dật-đề. Ngoài chúng Tăng, gây trở ngại với người khác, đột-kiết-la. Ngoài y ra, gây trở ngại đối với các vật khác, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người ta cúng ít, khuyên cúng nhiều; muốn cúng ít người, khuyên cúng nhiều người; muốn cúng thứ thô, khuyên cúng thứ tế; hoặc nói vui chơi, nói chỗ vắng, nói nhanh vội, [750c] nói trong mộng, muốn nói việc này nói nhằm việc khác. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 106. Lấy y của người khác mặc²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà,

¹ Pāli: *gaṇassa cīvaralābham*, sự nhận y của chúng (*gaṇa*: một nhóm, không phải Tăng: *saṅgha*)

² Pāli, Pāc. 25. *Tăng kỳ*: điều 71.

tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni quần y tăng-già-lê của người khác mà không nói với chủ, vào thôn khát thực. Người chủ không biết, nghĩ là y mình đã bị mất. Sau đó tìm kiếm thì thấy tỳ-kheo-ni kia mặc đi, cô liền nói:

“Cô phạm tội ăn trộm.”

Cô ni kia nói: “Tôi không ăn trộm y của cô. Tôi lấy mặc với ý nghĩ là của người quen thân.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách tỳ-kheo-ni kia: “Tại sao cô không nói với chủ mà trộm lấy y của người ta mặc, khiến cho họ tưởng là y của họ đã bị mất?”

Tỳ-kheo-ni liền đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni kia:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni trộm y mặc mà không nói với chủ, khiến người tưởng là y đã mất mà đi tìm kiếm?”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quả trách bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, lấy y của người khác mặc mà không hỏi chủ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào lấy y của người khác mặc, không nói với chủ, mà đi vào trong thôn khát thực, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có nói với chủ; hay là quen thân, hoặc người quen thân nói: “Cô cứ mặc đi, tôi sẽ vì cô nói với chủ cho” thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 107. Cho bạch y, ngoại đạo y sa-môn¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử có sai hai sa-di, một người tên là Nhĩ, người kia tên là Mật. Một người thôi tu, một người mặc áo ca-sa gia nhập chúng ngoại đạo. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni lấy áo của sa-môn đem cho người thôi tu, và cho người gia nhập [751a1] ngoại đạo kia.²

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô đem áo của sa-môn cho người thôi tu và cho người nhập ngoại đạo!”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô đem áo của sa-môn cho người thôi tu và cho người nhập ngoại đạo?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rồi bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì

¹ Pāli, Pāc. 28. Cf. *Thập tụng*: điều 132. *Tăng kỳ*: điều 72. *Ngũ phần*: điều 87. *Căn bản*: điều 142.

² Thullanandā lấy y sa-môn cho vũ công, ca kỹ, những người làm trò. *Ngũ phần*: đem y tỳ-kheo ni cho bạch y, ngoại đạo.

các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đem y sa-môn³ cho người ngoại đạo, bạch y, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo: nghĩa như trước.

Bạch y: người tại gia.

Ngoại đạo: người xuất gia ngoài giáo pháp của đức Phật.

Y sa-môn: áo hoại sắc.⁴

Tỳ-kheo-ni nào dùng y của sa-môn cho, người kia nhận, ba-dật-đề. Người này cho mà người kia không nhận, đột-kiết-la.

Phương tiện muốn cho mà không cho, hứa hẹn sẽ cho mà không cho, tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: cho cha mẹ, cho thợ làm tháp, cho thợ làm giảng đường, phòng ốc, tính tương đương giá trị thức ăn mà cho, hoặc bị cường lực đoạt, thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 108. Ngăn Tăng chia y⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê. Bấy giờ, Ni chúng nhận được y cúng dường như pháp muốn đem chia. Thâu-la-nan-đa có nhiều đệ tử, lúc đó đi vắng.

³ *Ngũ phần*: y tỳ-kheo-ni.

⁴ Pāli. Vin. iv. 286: *samañacīvaraṃ...kappakatam*, y của sa-môn, y đã tác tịnh.

⁵ Pāli, Pāc. 27. *Ngũ phần*: điều 84. *Thập tụng*: điều 137. *Căn bản*: điều 147.

Thâu-la-nan-đà có ý nghĩ muốn ngăn cản việc phân y như pháp, vì sợ đệ tử của mình không nhận được phần.

Các tỳ-kheo-ni biết ý nghĩ đó, trong số các tỳ-kheo-ni biết, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Thâu-la-nan-đà: “Tại sao cô có ý nghĩ ngăn cản việc phân y như pháp của chúng Tăng, vì sợ đệ tử của cô [751b] không nhận được phần?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô lại có ý nghĩ ngăn việc phân y như pháp của chúng Tăng, chỉ vì sợ đệ tử của cô không nhận được phần?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Thâu-la-nan-đà rồi bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trông nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, có ý nghĩ, ‘chúng Tăng phân y như pháp,’ bèn ngăn cản không cho phân, chỉ vì sợ đệ tử không nhận được phần,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Chúng Tăng: cũng như trước đã giải.

Pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy.

Y: có mười loại như trước.

¹ “Chỉ vì sợ...” Pāli không có chi tiết này. *Thập tụng*: “khi Tăng chia y, mà không tùy thuận...”

Tỳ-kheo-ni nào có ý nghĩ ngăn cản việc phân y như pháp của chúng Tăng, vì sợ đệ tử của mình không nhận được phần, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc chia lúc phi thời, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy. Nếu khi sắp chia mà sợ mất, sợ hư hỏng, ngăn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 109. Mong Tăng không xuất y ca-thi-na²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tăng chúng tỳ-kheo-ni như pháp xuất y ca-thi-na.³ Nhóm sáu tỳ-kheo-ni có ý nghĩ, “Mong chúng Tăng hôm nay không xuất y ca-thi-na, mà sau này sẽ xuất, để cho năm sự được buông xả kéo dài.”⁴ Các tỳ-kheo-ni biết nhóm sáu tỳ-kheo-ni có ý nghĩ, “Mong chúng Tăng hôm nay không xuất y ca-thi-na, mà sau này sẽ xuất, để cho năm sự được buông xả kéo dài.”

² Pāli, cf. Pāc. 29. Tham chiếu, *Ngũ phần* (tr.98a29), điều 184: ngăn cản thọ y ca-thi-na. *Thập tụng 46* (tr.336b14), ba-dật-đề 135: Thân-lan-nan-đà hy vọng y mà chưa nhận được nên không thuận theo Tăng xả y ca-thi-na.” Xem ni-tát-kỳ 3 (thông giới).

³ Xuất ca-thi-na y, xả tự nhiên do hết thời hiệu, hay do tác pháp xả. Duyên khởi điều học này, Luật Pāli (Vin.iv. 287) nói, do một cư sĩ, nhân lễ lạc thành tinh xá mà ông dựng để cúng Tăng, yêu cầu Tăng tác pháp xả y ca-thi-na để ông được cúng dường y phi thời cho cả hai bộ. Nếu ca-thi-na chưa xả, y chỉ được phân chia cho các vị đã an cư trong trú xứ thôi.

⁴ Năm điều lợi trong thời gian của y ca-thi-na; tức 5 điều luật (ba-dật-đề 1, 2, 32, 33, 42 trong luật tỳ-kheo) được nói lòng (phóng xả). Xem Phần iii Ch. v, ở sau. Pāli: Thullanadā ngăn cản xuất (xả) ca-thi-na, hy vọng thí chủ sẽ cúng y để chỉ chia cho các tỳ-kheo-ni cùng an cư trong một trú xứ, không chia cho tỳ-kheo-ni khách. Nếu xả ca-thi-na, khách và chủ đều phải chia đều.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô có ý nghĩ, mong chúng Tăng hôm nay không xuất y ca-thi-na, mà sau này sẽ xuất, để cho năm sự được buông xả kéo dài?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. [751c] Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô có ý nghĩ, mong chúng Tăng hôm nay không xuất y ca-thi-na, mà sau này sẽ xuất, để cho năm sự được buông xả kéo dài?”

Dùng vô số phương tiện quở trách xong, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, có ý nghĩ, ‘Mong chúng Tăng không xuất y ca-thi-na hôm nay, sau sẽ xả, để năm việc phóng xả được kéo dài,’¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: cũng như trước.

Pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy bảo.

Tỳ-kheo-ni nào có ý nghĩ đình hoãn việc xả y ca-thi-na như pháp của chúng Tăng, vì muốn cho năm sự được buông xả kéo dài, ba-dật-đề.

¹ Tham chiếu Pāli, Pāc. 29: *dubbalacīvarapaccāsāya cīvarakālasamayam atikkāmeyya, pācittiyān ti*, đặt hy vọng nơi y không chắc chắn, nếu quá thời của y, ba-dật-đề. Cf. *Thập tụng*: “Hy vọng được y yếu, mà thọ ca-thi-na, ba-dật-đề.”

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu xuất chẳng phải thời; phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy bảo. Hoặc khi xuất mà sợ mất, hư hỏng, nên ngăn khiến không xuất thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

ĐIỀU 110. Ngăn Tăng xuất y ca-thi-na¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tăng tỳ-kheo-ni muốn xuất y ca-thi-na.² Nhóm sáu tỳ-kheo-ni có ý nghĩ: “Nay Tăng tỳ-kheo-ni như pháp xuất y ca-thi-na, ta nên ngăn đừng xuất, để năm sự được buông xả kéo dài.” Các tỳ-kheo-ni biết ý của nhóm sáu tỳ-kheo-ni muốn ngăn Tăng tỳ-kheo-ni như pháp xả y công đức để năm sự được buông xả kéo dài.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô có ý nghĩ ngăn Tăng tỳ-kheo-ni như pháp xuất y ca-thi-na vì muốn năm sự được buông xả kéo dài?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô [752a] làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni chúng muốn như pháp xuất y ca-thi-

¹ *Thập tụng:* điều 136. *Căn bản:* điều 146.

² Xem điều 109 trước.

na, tại sao các cô ngăn không xuất, vì muốn năm sự được buông xả kéo dài?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, có ý ngăn Tăng tỳ-kheo-ni xuất y ca-thi-na, vì muốn năm sự được buông xả kéo dài, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: cũng nghĩa như trước.

Pháp: như pháp, như luật, như lời Phật dạy bảo.

Tỳ-kheo-ni nào có ý nghĩ ngăn tỳ-kheo-ni Tăng như pháp xuất y ca-thi-na, vì muốn khiến cho năm điều được buông xả lâu; nói rõ ràng ba-dật-đề; nói không rõ ràng đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Xuất y ca-thi-na phi thời, phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, tợ pháp biệt chúng, tợ pháp hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy. Hoặc khi xuất y, sợ mất hay hư hỏng, cho nên ngăn thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 111. Không vì người đập tắt tránh sự³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, có tỳ-kheo-ni tranh cãi, đến tỳ-kheo-ni Thâu-

³ Pāli, Pāc. 45. *Căn bản*: điều 148.

la-nan-đà nói: “Yêu cầu cô vì tôi giải quyết sự tranh cãi này.” Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà là người thông minh trí tuệ, là người có khả năng chấm dứt những việc cãi cọ xảy ra. Nhưng cuối cùng cô đã không tìm cách dập tắt tranh sự này. Tỳ-kheo-ni kia vì cuộc tranh cãi này mà không được hòa hợp, sâu ưu, nên thôi tu.

Chúng tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu đức tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Thâu-la-nan-đà rằng: “Tỳ-kheo-ni được yêu cầu giải quyết sự tranh cãi, sao cuối cùng không dùng phương tiện để dập tắt tranh sự này, khiến tỳ-kheo-ni kia do sự tranh cãi này không được hòa giải mà phải bỏ tu?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà: [752b]”Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô không vì tỳ-kheo-ni kia hòa giải sự tranh cãi khiến cho cô ni kia phải thôi tu?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, được tỳ-kheo-ni khác yêu cầu rằng: ‘Cô vì tôi dập tắt tranh sự này’ mà không tìm cách để dập tắt,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tránh sự: có bốn loại như trước đã giải.

Tỳ-kheo-ni kia nói với các tỳ-kheo-ni khác rằng: “Cô vì tôi dập tắt tranh sự này” mà tỳ-kheo-ni ấy không tìm cách dập tắt tranh sự đó,

¹ Pāli: *sādhū’ti sā paṭisunītvā pacchā anantarayikinī neva vūpasameyya...*, “Cô ni ấy đã nhận lời, sau đó mặc dù không có bị trở ngại gì mà không cố dập tắt...”

ba-dật-đề. Trừ các tránh sự ra, nếu có các việc cãi cộ nhỏ khác, không tìm cách để dập tắt, đột-kiết-la. Nếu bản thân có tránh sự mà không tìm phương tiện giải quyết, đột-kiết-la.

Trừ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, người khác có tránh sự mà không tạo phương tiện để giải quyết, đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu (tránh sự) chấm dứt; hoặc vì họ tạo phương tiện; hoặc bị bệnh, hoặc nói không được; hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc diệt tận, hoặc đáng diệt tận, hoặc từ việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không tìm cách chấm dứt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 112. Cho bạch y ngoại đạo thức ăn²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đa Thích tử có hai sa-di, một người tên là Nhĩ, một người tên Mật.³ Một người bỏ đạo, một người mang áo ca-sa gia nhập trong chúng ngoại đạo. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni đem thức ăn cho bạch y và người gia nhập ngoại đạo.⁴

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô đem thức ăn cho bạch y gia nhập ngoại đạo?”

Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

² Pāli, Pāc. 46; tham chiếu, Pāc. 28. *Tăng kỳ* (530c1): điều 81.

³ Xem điều 107 trên.

⁴ Duyên khởi, Pāli, Vin.iv 302: Thullanandā tự tay đưa thức ăn cứng và mềm cho vũ công và ca kỹ, như Pāc 28, thay “y sa-môn” (*samaṇcīvaraṃ*) bằng “thức ăn cứng và mềm” (*khādanīyaṃ vā bhojanīyaṃ vā*).

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, [752c] chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô đem thức ăn cho bạch y gia nhập ngoại đạo?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cử trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đem cho bạch y và người gia nhập ngoại đạo¹ thức ăn có thể ăn,² ba-dật-đề.

Thế Tôn vì tỳ-kheo-ni kết giới như vậy, thì có vị nghi không dám để dưới đất cho, không dám sai người cho, đức Phật dạy:

“Cho phép sai người cho hoặc để dưới đất cho.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tự tay cầm thức ăn cho bạch y và người gia nhập ngoại đạo ăn,³ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Bạch y: người chưa xuất gia.

Ngoại đạo: người xuất gia ngoài pháp của đức Phật.

Thức ăn nhai:⁴ như trước đã giải.

¹ Hán: bạch y nhập ngoại đạo giả 白衣入外道者. Pāli: *agārikassa vā paribbājakassa vā paribbajikāya vā*, “cho người tại gia hay nam nữ xuất gia (ngoại đạo).” Tham chiếu Pāc. 28.

² Hán: khả đạm thực giả 可噉食者. Trong giới văn kết lần sau, không có chi tiết này. Pāli: cho thức ăn cứng và mềm (*khādanīyaṃ vā bhojanīyaṃ vā*).

³ Xem cht. 207 trên.

⁴ Thực đạm 食噉; trong giới văn chỉ nói thực 食. Đây chỉ một trong hai loại thức ăn, cứng và mềm. Xem cht. 207 trước.

Tỳ-kheo-ni nào, tự đem thức ăn cho bạch y và người gia nhập ngoại đạo; người này cho, người kia nhận; (người cho) ba-dật-đề; người kia không nhận, (người cho) đột-kiết-la.

Phương tiện muốn cho mà không cho, hẹn sẽ cho rồi ăn năn không cho; tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc để dưới đất cho, hoặc sai người cho; hoặc cho cha mẹ, cho thợ làm tháp, hoặc bị cưỡng lực đoạt; đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 113. Làm người sai khiến cho bạch y¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu tỳ-kheo-ni đảm đương việc nhà, xay lúa, giã gạo, nấu cơm, rang thóc, nấu thức ăn, hoặc trái giường, chõ ngò, ngọ cụ; hoặc quét đất, múc nước, nhận sự sai khiến của người. Các cư sĩ thấy đều bĩu môi cười nhạo, nói: “Giống như vợ tôi đảm đương việc nhà, nào là xay lúa, giã gạo, nấu cơm... cho đến nhận sự sai khiến của người. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này đâu có khác gì?” Vì vậy, các cư sĩ sanh tâm khinh mạn, không cung kính. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu đức tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni, rằng: “Tại sao các cô đảm đương việc nhà, nào là xay lúa, giã gạo... cho đến nhận sự sai khiến của người, không khác với người đời như vậy?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì [753a1] nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải

¹ Pāli, Pāc. 44. *Căn bản*: điều 153. Cf. *Ngũ phần*: điều 148. *Tăng kỳ*: điều 84. *Thập tụng*: điều 142

hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô đảm đương việc nhà, nào là xay lúa, giã gạo... cho đến để người sai, như người đòi không khác?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, làm người sai khiến cho bạch y², ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Làm người sai khiến cho bạch y: tức như trên, xay lúa, giã gạo... *cho đến* nhận sự sai khiến của người. Tỳ-kheo-ni kinh doanh gia nghiệp, nào xay lúa, giã gạo cho đến nhận làm sứ giả cho người, tất cả đều ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, tùy theo việc làm mà định tội. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu vì cha mẹ bệnh, hoặc (cha mẹ) bị giam cầm, mà trải giường, ngoạ cụ, quét đất, múc nước, cung cấp những vật cần dùng, chịu sự sai khiến; hoặc vì người ưu-bà-di có tín tâm bị bệnh, hoặc bị giam cầm, mà trải giường, ngoạ cụ, quét đất, múc nước, giúp đỡ họ; hoặc bị cường lực bắt buộc; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 114. TỰ TAY QUAY SỢI³

² Pāli: *gihiveyyāvaccam kareyya*, chấp tác công việc gia đình, phục dịch người tại gia. Cf. *Ngũ phần*, điều 148: "... vì ẩm thực mà chấp tác việc nhà của bạch y."

³ Pāli, Pāc. 43. *Căn bản*: điều 156 (& 155). *Ngũ phần*: điều 163 (cf. điều 197). *Thập tụng*: điều 146.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni tự tay quay sợi. Các cư sĩ thấy đều bĩu môi cười, “Y như vợ tôi quay sợi. Tỳ-kheo-ni cũng vậy, đâu có khác gì!” Các cư sĩ sanh tâm khinh mạn, không cung kính.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô tự quay sợi?”

Tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp các Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô tự quay sợi, không khác gì người đời?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười [753b] cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tự tay quay sợi, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Sợi: có mười loại như trước.¹

Tỳ-kheo-ni nào tự tay quay sợi, một vòng là phạm một ba-dật-đề.

¹ Đoạn trên, chưa thấy ở đâu. Đây chỉ 10 loại sợi để dệt mười loại vải (y). Xem Phần I, ch. iii, ni-tát-kỳ 1. Pāli: có 6 loại chỉ sợi (*suttam*): *khomaṃ* (gai), *kappāsikaṃ* (gòn), *koseyyaṃ* (lụa), *kambalaṃ* (lông thú), *sāṇaṃ* (gai thô), *bhaṅgaṃ* (gai lớn để may bố).

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu tự mình tách sợi, và se sợi;² hoặc bị cưỡng lực bắt buộc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 115. Ngồi nằm trên giường bạch y³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà đến giờ, quần y, bung bát, đến nhà cư sĩ, trái chỗ ngồi mà ngồi. Người vợ của cư sĩ lúc ấy cởi y phục anh lạc, vào vườn sau tắm gội. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà vội lấy y phục anh lạc của bà ta mặc vào rồi nằm trên giường của cư sĩ.

Trước đó ông chồng đi vắng. Khi trở về, vào trong nhà chợt thấy Thâu-la-nan-đà nằm, tưởng là vợ của mình, liền đến nằm, choàng tay sờ và hôn. Khi sờ phải đầu trọc, hỏi rằng: “Cô là ai?”

Thâu-la-đà trả lời: “Tôi là tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà.”

Ông cư sĩ nói rằng: “Tại sao cô quần y phục anh lạc của vợ tôi, nằm trên giường tôi, khiến tôi tưởng là vợ tôi? Cô đi ra mau, từ nay cô đừng đến nhà này nữa!”⁴ Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Thâu-la-nan-đà: “Tại sao cô lại quần y phục, đeo anh lạc của vợ người ta, nằm trên giường của họ?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà, rằng:

² Sách tuyền hợp tuyền 索線合線.

³ Pāli, Pāc. 42.

⁴ Pāli không có chi tiết như vậy. Chỉ nói, các tỳ-kheo-ni dùng ghế dài (*āsandī*) hay ván ngựa (đi-văng, Pāli: *pallāṅka*)

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô lại vào nhà cư sĩ, quần y phục, đeo anh lạc của vợ người ta, nằm trên giường của họ, khiến cho chồng họ bị kinh ngạc như thế?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên như vậy”:

Tỳ-kheo-ni nào, [753c] vào trong nhà bạch y,¹ hoặc ngồi hoặc nằm, trên giường nhỏ, giường lớn,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nhà bạch y: là thôn xóm.

Giường nhỏ: giường để ngồi.

Giường lớn: giường để nằm.

Tỳ-kheo-ni nào vào trong nhà bạch y, hoặc ngồi hoặc nằm nơi giường nhỏ, giường lớn; hông dính nơi giường, một lần trở mình phạm một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải bệnh thể nào đó; hoặc ngồi trên giường đơn³; hoặc vì chúng tỳ-kheo-ni đông người; hoặc bị bệnh té

¹ Pāli, không có chi tiết này.

² Tiểu sàng, đại sàng 小床大床. Pāli: *āsandiṃ vā pallāṅkaṃ vā paribhuñjeyya*, thọ dụng trường kỷ hay ghế đơn (thảm để ngồi kết già). Xem giải thích đoạn dưới. Cf. D. i. 7: Sa-môn Gotama không ngồi nằm trên các loại giường như *āsandī* (ghế bành?), *pallāṅka*...

³ Đây chỉ ghế chiếc.

xỉu, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói buộc, hoặc mạng nạn; phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 116. Tá túc không từ biệt chủ⁴

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông tỳ-kheo-ni, đến nước Câu-tát-la. Trên đường đi đến một thôn không có trú xứ. Các cô nói với người chủ nhà nọ, xin trải tọa cụ trong nhà nghỉ lại một đêm. Sáng ngày đi mà không từ biệt chủ nhà.

Sau đó thôn bị phát hỏa, nhà bị cháy. Khi lửa cháy, người cư sĩ nghĩ rằng trong nhà có người nên không chạy đến để chữa cháy, vì vậy nhà bị cháy sạch.

Cư sĩ hỏi: “Tỳ-kheo-ni đâu?” Có người cho biết, họ đi hết rồi. Các cư sĩ cơ hiềm, nói: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp?”

Tại sao xin chủ nghỉ đêm lại trong nhà, sáng ngày không từ biệt chủ nhà mà bỏ đi? Chúng tôi tưởng là trong nhà có người nên không chữa cháy, khiến cho nhà bị cháy sạch!”

Các Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục trí túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô nói với chủ nhà xin ở lại đêm; khi đi không từ biệt chủ, khiến cho lửa cháy hết nhà người ta?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni rằng:

“Tại sao các cô xin chủ nghỉ đêm lại trong nhà người ta, khi đi không từ biệt chủ, khiến cho nhà người ta bị cháy hết?”

⁴ Pāli, không rõ tương đương.

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, [754a1] *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đến nhà bạch y, xin chủ dọn chỗ nghỉ đêm, sáng ngày bỏ đi mà không từ biệt chủ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nhà bạch y: là thôn xóm.

Nghỉ đêm: nơi ngủ lại đêm.

Dọn chỗ: hoặc trái bằng cỏ, bằng lá, cho đến tự trái bằng ngoại cụ dạ.

Tỳ-kheo-ni nào đến trong nhà bạch y, xin chủ cho dọn chỗ ngủ đêm, sáng ngày đi mà không từ biệt; ra khỏi cửa ngõ, ba-dật-đề. Một chân bên trong, một chân bên ngoài, phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn đi mà không đi, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Có từ biệt chủ trước khi đi; hoặc trước có người ở trong nhà rồi; hoặc nhà không chủ; hoặc là phước xá; hoặc là thân hậu; hay thân hậu nói: “Cô cứ đi, tôi sẽ nói với chủ cho.” Hoặc nhà bị sập đổ, hay bị lửa cháy, hoặc trong nhà có rắn độc, thú dữ, hoặc bọn giặc xâm nhập; hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị cột trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 117. Học chú thuật thế tục¹

¹ Pāli, Pāc. 49. *Ngũ phần*: điều 190 (tụng và dạy người tụng). *Thập tụng*: điều 140. *Căn bản*: điều 150.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có nhóm sáu tỳ-kheo-ni tụng các loại tạp chú thuật,¹ như chú chi tiết, chú Sát-lợi, chú quỷ, chú kết hung; hoặc học tập cách bói quay bánh xe hươu;² hoặc học tập để hiểu biết âm thanh.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô học tập tụng các loại chú như chi tiết, cho đến hiểu rõ các âm thanh?”

Quở trách rồi, chư ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô tập tụng các loại chú thuật, cho đến hiểu biết âm thanh?” Quở trách xong, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới [754b] nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tập tụng chú thuật của thế tục,³ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

¹ Tạp chú thuật 雜咒術, các môn học (chú thuật) tạp nạp vô ích. Xem, *Trường A-hàm* 13, kinh “A-ma-trú”, T1, tr.84c1. Xem, Pāli, D. 9, liệt kê các loại chú thuật (*tiracchāna-vijjā*: khoa học súc sinh): *aṅga-vijjā* (chi tiết chú 支節咒), khoa xem tướng tay chân; *khattiya-vijjā* (sát-lợi chú 刹利咒), khoa xem tướng cho vua chúa...

² Chuyển lộc luân 轉鹿輪. Pāli: *miga-cakka*.

³ Pāli: *tiracchānavijjā* (súc sanh minh), được giải thích là các học thuật của thế gian, không liên hệ Thánh đạo. Các môn học này được coi là bắt nguồn từ Vệ-đà (thần bí), nên cũng thường hiểu là minh chú. Trong điều luật này, quy định tỳ-kheo-ni không được học các môn học thế tục, chứ không phải chỉ cấm học bùa chú.

Chú thuật của thế tục: như chú chi tiết, cho đến tìm hiểu, giải thích âm thanh...

Tỳ-kheo-ni nào, tập tụng chú thuật của thế tục... *cho đến* âm thanh, hoặc khẩu thọ, hoặc chấp văn tụng; nói rõ ràng, ba-dật-đề. Nói không rõ ràng, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc tụng chú để trị bệnh trùng trong ruột; hoặc tụng chú để trị ăn ban đêm không tiêu; hoặc học sách vở, hoặc tụng chú thế tục hàng phục ngoại đạo; hoặc tụng chú để trị độc; hoặc dùng để hộ thân. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 118. Dạy người chú thuật⁴

Tỳ-kheo-ni nào, dạy người tụng tập chú thuật, ba-dật-đề.

ĐIỀU 119. Độ người nữ đang có thai⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một tỳ-kheo-ni tên là Bà-la, độ người nữ có thai xuất gia, thọ giới cụ túc. Sau đó, người ấy sanh một đứa con trai, bồng vào thôn xóm khát thực. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Hãy xem người xuất gia này mới sinh con!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách tỳ-kheo-ni Bà-la này: “Tại sao cô độ người nữ có thai?”

⁴ Như điều luật trên. Ở đây cấm dạy. Pāli, Pāc. 50. *Thập tụng*: điều 141. *Căn bản*: điều 151.

⁵ Pāli, Pāc. 61. *Ngũ phần*: điều 115. *Căn bản*: điều 111.

Tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Bà-la này: “Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao độ người có thai?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người nữ có thai thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni không biết họ có thai hay không có thai, sau mới biết; nên trong số đó có vị tác pháp sám [754c] ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ có thai mà độ cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu tỳ-kheo-ni nào biết người nữ có thai, độ cho thọ giới cụ túc; tác pháp yết-ma ba lần xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề. Tác pháp yết-ma lần thứ hai xong, phạm ba đột-kiết-la. Tác pháp yết-ma lần thứ nhất xong, phạm hai đột-kiết-la. Bạch xong, một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, cho cạo đầu, mặc áo, chuẩn bị thọ giới cụ túc, hoặc tập hợp đã đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết; hoặc tin lời nói của người kia; hoặc tin lời người đáng tin; hoặc tin cha mẹ họ nói, trao giới cụ túc rồi, sau sanh con, không phạm. Sau khi sanh rồi nghi không dám bồng ẵm,

Phật dạy: “Nếu đứa bé chưa có thể rời mẹ thì tỳ-kheo-ni tự mình phải nuôi dưỡng, cho phép làm tất cả việc làm của bà mẹ: cho bú sữa, sú com, nuôi nấng.” Sau đó có sự nghi không dám cùng ngủ với con trai này trong một nhà. Phật dạy: “Nếu con trai chưa thể rời mẹ thì được phép cùng ngủ một chỗ, không phạm.”

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 120. ĐỘ PHỤ NỮ ĐANG CHO CON BÚ ¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một tỳ-kheo-ni độ người phụ nữ đang còn cho con bú xuất gia, để con ở nhà. Sau đó, người nhà đem con đến giao. Cô ni bồng con vào xóm khát thực, các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi tu chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Hãy xem người xuất gia này sanh con rồi bồng con đi khát thực!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách tỳ-kheo-ni kia: “Tại sao cô lại độ người phụ nữ còn đang cho con bú xuất gia, khiến các cư sĩ cơ hiềm?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni kia: “Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô độ người phụ nữ còn cho con bú xuất gia?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni [755a1] kết giới, gồm mười cú ngĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

¹ Pāli, Pāc. 62. *Ngũ phần*: điều 116.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người phụ nữ còn cho con bú, thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni không biết người nữ ấy còn có con đang bú hay không; sau mới biết. Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết phụ nữ còn cho con bú,² mà trao cho giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu tỳ-kheo-ni nào, biết phụ nữ còn cho con bú mà độ xuất gia thọ giới cụ túc; tác pháp yết-ma ba lần xong, Hòa thượng ni, ba-dật-đề. Tác yết-ma hai lần xong, ba đột-kiết-la. Tác yết-ma lần thứ nhất xong, phạm hai đột-kiết-la. Bạch xong, một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, cho cạo đầu, cho xuất gia, cho quán y, cho thọ giới hoặc hợp chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết, hoặc tin lời nói của người kia, hoặc tin lời người đáng tin, hoặc tin lời cha mẹ họ, độ xuất gia trao giới cụ túc rồi, sau mới đem con đến thì không phạm.

Bà mẹ nghi, không dám bồng con nuôi dưỡng, đức Phật dạy: “Nếu đứa bé chưa có thể tự sống, cho phép làm tất cả những việc của bà mẹ nuôi con cho đến khi dứt sữa.” Sau đó, bà mẹ cùng đứa nhỏ ngủ một chỗ, có sự nghi, Phật dạy: “Chưa hết bú thì không phạm.”

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

² *Ngũ phân*: tân sản phụ 新産婦, đàn bà mới sinh con.

ĐIỀU 121. Độ đồng nữ chưa đủ hai mươi¹**a. Duyên khởi****1. Độ thiếu nữ**

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni nghe Phật chế giới được phép độ người, vội độ đồng nữ nhỏ tuổi, không biết họ có tâm dục hay không có tâm dục. Sau đó họ với nam tử có tâm nhiễm ô cùng đứng cùng nói chuyện đùa giỡn.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người, tại sao các cô lại độ đồng nữ nhỏ tuổi? Chúng với nam tử có tâm nhiễm ô cùng đứng cùng nói chuyện đùa giỡn?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni rằng:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao [755b] các cô độ đồng nữ nhỏ tuổi, không biết họ có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô. Sau đó họ cùng với nam tử có tâm nhiễm ô cùng đứng cùng nói chuyện đùa giỡn?”

Dùng vô số phương tiện quở trách tỳ-kheo-ni rồi, đức Phật bảo các tỳ-kheo-ni rằng:

2. Thế phát

“Các cô lắng nghe, nếu muốn cạo tóc cho người được độ ở trong chùa, thì phải nói cho tất cả ni Tăng biết. Hoặc tác bạch rồi, sau đó mới cạo tóc. Văn tác bạch như vậy:

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Đồng nữ này tên là... đến cầu cạo tóc với tỳ-kheo-ni tên... Nếu thời gian thích hợp đối với

¹ Pāli, Pāc. 71. Tăng kỳ: điều 96. Thập tụng: điều 116. Căn bản: 115.

Tăng, Tăng chấp thuận, cho đồng nữ tên... cạo tóc. Đây là lời tác bạch.”

Tác bạch như vậy rồi mới cho cạo tóc.

Nếu muốn cho xuất gia ở trong chùa phải nói cho tất cả ni Tăng biết. Tác bạch rồi mới cho xuất gia. Văn tác bạch như sau:

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Người nữ này tên là... đến cầu xuất gia với... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho người nữ trên... xuất gia. Đây là lời tác bạch.”

Tác bạch như vậy rồi mới cho xuất gia.

3. Ttruyền giới Sa-di-ni

Tác bạch cho xuất gia như vậy, cho cạo tóc, mặc áo ca-sa rồi, bảo họ quỳ gối, chắp tay, bạch như vậy:

“Con tên là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Con ở trong giáo pháp của đức Như lai, cầu xin xuất gia theo Hòa thượng ni tên là... Đức Như lai Chí chơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.” (Lần thứ hai, thứ ba bạch như vậy).

“Con tên là... đã quy y Phật rồi, đã quy y Pháp rồi, đã quy y Tăng rồi. Con ở trong giáo pháp của đức Như lai, cầu xin xuất gia theo Hòa thượng ni tên... Đức Như lai Chí chơn, Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy).

Tiếp theo cho thọ giới:

“Suốt đời không sát sanh, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: ***“Được.”***

“Suốt đời không ăn trộm, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: ***“Được.”***

“Suốt đời không dâm dục, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không nói dối, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không uống rượu, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không đeo hương hoa anh lạc, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không ca múa, kỹ nhạc, không được xem, nghe, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không ngồi trên giường cao rộng lớn, là [755c] giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không ăn phi thời, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Suốt đời không cầm vàng bạc, tiền, là giới của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

“Mười giới như vậy của sa-di-ni. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

4. Thọ học giới

Từ nay trở đi cho phép đồng nữ 18 tuổi, hai năm học giới, tuổi đủ 20 được trao cho giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma. Nên nói giới như vậy: Sa-di-ni phải đến giữa Tăng, trồng vai bên hữu, cởi bỏ dép,

kính lễ sát chân chúng tỳ-kheo-ni Tăng, đầu gối bên hữu chắm đất, chấp tay nói lời tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Con sa-di-ni tên là..., nay đến giữa Tăng xin hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni tên... làm Hòa thượng. Xin Tăng cho con hai năm học giới, từ mãn cố.”
(Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy).

Rồi sa-di-ni phải đến chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong chúng tỳ-kheo-ni sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Sa-di-ni kia tên là..., nay đến giữa Tăng xin hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, cho sa-di-ni tên là... hai năm học giới, Tỳ-kheo-ni... làm hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Sa-di-ni kia tên là..., đến trước Tăng xin hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni... làm Hòa thượng. Nay Tăng cho sa-di-ni tên là... hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni... làm hòa thượng. Các đại tử nào chấp thuận, Tăng cho sa-di-ni tên là... kia hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni... làm Hòa thượng thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là lời yết-ma lần thứ nhất.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận cho sa-di-ni tên là... hai năm học giới. Tỳ-kheo-ni... làm Hòa thượng. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

Thức-xoa-ma-na kia cần phải học tất cả giới, trừ điều “tự tay lấy thức ăn, trao thức ăn cho người.”¹ Đương sự học giới hai năm rồi, tuổi đủ 20, nên trao cho giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma.

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cửu trụ.”

¹ Nghĩa là, việc làm này không bị cấm đối với thức-xoa.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đồng nữ tuổi mười tám, cho hai năm học giới, hai mươi tuổi, mới cho thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni nào, người nữ không đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn [756a1] vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni không biết người nữ đủ hai mươi tuổi hay không, sau mới biết là không đủ nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết không đủ hai mươi tuổi¹ mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.²

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước

Tỳ-kheo-ni biết người không đủ hai mươi tuổi mà trao cho thọ giới cụ túc, ba lần yết-ma xong, Hòa thượng ni, ba-dật-đề. Hai lần yết-ma xong, ba đột-kiết-la. Một lần yết-ma xong, hai đột-kiết-la. Bạch xong, phạm một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, một đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đương sự tuổi đủ mười tám, cho hai năm học giới, đủ hai mươi tuổi, trao cho thọ giới cụ túc; hoặc không biết hay đương sự tự nói đủ hai mươi tuổi; hoặc tin lời người đáng tin, hay tin cha mẹ họ nói. Nếu sau khi thọ giới rồi nghi, nên tính luôn tháng trong thai, tính tháng nhuận, tính mỗi 14 ngày thuyết giới cho đủ thì không phạm.

¹ Pāli: *ūnavāsativassam kumāribhūtam*, “thiếu nữ dưới 20 tuổi.”

² Bản Hán, giới văn lần thứ hai có chỗ nhẩy sót hay lược bỏ. Đây vẫn giữ nguyên theo Hán.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 122. ĐỘ ĐỒNG NỮ KHÔNG CÓ HAI NĂM HỌC GIỚI¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người 18 tuổi cho hai năm học giới, đủ tuổi 20 trao cho giới cụ túc. Người kia không phải là 18 tuổi, không có hai năm học giới, cứ đủ tuổi 20 cho thọ giới cụ túc. Nhưng vì thiếu hai năm học giới nên sau khi thọ giới cụ túc rồi mà không biết nên học những giới nào.

Các tỳ-kheo-ni nghe biết; trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, quả trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người 18 tuổi cho hai năm học giới, đủ 20 tuổi cho thọ cụ túc. Tại sao các cô với người nữ chẳng phải tuổi 18 không có hai năm học giới, cứ tuổi 20 bèn cho thọ giới cụ túc; nhưng vì thiếu hai năm học giới nên họ không biết nên học giới nào?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách các tỳ-kheo-ni rằng:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người 18 tuổi cho hai năm học giới, [756b] đủ 20 tuổi cho thọ cụ túc. Tại sao các cô với người nữ chẳng phải tuổi 18, không có hai năm học giới, cứ tuổi 20 bèn cho thọ giới cụ túc; nhưng vì thiếu hai năm học giới nên họ không biết nên học giới nào?”

¹ Pāli, Pāc. 72 (nhập 2 điều: 122 & 123 làm một). *Tăng kỳ*: điều 97. Cf. *Ngũ phần*: điều 106. *Căn bản*: điều 116.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni rồi, bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đồng nữ 18 tuổi mà không cho hai năm học giới, tuổi đủ hai mươi liền cho thọ giới cụ túc,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước

Tỳ-kheo-ni nào đối với đồng nữ 18 tuổi chưa có hai năm học giới mà trao cho giới cụ túc,³ xướng ba yết-ma xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề. Hai yết-ma xong, ba đột-kiết-la. Một yết-ma xong, phạm hai đột-kiết-la. Bạch xong, một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đồng nữ 18 tuổi có hai năm học giới, khi tuổi đủ 20, trao cho giới cụ túc, không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 123. Độ sa-di-ni không cho sáu pháp⁴

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới

² Pāli: *paripuṇṇavāsativassam kumāribhūtam dve vassāni chasu dhammesu asikhitasikkham vuttthāpeyya*, “cho thọ cụ túc thiếu đã đủ 20 tuổi nhưng chưa có hai năm học sáu pháp.” Cf. *Ngũ phần* (106): “...đồng nữ chưa đủ 18 tuổi mà cho học giới...”

³ Văn Hán có thể nhảy sót. Phải nói đủ: “tuổi 18 mà không cho hai năm học giới, khi tuổi đủ 20 liền cho thọ cụ túc.”

⁴ Pāli, Pāc. 72. Cf. *Tăng kỳ*: điều 98. *Căn bản*: điều 119.

cho phép độ đồng nữ 18 tuổi cho hai năm học giới, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi cho thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni không cho sáu pháp lại cho thọ giới cụ túc. Người kia khi học giới, làm bất tịnh hạnh, trộm lấy năm tiền, đoạn mạng người, tự xưng đắc pháp thượng nhân, ăn quá giờ ngo, uống rượu. Các tỳ-kheo-ni nghe biết; trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép đồng nữ 18 tuổi cho hai năm học giới, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi cho thọ giới cụ túc. Tại sao các cô không dạy sáu pháp cho họ mà cho giới cụ túc nên họ phạm vào phạm hạnh, trộm năm tiền, cho đến uống rượu?”

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải [756c] oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni, các cô đối với đồng nữ 18 tuổi nên cho hai năm học giới, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi cho thọ giới cụ túc. Tại sao không cho sáu pháp khiến cho họ phạm dâm... cho đến uống rượu?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“ Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

*Tỳ-kheo-ni nào, đồng nữ 18 tuổi, cho hai năm học giới nhưng không cho sáu pháp, liền cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.*¹

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu thức-xoa-ma-na phạm dâm thì phải diệt tận. Nếu có tâm nhiễm ô cùng với nam tử có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm tức là khuyết

¹ *Tăng kỳ* (điều 98): “...chưa học đầy đủ học giới...”

giới, phải thọ lại. Nếu trộm năm tiền, trên năm tiền phải diệt tẩn. Nếu lấy dưới năm tiền tức là khuyết giới, phải thọ lại. Nếu đoạn mạng người phải diệt tẩn. Nếu đoạn mạng súc sanh tức là khuyết giới, phải thọ lại. Nếu tự nói được pháp thượng nhân, phải diệt tẩn. Nếu cố nói vọng ngữ trong chúng tức là khuyết giới, phải thọ lại. Nếu ăn phi thời tức là khuyết giới, phải thọ lại. Nếu uống rượu là khuyết giới, phải thọ lại.

Tỳ-kheo-ni nào, đồng nữ 18 tuổi cho hai năm học giới nhưng không cho sáu pháp, tuổi đủ 20 cho thọ giới cụ túc, xướng ba yết-ma xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề. Xướng hai yết-ma xong, ba đột-kiết-la. Xướng một yết-ma xong, hai đột-kiết-la. Bạch xong, một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, một đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, tập chúng, đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đồng nữ 18 tuổi, học giới hai năm, cho sáu pháp rồi cho thọ giới cụ túc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.¹

ĐIỀU 124. Truyền cụ túc Tăng chưa thuận²

a. Duyên khởi

1. Truyền thọ cụ túc

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới: đồng nữ 18 tuổi cho hai năm học giới, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi, trao giới cụ túc. Các tỳ-kheo-ni độ người mù lòa, chân đi khập khiễng, điếc, câm, ngọng, và các bệnh khác, [757a1] khiến Tăng bị chê bai, khi dễ.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-

¹ Bản Hán, hết quyển 27.

² Pāli, Pāc. 73. *Ngũ phần*: điều 107. *Tăng kỳ*: điều 99.

đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép đồng nữ 18 tuổi, cho hai năm học giới, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi, trao cho giới cụ túc. Tại sao các cô lại độ người mù lòa, và có các bệnh khác, khiến Tăng bị chê bai khi dễ? “Các tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni đối với đồng nữ 18 tuổi, nên cho hai năm học giới, (cho sáu pháp), đủ 20 tuổi, trao giới cụ túc. Tại sao các cô lại độ người mù lòa và người có các bệnh khác?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Từ nay trở đi, Ta chế lập giới cụ túc bằng pháp bạch tứ yết-ma cho tỳ-kheo-ni.”

2. Giáo thọ già nạn

Nên trao cho như vậy: để người thọ giới đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong giới sư nên tác bạch sai vị giáo thọ sư. Nên tác bạch như vậy:

“Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Người kia tên là..., theo Hòa thượng ni tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tỳ-kheo-ni tên là... làm Giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch.”

Vị giáo thọ sư đến chỗ người xin thọ giới nói:

“Này cô, đây là an-đà-hội, đây là uất-đa-la-tăng, đây là tăng-già-lê, đây là tăng-kỳ-chi, đây là phú kiên y,³ đây là bát. Y bát

³ Tỳ-kheo-ni phải đủ 5 y. Ba y, như tỳ-kheo. Tỳ-kheo-ni có thêm tăng-kỳ-chi (tăng-khước-kỳ; và phú kiên y. Pāli (Vin.ii. 272): *saṅkacchika* (Tăng-kỳ-chi hay phú kiên y, hay yếm che ngực), *udakasātika* (quyết-tu-la, thủy dục y, quần hay váy để tắm mưa). Trong bản Hán, tăng-khước-kỳ và phú kiên y khác nhau. Có thể nhầm. *Thập tụng* 46 (tr.331c05): phú kiên y 覆肩衣 và quyết-tu-la 厥修羅. *Ngũ phần* 29 (tr.187c20): phú kiên y 覆肩衣, thủy dục y 水浴衣. *Tăng kỳ* 30 (tr.472b22): phú kiên y, vũ y 雨衣.

này là của cô phải không? Cô hãy lắng nghe. Đây là lúc cần nói thật với lòng chân thành. Nay tôi hỏi cô, thật thì cô nói thật, không thật thì cô nói không thật.¹

“Tên chữ của cô là gì?”

“Hòa thượng của cô hiệu gì?”

“Cô đủ 20 tuổi chưa?”

“Y bát có đủ không?”

“Cha mẹ có cho phép cô tu không?”

“Phu chủ có cho phép cô tu không?”

“Cô có mắc nợ không?”

“Cô có phải là tôi tớ không?”

“Cô là người nữ phải không?”

“Người nữ có những bệnh như hủi, ung thư, hủi trắng, khô da, điên cuồng, hai hình, hai đường hiệp lại, tiểu tiện thường rỉ chảy, đại tiểu tiện đàm dãi chảy mãi. Cô có các bệnh như trên không?”

Nếu người xin thọ giới trả lời là “không” thì nên bảo rằng:

“Nhu những việc tôi vừa hỏi cô, giữa chúng Tăng cũng sẽ hỏi như vậy. Cô đã trả lời với tôi như thế nào thì giữa chúng cô cũng trả lời như vậy.”

Vị giáo thọ sư hỏi rồi, với oai nghi như thường lệ, trở lại trong chúng, đứng chỗ ngang tầm cánh tay đưa ra đưng,² [757b] tác bạch:

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Người nữ tên là..., theo Hòa thượng ni tên là..., xin thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đôi với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi đã giáo thọ rồi, cho phép kêu người ấy vào. Đây là lời tác bạch.”

¹ Luật Pāli, có 24 giả nạn (Pāli: *catuvīsati antarayike dhamme pucchī*, Vin.ii. 272): 11 trường hợp dị dạng, 5 bệnh truyền nhiễm; còn lại tương tự với tỳ-kheo.

² Hán: thu thủ tương cập 舒手相及, chỉ khoảng cách giữa các tỳ-kheo khi tác yết-ma.

Vị giáo thọ bảo: **“*Cô hãy vào!*”**

3. Bản bộ yết-ma

Cô ấy vào rồi, vị giáo thọ nên cầm y bát cho, bảo cô kính lễ sát chân ni Tăng; rồi bảo quỳ gối trước mặt giới sư, chấp tay. Vị giáo thọ dạy bạch như sau:

“*Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Con tên là..., theo Hòa thượng ni tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Con tên là... nay đến giữa Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Chúng Tăng dĩ lòng thương cứu vớt con.*”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Giới sư tác bạch:

“*Đại tỳ Tăng xin lắng nghe! Người nữ này tên là..., theo Hòa thượng ni tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Nay người nữ này đến giữa Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là..., làm Hòa thượng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.*”

Vị giới sư nói: **“*Cô hãy lắng nghe! Nay là lúc phải chân thành. Tôi hỏi cô, thật thì cô nói thật. Không thật thì cô nói không thật:*”**

“*Tên chữ của cô là gì?*”

“*Hòa thượng của cô hiệu gì?*”

“*Cô đủ 20 tuổi chưa?*”

“*Y bát của cô có đủ không?*”

“*Cha mẹ cô có cho phép cô tu không?*”

“*Phu chủ cô có cho phép cô tu không?*”

“*Cô có mắc nợ ai không?*”

“*Cô có phải là tôi tớ không?*”

“*Cô là người nữ phải không?*”

“*Người nữ có những bệnh như hủi, ung thư, hủi trắng, khô da, điên cuồng, hai hình, hai đường hiệp lại, tiểu tiện thường rỉ chảy, đại tiểu tiện đàm dãi chảy mãi. Cô có các bệnh như trên không?*”

Người thọ giới đáp: “**Không.**”

Giới sư tác bạch:

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Người nữ này tên là..., theo Hòa thượng ni tên là..., cầu thọ giới cụ túc. Nay người nữ tên là... này đến giữa chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Người nữ tên là... tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, 20 tuổi, y bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho người nữ tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng, Đây là lời tác bạch.

“Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Người nữ tên là... theo Hòa thượng ni tên là... cầu thọ giới cụ túc. Nay người nữ tên là... này theo chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Người nữ tên là... tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, 20 tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng trao cho người nữ tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Các Đại tỷ nào chấp thuận Tăng trao cho người nữ tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng [757c] thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

“Tăng đã chấp thuận Tăng trao cho người nữ tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”¹

4. Chánh pháp yết-ma

Các tỳ-kheo-ni Tăng nên dẫn người thọ giới đến giữa Tăng tỳ-kheo,² trông vai bên hữu, kính lễ sát chân Tăng, đầu gối bên hữu chầm đất, chấp tay, thưa:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là... theo Hòa thượng ni tên là... cầu thọ giới cụ túc. Nay con tên là... đến giữa

¹Bản Hán, hết quyển 27.

²Xem ba-dật-đề 139.

chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Xin Chúng Tăng đũ lòng thương cứu vớt con.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

Giới sư nên hỏi:

“Tên chữ của người là gì?”

“Hòa thượng của người hiệu gì?”...

Cho đến câu: “Đàm dãi thường chảy ra...” như trước. Rồi hỏi tiếp:

“Người đã học giới thanh tịnh chưa?”

Nếu cô ấy nói: “Đã học giới thanh tịnh,” thì lại hỏi các tỳ-kheo-ni:

“Người này đã học giới thanh tịnh chưa?”

Nếu các cô ni nói:

“Học giới thanh tịnh.”

Giới sư nên tác bạch:

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là... theo Hòa thượng ni tên là... cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là... đến giữa Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Người này tên là... đã học giới thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trao cho người nữ tên là... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

“Đại đức Tăng xin lắng nghe! Người này tên là... theo Hòa thượng ni tên là... cầu thọ giới cụ túc. Nay, người này tên là... theo Tăng xin thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Người này tên là... đã học giới thanh tịnh. Nay, Tăng trao cho người có tên... này giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng trao cho cô có tên... giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên là... làm Hòa thượng thì im lặng.[758a1] Vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng bạch như vậy).

“Chúng Tăng đã chấp thuận cho cô có tên là... thọ giới cụ túc, tỳ-kheo-ni tên... làm Hòa thượng rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

5. Thuyết Ba-la-di-pháp

“Này Thiện nữ, hãy lắng nghe! Tám pháp ba-la-di sau đây do đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác nói ra. Người nào phạm, chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích:

1/ Không được hành bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục. Nếu tỳ-kheo-ni hành bất tịnh hạnh có ý lạc, hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sanh, thì người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây trọn đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

2/ Không được trộm cắp, cho đến một lá cây, cọng cỏ. Nếu tỳ-kheo-ni ăn trộm của người năm tiền, hoặc hơn năm tiền, tự mình lấy hay chỉ bảo người lấy; tự mình bê¹ hay chỉ bảo người bê; tự mình chặt hay chỉ bảo người chặt; tự mình phá hay chỉ bảo người phá; hoặc đốt; hoặc chôn; hoặc làm hoại sắc, thì người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây trọn đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

3/ Không được cố ý đoạn mạng chúng sanh, cho đến loài kiến. Nếu tỳ-kheo-ni, tự tay mình cố ý đoạn mạng người, hoặc cầm dao trao cho người, hoặc bảo nên chết, khuyến khích chết, hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm cho đọa thai, hoặc nguyện rửa độc chú cho chết, hoặc mình tự làm hay chỉ bảo người làm, thì người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây trọn

¹ Để bản: đoạn. TNM: chiết.

đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

4/ Không được nói dối, cho đến nói giỡn. Nếu tỳ-kheo-ni không chân thật, chẳng phải là mình có mà tự xưng là tôi được pháp thượng nhân, tôi đắc thiên, đắc giải thoát, được tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán; nói, ‘có Trời đến, rồng đến, quỷ thần đến cúng dường tôi,’ thì người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây trọn đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

5/ Không được thân chạm nhau với người nam, cho đến cùng với súc sanh, Nếu tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô cùng nam tử có tâm nhiễm ô, hai thân xúc chạm nhau, từ nách trở xuống, từ gối trở lên, hoặc nắm, hoặc sờ, hoặc kéo, hoặc đẩy, vuốt ngược, vuốt xuôi, nâng lên, để xuống, hoặc nắm, hoặc nắm bóp, thì người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Trong đây trọn đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

6/ Không được phạm tám sự,[758b] cho đến cùng với súc sanh. Nếu tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô bằng lòng cho người nam có tâm nhiễm ô nắm tay, nắm y, đi vào chỗ vắng, chỗ vắng cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi, thân gần kề nhau, cùng hẹn nhau; phạm tám sự này, người này chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích; vì phạm tám sự. Trong đây trọn đời không được làm. Người có thể giữ được không?”

Nếu giữ được thì trả lời: **“Được.”**

7/ Không được che giấu tội của người, cho đến tội đột-kiết-la, ác thuyết. Nếu tỳ-kheo-ni biết tỳ-kheo-ni khác phạm tội ba-la-di, mà không tự cử tội, không bạch với Tăng, không báo với nhiều người. Thời gian sau, tỳ-kheo-ni này thôi tu, hay bị

diệt tận, hoặc bị ngăn không cho dự Tăng sự, hoặc theo ngoại đạo, khi ấy mới nói, ‘Trước đây tôi biết việc như vậy như vậy,’ thì người nói chẳng phải là tỳ-kheo-ni, chẳng phải người nữ dòng họ Thích. Vì che giấu trọng tội. Trong đây trọn đời không được làm. Ngươi có thể giữ được không?’

Nếu giữ được thì trả lời: “Được.”

8/ Không được tùy thuận tỳ-kheo bị cử tội, cho đến người giữ vườn và sa-di. Nếu tỳ-kheo-ni biết tỳ-kheo kia bị Tăng cử tội, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà tỳ-kheo ấy không phục tùng, không sám hối. Tăng chưa tác pháp cho tỳ-kheo ấy sống chung, mà tùy thuận với tỳ-kheo ấy; tỳ-kheo-ni khác nên can gián tỳ-kheo-ni này rằng: ‘Này cô, cô có biết chăng? Tăng đã cử tội tỳ-kheo này như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà tỳ-kheo ấy không phục tùng, không sám hối. Tăng chưa tác pháp cho tỳ-kheo ấy sống chung, cô đừng tùy thuận.’ Khi tỳ-kheo-ni khác can gián mà tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ. Tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần, cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; không bỏ thì tỳ-kheo-ni này không phải là tỳ-kheo-ni, không phải người nữ dòng họ Thích. Vì tùy thuận theo người bị cử. Trong đây trọn đời không được làm. Ngươi có thể giữ được không?’

Nếu giữ được thì trả lời: “Được.”

6. Truyền pháp tứ y

“Này thiện nữ, hãy lắng nghe! Đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, nói pháp tứ y¹. Tỳ-kheo-ni nương nơi đó được xuất gia, thọ giới cụ túc, thành tỳ-kheo-ni.

1/ Nương theo y phần tảo đặng xuất gia, thọ cụ túc giới, thành pháp tỳ-kheo-ni. Trong đây ngươi trọn đời giữ được không?’

¹ Luật Pāli, chỉ truyền ba y (*tasso nissaye*). Vì tỳ-kheo-ni trọn đời không được sống tại trú xứ a-lan-nhã. Nếu sống tại đó, phạm đột-kiết-la (Vin.ii. 278: *na bhikkhuniyā araṇṇe vatthabbaṃ. yā vaseyya āpatti dukkaṭassā ti.*). Xem *Tứ phần* 49 (tr.928a17)

Giữ được thì nói: “**Được.**”

“Nếu được của lợi dư, đàn-việt thí y, loại y cắt rọc, thì được thọ.”

2/ Nương theo sự khát thực mà được xuất gia, thọ cụ túc giới, thành pháp tỳ-kheo-ni. Trong đây người trọn đời giữ được không?”

Giữ được thì nói: “**Được.**”

“Nếu được của lợi dư, hoặc Tăng sai đi thọ thực, đàn-việt đem thức ăn đến, thức ăn ngày mồng tám,[758c] ngày mười bốn, ngày mười lăm hay mồng một trong tháng, hoặc thường thực của chúng Tăng, hay đàn-việt mời thọ thực thì có thể thọ.”

3/ Nương nơi gốc cây mà ngồi, đặng xuất gia thọ cụ túc giới, thành pháp của tỳ-kheo-ni. Trong đây người trọn đời giữ được không?”

Giữ được thì nói: “**Được.**”

“Nếu được của lợi dư, phòng riêng, nhà nóc nhọn, phòng nhỏ, nhà bằng đá, hai phòng có một cửa thì nên thọ.”

4/ Nương nơi thuốc hủ lạn,¹ mà được xuất gia thọ cụ túc

¹ Hủ lạn được 腐爛藥, được hiểu theo nghĩa đen là “thuốc mục nát” truyền thống Pāli hiểu nó là “nước đá quý.” Xem *Trung bộ kinh* I, 315b – tức Pāli gọi là *pūti-mutta* (định nghĩa của PTS Pāli-English Dictionary: nước tiểu có mùi rất hôi; thường là nước tiểu của trâu bò được dùng làm thuốc cho tỳ-kheo.) Trong đó, *mutta*, nếu hiểu tương đương với *mukta* thì có nghĩa là “cái được trích ra.” Còn *pūti*, tiếng Phạn cũng vậy; có ba gốc động từ khác nhau. Hoặc từ *pūy*: bốc thối, hoặc từ *pū*: tinh lọc; hoặc từ *pā*: uống. Nếu hiểu từ kép Pāli *pūti-mutta* gồm có *pūti* do động từ căn *pūy* và *mutta* tức là *mūtra*, như vậy sẽ có nghĩa nước đá độc thối, hoặc nước đá quý hoặc hủ lạn được như Hán dịch, có lẽ không chính xác, và điều này phân lại nguyên lý y học thường được thấy trong các kinh điển, theo đó, tùy bệnh cho thuốc. Có lẽ nên hiểu từ kép này do động từ căn *pū* và *mukta*, nó sẽ có nghĩa loại thuốc được rút ra từ tinh dầu hoặc tinh cốt của các loại thảo mộc. Điều này phù hợp với điểm được qui định trong luật: tỳ-kheo không được dùng các loại cây, rau cỏ đang sống và tươi làm thức ăn, trừ trường hợp đã tác tịnh. Về dịch ngữ

giới, thành pháp tỳ-kheo-ni. Trong đây người trọn đời giữ được không?”

Giữ được thì nói: **“Được.”**

“Nếu được của lợi dư bơ sữa, dầu, bơ sống, mật, mật mía, thì có thể thọ.”

7. Giáo giới

“Người đã thọ giới cụ túc rồi; bạch tứ yết-ma như pháp, thành tựu đúng cách, Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, hai bộ Tăng như pháp đầy đủ. Người nên khéo thọ giáo pháp, nên khuyến hóa làm việc phước, tu bổ tháp, cúng dường chúng Tăng. Hòa thượng, A-xà-lê, những gì các ngài dạy như pháp, người không được chống trái. Người nên học văn tụng kinh, siêng cầu phương tiện, để ở trong pháp của Phật, chúng được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có như vậy, công đức sơ phát tâm xuất gia của người không bị uổng phí, quả báo không đoạn tuyệt. Ngoài ra những gì chưa biết, người nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê.”

Xong rồi, khiến người mới thọ giới đi trước, chur ni đi sau.

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp cử trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đồng nữ 18 tuổi, cho học giới hai năm, cho sáu pháp, đủ 20 tuổi, chúng Tăng không chấp thuận² mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

khác tương đương hủ lạn được do Nghĩa Tịnh là trần khí được 陳棄藥 có thể gần sát ý nghĩa vừa nói. Dẫn *Yết-ma-yếu chỉ*, Ch. iii, cht. 91.

² Pāli (Vin. iv. 329): *saṅghena asammatam*, Tăng chưa hứa khả; giải thích: ...*ñāttidutiyena kammaṇa vuṭṭhānasamutti na dinnā hoti*, không được cho phép bằng bạch nhị yết-ma. Cf. Pāc. 64: Thức-xoa-ma-na đủ 2 năm học giới, thỉnh cầu Tăng truyền cụ túc. Tăng tác pháp bạch nhị chấp nhận thỉnh cầu. Sau đó tiến hành thủ tục truyền thọ cụ túc.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: cũng như trước.

Tỳ-kheo-ni nào đối với người nữ 20 tuổi, có hai năm học giới, đã cho sáu pháp, nhưng chúng Tăng không cho phép mà cho thọ giới cụ túc; yết-ma xong lần thứ ba, Hòa thượng ni, ba-dật-đề; yết-ma lần thứ hai xong, ba đột-kiết-la; yết-ma lần thứ nhất xong, hai đột-kiết-la; bạch xong, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: đủ 20 tuổi, có hai năm học giới, (cho sáu pháp), chúng Tăng cho phép thọ giới cụ túc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 125. Thập nhị tăng giá¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, [759a1] các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo-ni trao giới cụ túc cho người. Chư ni độ phụ nữ nhỏ tuổi² cho thọ giới cụ túc. Thọ giới rồi, cô ấy không biết

¹ Pāli, Pāc. 65 & 66. *Ngũ phần*: điều 104. *Tăng kỳ*: điều 100 & 101 & 102. *Thập tụng*: điều 108. *Căn bản*: 108.

² Thiếu niên phụ nữ 少年婦女, được hiểu là phụ nữ đã có chồng nhưng còn nhỏ tuổi; bản Hán dịch sót ý. Nên hiểu: “Thiếu nữ nhỏ tuổi đã có chồng.” *Ngũ phần* (91a15): cho thọ cụ túc nữ đã có chồng chưa quá 20 tuổi. *Tăng kỳ* (536a2): Các tỳ-kheo-ni cho nữ 12 tuổi đã có chồng thọ cụ túc khi chưa đủ 20 tuổi, không qua 2 năm học giới. *Thập tụng* (325c11): Thâu-la-nan-đà độ nữ 12 tuổi nhưng đã có chồng. *Căn bản* (1004c1): độ những cô bé họ Thích đã có chồng, sau khi dòng họ Thích bị vua Luru-ly tàn sát. Pāli, Vin. iv. 321: ni độ nữ đã có chồng nhưng chưa đủ 12 tuổi (*ānadvādasavassam ghigatam*).

nam tử có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, bèn cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đùa giỡn với nam tử có tâm nhiễm ô.³

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép tỳ-kheo-ni độ người khác thọ giới cụ túc.⁴ Sao các cô lại độ người phụ nữ nhỏ tuổi đã từng có chồng,⁵ thọ giới cụ túc? Thọ giới rồi, cô ấy không biết nam tử có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, bèn cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đùa giỡn với nam tử có tâm nhiễm ô.”

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô lại độ người phụ nữ nhỏ tuổi đã từng có chồng, thọ giới cụ túc? Thọ giới rồi, cô ấy không biết nam tử có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, bèn cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đùa giỡn với nam tử có tâm nhiễm ô.”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Từ nay trở đi, muốn độ người, trao giới cụ túc, trước phải bạch chúng Tăng, rồi mới cạo đầu, cho đến trao cho mười giới như trên.

³ *Ngũ phần*: (vì quá nhỏ nên) ngu ám, vô tri, không kham học giới. *Tăng kỳ*: quá nhỏ, quá yếu đuối, không kham khổ sự. Pāli: (nhỏ quá) không kham nổi lạnh, nóng, đói khát, muỗi mòng các thứ.

⁴ Ở đây hiểu là độ nữ chưa quá 12 tuổi đã có chồng. *Tăng kỳ 39* (535c19): Bấy giờ các cô gái họ Thích, họ Ma-la, họ Lê-xa, đã có chồng, kham chịu khổ sự, có trí tuệ, muốn xuất gia. Cù-đàm-di thỉnh ý Phật: nữ tuy mới 12 tuổi nhưng đã có chồng, có được thọ cụ túc không? Phật cho phép. *Căn bản ni 17* (1004c1): Sau khi họ Thích bị tàn sát, các cô bé không nơi nương tựa, xin xuất gia. Tỳ-kheo-ny bảo đợi đủ 20. Các cô bé nói: chúng con 12 tuổi đã có chồng, đã từng hầu hạ cha mẹ chồng, quản lý gia sự. Nay có thể hầu Hòa thượng, A-xà-lê. Các tỳ kheo bạch Phật. Phật cho phép.

⁵ Hán: thiếu niên tăng giá phụ nữ 少年曾嫁婦女. Pāli (Vin. iv. 321): *ūnadvādasavassam gihitam*, nữ chưa đầy 12 tuổi nhưng đã có chồng (tục tảo hôn).”

“Từ nay trở đi, cho phép độ người nữ 10 tuổi đã từng có chồng, cho hai năm học giới, khi đủ 12 tuổi, cho thọ giới cụ túc, bằng pháp bạch tứ yết-ma như trên.”

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ phụ nữ 10 tuổi đã từng có chồng,¹ cho hai năm học giới, đủ 12 tuổi mới cho thọ giới cụ túc; nếu dưới 12 tuổi mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.²

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni biết người dưới 12 tuổi mà cho thọ giới cụ túc, yết-ma lần thứ ba xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề; yết-ma lần thứ hai xong, phạm ba đột-kiết-la; yết-ma lần thứ nhất xong, hai đột-kiết-la; bạch rồi, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Độ khi 10 tuổi, [759b] cho hai năm học giới, đến 12 tuổi cho thọ giới cụ túc, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 126. Độ nữ tăng giá không bạch Tăng³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế

¹ Thập tuế tăng giá 十歲曾嫁.

² Ngũ phần: “...thập nhị tuế dĩ giá nữ 十二歲已嫁女...” Tăng kỳ: “... thích tha phụ giảm thập nhị vũ 適他婦減十二雨...” Pāli, Pāc, 66: *paripunnadvādasavassam gihigatam dve vassāni chasu dhammesu asikkhitasikham vutthāpeyya, pācittiyam*, nữ đã có chồng, đủ 12 tuổi, chưa đủ 2 năm học giới, mà cho thọ cụ túc, ba-dật-đề.

³ Pāli, Pāc. 67. Ngũ phần: điều 105. Tăng kỳ: điều 103. Thập tụng: điều 109.

giới, được độ người nữ 10 tuổi đã từng có chồng, cho hai năm học giới, đến đủ 12 tuổi, cho thọ giới cụ túc. Chư ni độ người mù lòa, chân khập khiễng, điếc và có các bệnh khác, khiến chúng Tăng bị chê bai, biếm nhẽ.⁴

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, quả trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới, cho độ phụ nữ 10 tuổi đã từng có chồng, cho hai năm học giới, đủ 12 tuổi cho thọ giới cụ túc. Sao các cô lại độ người mù lòa, điếc và có các bệnh khác, khiến chúng Tăng bị biếm nhẽ?”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Thế Tôn chế giới, cho phép tỳ-kheo-ni độ phụ nữ 10 tuổi đã từng có chồng, cho hai năm học giới, đủ 12 tuổi cho thọ giới cụ túc. Sao các cô lại độ người mù lòa, điếc và có các bệnh khác, khiến chúng Tăng bị biếm nhẽ?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, Phật bảo các tỳ-kheo: “Từ nay trở đi, cho phép thọ giới cụ túc, bằng bạch tứ yết-ma, nên trao cho như vậy: Dẫn người thọ giới đến chỗ mắt thấy, tai không nghe...
cho đến câu:

“Tôi đã giáo thọ xong.”

Cho phép kêu vào cũng như trên.⁵

Khi đã đến trong Tăng, Giới sư tác bạch hỏi nạn sự cho đến bạch tứ yết-ma như trên, và đến giữa đại Tăng cho thọ giới. Tất cả đều như trên, đồng với pháp của đồng nữ 18 tuổi.

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

⁴ Xem ba-dật-dề 124 trước.

⁵ Xem ba-dật-dề 124 trước.

Tỳ-kheo-ni nào, độ phụ nữ tuổi nhỏ đã từng có chồng, cho hai năm học giới, đủ 12 tuổi, không bạch Tăng¹ mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, độ người phụ nữ tuổi nhỏ đã từng có chồng, cho hai năm học giới, tuổi đủ 12 nhưng không bạch với chúng Tăng mà cho thọ giới [759c] cụ túc, ba yết-ma xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề; hai yết-ma xong, ba đột-kiết-la; một yết-ma xong, hai đột-kiết-la; bạch xong, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Độ phụ nữ 12 tuổi đã từng có chồng, bạch Tăng trước khi thọ giới cụ túc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 127. Cho người như vậy thọ cụ túc²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni độ dâm nữ,³ cho thọ giới cụ túc. Những người nam⁴ đã từng quan hệ sâu với họ, thấy vậy cùng nhau bàn, nói: “Dâm nữ này trước kia cùng chúng tôi làm những việc

¹ Chưa được Tăng chấp thuận, xem cht. 250, ba-dật-đề 124 trước.

² Cf. Pāli, Pāc. 70. *Thập tụng*: điều 115. *Ngũ phần*: điều 112. *Căn bản*: điều 160 & 114.

³ *Ngũ phần* (91c28): dâm nữ không chịu nhận giáo giới (chưa thuần tính, hay chưa có ý hoàn lương). Nếu dâm nữ đã nhàm chán thân nữ, được phép độ. *Thập tụng* (328b11): có nhân duyên được phép độ, nhưng phải đưa cô ấy đi chỗ khác từ 5 hay 6 do-tuần trở lên.

⁴ Để bản chép nhầm là *nữ nhân*.

như vậy như vậy.” Tỳ-kheo-ni vừa được độ và các tỳ-kheo-ni khác nghe, thấy đều xấu hổ.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Sao các cô lại độ dâm nữ cho thọ giới cụ túc?”

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô lại độ dâm nữ, cho thọ giới cụ túc?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cho người như vậy⁵ thọ giới cụ túc,⁶ ba-dật-đề.

Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni không biết là người như vậy hay chẳng phải là người như vậy, sau mới biết, nên các vị tác pháp ba-dật-đề, có vị nghi. Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi, nên nói giới như vậy:

⁵ Hán: như thị nhân 如是人. *Ngũ phần*: dâm nữ 婬女.

⁶ *Thập tụng*: “Nuôi dâm nữ làm đệ tử mà không đưa xa khỏi bản xứ 5, 6 do-tuần.” Pāli, Pāc. 70, nội dung tương tự, nhưng người nữ được nói là *sahajviniṃ*, người sống chung, không nói rõ nguồn gốc. Sau đó, cô này bị chồng hay chủ (*sāmika*) bắt lại. Theo quy định như trong già nạn, nữ có chồng phải được phu chủ cho phép mới được xuất gia (Ni luật, ba-dật-đề 143). Vậy đây có thể hiểu trường hợp xảy ra tương tự *Tứ phần* hay *Thập tụng*: dâm nữ xuất gia, bị khách cũ săn đuổi.

Tỳ-kheo-ni nào, biết người như vậy mà cho thợ giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Người như vậy:¹ chỉ cho dâm nữ.

Người ấy, hoặc có phu chủ, hoặc có anh em của phu chủ, cho đến người tư thông cũ. *Tỳ-kheo-ni* cho người như vậy thợ giới cụ túc thì [760a1] nên dẫn họ đi xa cách năm, sáu do-diên (do-tuần).² Nếu không đi được, cho lánh vào chỗ thâm kín. *Tỳ-kheo-ni* độ người như vậy xuất gia, thợ giới cụ túc rồi, không dẫn họ đi xa cách năm, sáu do-tuần, hay lánh mình vào chỗ thâm kín, ba-dật-đề.³

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết là người như vậy liền cho thợ giới cụ túc; hoặc dẫn người ấy đi xa cách năm, sáu do-tuần; hoặc bảo người dẫn đến chỗ xa năm, sáu do-diên, hay ở chỗ lánh mình thâm kín.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não,, bức bách.

¹ Như thị nhân 如是人。

² Giải thích này gần giống sự việc được nêu trong Pāli, Pāc. 70: *sahajiviniṃ vuṭṭhāpetvā neva vūpakāseyya na vūpakāseyya antamaso chappañcayojanānipi*, "... cho người cùng sinh hoạt thợ cụ túc mà không tự mình hay nhờ người đưa đi ẩn cho đến năm hay sáu do-tuần..." Trong đó, "người cùng sinh hoạt (*sahajiviniṃ*: đồng hoạt, cộng hoạt)" được giải thích "người cùng sống chung (*saddhivihāraṇī*)" mà thường chỉ người cùng sống chung một trú xứ, tức chỉ cho đệ tử. Điều luật tương tự, *Ngũ phần*, điều 122: "... độ đệ tử, không tự mình hay nhờ người đưa đi khỏi bản xứ năm hay sáu do-tuần..."; được giải thích (tr.92c12): sau khi cô này xuất gia, bọn đàn ông quen biết cũ tìm đến chọc ghẹo, nên phải đưa đi khỏi bản xứ. Cf. *Ngũ phần*, điều 112 & cht. 171 dưới.

³ *Ngũ phần* điều 112 (tr.92a05): "Độ người nữ đã nhàm chán thân nữ, không phạm."

ĐIỀU 128. ĐỆ TỬ KHÔNG DẠY HỌC GIỚI⁴**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni An Ân⁵ đệ nhiều đệ tử, mà không dạy bảo. Do không được dạy bảo nên họ không xét theo oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi,⁶ hoặc thọ thực với bát bất tịnh.⁷ Khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, y như pháp tụ hội của bà-la-môn.

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni thấy vậy, bảo rằng:

“Này, cô em! Tại sao các cô không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh? Khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn!”

Các tỳ-kheo-ni ấy thưa:

“Chúng con là đệ tử của tỳ-kheo-ni An Ân. Thầy con nuôi đệ tử nhiều nhưng không giáo giới chúng con. Do không được giáo giới nên chúng con như vậy!”

Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách tỳ-kheo-ni An Ân: “Sao cô nuôi nhiều đệ tử mà không dạy bảo? Do không dạy bảo nên có nhiều việc làm không như pháp.”

Quở trách rồi tỳ-kheo-ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni An Ân rằng: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh,

⁴ Pāli, Pāc. 68. Cf. *Ngũ phần*: điều 121. *Tăng kỳ*: điều 104. *Thập tụng*: điều 114. *Căn bản*: điều 112 & 113.

⁵ An Ân, hoặc phiên âm Sai-ma; cùng chỉ một người. Pāli: Thullanandā.

⁶ Bất tịnh thực, thức ăn không được luật cho phép, hay chưa được tác tịnh. Pāli: *na jānanti kappiyam vā akappiyam vā*, “không biết là hợp thức hay không hợp thức.”

⁷ Bát không đúng theo luật quy định.

chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô nuôi nhiều đệ tử mà không dạy bảo để chúng không xét biết oai nghi, quán y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh; khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. [760b] Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ nhiều đệ tử, mà trong hai năm không dạy học giới, không chăm sóc bằng hai pháp,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Hai pháp: một là pháp, hai là y và thực.

- *Chăm sóc bằng pháp*:² dạy tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, học vấn, tụng kinh.

- *Chăm sóc bằng y và thực*: cho y thực, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men, tùy theo khả năng mà cung cấp các thứ cần dùng. Tỳ-kheo-ni nào, nuôi nhiều đệ tử cho thọ giới cụ túc, mà trong hai năm không dạy học giới, không nhiếp hóa bằng hai pháp, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu đã độ mà có cho học giới trong hai năm, dùng hai việc nhiếp hóa, một là pháp, hai là y thực. Hoặc họ thọ giới cụ

¹ Pāli: *dve vassāni neva anugaṇheyya na anuggaṇhāpeyya*, trong hai năm, không chăm sóc, cũng không nhờ người chăm sóc. *Ngũ phần*: “... trong sáu năm, không do chính mình chăm sóc 攝取, không nhờ người chăm sóc...” *Tăng kỳ*: “... cần phải giáo giới trong hai năm...” *Thập tụng*: “...nuôi đệ tử mà không cung cấp tài và pháp...” *Căn bản*, gồm 2 điều, 112: không giáo thọ giới (không dạy các học giới), và 113: không nhiếp thọ vệ hộ (không chăm sóc bảo hộ).

² Pháp nhiếp thủ 法攝取.

túc, rồi bỏ Hòa thượng đi, hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi; hoặc bị cử, hoặc diệt tận, hoặc đáng diệt tận, hoặc do việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 129. Không có hai năm theo Hòa thượng ni¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vê. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni độ nhiều đệ tử. Khi được độ rồi, họ bỏ Hòa thượng đi, nên không nhận được mọi sự dạy dỗ, không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực, họ lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.

Các tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi:

“Này, các cô em! Tại sao các cô không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ bát bất tịnh thực; khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn?”

Các tỳ-kheo-ni ấy thưa: “Chúng con thọ giới cụ túc rồi bỏ Hòa thượng đi, không nhận được sự giáo dục nên như thế!”

Tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni:

“Tại sao các cô em thọ giới rồi bỏ Hòa thượng đi, để không nhận được sự giáo dục, không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh? Khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, [760c] như pháp tụ hội của bà-la-môn?”

¹ Pāli, Pāc. 69. *Ngũ phần*: điều 119. *Tăng kỳ*: điều 105. *Thập tụng*: điều 113.

Các tỳ-kheo-ni quở trách rồi, đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên Đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni.

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao thọ giới cụ túc rồi, các cô lại lia bỏ Hòa thượng đi, nên không được sự giáo dục, không xét biết oai nghi, quán y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh? Khi tiểu thực đại thực lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không có hai năm theo Hòa thượng ni,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni không có hai năm theo Hòa thượng ni, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Thọ giới cụ túc rồi, hai năm theo Hòa thượng ni; hoặc Hòa thượng cho phép đi thì được đi; hoặc Hòa thượng phá giới, phá kiến, phá oai nghi; hoặc bị cử, hoặc diệt tận, hoặc đáng diệt tận, hoặc do việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn, trong hai năm phải xa lìa. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

² *Ngũ phần*: “... mới thọ giới... không nương thờ Hoà thượng trong sáu năm...”
Tăng kỳ: “... sau khi thọ cụ túc, phải đi theo hầu hạ Hoà thượng trong hai năm...”

ĐIỀU 130. ĐỘ HỌC PHÁP NI KHÔNG BẠCH TĂNG¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bảy giờ đức Thế Tôn chế giới, cho phép độ người thọ giới cụ túc. Các tỳ-kheo-ni ngu si độ người mà không biết giáo dục. Do không được giáo dục nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực với bát bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì cao tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Đức Thế Tôn chế giới, cho phép độ người. Tại sao các cô là người ngu si cũng vội độ người mà không biết giáo dục. Do không được giáo dục nên họ không xét biết oai nghi, *cho đến* khi tiểu thực đại thực, lớn tiếng [761a1] kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.”

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao đức Thế Tôn chế giới, tuy cho phép độ người, nhưng các cô hạng ngu si, cũng vội độ người mà không biết giáo dục. Do không giáo dục, nên họ không xét biết oai nghi, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ bát bất tịnh thực. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo: YẾT-MA SÚC CHUNG

Từ nay trở đi, cho phép Tăng bạch nhị yết-ma để cho phép người muốn trao giới cụ túc cho kẻ khác. Người ấy đến giữa Tăng cầu xin,

¹ Cf. Pāli, Pāc. 75. *Ngũ phần*: điều 107. *Tăng kỳ*: điều 92. *Thập tụng*: điều 107. *Căn bản ni*: điều 107. Trong các bộ: *Ngũ phần*, *Thập tụng*, *Căn bản ni*, điều 130 & 132 của Tứ phần được hợp làm 1. Xem điều 132.

nên cầu như vậy: đến trong chúng tỳ-kheo-ni, trông vai bên hữu, cởi bỏ dép, kính lễ sát chân các tỳ-kheo-ni, đầu gối bên hữu chầm đất, chắp tay, bạch:

“Đại tử Tăng, xin lắng nghe! Tôi tỳ-kheo-ni tên là...,² cầu xin chúng Tăng cho phép độ người thọ giới cụ túc.”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Tỳ-kheo-ni Tăng nên xem xét người ấy, nếu đủ khả năng giáo dục, cho học giới trong hai năm, chăm sóc bằng hai sự, một là pháp, hai là y thực, thì thuận cho. Nếu không đủ khả năng giáo dục, không thể cho học giới trong hai năm, chăm sóc bằng hai sự, thì nên nói:

“Này cô, thôi đi! Đừng nên độ người.”

Nếu cô ấy có trí tuệ, có khả năng giáo dục, cho học giới trong hai năm, chăm sóc bằng hai sự, thì ni chúng nên sai một vị có thể yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vậy:

“Đại tử Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là...³, nay đến giữa chúng Tăng cầu xin pháp trao giới cụ túc cho người. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép tỳ-kheo-ni tên là..., trao giới cụ túc cho người. Đây là lời tác bạch.

“Đại tử Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là..., nay đến giữa chúng Tăng cầu xin phép trao giới cụ túc cho người. Nay, Tăng trao cho tỳ-kheo-ni tên là..., pháp trao giới cụ túc cho người. Các đại tử nào chấp thuận Tăng trao cho tỳ-kheo-ni tên là..., pháp trao giới cụ túc cho người thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.”

“Tăng đã chấp thuận cho tỳ-kheo-ni tên là..., pháp trao giới cụ túc cho người rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

² Pāli: “...tỳ-kheo-ni đã đủ 12 hạ.”

³ Pāli: “...tỳ-kheo-ni đã đủ 12 hạ này, tên là...”

“Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm [761b] mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào,¹ Tăng không cho phép mà trao giới cụ túc cho người, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Cho phép: chúng Tăng bạch nhị yết-ma, cho phép tỳ-kheo-ni kia.

Nếu Tăng không cho phép mà trao giới cụ túc cho người, ba-dật-đề. Chúng Tăng không cho phép bèn cho người y chỉ, hoặc nuôi sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chúng Tăng cho phép trao giới cụ túc cho người, nhận tỳ-kheo-ni y chỉ và nuôi sa-di-ni, thức-xoa-ma-na. Đó gọi là không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 131. Chưa đủ 12 hạ mà độ người²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới, cho phép tỳ-kheo-ni đến giữa chúng Tăng xin phép trao giới cụ túc cho người. Tỳ-kheo-ni tân học thiếu niên cũng đến chúng Tăng xin phép trao giới cụ túc cho người, rồi không thể giáo dục. Do không được giáo dục cho nên họ không xét biết oai nghi, quán y không tề chỉnh,

¹ *Các bộ, đại thể tương đồng*: dù 12 tuổi (hạ), nhưng Tăng chưa tác yết-ma súc chúng. Pāli: “... đã đủ 12 hạ nhưng chưa được tăng cho phép.” (*saṅghena asaṃmatā*).

² Pāli, Pāc. 74. *Ngũ phần*: điều 106. *Tăng kỳ*: điều 94. *Thập tụng*: điều 106. *Căn bản*: điều 106.

khất thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bát bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tu hội của bà-la-môn!

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người. Tại sao các cô không biết mình là tân học niên thiếu, mà cũng xin phép trao giới cụ túc cho người, rồi không thể giáo dục. Do không được giáo dục nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh... *cho đến* tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, [761c] như pháp tu hội của bà-la-môn?”

Các tỳ-kheo-ni quở trách rồi thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni này:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô là tân học niên thiếu mà xin phép trao giới cụ túc cho người, để rồi không thể giáo dục được. Do không được giáo dục nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khất thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bát bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tu hội của bà-la-môn?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni này rồi, bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, tuổi chưa đủ 12, trao giới cụ túc cho người, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu tỳ-kheo-ni tuổi (hạ) dưới 12, trao giới cụ túc cho người, ba-dật-

đề; hoặc dưới 12, cho người y chi, hay nuôi thức-xoa-ma-na, sa-di-ni; tất cả đều đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la.

Sự không phạm: Tuổi (hạ) đủ 12 trao giới cụ túc cho người; hoặc cho người y chi; hay nuôi thức-xoa-ma-na, sa-di-ni; thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 132. Tăng chưa cho phép mà độ người¹

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép ni 12 tuổi hạ được trao giới cụ túc cho người, đều tự xưng rằng, mình đã đủ 12 hạ. Mặc dầu là ngu si, vội trao giới cụ túc cho người, mà không biết giáo dục. Do không được giáo dục nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực kêu la lớn tiếng, như pháp tụ hội của bà-la-môn.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni này: “Sao các cô nghe đức Thế Tôn chế giới, cho phép ni đủ 12 hạ được trao giới cụ túc cho người, các cô tự xưng là mình đủ 12 hạ, cầu xin trao giới cụ túc cho người? Trong khi đó các cô là người ngu si không biết giáo dục. Do không được giáo dục nên người được độ họ không biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp... *cho đến như pháp tụ hội của bà-la-môn.*”

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni này: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô tự xưng là mình đủ 12 tuổi hạ, [762a1] cầu xin trao giới cụ túc cho người.

¹ Pāli, Pāc. 75. *Ngũ phần*: điều 107. Cf. *Tăng kỳ*: điều 93. *Thập tụng*: điều 107.

Trong khi đó các cô là người ngu si không biết giáo dục. Do không được sự giáo dục nên người được độ không biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp... *cho đến* như pháp tụ hội của bà-la-môn?”

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các tỳ-kheo-ni này rồi, bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đủ 12 hạ, chúng Tăng không cho phép, mà trao giới cụ túc cho người,² ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, đủ 12 hạ, chúng Tăng không cho phép mà trao giới cụ túc cho người, ba-dật-đề. Chúng Tăng không cho phép mà nhận người y chỉ và nuôi thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tuổi hạ đủ 12, chúng Tăng cho phép trao giới cụ túc cho người và cho người y chỉ, nuôi thức-xoa-ma-na, sa-di-ni thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 133. Chê Tăng có thiên vị³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni ngu si,⁴ không thể giáo dục

² Cf. *Tăng kỳ*, điều 93: “...đủ 12 hạ nhưng chưa đủ mười pháp...”; điều 94: “...đủ mười pháp nhưng chưa được yết-ma...”

³ Pāli, Pāc. 76. *Ngũ phần*: điều 109. *Tăng kỳ*: điều 109. *Thập tụng*: điều 110.

⁴ Pāli: tỳ-kheo-ni Caṇḍakālī.

được, đến chúng Tăng cầu xin trao giới cụ túc cho người. Các tỳ-kheo-ni can gián: “Này cô em, thôi đi! Đừng đến chúng Tăng cầu xin trao giới cụ túc cho người.”

Cô ni đến xin Tăng cho trao giới cụ túc cho người, không được Tăng chấp thuận, bèn nói: “Các tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh. Thương ai thì cho, ai không thương thì không cho.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Sao, các cô là người ngu si, lại đến Tăng xin trao giới cụ túc cho người. Các cô lại nói: ‘Các tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, thương ai thì cho, ai không thương thì không cho.’”

Chư ni đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Các cô là người ngu si, khi đến Tăng xin phép [762b] trao giới cụ túc cho người, các tỳ-kheo-ni can gián rằng: ‘Này cô em, thôi đi! Đừng đến chúng Tăng cầu xin trao giới cụ túc cho người.’ Các cô sao lại nói: ‘Các tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, thương ai thì cho, ai không thương thì không cho?’”

Đức Thế Tôn sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, Tăng không cho phép trao giới cụ túc cho người, mà nói rằng: ‘Tăng có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, muốn cho ai thì cho, không muốn cho ai thì không cho,’¹ ba-dật-đề.

¹ Pāli: *sādhū’ ti paṭissutvā pacchā khīyanadhammaṃ āpajeyya*, đã đồng thuận nhưng sau đó lại bất bình.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tăng: nghĩa cũng như trước.

Không cho phép: chúng Tăng nói, “Cô em, thôi đi! Đừng xin trao giới cụ túc cho người.” Cô ni kia không được Tăng cho phép trao giới cụ túc cho người, mà nói:

“Các Tỳ-kheo-ni có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh. Người thương thì cho, người không thương thì không cho;” nói rõ ràng thì ba-dật-đề. Nói không rõ ràng, đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sự việc kia, sự thật là có thiên vị, có giận hờn, có sợ hãi, có bất minh, thương ai thì cho, không thương thì không cho; hoặc nói vui đùa, nói nhanh vội, nói chỗ vắng, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nhằm nói việc kia. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 134. Độ người cha mẹ, phu chủ không đồng ý²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni khi nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người thọ giới cụ túc, liền vội độ cho thọ giới cụ túc những người mà cha mẹ hay phu chủ chưa cho phép. Sau khi thọ giới cụ túc rồi, cha mẹ hay phu chủ họ đến dẫn về.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nói: “Sao các cô khi nghe đức Thế Tôn chế giới, cho phép độ người, lại vội độ những người mà cha mẹ hay phu chủ không cho, khiến cho cha mẹ hay phu chủ họ đến dẫn về?”

² Pāli, Pāc. 80. *Ngũ phần*: điều 126. *Thập tụng*: điều 124. *Căn bản*: điều 121.

Các tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo bạch lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách [762c] các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao Thế Tôn chế giới cho phép độ người, thì vội độ những người mà cha mẹ hay phu chủ không cho; để rồi, sau đó, cha mẹ hay phu chủ họ đến dẫn về?”

Đức Thế Tôn Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, trao giới cụ túc cho người¹ mà cha mẹ hay phu chủ không đồng ý, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, nếu trao giới cụ túc cho người mà cha mẹ hay phu chủ họ không cho phép, yết-ma lần thứ ba xong, Hòa thượng ba-dật-đề; yết-ma lần thứ hai xong, ba đột-kiết-la; yết-ma lần thứ nhất xong, hai đột-kiết-la; bạch xong, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, một đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, phương tiện Tăng bạch, cho cạo tóc, tập chúng, đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người đó được cha mẹ hay phu chủ cho phép, hoặc không có cha mẹ hay phu chủ thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

¹ Pāli: *mātāpitūhi ... sikkhamānaṃ vuṭṭhāpeyya*, ... thọ cụ túc cho thức-xoa-ma-na mà cha mẹ...

ĐIỀU 135. Độ nữ đang mê luyến người nam¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rùng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni khi nghe đức Thế Tôn chế giới được độ người. Các tỳ-kheo-ni bèn độ cho thọ giới cụ túc người nữ² đang luyến ái đàn ông, con trai, hay sầu ưu, dễ mừng, dễ giận. Thọ giới cụ túc rồi, cô ấy vì nhớ nghĩ đến đàn ông nên sầu ưu, dễ nổi nóng giận, cùng gây sự với các tỳ-kheo-ni.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Đức Thế Tôn chế giới được độ người. Sao các cô lại độ cho thọ giới cụ túc người nữ đang luyến ái đàn ông, con trai, hay sầu ưu, dễ mừng, dễ giận? Thọ giới cụ túc rồi, cô ấy vì nhớ nghĩ đến đàn ông nên sầu ưu, dễ nổi nóng giận, cùng gây sự với các tỳ-kheo-ni?”

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao [763a1] các cô lại độ cho thọ giới cụ túc người nữ đang luyến ái đàn ông, con trai, hay sầu ưu, dễ mừng, dễ giận? Thọ giới cụ túc rồi, cô ấy vì nhớ nghĩ đến đàn ông nên sầu ưu, dễ nổi nóng giận, cùng gây sự với các tỳ-kheo-ni.”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú ngĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

¹ Pāli, Pāc.79. *Căn bản*: điều 118.

² Pāli, Vin. iv. 333: thọ cụ túc thức-xoa-ma-na (*sikkhamāna*) đang thân cận với những người đàn ông, thiếu niên; cô ấy là người hung dữ, là người đa ưu sầu (*sokāvasa*).

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ cho xuất gia thọ giới cụ túc người nữ đang luyện ái đàn ông, con trai, hay sâu ưu, hay sân hận, ba-dật-đề.

Đức Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni không biết người ấy có hay không đang luyện ái đàn ông, con trai, hay sâu ưu, hay sân hận, sau mới biết cô ấy đang luyện ái đàn ông, con trai, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, có vị nghi.

Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ đang luyện ái đàn ông, con trai, hay sâu ưu, hay sân hận, mà độ cho xuất gia thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Người nữ đang luyện ái đàn ông con trai, tư thông nhau; cô ấy hay sâu ưu, hay sân nhuế; sau khi thọ giới cụ túc rồi, do nhớ tưởng đàn ông nên hay gây gổ với tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni biết người nữ đang luyện ái đàn ông con trai, tư thông nhau; cô ấy hay sâu ưu, hay sân nhuế; mà cho thọ giới cụ túc, yết-ma lần thứ ba xong, Hòa thượng ni phạm ba-dật-đề. Yết-ma lần thứ hai xong, phạm ba đột-kiết-la. Yết-ma lần đầu xong, hai đột-kiết-la. Bạch rồi, một đột-kiết-la. Bạch chưa xong, đột-kiết-la. Trước khi chưa bạch, mà cho cạo tóc, cho thọ giới, tập đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết; hoặc tin lời của người đáng tin; hoặc tin lời của cha mẹ họ; hoặc thọ giới cụ túc rồi bệnh ấy mới sanh. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 136 Sau hai năm học giới không trao cụ túc¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nói với thức-xoa-ma-na rằng: “Cô học việc này, cô bỏ việc này; tôi sẽ trao giới cụ túc cho cô.”² Thức-xoa-ma-na bằng lòng. Thức-xoa-ma-na này [763b] là người thông minh trí tuệ, có khả năng khuyến hóa, nên Thâu-la-nan-đà có ý nghĩ, muốn khiến cho thức-xoa-ma-na khuyến hóa lâu dài để cúng dường mình. Do vậy, không tạo phương tiện sắp xếp để trao giới cụ túc cho thức-xoa-ma-na. Thức-xoa-ma-na hiềm trách Thâu-la-nan-đà như vậy: “Cô bảo con bỏ việc này, học việc này; cô sẽ trao giới cụ túc. Tại sao đến nay, cô không tạo phương tiện để trao giới cụ túc cho con?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Thâu-la-nan-đà rằng: “Sao cô nói với thức-xoa-ma-na: ‘Bỏ việc này. Học việc này. Tôi sẽ trao giới cụ túc.’ Mà lại không trao giới cụ túc cho cô ấy?”

Tỳ-kheo-ni liền đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà: “Sao cô nói với thức-xoa-ma-na: ‘Bỏ việc này, học việc này; tôi sẽ trao giới cụ túc.’ Mà lại không trao giới cụ túc cho cô ấy?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nói với thức-xoa-ma-na rằng: ‘Cô em, bỏ việc này, học việc này, tôi sẽ trao giới cụ túc cho.’ Nếu không tạo phương tiện để trao giới cụ túc, ba-dật-đề.

¹ Pāli, Pāc. 78. *Ngũ phần*: điều 111. *Tăng kỳ*: điều 110. *Thập tụng*: điều 125.

² Pāli, Vin. iv. 333: “Nếu cô đi theo tôi hai năm, tôi sẽ cho thọ cụ túc.”

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni kia nói với thức-xoa-ma-na rằng: “Này cô em, cô bỏ việc này, học việc này, tôi sẽ trao giới cụ túc cho cô.” Sau, không tạo phương tiện để trao giới cụ túc cho cô ấy, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu hứa trao giới cụ túc, rồi trao giới cụ túc; hoặc bị bệnh, hoặc không cùng sinh hoạt; hoặc không có 5 y; hoặc không đủ chúng mười vị; hoặc khuyết giới, hoặc phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc bị diệt tận, hoặc đáng diệt tận, hoặc do việc ấy đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không tạo phương tiện để trao giới cụ túc. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 137. Nhận y mà không trao giới cụ túc¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có [763c] thức-xoa-ma-na mang chiếc y đến trong Tăng-già-lam, chỗ ở của các tỳ-kheo-ni, thưa: “Cho con giới cụ túc, con sẽ biếu chiếc y này.” Khi ấy tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà nói: “Này cô em, cô đưa chiếc y cho tôi, tôi sẽ trao giới cụ túc cho.” Thức-xoa-ma-na liền đem chiếc y đưa cho tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà. Thâu-la-nan-đà nhận y rồi, không tạo phương tiện trao giới cụ túc cho thức-xoa-ma-na. Thức-xoa-ma-na cơ hiềm nói: “Cô nói với con, đưa chiếc y cho cô, cô sẽ trao giới cụ túc cho. Cô nhận y rồi, sao không trao giới cụ túc cho con?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hô thẹn, hiềm trách Thâu-la-nan-đà: “Cô nói với

¹ Pāli, Pāc. 77. *Ngũ phần*: điều 108. *Thập tụng*: điều 123. *Căn bản*: điều 122.

thức-xoa-ma-na: ‘Này cô em, cô đưa chiếc y cho tôi, tôi sẽ trao giới cụ túc cho.’ Cô đã nhận y rồi, sao không trao giới cụ túc cho?’

Quở trách xong, chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà rằng:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Cô nói với thức-xoa-ma-na: ‘Này cô em, cô đưa chiếc y cho tôi, tôi sẽ trao giới cụ túc cho.’ Cô đã nhận y rồi, sao không trao giới cụ túc cho?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, nói với thức-xoa-ma-na:¹ ‘Cô đưa y cho tôi, tôi sẽ trao giới cụ túc cho;’ mà không tạo phương tiện trao giới cụ túc cho, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Y: có mười loại, cũng như trước.

Tỳ-kheo-ni nào nói với thức-xoa-ma-na: “Cô đưa y cho tôi, tôi sẽ trao cho cô giới cụ túc.” Nhận y rồi, không tạo phương tiện trao giới cụ túc, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hứa cho thọ giới cụ túc rồi trao cho giới cụ túc; hoặc bị bệnh; hoặc không cùng sinh hoạt với nhau nữa; hoặc không có 5 y; hoặc không đủ chúng mười vị; hoặc bị khuyết giới, hoặc bị phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử, [764a1] hoặc bị diệt tận,

¹ *Ngũ phần*: bạch y quy nữ 白衣歸女.

hoặc đáng diệt tận, hoặc do việc ấy đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn nên không tạo phương tiện để trao giới cụ túc thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 138. Một năm độ hai người²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni An Ân nhiều đệ tử, trao cho giới cụ túc mà không thể giáo dục cho chu đáo. Do không được giáo dục cho nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bất bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.

Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi hỏi:

“Sao các cô không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bất bất tịnh? Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp hội họp của bà-la-môn?”

Các cô liền trả lời: “Chúng con là đệ tử của tỳ-kheo-ni An Ân. Thầy chúng con không dạy nên chúng con không biết!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni An Ân: “Cô độ nhiều đệ tử, không giáo dục được hết. Do không được giáo dục cho nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bất bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.”

Các tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức

² Pāli, Pāc. 82 & 83. *Ngũ phần*: điều 117 (cf. điều 192). *Tăng kỳ*: điều 106. *Thập tụng*: điều 126. *Căn bản*: điều 124.

Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni An Ấn rằng: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Cô độ nhiều đệ tử, không giáo dục được hết. Do không được giáo dục cho nên họ không xét biết oai nghi, quần y không tề chỉnh, khát thực không như pháp, thọ bất tịnh thực khắp nơi, hoặc thọ thực bất tịnh. Khi tiểu thực đại thực thì lớn tiếng kêu la, như pháp tụ hội của bà-la-môn.”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười [764b] cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chưa đầy 12 tháng, trao giới cụ túc cho người nữa,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni đủ 12 tháng được trao giới cụ túc cho người nữa; đủ 12 tháng được cho người nữa y chỉ; đủ 12 tháng được trao giới thức-xoa-ma-na, cho hai năm học giới; đủ 12 tháng được độ sa-di-ni. Tỳ-kheo-ni nào chưa đầy 12 tháng trao giới cụ túc cho người nữa, ba-dật-đề; chưa đầy 12 tháng cho người y chỉ, độ thức-xoa-ma-na, sa-di-ni, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đủ 12 tháng trao giới cụ túc cho người, đủ 12 tháng cho người y chỉ, trao giới thức-xoa-ma-na, hai năm học giới. Độ sa-di-ni thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

¹ Pāli: *ekam vassam dve vuttihāpeyya*, trong một năm, truyền cụ túc cho hai người.

ĐIỀU 139. Cách đêm Chánh pháp yết-ma¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni khi nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép trao cho người giới cụ túc. Họ bèn ở trong ni chúng trao giới cụ túc; rồi để cách đêm mới đến trong Tăng tỳ-kheo để cầu nhận giới cụ túc.² Trong khoảng thời gian đó, người tân thọ giới hoặc bị mù lòa, điếc hay chân đi khập khiễng và các chứng bệnh khác, đem lại sự hủy nhục cho chúng Tăng. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới được độ người. Sao các cô độ người mù lòa, ngu si, điếc, chân đi khập khiễng và các loại bệnh khác, đem lại sự hủy nhục cho chúng Tăng?”

Quả trách rồi, chư ni bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô độ người mù lòa, ngu si, điếc, chân đi khập khiễng và các loại bệnh khác, đem lại sự hủy nhục cho chúng Tăng?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, cho người thọ giới cụ túc, [764c] để cách đêm mới dẫn đến trong tỳ-kheo Tăng xin nhận giới cụ túc, ba-dật-đề.

¹ *Ngũ phần*: điều 119 (cf. điều 195). *Tăng kỳ*: điều 107. *Thập tụng*: điều 127.

² Sau khi hành bản bộ yết-ma (xem ba-dật-đề 124 trên), để cách đêm, ngày hôm sau mới dẫn giới từ đến tỳ-kheo Tăng hành chánh pháp yết-ma.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nên ngay trong ngày thọ giới cụ túc, liền dẫn đến trong Tăng tỳ-kheo xin nhận giới cụ túc. Tỳ-kheo-ni nào, cho thọ giới cụ túc, để cách đêm mới dẫn đến trong Tăng tỳ-kheo xin nhận giới cụ túc, ba-dật-đề. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngay trong ngày thọ giới cụ túc, liền dẫn đến trong Tăng tỳ-kheo xin nhận giới cụ túc. Hoặc muốn dẫn đến để xin giới cụ túc, người vừa thọ giới bị bệnh, hay do đường xá trở ngại, hoặc có nạn thú dữ, hay nạn giặc, nạn nước lớn, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trôi nhốt, hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, không thể trong ngày đó dẫn đến trong chúng tỳ-kheo được, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.¹

ĐIỀU 140. Không đến nhận giáo thọ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ.³ Bảy giờ, ngày giáo thọ, các tỳ-kheo-ni không đi nhận giáo thọ.

Các tỳ-kheo-ni nghe biết; trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Ngày giáo thọ, sao các cô không đi nhận giáo thọ?”

Tỳ-kheo-ni đến bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Ngày giáo thọ, sao các cô không đến trong chúng nhận giáo thọ?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở

¹ Bản Hán, hết quyển 28.

² Pāli, Pāc. 58. *Ngũ phần*: điều 110. *Tăng kỳ*: điều 131. *Thập tụng*: điều 152.

³ Vin. iv. 314: giữa những người họ Thích, trong rừng Ni-câu-loại, Ca-tì-la-vệ.

trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu [765a1]* chánh pháp cửu trụ.” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, ngày giáo thọ không đến nhận giáo thọ,¹ ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Khi ấy, các tỳ-kheo-ni có Phật sự, Pháp sự, Tăng sự, hoặc việc nuôi bệnh. Phật dạy:

“Cho phép gởi lời lại.²” Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà không đến nhận giáo thọ, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni không đến nhận giáo thọ, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngày giáo thọ đến nhận giáo thọ; hoặc bị bận việc Phật-Pháp-Tăng, và người nuôi bệnh nên gởi lời lại thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 141. Nửa tháng không cầu Tăng giáo thọ³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà

¹ Pāli: *ovādāya vā samvāsāya na gaccheyya*, không đi dự nghe giáo giới, và sinh hoạt chung (cộng trú). Giải thích: nghe giáo giới (*ovādāya*), nghe tám pháp tôn trọng (bát kinh pháp). *Ngũ phần*: “...không dự nghe giáo giới và yết-ma...” *Tăng kỳ*: “... nửa tháng, thanh tịnh bố tát mà không cung kính (không đến dự)...”

² Chúc thọ 囑授. Các bộ không có chi tiết này. Pāli, trừ các trường hợp không phạm: có chướng nạn, không có đồng bạn cùng đi, bệnh, sự cố; nhưng không quy định trong giới văn.

³ Pāli, Pāc. 59. *Ngũ phần*: đ. 100. *Tăng kỳ*: đ. 132. *Thập tụng*: 151. *Căn bản*: 126.

tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni khi nghe đức Thế Tôn chế giới cho phép các tỳ-kheo-ni Tăng nửa tháng đến Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ, mà tỳ-kheo-ni kia không đến cầu giáo thọ.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong số đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Đức Thế Tôn chế giới, cho phép các tỳ-kheo-ni Tăng nửa tháng đến Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ. Sao các cô không đến cầu giáo thọ?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô không đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mỗi nửa tháng không đến trong tăng cầu giáo thọ, ba-dật-đề.¹

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước. Đức Thế Tôn có dạy như vậy: “Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ. Tất cả ni đều đến cầu.” Do đông người nên tạo sự ồn ào. Đức Phật dạy: “Không nên đến tất cả, mà nên bạch nhị yết-ma sai một tỳ-kheo-ni vì [765b] Tăng tỳ-kheo-ni nửa tháng đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ.”

¹ Cf. Pāli, Pāc.59: “Mỗi nửa tháng, tỳ-kheo-ni phải cầu tỳ-kheo Tăng hai việc: hỏi ngày bố-tát, và thỉnh giáo giới” Tăng kỳ (điều 132): Nửa thánh Tăng (tỳ-kheo) giáo giới, mà không cung kính, không đến (dự).

1. Yết ma sai thỉnh giáo thọ

Nên sai như vậy: Trong chúng nên sai một vị có thể tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch.

“Đại tỳ Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai tỳ-kheo-ni tên là..., vì Tăng tỳ-kheo-ni, nửa tháng đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ. Đây là lời tác bạch.

“Đại tỳ Tăng, xin lắng nghe! Nay Tăng sai tỳ-kheo-ni tên..., vì Tăng tỳ-kheo-ni, nửa tháng đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ. Đại tỳ nào chấp thuận, Tăng sai tỳ-kheo-ni tên..., vì Tăng tỳ-kheo-ni, nửa tháng đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.”

“Tăng đã chấp thuận, sai tỳ-kheo-ni tên..., vì Tăng tỳ-kheo-ni, nửa tháng đến trong Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.”

2. Phép thỉnh giáo thọ

Tỳ-kheo-ni đến trong Tăng một mình không có người bảo hộ. Vì sự bảo hộ, cho phép sai hai, ba tỳ-kheo-ni cùng đi. Các tỳ-kheo-ni kia nên đến trong đại Tăng, kính lễ sát chân Tăng, rồi cúi đầu chấp tay nép mình, bạch:

“Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp kính lễ dưới chân Tăng tỳ-kheo cầu giáo thọ.”

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

Bấy giờ, tỳ-kheo-ni đợi Tăng nói giới xong, thời gian quá lâu, đứng chờ mệt mỏi, đức Phật dạy: “Không nên chờ như vậy. Cho phép thừa thỉnh lại² một đại tỳ-kheo rồi về.”

Đức Thế Tôn đã cho phép nhờ thừa thỉnh lại. Cô kia bèn nhờ tỳ-kheo khách thừa thỉnh lại. Đức Phật dạy: “Không nên nhờ thừa thỉnh lại như vậy.”

² Chúc thọ 嘱授.

Chư ni nhờ người đi xa thừa thỉnh lại. Phật dạy: “Không nên nhờ thừa thỉnh lại như vậy.”

Chư ni nhờ người bệnh thừa thỉnh lại. Đức Phật dạy: “Không nên nhờ thừa thỉnh lại như vậy.”

Chư ni nhờ người không có trí tuệ thừa thỉnh lại. Phật dạy: “Không nên nhờ thừa thỉnh lại như vậy.”

Chư ni nhờ thừa thỉnh lại rồi, sáng ngày không đến hỏi, đức Phật dạy: “Phải đến hỏi xem có được chư Tăng chấp thuận giáo thọ hay không.”

Tỳ-kheo nên quy định ngày giờ đến. Tỳ-kheo-ni phải theo sự quy định đó mà nghinh đón. Tỳ-kheo quy định ngày giờ đến giáo thọ mà không đến, đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni không nghinh đón, theo thời giờ đã quy định, đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni nghe vị giáo thọ đến phải ra nửa do-tuần để nghinh đón. Vị giáo thọ vào đến chùa phải cung cấp các thứ cần dùng, phương tiện tắm rửa, nấu cơm, cháo, canh, trái cây để cúng dường. Nếu không cúng dường như vậy, đột-kiết-la.

Trường hợp Tăng tỳ-kheo bị bệnh hết thì ni sai người tín cẩn đến kính lễ thăm hỏi. Nếu bị biệt chúng hay chúng không hòa hợp, hoặc không đủ chúng, (tỳ-kheo-ni) cũng nên sai người tín cẩn đến lễ bái thăm hỏi.

Nếu Tăng tỳ-kheo-ni bị bệnh hết, (tỳ-kheo-ni) cũng phải sai người tín cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu biệt chúng hay ni chúng không hòa hợp, [765c] hoặc không đủ chúng, tỳ-kheo-ni¹ cũng nên sai người tín cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu không đến kính lễ thăm hỏi, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nửa tháng đến trong Tăng cầu giáo thọ. Ngày nay chúc thọ sáng ngày mai đến hỏi. Tỳ-kheo đến đúng hạn, tỳ-kheo-ni đến đúng kỳ. Tỳ-kheo-ni nghe vị giáo thọ đến, ra nửa do-tuần nghinh đón. Vị giáo thọ đến chùa nên cung cấp nước và đồ để rửa tắm, thức ăn, canh, cháo, trái cây, cúng dường đầy đủ. Nếu đại Tăng có bệnh,

¹ Văn trong bản Hán, thiếu chủ từ. Xem đoạn sau, *điều 142* (tr.766a28).

(tỳ-kheo-ni) nên sai người tin cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu biệt chúng, chúng không hòa hợp, chúng không đủ, (tỳ-kheo-ni) cũng nên sai người tin cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu Tăng tỳ-kheo-ni bệnh, hoặc biệt chúng, chúng không hòa hợp, hay chúng không đủ, (tỳ-kheo-ni) cũng phải sai người tin cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu đường xá bị trở ngại, nạn giặc cướp, ác thú hay nước lụt tràn ngập, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói nhốt, mạng nạn, phạm hạnh nạn. Gặp các nạn như vậy, (tỳ-kheo-ni) không sai người tin cẩn đến thăm hỏi thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 142. TỰ TỨ TRƯỚC HAI BỘ TĂNG²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới, cho phép tỳ-kheo-ni an cư mùa hạ xong, phải đến trong Tăng tỳ-kheo nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Song các tỳ-kheo-ni này không đến trong đại Tăng, nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách các tỳ-kheo-ni:

“Đức Thế Tôn chế giới, cho phép tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, phải đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Sao các cô không đến nói việc tự tứ?”

Tỳ-kheo-ni liền đến bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, phải đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Sao các cô không đến nói?”

² Pāli, Pāc. 57. *Ngũ phần*: điều 93. *Thập tụng*: điều 150. *Căn bản*: điều 129.

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên [766a1] nói như vậy:

Tăng tỳ-kheo-ni, hạ an cư xong phải đến Tăng tỳ-kheo¹ nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghi. Nếu không như vậy, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Khi đức Thế Tôn đã cho phép tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, phải đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghi; các tỳ-kheo-ni đến hết trong đại Tăng để nói tự tứ nên gây sự ồn ào.

Đức Phật dạy:

1. Yết-ma tăng sai cầu tự tứ

“Không nên đến hết như vậy. Từ nay trở đi cho phép sai một tỳ-kheo-ni vì Tăng tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, phải đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghi, bằng pháp bạch nhị yết-ma. Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, dựa vào sự việc trên tác bạch:

“Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng sai tỳ-kheo-ni tên là..., vì Tăng tỳ-kheo-ni đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghi. Đây là lời tác bạch.

“Đại tỷ Tăng, xin lắng nghe! Nay Tăng sai tỳ-kheo-ni tên là..., vì Tăng tỳ-kheo-ni đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghi. Đại tỷ nào chấp thuận Tăng sai tỳ-kheo-ni tên là..., vì Tăng tỳ-kheo-ni đến trong đại Tăng nói ba việc

¹ Pāli: *ubhatosaṅghe tīhi thānehi ...pāvareyya*, “...tự tứ ba việc trước hai bộ Tăng...” *Thập tụng* “... giữa hai bộ Tăng, cầu ba sự tự tứ...”

tự tứ: thấy, nghe và nghĩ, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

“Chúng Tăng đã chấp thuận sai tỳ-kheo-ni tên là..., vì Tăng tỳ-kheo-ni đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.”

2. Nói ba sự tự tứ

Tỳ-kheo-ni đi một mình không có người bảo hộ. Vì sự bảo hộ, đức Phật say, nên sai hai, ba tỳ-kheo-ni làm bạn cùng đi. Khi đến trong đại Tăng kính lễ dưới chân Tăng, cúi đầu, chấp tay, khếp mình bạch:

“Tăng tỳ-kheo-ni hạ an cư xong. Tăng tỳ-kheo hạ an cư xong. Tăng tỳ-kheo-ni muốn nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghĩ. Xin Đại đức rủ lòng thương chỉ bảo con. Nếu con thấy có tội sẽ như pháp sám hối.” (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.)

3. Định ngày tự tứ

Tỳ-kheo-ni tự tứ cùng một ngày với Tăng tỳ-kheo. Hai bộ Tăng đều cực nhọc. Đức Phật dạy:

“Không nên tự tứ như vậy. Tăng tỳ-kheo tự tứ ngày 14 thì tỳ-kheo-ni Tăng tự tứ ngày 15. Nếu, đại Tăng bị bệnh, hoặc biệt chúng, hay chúng không hòa hợp, hoặc không đủ chúng, tỳ-kheo-ni nên sai người tín cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Nếu chúng Tỳ-kheo-ni bị bệnh, hoặc biệt chúng, hay chúng không hòa hợp, hoặc không đủ chúng, tỳ-kheo-ni cũng phải sai người tín cẩn đến lễ bái thăm hỏi. Không làm như vậy, đột-kiết-la.”

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi [766b] là phạm.

Sự không phạm: Tăng tỳ-kheo-ni hạ an cư xong, Tăng tỳ-kheo hạ an cư xong, tỳ-kheo-ni nói ba việc tự tứ: thấy, nghe và nghĩ. Tỳ-kheo tự tứ ngày 14, Tỳ-kheo-ni tự tứ ngày 15. Tăng tỳ-kheo bệnh, hoặc biệt chúng, chúng không hòa hợp, hay không đủ chúng, tỳ-kheo-ni nên sai người tín cẩn đến lễ bái, thăm hỏi. Chúng tỳ-kheo-ni bệnh, cho đến chúng không đủ, cũng phải sai người tín cẩn đến lễ bái, thăm hỏi Tăng tỳ-kheo.

Nếu đường bộ đường nước bị trở ngại, nạn giặc cướp, ác thú hay nước lụt tràn ngập, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trời nổi, mạng nạn, phạm hạnh nạn. Gặp các nạn như vậy không sai người tín cẩn đến thăm hỏi thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 143. An cư nơi không có tỳ-kheo¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni hạ an cư nơi không có tỳ-kheo. Đến ngày giáo thọ, không có chỗ để cầu giáo thọ. Có sự nghi ngờ, không có người để hỏi.

Các tỳ-kheo-ni nghe biết; trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại hạ an cư nơi không có tỳ-kheo, đến ngày giáo thọ không có chỗ để cầu giáo thọ, có sự nghi ngờ không có ai để hỏi?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô lại hạ an cư nơi không có tỳ-kheo, *cho đến* có sự nghi ngờ không có ai để hỏi?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hạ an cư nơi không có tỳ-kheo, ba-dật-đề.

¹ Pāli, Pāc. 56. *Ngũ phần*: điều 91. *Thập tụng*: điều 149. *Căn bản*: điều 128 & 127.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, hạ an cư nơi không có tỳ-kheo, phạm ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Hạ an cư chỗ có tỳ-kheo. Nếu ni y nơi Tăng tỳ-kheo an cư, trong thời gian đó tỳ-kheo qua đời, hoặc đi xa, hay thô tu, hoặc bị giặc bắt dẫn đi, [766c] hoặc bị thú dữ hại, hoặc bị nước cuốn trôi, thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 144. ĐỘT NHẬP CHÙA TỠ-KHEO¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ một tỳ-kheo-ni được nhiều người biết đến qua đời. Các tỳ-kheo-ni lại xây tháp trong phạm vi chùa của tỳ-kheo.

Các tỳ-kheo-ni thường đến chùa tụ họp, nói cười, đọc tụng, than khóc; hoặc tự trang nghiêm thân hình, làm loạn động các tỳ-kheo tọa thiền.

Trưởng lão Ca-tỳ-la² thường ưa tọa thiền. Sau khi các tỳ-kheo-ni ra về, Trưởng lão liền đến đập phá tháp, dọn bỏ hết bên ngoài Tăng-già-lam. Các tỳ-kheo-ni nghe Ca-tỳ-la đập phá tháp, dẹp bỏ ra ngoài chùa, bèn cầm dao gậy đến đánh, gạch đá đến chọi Trưởng lão. Trưởng lão dùng thần túc bay lên hư không.

Các tỳ-kheo-ni nghe việc này, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách các tỳ-kheo-ni:

¹ Pāli, Pāc. 51. *Tăng kỳ*: điều 116. *Thập tụng*: điều 153.

² Xem duyên khởi của ba-dật-đề 145.

“Sao các cô lại cầm dao gậy đến đánh, gạch đá đến chọi Trưởng lão Ca-tỳ-la?”³

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô lại cầm dao gậy gạch đá muốn hành hung tỳ-kheo?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này.

Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong Tăng-già-lam của tỳ-kheo, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni nghi, không dám vào nơi già-lam không có Tăng tỳ-kheo, đức Phật dạy: “Già-lam không có Tăng cho phép vào.”

Từ nay nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vào trong Tăng-già-lam có tỳ-kheo, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Khi ấy, các tỳ-kheo-ni không biết già-lam có tỳ-kheo hay không có, sau mới biết là già-lam

³ Câu chuyện này được kể là duyên khởi của ba-dật-đề 52, luật Pāli, xem *Tứ phần*, ba-dật-đề 145 đoạn sau. Duyên khởi theo Pāli về điều luật này: các tỳ-kheo đang khâu vá y nên chỉ khoác một y. Lúc ấy có tỳ-kheo-ni đến, không hỏi xin phép mà tự tiện đi vào. Theo duyên khởi này, *Tứ phần* hiểu mục đích của học xứ này khác hẳn cách hiểu của Pāli. Theo đó, tỳ-kheo-ni vào Tăng-già-lam của tỳ-kheo đường đột không báo trước, khiến tỳ-kheo bối rối vì thiếu oai nghi trước tỳ-kheo-ni.

có tỳ-kheo nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, có vị nghi. Đức Phật dạy: “Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết chùa¹ có tỳ-kheo mà vào, [767a1] ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có tỳ-kheo-ni muốn cầu giáo thọ, không biết cầu ở đâu; có điều nghi ngờ muốn hỏi, không biết hỏi ai. Không dám vào chùa Tăng. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi, cho phép bạch rồi mới vào chùa.”

Tỳ-kheo-ni muốn lễ tháp của Phật, tháp của Thanh văn, Phật dạy: “Muốn lễ tháp Phật, tháp của Thanh văn, thì được vào; ngoài ra, phải bạch rồi mới vào.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tăng-già-lam có tỳ-kheo, không bạch mà vào, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng-già-lam có tỳ-kheo, không bạch mà vào cửa ngõ, ba-dật-đề. Một chân trong cửa ngõ, một chân ngoài cửa ngõ, phương tiện muốn vào, hoặc hện vào mà không vào, tất cả đều, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu trước không biết; hoặc không có tỳ-kheo mà vào; hoặc lễ bái tháp Phật, tháp Thanh văn ngoài cửa, thưa bạch xin phép rồi mới vào. Nếu đến nhận giáo thọ, hoặc muốn hỏi pháp, hoặc được mời, hoặc trên đường đi ngang qua, hoặc tạm nghỉ lại đêm, hoặc bị cường lực bắt dẫn đi, hoặc bị trói nhốt dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thủy đều không phạm.

¹ Nguyên Hán: tự 寺. Trong các giới văn trên: Tăng-già-lam 僧伽藍.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 145. Mạ lị tỳ-kheo¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng lão tỳ-kheo Ca-tỳ-la,² đêm đã qua, sáng sớm, quán y bùng bát vào thành Xá-vệ khát thực. Các tỳ-kheo-ni thấy Ca-tỳ-la liền nhục mạ:³ “Ông là quân tặc ác, dòng hạ tiện, chủng tộc công sư.⁴ Ông đã phá hoại tháp của chúng tôi, đem vất bỏ bên ngoài Tăng-già-lam.”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách rằng: “Tại sao các cô lại chửi rủa Trưởng lão Ca-tỳ-la?”

Quở trách rồi chư ni đến bạch nói các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao các cô mạ lị Ca-tỳ-la?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni [767b] kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

¹ Pāli, Pāc. 52. *Tăng kỳ*: điều 91.

² Ca-tỳ-la 迦毘羅. Pāli, Pāc. 52: trưởng lão Kappitaka, vốn là Hoà thượng của tôn giả Ưu-ba-li (*upālissa āyasmato upajjhāyo*). Truyện kể gần giống Tứ phần trong duyên khởi của ba-dật-đề 144.

³ Truyện kể của Pāli: Kappitaka phá tháp của tỳ-kheo-ni. Các ni đệ tử thương nghị muốn hại Kappitaka. Có tỳ-kheo-ni báo cho Upāli biết. Tôn giả nói lại cho Kappitaka biết để Hoà thượng trốn đi. Vì vậy, các ni cô không hại được Kappitaka, nên họ mắng nhiếc Upāli: “Gã thợ hớt tóc, từ chủng tộc ti tiện...”

⁴ Công sư chủng 工師種, tức thủ-đà-la, thấp nhất trong bốn giai cấp.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mạ lệ⁵ tỳ-kheo, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Mạ lệ: như nói dòng hạ tiện, họ hạ tiện, nghề hạ tiện, nghiệp hạ tiện, hoặc nói phạm tội, hoặc nói ông có kết sử như vậy như vậy; hoặc xúc phạm đến tên húy của người. *Tỳ-kheo-ni* nào, *mạ lệ tỳ-kheo* bằng dòng giống,⁶ cho đến xúc phạm đến tên húy, nói rõ rằng *ba-dật-đề*; nói không rõ ràng, *đột-kiết-la*.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc nói vui chơi, hoặc nói nhanh vội, hoặc nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nhằm nói việc khác đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

ĐIỀU 146. Mạ lệ ni chúng⁷

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có *tỳ-kheo-ni Ca-la*⁸ ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ các tránh sự,⁹ sau đó giận hờn, hiềm trách ni chúng. Các *tỳ-kheo-ni* nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách *tỳ-kheo-ni Ca-la*: “Sao cô hay ưa gây gỗ; chuyện xong rồi, qua đêm còn ôm lòng thù hận, hiềm trách ni chúng?”

⁵ Pāli: *akoseyya vā paribhāseyya vā*, nhục mạ hay chửi bới hung dữ. Giải thích: nhục mạ bằng 10 cách. Chửi bới hung dữ, khiến cho người khác nghe mà sợ.

⁶ Xem Phần I, Ch. v *ba-dật-đề* 2.

⁷ Pāli, Pāc. 53. *Căn bản*: điều 130 & 131.

⁸ *Ca-la* 迦羅. Pāli: *Caṇḍakālī*. Đoạn trên, có chỗ dịch nghĩa là Hắc.

⁹ Xem, Ni luật, tăng-già-bà-thi-sa 17, cht. 45.

Chư ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Ngài vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Ca-la. “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao cô ưa hay ưa gây gỗ; chuyện xong rồi, qua đêm còn ôm lòng thù hận, hiềm trách ni chúng?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, ưa gây gỗ, không khéo ghi nhớ các tránh sự, sau đó giận hờn, không hoan hỷ, mắng chửi chúng tỳ-kheo-ni, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tránh: có bốn thứ như trước.

Chúng: bốn người hay hơn bốn người.

Tỳ-kheo-ni ưa gây gỗ, đã qua đêm, sau đó còn mắng chửi chúng tỳ-kheo-ni, nói rõ ràng, ba-dật-đề; nói không rõ ràng, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, [767c] sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nói vui đùa, hoặc nói gấp vội, nói một mình, nói trong mộng, hay muốn nói việc này lại nhằm nói việc kia đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 147. Nhờ đàn ông mở nặng nhọt¹

¹ Pāli, Pāc. 60. *Ngũ phần*: điều 168. *Tăng kỳ*: điều 133. *Thập tụng*: điều 162. *Căn bản*: điều 159.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Ni-câu-luật tại Thích-súy-suru,² nước Ca-tỳ-la. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ca-tỳ-la, thân hình bị sanh ung nhọt, nhờ đàn ông mổ nặn. Thân thể của tỳ-kheo-ni này mịn màng như thân của thiên nữ không khác. Khi tay người đàn ông xúc chạm vào thân thể mịn màng của cô ni, tâm sanh đắm nhiễm, bèn ôm; muốn phá hoại phạm hạnh của ni cô. Cô liền lớn tiếng kêu la: “Đừng làm vậy! Đừng làm vậy!” Các tỳ-kheo-ni ở gần nghe, đều đến hỏi: “Chuyện gì cô la thế?” Cô ni kể rõ đầu đuôi.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách: Bạt-đà-la ca-tỳ-la: “Tỳ-kheo-ni sao lại nhờ đàn ông mổ nặn mụn nhọt?”

Tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Bạt-đà-la ca-tỳ-la: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại nhờ đàn ông mổ nặn mụn nhọt?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, thân thể có ung nhọt, và các loại ghẻ, không thừa với chúng hay người khác³ mà vội nhờ đàn ông mổ nặn, hoặc băng bó, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

² Thích-súy-suru 釋翅搜. Túc Pāli: *sakkesu*, giữa những người họ Thích. Nhưng ở đây, nhân duyên theo Pāli, Phật tại Xá-vệ.

³ Pāli: chưa xin phép Tăng hay chúng hứa khả.

Tăng: cũng như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, thân thể sanh ung nhọt, các thứ ghê khác, không thừa bạch với chúng, mà nhờ nam tử mổ, một lần hạ dao xuống là một ba-dật-đề. Nếu băng bó, thì mỗi nuộc dây là một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Bạch với chúng Tăng rồi mới nhờ đàn ông mổ ung nhọt hay ghê; hoặc bị cưỡng lực bắt. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 148. Bội ước thỉnh thực¹

a. Duyên khởi

[768a1] Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một cư sĩ thỉnh Tăng chúng tỳ-kheo-ni sáng ngày thọ thực. Trong đêm, ông sửa soạn các món ăn ngon bổ. Sáng hôm sau, đến mời ni chúng đến thọ thực.

Hôm đó gặp ngày tiết hội trong thành Xá-vệ, các cư sĩ đều mang thức ăn cá, thịt, cơm, cơm khô, bánh bột, cúng cho tỳ-kheo-ni. Các tỳ-kheo-ni nhận thức ăn này và ăn. Sau đó mới đến nhà cư sĩ để ăn. Bấy giờ, cư sĩ tự tay chế biến thức ăn cơm canh cúng dường cho các tỳ-kheo-ni. Các tỳ-kheo-ni nói: “Thôi! Thôi! Cư sĩ đừng sót nhiều.”

Cư sĩ thưa: “Con sắm sửa đầy đủ các thức ăn ngon bổ, mỗi vị một tô thịt là chỉ vì chư ni. Chư ni đừng nghĩ con không có tín tâm mà không dùng. Các vị cứ việc dùng, con thật có tín tâm.”

Tỳ-kheo-ni nói: “Chúng tôi không nghĩ như vậy đâu! Vì hôm nay là ngày tiết hội, các cư sĩ đều mang thức ăn như cá, thịt, cơm, cơm khô, bánh bột, các thức ăn ngon bổ đến trong Tăng-già-lam cúng cho các tỳ-kheo-ni. Chúng tôi ăn xong rồi mới đến đây. Cho nên dùng ít mà thôi!”

¹ Pāli, Pāc. 54.

Cư sĩ nghe xong cơ hiêm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết nhàm chán, không tri túc. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Đã nhận lời mời của tôi trước, sao lại nhận các thức ăn của người khác ăn, rồi mới đến thọ thực nơi nhà tôi?”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiêm trách các tỳ-kheo-ni: “Đã nhận lời mời của cư sĩ rồi; sau đó sao lại nhận thức ăn khác?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Ngài vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Đã nhận lời mời của cư sĩ rồi; sau đó sao lại nhận thức ăn khác?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, trước đã nhận lời mời, hoặc đã ăn no rồi, sau lại ăn cơm, cơm khô, bánh bột, cá và thịt,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

[768b] Tỳ-kheo-ni nào đã nhận lời mời trước, hay ăn đủ no rồi, sau lại ăn cơm, cơm khô, bánh bột, cá và thịt của người khác; mỗi miếng ăn là một ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

¹ Pāli: ăn thêm thức ăn loại cứng (*khādanīya*) hay loại mềm (*bhojanīya*).

Sự không phạm: Nhận lời mời ăn chẳng phải thức ăn chánh thực;² hoặc mời ăn không đủ no; hoặc không được mời trước; hay ngay khi ăn nhận được thức ăn thêm; hoặc tại nhà đó nhận cả bữa ăn trước bữa ăn sau. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 149. Tật đồ về gia đình³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, tỳ-kheo-ni Đề-xá là đệ tử của tỳ-kheo-ni An Ân. Cô có một nhà đàn-việt quen thân từ lâu. An Ân bảo Đề-xá:

“Cô có thể cùng tôi đến nhà đàn-việt đó được không?”

Đề-xá trả lời: “Muốn đến thì cũng được.”

Hai người cùng đi. Tỳ-kheo-ni An Ân y phục chỉnh tề, không mất oai nghi. Đàn-việt thấy, tâm sanh hoan hỷ, bèn cúng dường. An Ân thọ thực xong, về lại chùa, nói với Đề-xá: “Đàn-việt ấy thuần thành. Hoan hỷ ưa cúng dường.”

Đề-xá sinh tâm ganh tị, bèn nói: “Đàn-việt ấy thuần thành, vì ưa cúng dường cô ấy mà!”⁴

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách tỳ-kheo-ni Đề-xá: “Sao cô sinh tâm ganh tị, mà nói: ‘Đàn-việt ấy thuần thành, vì ưa cúng dường cô ấy mà!’?”

Tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Đề-xá:

² Chánh thực 正食; xem Phần I, Ch.v ba-dật-đề 32 & cht. 201.

³ Pāli, Pāc. 55. *Tăng kỳ*: điều 90. *Thập tụng*: điều 150. *Căn bản*: điều 133, 132.

⁴ Duyên khởi Pāli: một tỳ-kheo-ni không muốn các tỳ-kheo-ni khác đến gia đình cư sĩ nhận cúng dường, bèn nói với các cô: “Nhà đó có chó dữ, có bò hung tợn. Các cô chớ đến.”

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao cô sinh tâm ganh tị, mà nói: ‘Đàn-việt ấy thuận thành, vì ưa cúng dường cô ấy mà!’?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, sanh tâm tật đố về gia đình,¹ ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo-ni nào đối với nhà người sanh tâm tật đố nói: “Đàn-việt ấy [768c] thuận thành, vì hoan hỷ ưa cúng dường cô ấy mà!” Nói rõ ràng, ba-dật-đề, nói không rõ ràng đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sự thật là như vậy, người đàn-việt kia, chỉ có tâm tốt đối với cô ni kia nên cô ấy nói: “Đàn-việt ấy thuận thành, vì hoan hỷ ưa cúng dường cô ấy mà!” Hoặc nói vui chơi, nói vội gấp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này lại nhằm nói việc khác. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 150. Thoa bột hương²

¹ Pāli: *kulamaccharin*, “bùn xin về gia đình;” giải thích (vin. iv. 312): nói xấu một gia đình trước các tỳ-kheo-ni để các cô này không ai đến đó. *Tăng kỳ*: “Với tâm bùn xin, giữ gia đình người riêng cho mình.” *Thập tụng*: hộ tích tha gia 護惜他家.

² Pāli, Pāc. 88. *Ngũ phần*: điều 153. *Thập tụng*: điều 164. *Căn bản*: điều 166 & 167.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng bột hương thoa vào mình. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Dùng bột hương thoa vào mình, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô dùng các loại bột hương thoa vào mình?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Phật. Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô dùng các loại bột hương thoa vào mình?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng bột hương³ thoa vào mình, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, dùng hương bột thoa vào mình, ba-dật-đề

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì có chứng bệnh thể nào đó, hoặc bị cưỡng lực. Chẳng đều không phạm.

³ Pāli: *gandhavaṇṇeka nahāyeyya*, “tắm bằng hương liệu và phẩm màu.”

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 151. Xức dầu vùng (mè)¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, [769a1] nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng cặn vùng (mè)² bôi thoa vào thân. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Lấy cặn vùng (mè) bôi thoa vào thân, như bọn tặc nữ, dâm nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô dùng cặn vùng (mè) bôi thoa vào thân?”

Tỳ-kheo-ni bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao các cô dùng cặn vùng (mè) bôi thoa vào thân?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, dùng cặn vùng (mè) thoa chà vào thân,³ ba-dật-đề.

¹ Pāli, Pāc. 89. *Thập tụng*: điều 164; cf. điều 150 trên. *Căn bản*: điều 168.

² Hồ ma chi 胡麻滓. Pāli: *piñṇāka*, nước cặn vùng, bột vùng, tức vùng được nghiền nát thành bột.

³ Pāli: *vāsitena piñṇākena nahāyeyya*, tắm bằng nước ướp vùng.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, dùng cặn dầu mè thoa chà trong thân, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Vì có bệnh như thế nào đó; hoặc bị cường lực bắt. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

ĐIỀU 152. Sai tỳ-kheo-ni xoa bóp¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni sai các tỳ-kheo-ni thoa bóp thân mình. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Sai các tỳ-kheo-ni thoa bóp thân mình, như bọn dâm nữ, tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại sai các tỳ-kheo-ni xoa bóp thân mình?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này [769b] tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô lại sai các tỳ-kheo-ni xoa bóp thân mình?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người

¹ Pāli, Pāc. 90. *Tăng kỳ*: điều 127. *Thập tụng*: điều 165 (cf. điều 153 & 154 dưới). *Căn bản*: điều 161.

đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, *sai tỳ-kheo-ni* thoa bóp thân mình,² *ba-dật-đề*.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, *sai tỳ-kheo-ni* thoa bóp thân mình, *ba-dật-đề*.

Tỳ-kheo, *đột-kiết-la*. *Thức-xoa-ma-na*, *sa-di*, *sa-di-ni*, *đột-kiết-la*. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc chứng bệnh thể nào đó, hoặc bị cường lực bắt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 153. Sai thức-xoa-ma-na xoa bóp³

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni sai thức-xoa-ma-na thoa chà thân. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Sai thức-xoa-ma-na thoa chà trong thân, như bọn dâm nữ, tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Sao các cô lại sai thức-xoa-ma-na thoa bóp thân?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức

² Khái ma 揩摩. Pāli: *ummaddāpeyya parimaddāpeyya*, tự mình chà xát (chà dầu) và nhờ người khác chà xát.

³ Pāli, Pāc. 91. *Tăng kỳ*: điều 129. *Thập tụng*: điều 165. *Căn bản*: 162.

Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô lại sai thức-xoa-ma-na thoa bóp thân?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, sai thức-xoa-ma-na thoa bóp thân thể, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, sai thức-xoa-ma-na thoa chà thân thể, [769c] ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh thể nào đó, hoặc bị cường lực bắt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 154. Sai sa-di-ni xoa bóp¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni sai sa-di-ni xoa chà thân thể. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp.

¹ Pāli, Pāc. 92. *Ngũ phần*: điều 128. *Thập tụng*: điều 165.

Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Sai sa-di-ni xoa chà thân thể giống như bọn dâm nữ tặc nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, chê trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại sai sa-di-ni xoa chà thân thể?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô lại sai sa-di-ni xoa chà thân thể?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, sai sa-di-ni xoa chà thân thể, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, sai sa-di-ni xoa chà thân thể, ba-dật-đề

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh thể nào đó, hay bị cường lực bắt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 155. Sai phụ nữ bạch y xoa bóp²

² Pāli, Pāc. 93. *Tăng kỳ*: điều 126 (cf. điều 130).

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni sai phụ nữ bạch y xoa chà thân thể. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Sai phụ nữ bạch y thoa chà thân thể, giống như bọn dâm nữ tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, [770a1] ưa học giới, biết tầm quý, chê trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại sai phụ nữ bạch y xoa chà nơi thân thể?”

Tỳ-kheo-ni bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao các cô lại sai phụ nữ bạch y xoa chà nơi thân thể?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, sai phụ nữ bạch y xoa chà thân thể, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, sai phụ nữ bạch y xoa chà thân thể, ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thể nào đó, hay bị cường lực bắt thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 156. Mặc váy lót¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà có ý nghĩ, mặc váy lót² cho mình phòng lên.³ Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tâm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Mặc váy lót cho mình phòng lên, giống như bọn dâm nữ tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, quả trách Thâu-la-nan-đà rằng: “Tại sao cô lại có ý nghĩ quần y mặc váy lót cho mình phòng lên?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách Thâu-la-nan-đà: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại có ý nghĩ mặc váy lót, khiến cho mình phòng lên?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều [770b] giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mặc váy lót,⁴ ba-dật-đề.

¹ Pāli, Pāc. 86. Cf. Ngũ phần: điều 205 & 206.

² Trữ khóa y [袖-由+字]襦衣, quần chên bó đùi. Pāli: *sanghāṇi* váy hay quần đùi.

³ Duyên khởi Pāli (Vin.iv. 339): một nữ tín chủ nhờ một ni cô mang một cái váy lót đến cho người khác. Cô ni vì không tiện bỏ váy vào bát, nên mặc vào người. Giữa đường, giây lưng đứt, váy bị tuột. Mọi người chê cười.

⁴ Cf. *Ngũ phần*, điều 205: “... mặc y theo cách kỹ nữ...”, điều 206: “... mặc y theo cách phụ nữ bạch y...”

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Váy lót: dùng lông mịn, hoặc vải kiếp-bồi, hoặc câu-giá-la, hoặc cỏ nhũ hiệp, hoặc sô-ma, hoặc bằng tơ tằm, tất cả đều ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh thể nào đó, bên trong quán y bệnh, ngoài mặc niết-bàn-tăng, kể đó mặc ca-sa; hoặc bị cường lực đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 157. Chứa đồ trang sức⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni chứa những thứ của phụ nữ dùng, để trang điểm thân, như vòng, xuyên và những thứ sử dụng cho chỗ xấu.⁶ Các cư sĩ thấy đều cơ hiem: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Chứa các đồ trang sức của phụ nữ như vòng, như xuyên và những đồ sử dụng cho chỗ xấu, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại chứa những đồ trang sức của phụ nữ như vòng, như xuyên và những đồ sử dụng cho chỗ xấu?”

Các tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo,

⁵ Pāli, Pāc. 87. *Ngũ phân*: điều 158 (cf. điều 161 & 162). *Thập tụng*: điều 160. *Căn bản*: điều 170.

⁶ Hán: ôi xử 猥處, những chỗ được gọi là “xấu” trên thân phụ nữ.

quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại chứa những đồ trang sức của phụ nữ như vòng, như xuyên và những đồ sử dụng cho chỗ xấu?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chứa những đồ trang sức của phụ nữ, ba-dật-đề.

Thế Tôn [770c] vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni gặp phải mạng nạn, phạm hạnh nạn, nghi không dám mang những đồ trang sức như vậy để chạy trốn. Phật dạy: “Từ nay trở đi, nếu gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho phép mang những đồ trang sức để tẩu thoát.”

Từ nay trở đi nên kết giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, chứa¹ những đồ trang sức của phụ nữ, ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, chứa đồ trang sức của phụ nữ như vòng, xuyên, các thứ dùng để sử dụng cho những nơi xấu, cho đến dùng vỏ cây làm tóc, tất cả đều ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh như thế nào đó, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, mang để chạy, hoặc bị cường lực bất đều không phạm.

¹ Pāli, Pāc. 87: *itthālaṅkāraṃ dhāreyya*, mang (đeo) đồ trang sức phụ nữ.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 158. Mang dép, cầm dù ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni mang dép da,³ cầm dù đi đường. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Mang dép da, cầm dù đi đường, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô mang dép da, cầm dù đi đường?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các cô mang dép da, cầm dù đi đường?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mang dép da, cầm dù đi ngoài đường, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-

² Pāli, Pāc. 84. *Ngũ phần*: điều 142. *Thập tụng*: điều 148. *Tăng kỳ*: điều 112. *Căn bản*: điều 157 & 158.

³ Cách ti 革屐. Pāli: *upāhana*, giày dép (chung các thứ).

ni ở chỗ tiểu thực, đại thực, hoặc tập hợp vào ban đêm, hoặc khi thuyết giới. Trên đường đi, gặp lúc trời mưa thấm ướt, làm hư hoại sắc y mới nhuộm. Đức Phật dạy:

[771a] “Từ nay trở đi, vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ, cho phép làm dù bằng vỏ cây, bằng lá, bằng tre để che trong Tăng-già-lam.”

Bấy giờ có các tỳ-kheo-ni gặp lúc trời mưa đi chân không, bị bùn làm bẩn chân, làm bẩn y, làm bẩn tọa cụ. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi, vì hộ thân, hộ y, hộ tọa cụ cho phép làm guốc để mang trong Tăng-già-lam.”

Các tỳ-kheo-ni tuy làm guốc để mang, nhưng vẫn cứ làm bẩn y, làm bẩn chân, làm bẩn tọa cụ. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi cho phép bên dưới mang bằng vỏ cây. Vỏ cây bị rách thì dùng dây buộc lại. Nếu bị đứt, cho phép dùng cước, hoặc lông hoặc vỏ cây bó dính nơi chân.”

Từ nay trở đi nên kết giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mang dép da, cầm dù đi, ba-dật-đề. Trừ những trường hợp đặc biệt.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, mang dép, cầm dù đi, ba-dật-đề. Trừ những trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo-ni mang dép, tùy theo đi trong phạm vi một thôn, mỗi mỗi thôn đều ba-dật-đề. Nơi không có thôn, vùng a-lan-nhã, đi mười lý thì một ba-dật-đề. Đi dưới một thôn, độn-kiết-la. Dưới mười lý, độn-kiết-la. Đi trong phạm vi một giới, độn-kiết-la.

Phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn đi mà không đi, tất cả đều độn-kiết-la.

Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh như thế nào đó; hoặc vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ; ở trong Tăng-già-lam; làm dù bằng vỏ cây, bằng lá, bằng tre, dùng để che mà đi. Hoặc vì hộ thân, hộ y, hộ ngọa cụ nên

làm guốc dép để đi trong Tăng-già-lam thì không phạm. Hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói nhốt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, mang guốc dép, cầm dù đi. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.¹

ĐIỀU 159. Ngồi xe cộ đi đường²

a. Duyên khởi

[771b7] Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, cưỡi xe đi trên đường. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Cưỡi xe đi ngoài đường như bọn dâm nữ, tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô cưỡi xe đi trên đường?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô cưỡi xe đi trên đường?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, ngồi xe cộ đi đường, ba-dật-đề.

¹ Bản Hán, hết quyển 29.

² Pāli, Pāc. 85. *Ngũ phần*: điều 141. *Thập tụng*: điều 145. *Tăng kỳ*: điều 111.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni già yếu, suy nhược, bị bệnh, khí lực ốm gầy, không thể đi từ trú xứ này đến trú xứ kia được. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi, cho phép đi bằng xe kéo bộ,¹ tất cả xe người nữ².”

Bấy giờ, các tỳ-kheo-ni có nạn sự, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, nghi không dám ngồi xe chạy. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi gặp phải các nạn như vậy, cho phép ngồi xe mà chạy.” Từ nay nên nói giới như vậy:

***Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh, ngồi xe cộ mà đi, ba-dật-đề.
Trừ trường hợp đặc biệt.***

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Xe cộ:³ có bốn loại, cộ bằng voi, cộ bằng ngựa, cộ bằng xe, cộ do người đi bộ.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, [771c] cưỡi một trong các loại xe đi, tùy theo cương giới của thôn đã đi, mỗi thôn, một ba-dật-đề. Nếu a-lan-nhã không có thôn, đi mười lý, một ba-dật-đề; dưới một thôn hay dưới mười lý, đột-kiết-la. Nếu đi trong giới vức một gia đình, đột-kiết-la. Phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn mà không đi, tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có bệnh thể nào đó, đi xe các loại cho người nữ;⁴ hoặc mạng nạn cỡi xe để chạy, hoặc bị cường lực bắt dẫn đều không phạm.

¹ Hán: bộ vân thặng (thừa) 步挽乘.

² Hán: nhất thiết nữ thặng 一切女乘. Có lẽ loại xe chỉ dành cho phụ nữ. Các bộ không thấy đề cập loại xe này. Đoạn dưới, nói là chúng chúng nữ thặng 種種女乘 (Đề bản: an 安; Tống-Nguyên-Minh: nữ 女).

³ Thừa (hay thặng) 乘, chỉ chung các phương tiện chuyên chở: xe, cộ, kiệu, cang. Pāli: *yāna*, định nghĩa: *vayhā*, kiệu đi núi, *ratha*, xe do con vật kéo, *sakaṭa*, xe tải, *sandamānikā*, chiến xa, *sivikā*, cang, *pāṭankī*, kiệu.

⁴ Xem cht. 350 trước.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 160. Vào thôn không mặc tăng-kỳ-chi⁵

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni không mặc tăng-kỳ-chi⁶ đi vào trong thôn nên để lộ ngực, nách, vú, eo lưng. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Không mặc tăng-kỳ-chi mà vào trong thôn, giống như tặc nữ, dâm nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô đi vào thôn mà không mặc tăng-kỳ-chi, để lộ ngực, nách, vú, eo lưng như vậy?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao các cô đi vào thôn mà không mặc tăng-kỳ-chi, để lộ ngực, nách, vú, eo lưng như vậy?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Nhóm sáu tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, đi vào trong thôn mà không mặc tăng-kỳ-chi, ba-dật-đề.

⁵ Pāli, Pāc. 96. *Ngũ phần*: điều 181.

⁶ Tăng-kỳ-chi 僧祇支. *Căn bản*: tăng-khước-kỳ. Pāli: *saṅkicchā* (yếm), định nghĩa (Vin. iv. 345): áo che ngực, phần từ xương cổ xuống, rón trở lên.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Thôn: như trên đã giải.

Tỳ-kheo-ni nào, không mặc tăng-kỳ-chi mà vào trong cửa ngõ thôn, ba-dật-đê. Một chân ngoài cửa một chân trong cửa, phương tiện mà không vào, hẹn vào mà không vào, tất cả đều đột-kiết-[772a1] la.

Tỳ-kheo (?), đột-kiết-la.¹ Thức-xoa-ma-na, sa-di (?), sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc phải chứng bệnh thể nào đó; hoặc dưới nách có ghê; hoặc không có tăng-kỳ-chi; hoặc giặt nhuộm chưa khô; hoặc bị mất; hoặc cắt chỗ quá kiên cố; hoặc bị cưỡng lực bắt; hoặc mạng nạn, phạm hạnh. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 161. XÂM TỐI ĐẾN NHÀ CƯ SĨ**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, xâm tối rồi còn đến nhà cư sĩ, tìm chỗ ngồi mà ngồi. Ngồi trong giây lát, không nói với chủ mà mở cửa ra đi. Trước đó có bọn trộm đã để tâm muốn trộm lấy của nhà cư sĩ này, gặp lúc cửa mở, không người, chúng liền vào tóm thâu tài vật mang đi.

Bấy giờ, cư sĩ hỏi rằng: “Khi xâm tối, ai đã mở cửa ra đi?”

Đáp rằng: “Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà.”

Cư sĩ liền cơ hiềm nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết tầm quý, phạm bất tịnh hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy

¹ Người dịch do quán tính thuộc lòng, nên nói như vậy.

có gì là chánh pháp? Cùng với kẻ trộm đồng mưu lấy trộm tài vật của tôi; giống như tặc nữ, dâm nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách Thâu-la-nan-đà: “Sao lúc xâm tới cô lại đến nhà cư sĩ?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Sao lúc xâm tới cô lại đến nhà cư sĩ?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xâm tới đến nhà cư sĩ, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ có tỳ-kheo-ni muốn làm việc Phật, Pháp, Tăng, hoặc có vị cần nuôi bệnh, hoặc được đàn-việt mời, nghi không dám đến. Đức Phật dạy:

“Từ nay trở đi, nếu có người mời thì cho phép đến.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xâm tới đến [772b] nhà bạch y, mà không được gọi trước, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, xâm tới đến nhà bạch y, trước không được gọi, bước vào cửa, ba-dật-đề. Một chân ngoài cửa, một chân trong cửa, phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn đi mà không đi, tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni đến nhà bạch y, ở lại một thời gian ngắn, không nói với chủ mà bỏ đi ra cửa, ba-dật-đề.

Phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn mà không đi, tất cả đều đột-khiết-la. Tỳ-kheo, đột-khiết-la. Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-khiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay việc nuôi bệnh, hoặc được mời đi, hoặc bị cưỡng lực bắt, hay bị trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, trước không được kêu mà đi; đến nhà kia, trong một giây lát, trước khi đi nói với chủ; hoặc nhà kia bị hỏa hoạn nên sập ngã; hoặc có rắn độc, có giặc cướp, có thú dữ, hay bị sức mạnh cưỡng bắt; hoặc bị trói dẫn ra, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không nói với chủ mà đi ra. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 162. Mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc xâm tối

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rùng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni, vào lúc xâm tối, không nói với ai mà mở cửa Tăng-già-lam bỏ đi. Kẻ trộm thấy, liền khởi lên ý nghĩ: “Ta sẽ cướp lấy tài vật của già-lam này.” Nghĩ xong chúng liền vào cửa đoạt cướp hết tài vật. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni cùng hỏi nhau rằng: “Lúc xâm tối, ai mở cửa bỏ đi mà không nói?” Liền sau đó được biết, một trong những vị của nhóm sáu tỳ-kheo-ni mở cửa đi ra. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Lúc xâm tối, sao cô mở cửa bỏ đi mà không nói với ai hết?”

Tỳ-kheo-ni liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lúc xâm tối mở cửa bỏ đi mà không nói với ai?”

[772c] Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc xâm tối, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni có việc Phậ, Pháp, Tăng, hoặc nuôi bệnh, nghi không dám mở cửa đi. Đức Phậ dạy: “Từ nay cho phép chúc thọ.”

Từ nay, nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc xâm tối, mà không dặn lại các tỳ-kheo-ni khác, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào mở cửa Tăng-già-lam ra đi lúc xâm tối, mà không dặn dò lại, ba-dật-đề. Một chân bên trong, một chân bên ngoài, phương tiện muốn đi mà không đi, hay hẹn mà không đi, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc vì việc Phậ, Pháp, Tăng, hay việc nuôi bệnh, dặn dò rồi đi; hoặc Tăng-già-lam bị phá hoại, hoặc bị rắn độc, hoặc giặc cướp, ác thú, hoặc bị cường lực bắt, hay bị cột trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không dặn dò mà đi. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 163. Mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn ¹

¹ *Ngũ phần*: điều 169.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni mở cửa Tăng-già-lam ra đi lúc mặt trời lặn, mà không dặn ai. Vào lúc ấy, có một tên tù vượt ngục, từ xa thấy Tăng-già-lam mở cửa bèn chạy vào trốn. Các người giữ ngục truy tìm, đến hỏi các tỳ-kheo-ni: “Có thấy tên tù hình dáng như vậy chạy đến đây hay không?”

Vì không thấy nên các tỳ-kheo-ni trả lời: “Không thấy.”

Người giữ ngục tìm kiếm khắp nơi trong Tăng-già-lam, bắt được tên tù vượt ngục. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: “Các tỳ-kheo-ni này nói láo không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp nào? Thấy giặc cướp mà nói không thấy!”

Các tỳ-kheo-ni hỏi nhau, xem ai đã mở cửa bỏ đi lúc mặt trời lặn. Sau đó, được biết là một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni lúc mặt trời lặn đã mở [773a1] cửa Tăng-già-lam mà đi ra.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quả trách một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao cô mở cửa đi ra lúc mặt trời lặn mà không dặn ai?”

Tỳ-kheo-ni liền thưa với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quả trách một vị trong nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các cô mở cửa bỏ đi vào lúc mặt trời lặn mà không dặn ai?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quả trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay việc nuôi bệnh, nghi không dám đi. Đức Phật dạy:

“Từ nay trở đi, cho phép ‘dặn lại’ rồi đi.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn mà không dặn lại, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo-ni nào, mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn mà không dặn lại, ba-dật-đề. Một chân ở trong, một chân ở ngoài, phương tiện muốn đi mà không đi, hẹn đi mà không đi, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vì việc Phật, Pháp, Tăng, việc nuôi bệnh, chúc thọ rồi mới đi, hoặc Tăng-già-lam bị hoại, hay bị phát hỏa, hoặc có giặc cướp, có thú dữ, có rắn độc ở trong, hoặc bị cường lực bắt, hay bị cột trói dẫn đi, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không dặn dò mà đi thì không phạm. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 164. Không tiền hậu an cư

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, có tỳ-kheo-ni không hạ an cư. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quả trách [773b] các tỳ-kheo-ni:

“Sao các cô không hạ an cư?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức

Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách Thâu-la-nan-đà:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tỳ-kheo-ni sao lại không hạ an cư?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không hạ an cư, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bây giờ có tỳ-kheo-ni vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay nuôi bệnh, an cư không kịp, Phật dạy:

“Từ nay trở đi, có những nhân duyên như vậy thì hậu an cư.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không tiền an cư, không hậu an cư, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Tỳ-kheo-ni nào không tiền an cư đột-kiết-la; không hậu an cư ba-dật-đề.

Sự không phạm: Tiền an cư; hoặc vì việc Phật, Pháp, Tăng, hay nuôi bệnh thọ hậu an cư. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 165. Trao cụ túc người nữ bệnh nhị đạo

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bây giờ, có các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế

giới, được độ người thọ giới cụ túc, bèn độ người đường đại tiện, tiểu tiện thường són; đàm dãi thường rỉ chảy, cho thọ giới cụ túc. Người được độ thân bị làm bẩn, y bị làm bẩn, ngoạ cụ bị làm bẩn.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Sao các cô độ người, đường đại tiện, tiểu tiện thường són; đàm dãi thường rỉ chảy, khiến bị làm bẩn thân, làm bẩn y, làm bẩn ngoạ cụ, chần?”

Các tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. [773c] Tỳ-kheo-ni sao lại độ người, đường đại tiện, tiểu tiện thường són, đàm dãi thường rỉ chảy, khiến bị làm bẩn thân, làm bẩn y, làm bẩn ngoạ cụ, chần?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người có đường đại tiểu tiện thường són, đàm dãi thường rỉ chảy, cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có các tỳ-kheo-ni không biết họ có đường đại tiện, tiểu tiện són hay không són; đàm dãi, có rỉ chảy, hay không rỉ chảy. Sau mới biết, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy: “Không biết thì không phạm.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người nữ đường đại tiểu tiện thường són, đàm dãi thường rỉ chảy, mà trao cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.¹

¹ Cf. *Ngũ phần*, điều 178: “... người nữ kinh nguyệt ra mãi...”

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào biết người mà đường đại tiện tiểu tiện thường són, và đàm dãi thường tiết ra, mà độ cho thọ giới cụ túc; ba lần yết-ma xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề; hai lần yết-ma xong, ba đột-kiết-la; một lần yết-ma xong, hai đột-kiết-la; bạch rồi, đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, cạo đầu, cho thọ giới, tập chúng đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc tin lời người đáng tin, hay tin lời của cha mẹ, cho thọ giới cụ túc rồi, sau đó mới sanh bệnh. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 166. Trao cụ túc người hai hình²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni độ người hai hình, lúc đại tiện tiểu tiện có tỳ-kheo-ni thấy, bạch với chư tỳ-kheo-ni.

Chư tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Sao các cô độ người hai hình?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại độ người hai hình?”

² *Ngũ phần*: điều 176.

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, [774a1] đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người hai hình thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có các tỳ-kheo-ni không biết họ có hai hình hay không hai hình. Sau mới biết họ có hai hình, nên tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người hai hình mà trao cho giới cụ túc, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Hai hình:¹ hình nam và hình nữ.

Tỳ-kheo-ni nào biết người hai hình mà cho họ thọ giới cụ túc, yết-ma xong ba lần, Hòa thượng ni ba-dật-đề; hai lần yết-ma xong, ba đột-kiết-la; một lần yết-ma xong, hai đột-kiết-la; bạch xong một đột-kiết-la; bạch chưa xong đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, cạo đầu cho thọ giới, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc tin lời nói của người kia, hoặc tin lời người đáng tin, hay tin lời cha mẹ họ, cho thọ giới cụ túc rồi, sau đó mới biến thành hai hình thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

¹ Nhị hình 二形. *Ngũ phần*: nhị căn 二根.

ĐIỀU 167. Thọ cụ túc người hai đường hiệp lại¹**a. Duyên khởi**

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni độ người hai đường hiệp lại thọ giới cụ túc, lúc đại tiện tiểu tiện các tỳ-kheo-ni thấy.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tâm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Tại sao các cô lại độ người hai đường hiệp lại cho thọ giới cụ túc?”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại độ người hai đường hiệp lại cho thọ giới cụ túc?” Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

[774b] Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người hai đường hiệp lại, cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Khi ấy, các tỳ-kheo-ni không biết họ có hai đường hiệp lại hay không, sau mới biết, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc có vị nghi. Đức Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.” Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người hai đường hiệp lại, cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.

¹ *Ngũ phần*: điều 177.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên.

Hai đường hiệp lại: đường đại tiểu tiện không tách riêng ra.

Tỳ-kheo-ni nào biết người hai đường hiệp lại, mà độ cho thọ giới cụ túc, tác pháp yết-ma lần thứ ba xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề; yết-ma xong lần thứ hai, ba đột-kiết-la; yết-ma lần thứ nhất, hai đột-kiết-la; bạch xong, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, cạo đầu, cho thọ giới, tập chúng, đủ chúng, tất cả đều đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc tin lời nói của họ, hoặc tin lời người đáng tin, hay tin lời của cha mẹ họ, cho thọ giới rồi sau hai đường mới hiệp. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 168. Trao cụ túc cho người mắc nợ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có các tỳ-kheo-ni nghe đức Thế Tôn chế giới cho độ đệ tử, bèn độ người mắc nợ và các người có bệnh cho thọ giới cụ túc. Thọ rồi, chủ nợ đến bắt đem về, còn người bệnh thì cần người chăm sóc không thể rời xa được.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni: “Đức Thế Tôn chế giới cho phép độ người. Sao các cô lại độ người mắc nợ cho chủ nợ đến bắt về; còn người bệnh thì phải cần người chăm sóc, không thể rời xa được?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

² *Ngũ phần*: điều 125 & 127.

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại độ người mắc nợ cho chủ nợ đến bắt về; còn người bệnh thì phải cần người chăm sóc, không thể lìa xa được?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, [774c] đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, độ người mắc nợ và có bệnh, trao cho giới cụ túc, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni không biết họ có mắc nợ hay không, có bệnh hay không, sau mới biết là họ có mắc nợ và có bệnh, nên có vị tác pháp sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy:

“Không biết thì không phạm.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết người có mắc nợ và có bệnh mà cho thọ giới cụ túc, ba-dật-đề.¹

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Mắc nợ: cho đến chỉ mắc nợ một tiền, là 1 phần trong 16 phần.

Bệnh: cho đến thường bị bệnh nhưc đầu.

Tỳ-kheo-ni nào biết người mắc nợ và người có bệnh mà độ cho thọ giới cụ túc, ba lần yết-ma xong, Hòa thượng ni ba-dật-đề; hai lần yết-

¹ *Ngũ phần*, điều 125: “...người nữ bệnh thường xuyên...”; điều 127: “... người nữ mắc nợ...”

ma xong, ba đột-kiết-la; một lần yết-ma xong, hai đột-kiết-la; bạch xong, một đột-kiết-la; bạch chưa xong, đột-kiết-la; trước khi chưa bạch, cho cạo tóc, cho thọ giới, tập chúng, chúng đủ, tất cả đều đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc tin lời nói của người ấy, hoặc tin lời người đáng tin, hay tin lời cha mẹ họ, hoặc cho thọ giới cụ túc rồi, mới mắc nợ hay bệnh. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 169. Học kỹ thuật của thế tục tà mạng¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bảy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni học tập chú thuật để tự nuôi sống. Chú thuật gồm có chú chi tiết, chú sát-lợi, hoặc chú khởi thi quý, hoặc học biết tướng chết, biết bói chuyên cầm thú luận, biết âm thanh của các loài chim.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách các tỳ-kheo-ni rằng: “Tại sao các cô lại học tập các kỹ thuật như vậy, cho đến biết âm thanh của các loài chim?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rằng:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, [775a1] chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại học tập các kỹ thuật như vậy, cho đến biết âm thanh của các loài chim?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

¹ Tăng kỳ: điều 82.

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, học kỹ thuật của thế tục để nuôi sống, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Kỹ thuật: cũng như trước đã nói.

Tỳ-kheo-ni nào, học tập các kỹ thuật, cho đến biết âm thanh của các loài chim nói rõ ràng ba-dật-đề, nói không rõ đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu học chú để trị bệnh trùng ở trong bụng, hoặc trị ăn không tiêu, học thợ, học tụng; học lý luận của đời để hàng phục ngoại đạo; hoặc học chú độc vì hộ thân, không vì sự nuôi sống thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 170. Dạy bạch y chú thuật của thế tục ²

a. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni dùng kỹ thuật thế tục dạy cho các bạch y, nói: “Các người chớ nên hướng về mặt trời, mặt trăng và miếu thờ thần mà đại tiểu tiện. Cũng đừng hướng về mặt trời, mặt trăng, nơi thờ thần, đổ rác rưởi và những nước bẩn rửa đồ đạc. Đừng hướng đến mặt trời mặt trăng, nơi thờ cúng thần mà duỗi chân. Hoặc muốn xây cất phòng nhà, cây cối gieo trồng nên hướng về mặt trời mặt trăng, nơi thờ thần miếu.”

² *Tăng kỳ*: điều 83.

Lại nói: “Ngày nay trúng sao đó là tốt nên cày cấy, nên cất nhà, nên thuê người làm, nên cạo đầu con nít, nên để tóc, nên cạo râu tóc, nên cất chứa của cải, nên đi xa.”

Các tỳ-kheo-ni nghe biết; trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại đem kỹ thuật như vậy để dạy cho bạch y, nói: ‘Các người biết chẳng? Các người đừng nên hướng về mặt trời mặt trăng, nơi miếu thờ cúng thần mà đại tiểu tiện, *cho đến*, nên đi xa?’”

Tỳ-kheo-ni liền bạch với chư tỳ-kheo. Chư tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni rằng:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, [775b] chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, sao các cô lại đem kỹ thuật dạy các nhà trưởng giả, nói: ‘Người biết chẳng? Đừng hướng đến mặt trời, mặt trăng mà đại tiểu tiện, *cho đến*, nên xuất hành đi xa.’”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

*Tỳ-kheo-ni nào, dùng chú thuật của thế tục mà dạy bạch y, ba-dật-đề.*¹

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Kỹ thuật: như đã giải trước.

Nếu cần nói thì nên nói với người kia rằng: Đừng nên hướng đến tháp của Như Lai và tháp của Thanh văn mà đại tiểu tiện và vật đồ

¹ *Tăng kỳ*, *ibid.*: “... dạy nghề thuốc...”

những thứ không sạch; cũng đừng nên hướng đến tháp của Như Lai và tháp của Thanh văn mà đuổi chân ngài. Nếu muốn cất phòng xá và cày bừa gieo trồng nên hướng đến tháp của Như Lai và tháp của Thanh văn. Lại không được nói ngày nay trúng sao đó là tốt, nên cất nhà, nên gieo giống, nên thuê người làm, nên cạo tóc cho con nít, nên cạo tóc, nên để tóc. Mà nên nói rằng, nên vào trong chùa tháp, cúng dường Tăng tỳ-kheo thọ thực; mồng 8, 14, 15 là những ngày hiện biến hóa.¹ Tỳ-kheo-ni kia đem những kỹ thuật của thế tục để dạy cho bạch y như vậy, *cho đến*, nên xuất hành đi xa, nói rõ ràng ba-dật-đề, nói không rõ ràng, đột-kiết-la.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: nếu nói, đừng hướng đến tháp của Như Lai và Thanh văn, đại tiểu tiện, đổ các đồ rác bẩn; cũng đừng hướng đến tháp của Như Lai và Thanh văn đuổi chân ngài. Nếu muốn cày cấy gieo trồng, xây cất phòng nhà nên hướng đến tháp của Như Lai, cho đến pháp thọ thực, hoặc nói vui đùa nói gắp vôi, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này lại nói việc khác. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 171. Bị đuổi mà không đi²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở nước Châu-na-hy-la. Bảy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni bị đuổi mà không đi. Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: **[775c]** “Tại sao các cô bị đuổi mà không đi?”

¹ Nơi khác, gọi là ngày “thần biến.” Ngày chư thiên hiện thần biến đi tuần hành nhân gian.

² *Ngũ phần*: điều 172.

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao cô bị đuổi mà không đi?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, bị đuổi mà không đi, ba-dật-đề.³

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Nếu Tỳ-kheo-ni nào bị đuổi mà không đi, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Bị đuổi đi liền; hoặc tùy thuận không chống trái, hạ ý sám hối, cầu giải yết-ma đuổi; hoặc bị bệnh; hoặc không có bạn để cùng đi; hoặc đường sá bị trở ngại; hoặc bị nạn giặc, hoặc thú dữ, hoặc nước lụt, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị nhốt trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, nên bị đuổi mà không đi. Thấy điều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 172. Hỏi nghĩa tỳ-kheo không xin phép⁴

³ *Ngũ phần*, ibid, “... bị yết-ma khu xuất...”

⁴ Pāli, Pāc. 95. *Ngũ phần*: điều 186. *Thập tụng*: điều 158. *Căn bản*: điều 169.

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni An Ân, đại trí tuệ, hỏi nghĩa các tỳ-kheo. Các vị tỳ-kheo bị hỏi, không thể trả lời được nên hổ thẹn.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách tỳ-kheo-ni An Ân: “Sao cô ý có trí tuệ nhiều, hỏi nghĩa các tỳ-kheo, khiến quý vị không thể trả lời được, nên hổ thẹn?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni An Ân:

“Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao cô ý có trí tuệ nhiều, hỏi nghĩa các tỳ-kheo, khiến quý vị không thể trả lời được, nên hổ thẹn?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên [776a1] phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, hỏi nghĩa kinh các tỳ-kheo, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Các tỳ-kheo-ni đến ngày giáo thọ không biết đến ai để câu giáo thọ; nghi, không biết đến nơi nào để hỏi nghĩa?. Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi, muốn hỏi nghĩa phải xin phép trước, sau đó mới hỏi.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, muốn hỏi nghĩa với tỳ-kheo, không xin phép trước mà hỏi,¹ ba-dật-đề.

¹ *Thập tụng*: “... chưa được cho phép, mà hỏi Kinh, Luật, Tỳ-đàm...”

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào hỏi nghĩa với tỳ-kheo, không xin phép mà hỏi; nói rõ ràng, ba-dật-đề. Nói không rõ ràng đột-kiết-la. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước xin phép sau mới hỏi; hoặc đã thường hỏi; hoặc quen thân; hoặc người thân hậu nói: “Cô cứ hỏi đi, tôi sẽ xin phép giùm cô”; hoặc vị kia thọ giáo với vị này; hoặc hai người đều đến thọ giáo nơi người khác; hoặc người kia hỏi người này trả lời; hay hai người cùng tụng hoặc nói cho vui, nói vội, nói chỗ vắng, nói trong mộng, hay muốn nói việc này, nhầm nói việc khác. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não bức bách.

ĐIỀU 173. Gây phiền phức kẻ ở trước người đến sau ²

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni, người ở trước kẻ đến sau, người đến sau kẻ ở trước.³ Muốn gây phiền phức người kia, nên đi kinh hành, đứng, ngồi, nằm trước mặt người kia.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Tại sao, các cô người ở trước kẻ đến sau, trước mặt tỳ-kheo-ni muốn gây phiền phức bằng cách kinh hành, đứng, ngồi, nằm?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

² Xem điều 92 trên.

³ Tiên trụ hậu chí, hậu chí tiên trụ 先住後至後至先住: mình ở trước, người đến sau; hoặc mình đến sau, người ở trước (tại một trú xứ). Xem điều 92 & cht. 141 & 142.

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao, các cô kể ở trước người đến sau, trước mặt tỳ-kheo-ni khác muốn gây phiền phức bằng cách đi kinh hành, đứng, ngồi, nằm?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: **[776b]**”Sáu Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cứu trụ.*” Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, kể ở trước người đến sau, người đến sau kể ở trước, vì muốn gây phiền phức người kia, đi kinh hành, đứng, ngồi, nằm trước mặt người ấy, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có tỳ-kheo-ni kia không biết (họ) ở trước hay không phải ở trước, (họ) đến sau hay không phải đến sau; sau mới biết, nên tác sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật dạy: “Không biết thì không phạm.”

Từ nay trở đi nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết kể ở trước người đến sau, người đến sau kể ở trước, vì muốn gây phiền phức vị kia, bèn đi kinh hành, đứng, ngồi, nằm trước mặt, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào biết kể ở trước người đến sau, người đến sau kể ở trước, vì muốn gây phiền vị kia, nên kinh hành, đứng, ngồi, nằm trước mặt họ, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước không biết, hoặc có hỏi, hoặc cho phép kinh hành; hoặc là bậc Thượng tọa, hoặc xem nhau kinh hành, hoặc muốn kinh hành, hoặc là quen biết, hoặc người quen biết nói: “Cô cứ kinh hành. Tôi sẽ nói giùm cho cô”; hoặc bị bệnh té xuống, hoặc bị cưỡng

lực bắt, hoặc bị trói cột, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 174. Xây tháp trong Tăng-già-lam có tỳ-kheo

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một vị tỳ-kheo-ni, nổi tiếng được nhiều người biết, qua đời. Các tỳ-kheo-ni xây tháp trong Tăng-già-lam của tỳ-kheo. Chư ni tập trung những hòn đá rửa chân ở mọi nơi của đại Tăng đập ra để xây tháp. Có khách tỳ-kheo đến, vì không biết là tháp của tỳ-kheo-ni, nên lễ bái.

Các tỳ-kheo-ni nghe biết, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, quở trách các tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại xây tháp trong Tăng-già-lam của đại Tăng, khiến cho khách tỳ-kheo đến không biết nên lễ bái?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều [776c] không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại xây tháp trong Tăng-già-lam của đại Tăng, khiến cho khách tỳ-kheo không biết nên lễ bái?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu chánh pháp cửu trụ.*”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xây tháp trong Tăng-già-lam của tỳ-kheo, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Bấy giờ các tỳ-kheo-ni đối với trong Tăng-già-lam cũ, không có tỳ-kheo, nên hư hại, muốn

xây tháp, nhưng nghi. Phật dạy: “Không phạm.”

Từ nay trở đi, nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xây tháp trong Tăng-già-lam có tỳ-kheo, ba-dật-đề.

Các tỳ-kheo-ni lại không biết có tỳ-kheo hay không có tỳ-kheo nên hoặc sám ba-dật-đề, hoặc nghi. Phật nói: “Không biết thì không phạm.”

Từ nay, giới này nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, biết Tăng-già-lam có tỳ-kheo, mà xây tháp, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni biết có tỳ-kheo trong Tăng-già-lam mà xây tháp, cứ theo mỗi việc lấy đá rửa chân, gạch ngói, những lọn cỏ nhiều hay ít; mỗi một thứ là một ba-dật-đề. Tỳ-kheo, độn-kiết-la. Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu trước không biết, hoặc Tăng-già-lam cũ bị hư hại; hay xây tháp trước, Tăng-già-lam lập sau thì không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 175. Không lễ bái tỳ-kheo mới thọ giới¹

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn chế giới, khiến tỳ-kheo-ni dù là 100 tuổi mà thấy tỳ-kheo mới thọ giới, cũng phải đứng dậy nghinh đón, lễ bái, cung kính, hỏi chào, trải tọa cụ mời ngồi. Song có các tỳ-kheo-ni kia không đứng dậy nghinh đón lễ bái, cung kính, hỏi chào.

¹ *Ngũ phần*: điều 179.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách các tỳ-kheo-ni:

“Đức Thế Tôn chế giới, khiến tỳ-kheo-ni dù là 100 tuổi, nhưng khi thấy tỳ-kheo mới thọ giới, cũng phải đứng dậy nghinh đón cung kính, lễ bái, hỏi chào, trải tọa cụ mời ngồi. Sao các cô không đứng dậy nghinh đón?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp [777a1] Tăng tỳ-kheo, quở trách các tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao các cô thấy tỳ-kheo mới thọ giới không đứng dậy nghinh đón, lễ bái, cung kính, hỏi chào, trải tọa cụ mời ngồi, cho dù đã 100 tuổi?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, dù 100 tuổi, thấy tỳ-kheo mới thọ giới mà không đứng dậy nghinh đón, cung kính lễ bái, hỏi chào, ba-dật-đề.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy. Có vị nhất tọa thực, không ăn thức ăn làm pháp dư thực,¹ hoặc có bệnh, hay ăn chưa đủ no nên không đứng dậy chào, nghi. Phật dạy:

“Từ nay trở đi cho phép nói: ‘Sám hối Đại đức, con có nhân duyên như vậy, như vậy nên không đứng dậy nghinh đón Đại đức.’”

Từ nay nên nói giới như vậy:

¹ Một lần ngồi ăn, đứng dậy rồi, không ăn lại nữa. Dù có làm phép dư thực. Xem Phần I, Ch. v. ba-dật-đề 35.

Tỳ-kheo-ni nào, thấy tỳ-kheo mới thọ giới phải đứng dậy nghinh đón, cung kính lễ bái, hỏi chào mời ngồi. Nếu không làm vậy, trừ có nhân duyên, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào thấy tỳ-kheo không đứng dậy, ba-dật-đề. Trừ nhân duyên.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu đứng dậy nghinh đón; hoặc nhất tọa thực, hoặc không ăn thức ăn làm pháp dư thực, hoặc bị bệnh, hay vì ăn chưa đủ no, nói: “Sám hối Đại đức, con có nhân duyên như vậy, như vậy nên không đứng dậy nghinh đón.” Hoặc bị bệnh té xuống đất, hoặc bị cường lực bắt, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn. Thầy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 176. ĐI UỐN ÉO LÀM DUYÊN

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni quần y uốn éo thân hình đi, vì làm đẹp. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm:

“Các tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, phạm vào phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Vì muốn làm đẹp, vừa đi, vừa uốn éo thân hình như bọn dâm nữ, tặc nữ vậy!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao [777b] các cô vì muốn làm đẹp, vừa đi, vừa uốn éo thân hình, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ vậy?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế

Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni, vì muốn làm đẹp, vừa đi vừa uốn éo thân hình?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, vì muốn làm đẹp mà vừa đi vừa uốn éo thân hình, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, vì muốn làm duyên làm đẹp, vừa đi, vừa uốn éo thân hình, ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: vì mắc phải chứng bệnh nào đó; hoặc vì bị người đánh phải tránh né, hoặc bị voi dữ xông đến, hoặc gặp giặc, hoặc gặp thú dữ, hoặc bị gai góc phải lấy tay đỡ; hoặc lội qua nước sông, hay nương rãnh, vũng bùn; hoặc muốn cho y được tề chỉnh, khỏi bị cao thấp so le như vòi con voi hay lá cây đa-la; hoặc xếp thành lẫn nhỏ nhắn nhỏ nên phải xoay mình góc bên tả bên hữu. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 177. Trang điểm hương thơm

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni tự mình trang sức

chải tóc,¹ thoa hương thơm vào mình, các cư sĩ thấy, chê cười nói: Chúng ta là phụ nữ tự trang sức thân hình, chải tóc, thoa hương thơm vào người. Các tỳ-kheo-ni này mà cũng lại làm như vậy!” Do đó, họ sanh tâm khinh mạn không cung kính.

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô đã xuất gia, sao lại trang sức thân hình như vậy?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. [777c] Nhóm sáu tỳ-kheo-ni, các cô đã xuất gia, sao lại trang sức thân hình? ”Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo:

“Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cứu trụ.”

Muôn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, trang điểm, thoa hương thơm như phụ nữ, ba-dật-đề.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, trang điểm thoa hương thơm vào mình như phụ nữ, cứ tính một chấm là một ba-dật-đề. Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc có chứng bệnh thể nào đó; hoặc cha mẹ mắc bệnh, hay bị trói nhốt, mình phải tắm rửa chải tóc cho; hoặc người

¹ *Thập tụng*, các điều 167-172: tự mình và nhờ người chà đầu; tự mình và nhờ người chải tóc; tự mình và nhờ người bện tóc. *Ngũ phần*, điều 203: làm eo nhỏ; điều 204: các hình thức trau chuốt thân hình; điều 207: ngấm nghĩa thân mình; điều 208: soi kiếng.

ưu-bà-di tín tâm bị bệnh, hay bị nhốt trời, mà tắm rửa cho họ; hoặc bị cường lực. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

ĐIỀU 178. Sai nữ ngoại đạo xoa hương

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có tỳ-kheo-ni Già-ca-chiên-đà-thâu-na là chị ruột của một nữ tu ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni kia sai em mình là ngoại đạo xoa chà hương thơm cho mình. Các cư sĩ thấy chê cười, nói: “Tỳ-kheo-ni này không biết hổ thẹn, phạm vào phạm hạnh. Bên ngoài tự xưng tôi biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh pháp? Sai em mình là ngoại đạo xoa chà hương thơm cho mình, giống như bọn dâm nữ, tặc nữ!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách tỳ-kheo-ni Già-ca-chiên-đà-thâu-na: “Sao cô lại bảo em gái cô là ngoại đạo xoa chà hương thơm vào mình?”

Tỳ-kheo-ni bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách tỳ-kheo-ni Già-ca-chiên-đà-thâu-na: “Cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại bảo em gái mình là ngoại đạo xoa chà hương thơm cho mình?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp [778a1] cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, sai nữ ngoại đạo xoa chà hương thơm cho mình, ba-dật-đề.

b. Giới tướng

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trước.

Tỳ-kheo-ni nào, sai nữ ngoại đạo thoa chà hương thơm vào thân, ba-dật-đề.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: hoặc mắc bệnh thể nào đó, hoặc bị cường lực bắt. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

CHƯƠNG V BA-LA-ĐỀ ĐỀ-XÁ-NI¹

ĐIỀU 1

a. Duyên khởi

Một thời, đức Bà-già-bà ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu tỳ-kheo-ni xin bơ² để ăn. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm, nói: “Tỳ-kheo này không biết hổ thẹn, cầu xin không nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng Như vậy có gì là chánh pháp? Xin bơ để ăn, như bọn tặc nữ dâm nữ không khác!”

Các tỳ-kheo-ni nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni: “Sao các cô lại xin bơ để ăn?”

Quở trách rồi, tỳ-kheo-ni thiếu dục liền bạch với các tỳ-kheo. Các tỳ-kheo đến bạch lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu tỳ-kheo-ni:

“Các cô làm điều sai trái, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp samôn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao tỳ-kheo-ni lại xin bơ để ăn?”

Sau khi bằng vô số phương tiện quở trách, đức Phật bảo các tỳ-kheo: “Các tỳ-kheo-ni này là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người

¹ Bản Hán không ghi chương. Chỉ ghi chú nhỏ ở cuối thiên ba-dật đề: “Đã nói xong 178 pháp ba-dật-đề.” Bản Việt đặt thành chương riêng biệt để thống nhất hình thức với luật tỳ-kheo. Thiên này có 8 điều, tất cả đều biệt giới. *Ngũ phần 14* (tr.100a16), phần ii, thiên thứ 5, “Ni luật hỏi quá pháp,” 8 pháp ba-la-đề đề-xá-ni. *Tăng kỳ 40* (tr.544a08): tám pháp đề-xá-ni. *Thập tụng 47* (tr.345a23). *Căn bản ni 20* (tr.1016a27): “Đệ tứ bộ ba-la-đề đề-xá-ni pháp.” Pāli, Vin.iv. 346, *Bhikkhunīvibhaṅga*, “5. Pāṭidesanīyakam.”

² Hán: tô 酥. Pāli: *sappi*, thực tô, tô nhũ, hay đề hồ. Giải thích: các loại tô làm từ sữa bò, sữa sơn dương, hay sữa trâu.

đầu tiên phạm giới này. Từ nay trở đi, Ta vì các tỳ-kheo-ni kết giới, gồm mười cú nghĩa, *cho đến câu* chánh pháp cửu trụ.”

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, xin bơ để ăn, phạm pháp đáng chê trách phải sám hối. Nên đến các tỳ-kheo-ni khác nói: ‘Thưa đại tỷ, tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay đến đại tỷ xin sám hối.’³ Đây gọi là pháp hối quá.

Thế Tôn vì các tỳ-kheo-ni kết giới như vậy rồi, có vị nghi, không dám vì người bệnh xin, chính mình bệnh cũng không dám xin, người khác vì mình xin cũng không dám dùng. Đức Phật dạy:

“Từ nay trở đi cho phép, mình bệnh được xin, vì người bệnh được xin, người khác vì mình xin được dùng.”

Từ nay nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà xin bơ để ăn, phạm pháp đáng chê trách phải sám hối. Nên đến các tỳ-kheo-ni khác nói: ‘Thưa đại tỷ, tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi đến đại tỷ sám hối.’ Gọi là pháp hối quá.

b. Giới tương

Tỳ-kheo-ni: nghĩa như trên. Tỳ-kheo-ni nào, không bệnh mà xin bơ để ăn, một miếng nuốt là một ba-la-đề-đề-xá-ni.

Tỳ-kheo, đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Vì mình có bệnh, vì người bệnh mà xin, hoặc người khác vì mình xin, hay mình vì người khác xin, hoặc không xin mà được. Thấy đều không phạm.

Người không phạm: phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thông não bức bách.

³ Pāli: *gārayhaṃ dhammaṃ āpajjīṃ asappāyaṃ pāṭidesanīyaṃ*, phạm pháp đáng bị chê trách, không thích đáng, cần phải phát lồ.

ĐIỀU 2 - ĐIỀU 8

2. Xin dầu, 3. Xin mật, 4. Xin mật mía, 5. Xin sữa, 6. Xin sữa đông, 7. Xin cá, 8. Xin thịt; (...) cũng như xin bơ không khác.⁴

Bốn giới trên của tỳ-kheo, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la. Bốn giới dưới, tỳ-kheo, ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, độn-kiết-la.

Chúng học giới, cùng đại Tăng không khác. Nên không chép ra.⁵

⁴ Xin 8 thứ, *Tứ phần, Ngũ phần, Tăng kỳ*: tô, du, mật, hắc thạch mật, nhũ, lạc, ngư, nhục 酥油蜜黑石蜜乳酪魚肉. *Thập tụng*: nhũ, lạc sanh tô, thực tô, du, ngư, nhục 乳酪生酥 熟酥油魚肉脯. Pāli: *sappi, dadhi, tela, madhu, phāṇita, maccha, maṃsa, khīra*.

⁵ Bản Hán, hết quyển 30.

MỤC LỤC

Chương i Ba-la-di.....	7
A - Thông giới.....	7
I. Bất tịnh hạnh*.....	7
II. Bất dữ thủ*.....	11
III. Đoạn nhân mạng*.....	11
IV. Đại vọng ngữ*.....	12
B - Bất cộng giới.....	12
V. Ma xúc.....	12
VI. Bất sự.....	19
VII. Phú tàng trọng tội.....	22
VIII. Tùy thuận bị xử.....	26
Chương ii Tăng-già-bà-thi-sa.....	33
I. Mai mối*.....	33
II. Vô căn bánng*.....	33
III. Giả căn bánng*.....	34
IV. Tổ tụng.....	34
V. Độ nữ tặc.....	38
VI. Tự ý giải tội.....	42
VII. Độc hành.....	44
VIII. Nhận của nam nhiễm tâm.....	48
IX. Tán trợ ni khát thực bất chính.....	52
X. Phá hòa hiệp tăng*.....	54
XI. Tùy thuận phá tăng*.....	55
XII. Ô tha gia*.....	56
XIII. Ác tánh bất thọ gián ngữ*.....	57
XIV. Tương thân tương trợ ác hành.....	57
XV. Tán trợ ác hành.....	62
XVI. Dọa bỏ đạo.....	67
XVII. Vu tăng thiên vị.....	71

Chương iii Ni-tát-kỳ ba-dật-đề.....	75
A - Thông giới	75
Điều 1	75
B - Bất cộng giới.....	79
Điều 19. Cần vật này lại đòi vật kia	79
Điều 20. Lạm dụng vật Tăng	82
Điều 21. Lạm dụng vật tự mình xin cho Tăng	86
Điều 22. Lạm dụng vật dụng đàn-việt.....	89
Điều 23. Lạm dụng vật đàn việt cúng cho Tăng	92
Điều 24. Chứa bát dư.....	94
Điều 25. Đồ dùng có màu sắc	96
Điều 26. Hứa cho tỳ-kheo-ni y bệnh	98
Điều 27. Y phi thời.....	101
Điều 28. Đổi y rồi đoạt lại	102
Điều 29. Xin y nặng	104
Điều 30. Xin y nhẹ	107
Chương iv Ba-dật-đề	111
A - Thông giới	111
Điều 1	111
B - Bất cộng giới.....	123
Điều 70. Ăn tối.....	123
Điều 71. Cạo lông ba chỗ	127
Điều 72. Tậy tịnh quá phần.....	128
Điều 73. Hồ giao	130
Điều 74. Cùng võ	132
Điều 75. Hàu quạt nước tỳ-kheo đang ăn	134
Điều 76. Xin ngũ cốc sống	136
Điều 77. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi	137
Điều 78. Đồ đại tiểu tiện ngoài tường	139
Điều 79. Đi xem nghe kỹ nhạc.....	141
Điều 80. Nói chuyện với nam chỗ khuất.....	143

Điều 81. Đi với người nam vào chỗ khuất.....	144
Điều 82. Thì thầm với nam mà không đồng bạn.....	146
Điều 83. Đi không nói với chủ nhà	148
Điều 84. Ngồi trên giường không hỏi chủ nhà	150
Điều 85. Tự tiện trái chỗ ngồi nghỉ không hỏi chủ	152
Điều 86. Cùng người nam trong nhà tối.....	153
Điều 87. Thuật lời nghe không rõ	155
Điều 88. Thề thốt	157
Điều 89. Đắm ngực khóc	159
Điều 90. Hai người nằm chung giường	160
Điều 91. Chung nệm chăn	162
Điều 92. Cố ý gây phiền	164
Điều 93. Không chăm sóc ni sống chung bệnh.....	166
Điều 94. Đuổi ni an cư ra khỏi phòng	167
Điều 95. Du hành suốt bốn mùa.....	169
Điều 96. An cư xong không đi.....	171
Điều 97. Du hành nơi biên giới mất an ninh.....	173
Điều 98. Du hành trong quốc giới không an ninh.....	174
Điều 99. Thân cận cư sĩ.....	176
Điều 100. Du lãm cung Vua	180
Điều 101. Lộ hình tắm sông.....	182
Điều 102. Y tắm quá lượng.....	183
Điều 103. May y quá năm ngày	185
Điều 104. Quá năm ngày không xem tăng-già-lê	187
Điều 105. Cản trở cúng y cho Tăng	189
Điều 106. Lấy y của người khác mặc	190
Điều 107. Cho bạch y, ngoại đạo y sa-môn.....	192
Điều 108. Ngăn Tăng chia y	193
Điều 109. Mong Tăng không xuất y ca-thi-na	195
Điều 110. Ngăn Tăng xuất y ca-thi-na	197
Điều 111. Không vì người đập tắt tránh sự	198
Điều 112. Cho bạch y ngoại đạo thức ăn.....	200
Điều 113. Làm người sai khiến cho bạch y	202
Điều 114. Tự tay quay sợi	203
Điều 115. Ngồi nằm trên giường bạch y	205

Điều 116. Tá túc không từ biệt chủ	207
Điều 117. Học chú thuật thế tục.....	208
Điều 118. Dạy người chú thuật	210
Điều 119. Độ người nữ đang có thai	210
Điều 120. Độ phụ nữ đang cho con bú	212
Điều 121. Độ đồng nữ chưa đủ hai mươi	214
Điều 122. Độ đồng nữ không có hai năm học giới	219
Điều 123. Độ sa-di-ni không cho sáu pháp.....	220
Điều 124. Truyền cụ túc Tăng chưa thuận	222
Điều 125. Thập nhị tăng giá.....	233
Điều 126. Độ nữ tăng giá không bạch Tăng	235
Điều 127. Cho người như vậy thọ cụ túc.....	237
Điều 128. Độ đệ tử không dạy học giới	240
Điều 129. Không có hai năm theo Hòa thượng ni	242
Điều 130. Độ học pháp ni không bạch Tăng	244
Điều 131. Chưa đủ 12 hạ mà độ người	246
Điều 132. Tăng chưa cho phép mà độ người	248
Điều 133. Chê Tăng có thiên vị	249
Điều 134. Độ người cha mẹ, phu chủ không đồng ý.....	251
Điều 135. Độ nữ đang mê luyến người nam.....	253
Điều 136. Sau hai năm học giới không trao cụ túc	255
Điều 137. Nhận y mà không trao giới cụ túc.....	256
Điều 138. Một năm độ hai người	258
Điều 139. Cách đêm Chánh pháp yết-ma.....	260
Điều 140. Không đến nhận giáo thọ.....	261
Điều 141. Nửa tháng không cầu Tăng giáo thọ	262
Điều 142. Tự tứ trước hai bộ Tăng.....	266
Điều 143. An cư nơi không có tỳ-kheo	269
Điều 144. Đột nhập chùa tỳ kheo	270
Điều 145. Mạ lị tỳ-kheo.....	273
Điều 146. Mạ lị ni chúng.....	274
Điều 147. Nhờ đàn ông mổ nặn nhọt	275
Điều 148. Bội ước thỉnh thực.....	277
Điều 149. Tật đổ về gia đình.....	279
Điều 150. Thoa bột hương.....	280

Điều 151. Xức dầu vùng (mè)	282
Điều 152. Sai tỳ-kheo-ni xoa bóp	283
Điều 153. Sai thức-xoa-ma-na xoa bóp	284
Điều 154. Sai sa-di-ni xoa bóp	285
Điều 155. Sai phụ nữ bạch y xoa bóp	286
Điều 156. Mặc váy lót	288
Điều 157. Chứa đồ trang sức	289
Điều 158. Mang dép, cầm dù	291
Điều 159. Ngồi xe cộ đi đường	293
Điều 160. Vào thôn không mặc tăng-kỳ-chi	295
Điều 161. Xâm tới đến nhà cư sĩ	296
Điều 162. Mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc xâm tới	298
Điều 163. Mở cửa Tăng-già-lam đi ra lúc mặt trời lặn	299
Điều 164. Không tiền hậu an cư	301
Điều 165. Trao cụ túc người nữ bệnh nhị đạo	302
Điều 166. Trao cụ túc người hai hình	304
Điều 167. Thọ cụ túc người hai đường hiệp lại	306
Điều 168. Trao cụ túc cho người mắc nợ	307
Điều 169. Học kỹ thuật của thế tục tà mạng	309
Điều 170. Dạy bạch y chú thuật của thế tục	310
Điều 171. Bị đuổi mà không đi	312
Điều 172. Hỏi nghĩa tỳ-kheo không xin phép	313
Điều 173. Gây phiền phức kẻ ở trước người đến sau	315
Điều 174. Xây tháp trong Tăng-già-lam có tỳ-kheo	317
Điều 175. Không lễ bái tỳ-kheo mới thọ giới	318
Điều 176. Đi uồn éo làm duyên	320
Điều 177. Trang điểm hương thơm	321
Điều 178. Sai nữ ngoại đạo xoa hương	323
Chương v Ba-la-đề-đề-xá-ni	325
Điều 1	325
Điều 2 – Điều 8	327